

TỦ SÁCH KINH ĐIỂN

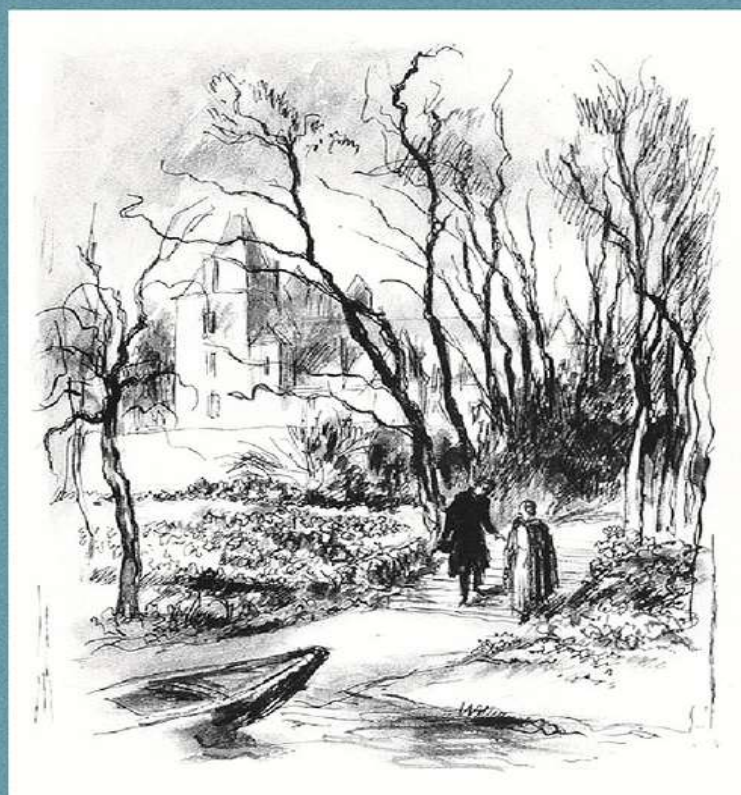


LE GRAND MEAULNER

KỂ LÃNG DU

Alain - Fournier

Bông Giấy dịch



TẠO ĐẰN



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Đôi nét về tác giả - tác phẩm

Alain-Fournier tên thật là Henri-Alban Fournier, sinh ngày 3 tháng 10 năm 1886 tại La Chapelle d'Angillon, thuộc tỉnh Cher, miền Trung nước Pháp.

Sau khi trải qua thời thơ ấu ở Sologne và trong vùng Bas Berry, nơi cha mẹ ông làm giáo viên ở đó, ông khởi sự bậc Trung học ở Paris; rồi chuẩn bị thi vào trường Hải quân ở Brest, nhưng chẳng bao lâu sau từ bỏ ý định. Điều đó cho thấy rằng ông không bao giờ có thể sống xa vùng đồng quê của thời thơ ấu ông từng yêu mến. Ông trở lại học khoa Triết ở Bourges. Và rồi chọn Văn chương, tiếp tục theo đuổi sự học ở trường Lakanal tại Sceaux. Nơi đây, ông kết giao thâm tình cùng Jacques Rivière (người sau này kết hôn với em gái ông, Isabelle, vào năm 1909). Cả ông và Jacques Rivière đều phóng mình vào cuộc tìm hiểu về cái Thật và cái Đẹp của tất cả các bộ môn nghệ thuật: Hội họa, Âm nhạc, đặc biệt là Văn chương. Họ đã là những người đầu tiên khám phá ra trong số các nhà văn trẻ thời ấy - chưa được ai nhận ra chân giá trị và bị coi thường - những khuôn mặt về sau trở thành những tên tuổi lớn trong thời đại chúng ta: Claudel, Péguy, Valéry, v.v...

Tháng 6/1905, Alain-Fournier gặp một người con gái. Lần gặp gỡ ngắn ngủi chỉ kéo dài trong một cuộc trò chuyện dọc dài theo bờ sông Seine ở Paris đã làm nảy sinh trong tâm hồn ông mối tình lớn kéo dài suốt đời. Ông chỉ gặp lại cô gái vào năm 1913 sau 8 năm đau khổ tìm kiếm tung tích cô. Và trong lần gặp thứ hai cũng ngắn ngủi như lần trước, “Nàng con gái nhỏ xinh đẹp” đã biến thành vợ của kẻ khác và có hai con.

Nhân vật nữ dưới cái tên Yvonne de Galais trong tác phẩm **Kẻ lãng du** (tựa gốc: *Le Grand Meaulnes*) chính là hình ảnh người con gái của hai lần gặp ngắn ngủi ấy.

Năm 1907, sự học của Alain-Fournier bị gián đoạn hai năm để thi hành quân dịch, và ông cũng không tiếp tục học nữa. Sau đó trong ít lâu, ông giữ chức vụ ký giả điểm sách trên một tờ báo, và cho xuất bản những thi phẩm khác nhau, những tiểu luận, tùy bút và các đoản thiên tiểu thuyết (tất cả rất lâu về sau được thu thập lại dưới tựa đề Miracles); đồng thời cũng thai nghén tác phẩm lớn sau này đem lại tên tuổi cho ông.

Vài tháng sau cuộc gặp gỡ lần thứ hai cũng là lần cuối với cô gái, tác phẩm **Kẻ lãng du** ra đời. Câu chuyện được kể gần như bắt đầu từ ngay ngày hôm sau cuộc gặp gỡ lần đầu, kéo dài trong 8 năm đằng đẳng, được ráp nối nhẵn nài, trù mẫn; là hồi ức (mới vừa bị đảo lộn) tất cả những gì ông đã ân cần ôm ấp cho đến lúc ấy; cũng là mối tình đau khổ lớn đã chi phối trọn vẹn cuộc đời ông.

Một năm sau, Alain-Fournier tử trận ở chiến trường Eparges, Pháp ngày 22/9/1914 lúc gần tròn 28 tuổi.

Kẻ lãng du là câu chuyện kể mang đầy tính chất ngậm ngùi hoài niệm, qua đó khắc họa chân dung Augustin Meaulnes - kẻ vừa mang hình dáng của một chàng Peter Pan tỉnh lẻ nước Pháp chối từ sự trở thành người lớn và của một Parsifal chạy đuổi theo tình yêu đến trọn cuộc đời. Thoạt đầu khi mới đến Sainte-Agathe, Meaulnes đã làm mê mẩn tất cả các bạn đồng học của mình bởi cái vẻ bề ngoài mạnh mẽ, can cường và hào hiệp. Nhưng kể từ khi tham dự vào một lễ hội lạ lùng tại lãnh địa bí mật có cô gái xinh đẹp hiện diện thì chàng thay đổi hoàn toàn từ đây.

Đứng ở vị thế cân bằng giữa lòng hâm mộ thuở thiếu thời với tâm trạng khước từ của lúc đã chín muồi cuộc đời, François Seurel, người kể chuyện đã đưa dặt độc giả vào một mê lộ cuốn hút suốt qua bức chân dung không phai nhòa của một tình bạn đã bị chia lìa và một tuổi thanh xuân đã vĩnh viễn trôi qua.

TẬP 1

CHƯƠNG 1

ANH KHÁCH TRỢ

Anh đến nhà tôi vào một buổi chiều Chủ nhật tháng Mười Một năm 189...

Tôi vẫn tiếp tục gọi là “*nhà tôi*” dù rằng ngôi nhà không còn thuộc về chúng tôi nữa. Gia đình tôi đã rời khỏi làng từ mười lăm năm nay và không hề trở lại đó lần nào.

Chúng tôi sống trong khuôn viên của trường Cao đẳng Tiểu học ở Sainte-Agathe. Cha tôi (mà tôi vẫn quen gọi là *Thầy Seurel* như những học sinh khác) phụ trách cùng lúc vừa lớp Cao đẳng Tiểu học cho học sinh chuẩn bị lấy bằng Sư phạm, vừa lớp Sơ đẳng Tiểu học. Mẹ tôi thì trông coi lớp Sơ học^[1].

Một ngôi nhà dài màu đỏ ở tận cuối làng có năm cánh cửa lồng kính bên dưới giàn nho còn non. Cái sân rộng mênh mông với những cái lều và chỗ giặt quần áo nhìn về phía trước làng bằng cánh cửa lớn. Hướng Bắc, một cửa bằng lưới sắt trông ra con đường dẫn đến Nhà Ga cách đó ba kilômét. Còn hướng Nam và phía sau ngôi nhà là những khu vườn, cánh đồng và bãi cỏ tiếp giáp với ngoại ô. Đây là phác họa tất cả khung cảnh nơi chúng tôi sống, ở đó tôi đã trải qua thời gian giầy vò sâu thắm nhất nhưng cũng thân yêu nhất; nơi xuất phát những cuộc phiêu lưu của chúng tôi và rồi trở lại vỡ tan, giống như các đợt sóng triều vỗ mạnh trên những tảng đá quanh hiu.

Một quyết định về sự dời đổi của viên giám học hay viên thanh tra giáo dục đã ngẫu nhiên dẫn dắt chúng tôi đến chốn ấy. Vào cuối kỳ nghỉ hè, một bác nông dân đưa chiếc xe ngựa đến, chất hết các vật dụng lên xe rồi đưa mẹ với tôi tới đứng trước một căn nhà có cánh cửa nhỏ bằng sắt đã gỉ sét. Đám trẻ con hái trộm trái lê trong vườn khi ấy lặng lẽ chạy trốn qua những lỗ hổng bờ rào.

Mẹ tôi, mà tôi vẫn gọi là *Millie*, là người có phương pháp dọn dẹp nhà cửa hay nhất tôi từng thấy, ngay bấy giờ đi vào từng phòng của căn nhà đầy rơm rác bụi bặm. Tức thì bà nhận ra với sự đau lòng giống như trong những lần “dời đổi” khác rằng, những đồ đạc của chúng tôi không bao giờ có thể sắp xếp được như ý muốn trong một ngôi nhà có lối xây cất tồi như thế. Bà bèn đi ra tỏ bày với tôi nỗi muộn phiền buồn bực của mình. Vừa nói, bà vừa dùng chiếc khăn tay lau nhẹ lên khuôn mặt lấm lem vì chuyến đi của tôi; xong, mẹ lại bước hẳn vào bên trong đếm kỹ từng lỗ thủng trên tường phải cần được bịt kín. Đội trên đầu một chiếc nón rơm rộng vành có dải cột, tôi ngồi lại trên lớp đá sỏi của cái sân xa lạ đợi chờ mẹ; tò mò đảo mắt nhìn kỹ mọi chi tiết chung quanh cái giếng nước và bên dưới nhà kho.

Ngày hôm nay, ít ra tôi vẫn hình dung được về cái buổi hôm chúng tôi chuyển đến đây. Và cứ mỗi lần muốn tìm lại kỷ niệm xa xăm của buổi chiều đầu tiên đứng đợi trong cái sân ở Sainte-Agathe là tôi lại có thể hồi tưởng được những lần đợi chờ khác: *Hai bàn tay đặt lên thanh cửa cổng, với một chút âu lo rằng tôi rình xem có ai đó đang đi tới trên con đường lớn không...* Cũng như, nếu nhớ đến cái đêm đầu tiên phải đi vào căn gác thượng nằm giữa kho thóc nơi lâu một, thì tôi lại hồi tưởng được tất cả những đêm khác đã không phải chỉ ở riêng một mình trên ấy. *Một cái bóng lớn chập chờn nhưng thân thiết, in dài, đảo qua đảo lại trên các bức vách.* Tất cả mọi cảnh trí êm đềm lặng lẽ - trường học, cánh đồng của cha Martin với ba cây bồ đào, khu vườn mà mỗi ngày vào lúc bốn giờ chiều thường bị các người phụ nữ chiếm dụng - đã bị biến hóa mãi mãi một cách sôi động trong ký ức tôi bởi sự hiện diện của con người có khả năng khuấy đảo cả thời niên thiếu của chúng tôi. Ngay cả khi người ấy rời đi, chúng tôi đã không bao giờ còn yên bình được nữa.

Lúc anh Meaulnes đến thì gia đình tôi đã sống ở xứ này được mười năm. Khi ấy tôi vừa được mười lăm tuổi. Đó là một buổi sáng Chủ nhật lạnh trời của tháng Mười Một, ngày đầu thu làm cho ta nghĩ tới mùa đông. Suốt buổi hôm ấy, Millie đợi chờ một chuyến xe từ Nhà Ga sẽ mang tới cho mẹ chiếc mũ đội trong thời tiết xấu thế này. Buổi sáng, mẹ để lỡ buổi lễ Misa. Và cho đến phần thuyết giảng, ngồi trong ban hợp xướng với các bạn

khác, tôi vẫn mãi chăm chú lo âu hướng về phía gác chuông để được nhìn thấy mẹ tôi đi vào với một cái mũ mới...

Tối buổi chiều, tôi phải đi dự lễ chiều một mình.

“Dầu thế nào”, mẹ nói như để an ủi, trong khi dùng mười ngón tay chải bộ áo quần trẻ con của tôi, “nếu như cái mũ đến, chắc là mẹ phải dành cả ngày Chủ nhật để sửa chữa nó.”

Thường thì mỗi chủ nhật mùa đông đều trôi qua như thế này. Ngay từ sáng sớm, cha tôi đã đi câu cá trên một con thuyền nhỏ ở một cái hồ phủ đầy sương mù. Còn mẹ tôi thì rút vào căn phòng lờ mờ ánh sáng của mình cho đến chiều tối để sửa soạn những món đồ trang sức khiêm nhường của bà. Mẹ tự nhốt mình như thế bởi sợ rằng có người nào đó trong số bạn quen, cũng nghèo nhưng kiêu hãnh như bà, sẽ bất thành linh đến thăm. Còn tôi, khi đã xong buổi lễ chiều, nơi phòng ăn lạnh lẽo, vừa ngồi đọc sách vừa chờ đợi mẹ sẽ mở cửa chỉ cho xem những gì mẹ đã làm.

Buổi Chủ nhật hôm ấy, một vài hoạt động trước nhà thờ đã cầm chân tôi lại ở ngoài sau khi xong lễ chiều. Một lễ rửa tội làm lũ trẻ tụ tập bên dưới hiên. Trên quảng trường, nhiều người đàn ông trong thị trấn trùm những chiếc áo khoác ngắn của lính cứu hỏa, đứng thành từng nhóm vừa dậm hai chân cho khỏi lạnh vừa lắng nghe người đội trưởng, ông Boujardon, lý luận một cách lộn xộn. Hồi chuông đang ồn ào của buổi lễ bỗng dừng ngưng bật, tựa như người kéo chuông buông vội tay vì biết là nhầm ngày và không đúng chỗ. Ông Boujardon và những đồng đội đeo vũ khí lên vai, kéo theo các ống bơm, bước đi chậm chạp. Tôi đứng nhìn theo, thấy họ biến mất nơi khúc quanh đầu tiên, theo sau là bốn thằng nhóc ranh im lặng nghiêng gót giày nặng nề xuống những cành cây nhỏ trên con đường phủ đầy sương giá, nhưng tôi không dám đi theo họ.

Trong làng chỉ còn một nơi náo nhiệt nhất là quán café Daniel; từ đó tôi nghe văng ra tiếng tranh cãi trầm bổng của khách khứa. Còn tôi, sờ tay vào bức tường thấp của cái sân lớn ngăn cách ngôi nhà với cả làng tôi, đi tới trước cánh cổng sắt nhỏ, với một chút lo lắng về sự chậm trễ của mình.

Cánh cửa mở toang; lập tức tôi nhận thấy đã xảy ra điều gì đó khác thường. Quả nhiên, ngay cửa phòng ăn gần bên năm cánh cửa lồng kính

ngó ra sân, một người đàn bà tóc xám đang nghiêng đầu cúi nhìn qua những tấm màn. Vóc dáng bà nhỏ nhắn, đầu đội chiếc mũ bằng nhung đã lỗi thời, khuôn mặt gầy sảo bị tàn phá bởi những nét lo âu phiền muộn. Tôi không biết mối lo nào trong ánh nhìn của bà đã làm tôi ngừng lại ngay trước cánh cửa sắt. Bà nhỏ giọng:

“Trời ơi, nó chạy đâu rồi? Nó vừa mới ở đây với tôi mà! Nó đã đi quanh ngôi nhà và có lẽ đã trốn mất rồi.”

Chen vào giữa mỗi câu nói, bà lại gõ lên ô kính vuông ba tiếng nhỏ vừa đủ để người khác có thể nghe được.

Không ai ra mở cửa cho khách. Millie chắc hẳn đã nhận được cái mũ từ Nhà Ga và hoàn toàn không nghe gì cả từ sâu trong căn phòng màu đỏ, trước cái giường vương vãi những dải cột đã cũ, những cái lông chim trĩ được ủi phẳng phiu, may vào rồi lại tháo ra để sửa lại cái mũ tầm thường của mình.

Quả nhiên, khi tôi đi vào phòng ăn thì bà khách lạ lập tức theo sau. Mẹ tôi xuất hiện với hai tay đầy những chỉ màu đồng thau, những dải cột và những chiếc lông chim nghiêng ngả. Mẹ cười với tôi, đôi mắt xanh mệt mỏi vì làm việc cả ngày, rồi kêu to:

“Con nhìn xem này! Mẹ chờ con lên...”

Nhưng thoáng thấy bà khách kia ngồi trên ghế bành trong tận cùng căn phòng, mẹ ngừng lại, vẻ chưng hửng. Thật nhanh, mẹ cởi cái mũ ra và sau đó, ôm nó sát ngực, lộn ngược lại trông giống như một cái tổ chim nằm trong cánh tay phải đang co lại.

Bà khách với chiếc mũ tròn, chiếc dù và cái xách tay bằng da kẹp giữa hai đầu gối, vừa giải thích vừa lắc nhẹ đầu, xong tặc lưỡi, giống như các người bạn đến thăm mẹ tôi vẫn hay làm. Trông bà bình thản trở lại và tự hào nói về con trai với vẻ ưu ái bí mật khiến chúng tôi bối rối.

Hai người họ đến đây bằng xe hơi từ La-Ferté d'Angillon, cách Sainte-Agathe mười bốn kilômét. Góa chồng - và rất giàu, theo như chúng tôi biết về bà - bà mất cậu con trai út trong số hai người con. Antoine, một buổi chiều từ trường học về, đã bị chết đuối trong khi đang tắm với anh ở

một cái hồ sâu nguy hiểm. Vì vậy, bà quyết định gửi đứa con lớn đến trọ ở nhà chúng tôi để anh có thể theo học lớp Cao đẳng.

Liền sau đó, bà ca ngợi về anh chàng ở trọ đang được dẫn đến kia. Tôi không còn nhận ra người đàn bà mà tôi đã thấy đứng cúi mình trước cánh cửa một phút trước với cái vẻ van nài tiêu tụy rất đáng thương của một con gà mái khi mất đi đứa con bé dại trong ổ.

Tất cả những gì bà kể về cậu con trai với vẻ tôn trọng quả thật là kỳ dị: *anh ta thích làm cho bà vui lòng; thỉnh thoảng đi chân không ra bờ sông xa hàng cây số để mang về những cái trứng chim cuốc, chim vịt trời giấu trong những bụi kim tước. Lại cũng biết cả cách giăng bẫy, một đêm nọ, anh ta phát hiện trong rừng chú chim trĩ đang bị vướng trong một cái bẫy chim.*

Tôi, vốn là đứa không dám trở về nhà khi trên áo bị xước rách dù chỉ một chút, bèn nhìn mẹ một cách kinh ngạc.

Thế nhưng Millie đã không còn lắng nghe nữa. Mẹ ra dấu bảo người đàn bà kia im lặng, rồi cẩn thận đặt cái mũ “tổ chim” xuống bàn, lặng lẽ đứng lên như để rình bắt ai đó...

Thật vậy, căn phòng phía trên chỗ chúng tôi đang ngồi là một cái phòng kho nhỏ cất pháo bông cháy sém và đồ dùng hóa trang trong kỳ lễ Mười Bốn Tháng Bảy vừa qua. Có tiếng bước chân lạ, điệu quả quyết đang đi đi lại lại nơi ấy làm lay động cả trần nhà. Bước chân giẫm về phía kho thóc rồi cuối cùng mất hút nơi những căn phòng trống nối tiếp nhau mà người ta thường dùng để phơi sấy những lá chanh hay những quả táo chín.

“Mới vừa nãy mẹ có nghe tiếng chân trong những căn phòng ở tầng dưới”, Millie nhỏ giọng, “và mẹ nghĩ là con về, François à.”

Không ai trả lời. Cả ba chúng tôi cùng đứng dậy, tim đập mạnh, trong lúc cánh cửa kho thóc dẫn lên cầu thang của căn bếp được mở ra. Có ai đó đang đi xuống từng bước một, băng qua nhà bếp rồi dừng lại nơi tối nhất của phòng ăn.

“Phải con không đấy, Augustin?” Người đàn bà hỏi.

Đó là một gã trai khoảng mười bảy tuổi. Thoạt đầu trong bóng đêm đang bao trùm, tôi chỉ nhìn thấy cái mũ phớt kiểu nông dân lật ngược ra sau

gáy và cái áo khoác ngắn màu đen được bó chặt với một sợi dây lưng giống như những học trò thường mang. Tôi cũng nhận thấy anh đang cười nhẹ.

Anh chợt nhìn thấy tôi và rời trước khi có người yêu cầu anh giải thích bất cứ điều gì, anh đã hỏi tôi:

“Cậu có muốn đi ra sân chơi không?”

Tôi do dự một giây. Và bởi vì không thấy Millie tỏ ra ngăn cản, tôi chụp cái mũ và bước theo anh. Chúng tôi đi ra bằng cửa bếp, tới cái sân chơi đã bị bóng tối bao trùm. Trong làn ánh sáng rơi rớt của buổi chiều tàn, tôi vừa bước vừa liếc nhìn khuôn mặt xương xương với cái mũi thẳng, trên mép đầy lông măng của anh.

“Này! Tôi tìm thấy cái này trong phòng chứa đồ nhà cậu. Cậu không bao giờ đến đó lục lọi sao?”

Trên tay anh là một cái bánh xe bằng gỗ đen đúa, một khúc dây pháo thăng thiên rách xơ, những thứ được dùng làm pháo bông hình mặt trời hay mặt trăng trong ngày lễ Mười Bốn Tháng Bảy.

“Còn hai quả chưa nổ, chúng mình sẽ đốt pháo bông.”

Anh nói bằng giọng bình thản của một người trông mong tìm thấy được những thú vị, rồi anh ném cái mũ của mình lên mặt đất. Tôi thấy tóc anh húi trụi giống như đầu nông dân. Anh chỉ cho tôi xem hai dây pháo thăng thiên với cái ngòi bằng giấy mà đầu lửa đã cháy sém nám đen trước khi bị vứt bỏ. Anh cắm pháo hoa trên cát, (trước vẻ vô cùng ngạc nhiên của tôi bởi vì điều ấy với tôi rõ ràng bị cấm) anh lôi từ trong túi một hộp diêm quẹt. Cúi xuống với sự cẩn trọng, châm lửa vào đầu ngòi, anh nắm tay tôi, hăng hái kéo tôi lùi lại đằng sau anh.

Một lát, mẹ tôi đi ra ngưỡng cửa với mẹ anh Meaulnes sau khi đã thỏa thuận xong xuôi tiền trọ. Mẹ nhìn thấy từ trong sân vọt lên hai chùm pháo hình ngôi sao màu đỏ và trắng cùng với tiếng ồn của cái còi. Chỉ một giây, trong làn ánh sáng huyền hoặc, mẹ thấy hình ảnh tôi đang nắm tay chàng thiếu niên cao lớn xa lạ và thân nhiên mới vừa đến kia. Lần đó, mẹ không dám nói gì cả.

Vào buổi tối, bên bàn ăn gia đình, chúng tôi có thêm một người khách ngồi yên lặng ăn, đầu cúi thấp và không hề quan tâm đến ba ánh nhìn đang

chăm chú hướng về anh.

CHƯƠNG 2

SAU BỐN GIỜ CHIỀU

Cho đến lúc ấy, tôi ít khi được chạy nhảy lêu bêu trên đường phố với các trẻ khác trong làng, chứng lao khớp háng đã đeo đẳng tôi tới tận năm 189... ấy đã làm tôi đau đớn và khiến tôi trở nên nhút nhát khổ sở. Tôi vẫn có thể thấy được bản thân mình đang chạy theo đám học trò lanh lợi trên hè phố bao quanh ngôi nhà, với những bước nhảy lò cò khốn khổ trên một chân của mình. Và lại ít khi tôi được ra ngoài. Và nhớ rằng, Millie, người rất kiêu hãnh về tôi, từng hơn một lần dắt tôi về nhà với những cái nhéo tai đau điếng bởi bà đã bắt gặp tôi đang nhảy lò cò theo đuôi lũ trẻ trong làng.

Sự xuất hiện của anh Meaulnes trùng hợp với sự khỏi bệnh của tôi vào Năm 189x... đánh dấu sự khởi đầu một cuộc đời mới.

Trước lúc anh đến đây, khi lớp học tan vào lúc bốn giờ chiều, một đêm dài cô đơn lại đến với tôi. Cha tôi, theo lệ thường, chuyển lớp than còn sót lại trong lò sưởi của lớp học sang lò sưởi phòng ăn nhà tôi; rồi lần lượt, những học sinh về trễ cũng rời khỏi ngôi trường lạnh lẽo có những cuộn khói chung quanh. Cũng còn vài cuộc chơi, vài cuộc rượt đuổi trong sân trường. Nhưng khi chiều muộn, hai học sinh trực nhật quét dọn lớp xong, đội mũ trùm đầu và mặc áo khoác vào, với cái cặp sách kẹp trong tay, họ nhanh chóng ra về, để mặc cánh cổng trường mở toang.

Phần tôi, hể bao giờ còn chút ánh sáng mờ nhạt của ban ngày thì tôi vẫn còn lưu lại trường học, giấu mình trong phòng văn thư đầy những xác ruồi chết cùng những tờ thông báo phát phơ trong gió, ngồi đọc sách trên cái bàn đá cũ gần bên cánh cửa sổ mở ra vườn. Cuối cùng, lúc trời tối hẳn, những con chó trong trại nhà hàng xóm bắt đầu sủa vang và căn bếp nhỏ vuông vức của chúng tôi sáng ánh đèn thì tôi trở về nhà. Mẹ tôi bắt đầu làm bữa tối. Tôi trèo ba bậc thang lên kho thóc, ngồi lặng yên, đầu dựa vào

thanh gỗ lạnh của thang gác mà nhìn mẹ nhóm lửa trong căn bếp hẹp lung linh ánh nến.

Vậy mà đã có người đến lôi tôi ra khỏi tất cả những niềm vui trẻ thơ êm đềm ấy. Con người đã thổi đi ngọn nến chiếu sáng cho tôi thấy khuôn mặt dịu dàng nghiêng nghiêng của người mẹ trong lúc chuẩn bị bữa tối. Con người đã làm tắt ngọn đèn mà chúng tôi vẫn quây quần chung quanh ấy, đêm đêm vẫn bày ra một gia đình hạnh phúc khi cha tôi khởi sự móc những cánh cửa xếp bằng gỗ vào trong các khung cửa lớn có lồng kính. Người ấy chính là anh, Augustin Meaulnes, kẻ mau chóng được các học sinh khác trong trường gọi là “Meaulnes đại ca”.

Từ khi anh đến trọ nhà tôi, có nghĩa là những ngày đầu tiên của tháng Mười Hai, ngôi trường bỗng dưng không còn quạnh quẽ mỗi buổi tan trường, sau bốn giờ chiều nữa. Mặc cho cái lạnh lùa vào qua cánh cửa lò xo, mặc cho tiếng la hét của các học sinh tới phiên trực nhật với những xô nước của họ, sau giờ học lúc nào trong lớp cũng vẫn có khoảng độ hai chục học trò lớn, nhà quê có, thành thị cũng có, vây quanh Meaulnes. Sau đó là những cuộc tranh luận triền miên, những cuộc cãi cọ không bao giờ dứt; và tôi đã xen vào giữa bọn họ với sự tò mò pha lẫn thú vị.

Meaulnes không nói gì; nhưng chốc chốc lại có một đứa trong bọn ba hoa tiến ra giữa đám, viện dẫn kẻ này kẻ nọ làm chứng cho lời mình nói, để kể lại cho anh nghe về một câu chuyện trộm cắp phá phách nào đó, rồi lần lượt những người khác cũng làm như vậy. Cả bọn há miệng ngồi nghe, thỉnh thoảng lại cười khe khẽ.

Ngồi vắt vẻo trên bàn, trông anh như đang nghĩ ngợi; những lúc khác anh lại cười, nhưng thật nhẹ, giống như thể để dành những tiếng cười ồ cho các câu chuyện thú vị nhất mà chỉ tự mình anh hiểu thôi.

Rồi đêm xuống. Khi ánh sáng yếu ớt không còn xuyên qua được những tấm kính vuông rọi xuống đám người trẻ tuổi nữa thì Meaulnes vụt đứng lên, bước ra khỏi vòng tròn bao quanh và la lớn:

“Nào, chúng ta đi về! ”

Tất cả bước theo anh, và người ta nghe tiếng kêu la đùa cợt của họ vang lên cho đến khi đêm tối hoàn toàn buông xuống trên làng xóm.



Giờ đây, tất nhiên tôi nhập bọn với họ. Cùng Meaulnes, tôi đi tới tận cửa chuồng bò ở ngoại ô vào giờ người ta vắt sữa. Chúng tôi cũng đi đến các xưởng thợ, vào sâu trong chỗ tối, rồi giữa những tiếng răng rắc của cái máy dệt, người thợ đã nói: “Ồ! Các chú học trò!”.

Thường thường vào giờ ăn tối, chúng tôi đến nhà ông Désoues rất gần trường học, người thợ đóng xe kiêm đóng móng ngựa. Cửa hàng ông là một quán trọ đã cũ với hai cánh cửa lớn đóng đũa, luôn luôn mở toang. Từ trên đường cái đã nghe thấy tiếng phì phò của cái bể lò rèn và thỉnh thoảng nhờ ngọn lửa lơ mờ của cái lò than hồng đỏ trong chỗ ồn ào tắm tối, người ta nhận ra vài nông dân ngừng xe tại đây tán gẫu một lát, hay là những học trò như chúng tôi, dựa lưng vào một bên cửa, im lặng nhìn vào trong.

Thế rồi chính ở đây, mọi sự bắt đầu độ tám ngày trước kỳ lễ Giáng Sinh.

CHƯƠNG 3

“TÔI THƯỜNG LUI TỚI CỬA HÀNG NGƯỜI THỢ ĐAN TRE”

Trời mưa suốt từ sáng đến chiều, Ngày dài chán chết đi được. Trong những giờ nghỉ, không ai ra khỏi lớp; chốc chốc lại nghe cha tôi, Thầy Seurel, la lên:

“Đừng dậm giày rầm rầm như vậy, các con!”

Sau lần ra chơi cuối cùng trong ngày, hay như chúng tôi vẫn gọi là “mười lăm phút cuối cùng”, Thầy Seurel bước ngang bước dọc một cách trầm tư, rồi bất thần dừng lại, gõ mạnh cây thước lên bàn để làm ngừng những tiếng la lộn xộn văng từ cuối lớp. Trong sự yên lặng trịnh trọng, ông hỏi:

“Ngày mai ai sẽ là người đánh xe ra ga với François để rước ông bà Charpentier?”

Đó là ông bà nội tôi. Ông nội Charpentier là một viên kiểm lâm già đã hồi hưu, luôn luôn choàng cái áo khoác ngoài bằng len xám của người Ả rập với cái mũ trùm đầu bằng lông thỏ mà ông gọi là mũ kêpi. Đám chúng tôi ai cũng biết rõ về ông. Vào buổi sáng, để rửa mặt, ông đã kéo nguyên cả một xô nước rồi úp mặt vào trong đó theo cái cách của những người lính già, chà xát lan man chòm râu cằm của ông. Một vòng tròn trẻ con, tay chắp sau lưng, quan sát ông với sự tò mò đầy kính trọng. Ít nhất đã có hơn một lần Millie dẫn bà Charpentier vào lớp sơ học nên bọn họ ai cũng biết bà cả, một phụ nữ nhà quê bé nhỏ lúc nào cũng trùm đầu bằng cái mũ đan tay.

Hằng năm, cứ vài ngày trước lễ Giáng Sinh, chúng tôi lại đi đón ông bà đến đây bằng chuyến xe lửa lúc bốn giờ hai phút chiều. Để đến thăm chúng tôi, ông bà phải vượt qua nhiều tỉnh thành, trong các túi hành lý

được đóng kín của ông bà Charpentier có nhét đầy hạt dẻ và thực phẩm cho ngày lễ Giáng Sinh. Rồi kể từ lúc ông bà bước qua ngưỡng cửa ngôi nhà trong bộ quần áo ấm, mỉm cười pha chút gấp gáp thì chúng tôi đóng tất cả cửa lại. Thế là bắt đầu một tuần lễ tràn đầy thú vị.

Phải có người cùng với tôi đánh xe ra ga đón ông bà, một người đủ chững chạc để không làm chúng tôi ngã nhào xuống mương, lại cũng phải hiền lành nữa bởi vì ông nội Charpentier hay chửi thề và bà nội thì có đôi chút ba hoa.

Với câu hỏi của Thầy Seurel, đã có hàng chục giọng gào lên cùng một lúc:

“Meaulnes! Meaulnes đại ca!”

Nhưng Thầy Seurel lại làm ra vẻ như không nghe gì cả. Cho nên chúng nó lại la tiếp:

“Fromentin!”

Có đứa lại gào:

“Jasmin Delouche!”

Anh chàng nhỏ nhất trong số các anh em họ nhà Roy, người đã cỡi lên mình một con lợn nái phóng phăm phăm ngoài cánh đồng, tự la lên: “Em! Em!” bằng cái giọng oang oang.

Dutremblay và Moucheboeuf thì đứng lên giơ tay một cách then thừng.

Riêng tôi lại ao ước Meaulnes được chỉ định. Đi với anh, chuyến du hành nho nhỏ bằng xe lửa ấy sẽ trở thành một sự kiện trọng đại. Meaulnes cũng ao ước được đi nhưng giả bộ làm thính một cách kiêu hãnh. Tất cả học trò lớn, kể cả Meaulnes, đều ngồi hẳn lên bàn, hai chân gác trên băng ghế. Cứ như thế, trong chốc lát, chúng tôi được tạm nghỉ để cười đùa hoan hỉ. Còn anh chàng Coffin thì vén áo khoác lên quần quanh thắt lưng, rồi ôm cây cột trụ bằng sắt chống đỡ cái xà của lớp học, bắt đầu leo lên với vẻ hứng thú.

Thế nhưng Thầy Seurel đã làm mọi người cụt hứng khi la lên:

“Rồi! Moucheboeuf sẽ đi.”

Vậy là tất cả tự trở về chỗ ngồi của mình trong im lặng.



Vào lúc bốn giờ chiều, trong cái sân lạnh lẽo bị trời mưa xối mòn tạo thành từng rãnh nhỏ, còn mỗi tôi và Meaulnes ở lại đó. Cả hai không nói lời nào mà chỉ chăm chú nhìn ngôi làng lấp loáng đang được gió thổi hong khô. Chẳng bao lâu, anh chàng Coffin bé nhỏ đầu đội mũ, trên tay cầm một mẫu bánh mì, từ nhà hắt đi ra, men sát tường và tự trình diện bằng cách huýt gió nơi ngưỡng cửa nhà ông thợ đóng móng ngựa. Meaulnes mở cổng gọi hắn. Một lúc sau cả ba chúng tôi đã an tọa trong cửa hàng ấm áp, ánh sáng đỏ ối, có cơn gió lạnh thỉnh thoảng tạt qua. Coffin và tôi ngồi gần bên lò rèn, bàn chân vấy bùn giẫm lên lớp phoi bào trắng; còn Meaulnes thì lặng yên đứng dựa vào cánh cửa đang đóng cửa, hai tay đút sâu trong túi. Ngoài phố, thỉnh thoảng có một người đàn bà trong làng từ tiệm bán thịt trở về ngang qua hàng đóng móng ngựa, đầu cúi xuống để tránh gió; mỗi lần như thế chúng tôi lại ngước lên để nhìn xem đó là ai.

Không ai nói gì. Người thợ đóng móng ngựa và anh phụ việc của ông - một người thối bẽ lò và cả đập sắt nữa - chiếu lên tường những bóng hình thô bạo... Giờ đây tôi vẫn nhớ lại chiều ấy cũng giống như những chiều khác trong thuở hoa niên của mình. Trong tôi như có sự trộn lẫn giữa niềm vui và nỗi lo lắng: sợ rằng bạn tôi sẽ tước đi của tôi niềm hoan hỷ đáng tội nghiệp là được đánh xe ra Nhà Ga, đồng thời cũng đợi chờ một vài kế hoạch đặc biệt nào đó mà Meaulnes không dám thú nhận với tôi, sẽ làm đảo lộn mọi sự...

Thỉnh thoảng, công việc đều đặn và bình thản ở cửa hàng đóng móng ngựa lại được tạm ngưng một lát. Người thợ để cái búa rơi một cú mạnh và đánh xuống cái đe. Ông nhìn chăm chú một miếng sắt vừa rèn xong trong lúc kéo tấm phủ chân bằng da tới gần. Rồi ngừng đầu lên, ông nói với chúng tôi như chỉ cốt để xả hơi một chút:

“Mạnh khỏe chứ các cậu?”

Còn người thợ phụ kia, một tay đặt băng quơ trên sợi dây xích của cái bể thổi, một tay chống lên hông trái, nhìn chúng tôi mà cười.

Và công việc âm ỉ đến đіếc cả tai lại tiếp tục.

Trong một lúc tạm nghỉ, từ chỗ cánh cửa đong đưa, ai cũng nhìn thấy Millie đi qua trong gió, hai vai quần chặt lại dưới chiếc khăn san, tay cầm những gói nhỏ. Bác thợ đóng móng hỏi:

“Có phải là ông Charpentier sắp đến không?”

“Ngày mai,” tôi trả lời, “với bà nội cháu. Cháu phải đánh xe ra ga đón chuyển xe lửa lúc bốn giờ hai phút chiều.”

“Có phải bằng chiếc xe của nhà Fromentin không?”

tôi đáp nhanh:

“Không, bằng xe của cha Martin.”

Thế là cả hai người cười ồ lên. Người thợ đập đe từ tốn ra dấu xin được nói vài lời:

“Với con ngựa cái nhà Fromentin, người ta có thể đi đón họ ở tận Vierzon, lại còn cả một giờ để nghỉ ngơi tại đó. Nơi ấy cách đây mười lăm kilômét. Và rồi trở về trước khi con lừa của cha Martin được thắng vào xe.”

Bác thợ kêu lên:

“Coi nào! Một con ngựa cái thì phải như thế chứ!”

“Tôi tin rằng Fromentin sẽ dễ dàng cho mượn nó ngay thôi.”

Cuộc đối thoại chấm dứt ở đó. Lần nữa, cửa hàng lại đầy những tia lửa và tiếng động, chúng tôi mạnh ai người nấy nghĩ ngợi.

Thế nhưng đến giờ phải rời đi, tôi giơ tay ra hiệu với Meaulnes, thì thoát đầu anh ra vẻ không nhìn thấy tôi. Tựa lưng vào cánh cửa, vai nghiêng nghiêng, anh như chìm đắm tâm tư theo những gì người ta vừa nói. Cứ như thế, nhìn anh chìm đắm mất hút trong suy tư, ánh mắt xuyên thấu không gian đầy sương phủ, nơi có những con người bình dị đang làm việc, tôi bất thần nghĩ đến hình ảnh của nhân vật Robinson Crusóe, một thanh niên người Anh, trước cuộc khởi hành lớn đã nói: *“Tôi thường lui tới cửa hàng người thợ đan tre.”*

Từ đó, câu này cứ làm tôi suy nghĩ mãi.

CHƯƠNG 4

CUỘC ĐÀO THOÁT

Một giờ trưa ngày hôm sau, phòng học lớp Cao đẳng trông rất sáng sủa trong cảnh trí đông giá, chẳng khác nào một chiếc thuyền nhỏ trôi giữa lòng đại dương. Dầu vậy, không giống như trên các thuyền câu mà người ta thường ngửi ra mùi nước muối lẫn mùi dầu nhớt, ở đây chỉ có mùi cá mòi khô cháy trên chảo và mùi áo lông cừu khét lẹt của những cậu nhỏ đang trở lại đứng rất gần bên cái lò.

Bởi vì đã sắp cuối năm nên những cuốn vở làm bài thi được phân phát ra. Trong lúc Thầy Seurel viết lên bảng các bài toán thì một sự ồn ào vừa phải được thiết lập, trộn lẫn giữa những cuộc trò chuyện nhỏ giọng và bị chặn ngang bởi các tiếng kêu nhỏ với câu nói mà những chữ đầu môi đã làm cho người bên cạnh phải sợ hãi: “Thưa thầy, bạn này...”.

Thầy Seurel vừa chép đề toán vừa suy nghĩ đến một việc khác. Thỉnh thoảng, ông quay lại nhìn cả lớp với cái vẻ nghiêm khắc pha lẫn lơ là; tức thì tình trạng lộn xộn bỗng ngưng lại hoàn toàn trong một giây để ngay sau đó được tiếp nối, khởi đầu thì nghe rất nhỏ giống như những tiếng rì rầm.

Giữa sự náo nhiệt ấy, chỉ mỗi mình tôi là người duy nhất yên lặng. Ngồi ở đầu một cái bàn khu vực của đám học trò nhỏ nhất, gần cửa sổ bằng kính, tôi nhón người lên một chút để trông ra khu vườn có con lạch chảy xuôi và cánh đồng ở xa xa.

Thỉnh thoảng nhồm dậy trên hai gót chân, tôi lo lắng nhìn về phía ngôi trại Belle Étoile - Ngôi Sao Đẹp. Ngay từ đầu giờ học chiều, tôi đã nhận ra Meaulnes không trở về chỗ ngồi của mình sau giờ nghỉ trưa. Người ngồi bên cạnh anh chắc cũng biết điều ấy nhưng chưa nói gì bởi đang lo lắng vì bài thi. Dầu vậy, khi anh ta quyết định nói thì cái tin ấy lan nhanh khắp lớp

học, và theo như thường lệ, có kẻ nào đó không quên cao giọng la to những chữ đầu câu:

“Thưa thầy, Meaulnes đã...”

Tôi biết là Meaulnes đã bỏ đi. Đúng hơn, tôi ngờ rằng anh đã bỏ trốn. Sau buổi nghỉ ăn trưa, hẳn anh phải nhảy qua bức tường thấp và băng xuyên cánh đồng có dòng suối bắc ngang từ Vieille Planche tới Belle Étoile. Anh sẽ phải hỏi mượn con ngựa cái để đi đón ông bà Charpentier. Hẳn lúc này anh đang thẳng ngựa vào xe?

Belle Étoile ở hướng đằng kia, phía bên kia con suối, nằm trên sườn núi ngay đầu dốc, đó là một trang trại lớn, vào mùa hè thường bị bao kín bởi những cây du, cây sồi và rào tạo bởi những hàng cây. Tọa lạc trên con đường nhỏ nối liền giữa lối ra Nhà Ga với lối dẫn về thị xã, ngôi nhà lớn xây cất từ thời phong kiến có những bức tường cao bao quanh mà cứ vào mỗi tháng Sáu trong năm, chân tường và những cột trụ chống đỡ lại chìm sâu trong đám lá mục. Ban đêm từ trường học, người ta chỉ nghe được tiếng bánh xe quay tròn và tiếng la hét của người chăn bò. Nhưng hôm nay, trong cửa kính nhìn ra, tôi thoáng thấy bức tường cao màu xám nhạt đứng giữa những gốc cây trụi lá, cánh cổng ra vào, và rồi nơi các đoạn hàng rào là một dải đường phủ đầy sương trắng xóa chạy song song với con suối dẫn đến lối ra nhà ga.

Chưa có gì di động trong khung cảnh mùa đông sáng tỏ ấy. Chưa có gì thay đổi.

Nơi đây, trong lớp học, Thầy Seurel đã chép xong bài toán thứ hai. Thường thì thầy vẫn cho ba bài, nhưng hôm nay, ngẫu nhiên làm sao, ông chỉ cho có hai. Tôi nghĩ, có lẽ ông sẽ quay lại ghế ngồi của mình và nhận ra sự vắng mặt của Meaulnes. Cũng có thể ông sẽ cử hai học sinh đi vào làng để tìm cho ra Meaulnes trước khi con ngựa cái được thẳng vào càn xe.

Sau khi chép xong bài toán thứ hai, Thầy Seurel mệt mỏi buông thông cánh tay xuống một lát. Đoạn, đến lúc nhẹ nhõm nhất của tôi, ông xuống hàng, bắt đầu vừa nói vừa viết: “*Bây giờ, đến một bài đơn giản như trò chơi trẻ con...*”

Hai vạch nhỏ màu đen vượt qua bức tường của Belle Étoile rồi trở thành hai cái gọng xe và biến mất. Lúc này thì tôi chắc rằng những người ở đó sửa soạn xong xuôi mọi thứ cho chuyến khởi hành của Meaulnes. Kia rồi, đầu và ngực con ngựa cái băng qua giữa hai cột trụ xong ngừng lại, trong khi - không ngờ gì nữa - người ta gắn vào sau xe một băng ghế, dành cho những vị khách mà Meaulnes sẽ đón về. Cả chiếc xe từ từ ra khỏi cửa và mất hút một lúc đằng sau hàng rào; xong lại thấy nó chậm chạp vượt qua lần nữa nơi đầu dốc con đường trắng xóa, giữa hai đoạn hàng rào cuối cùng. Tôi nhận ra cái hình thể màu đen đang nắm dây cương, một khuỷu tay chống ơ thờ lên thành xe theo kiểu các nông dân vẫn làm, ấy chính là Augustin Meaulnes, anh bạn của tôi.

Một thoáng kế tiếp, mọi thứ biến mất đằng sau hàng rào, Có hai người đàn ông đứng nơi cửa chính của Belle Étoile nhìn theo chiếc xe, lúc này đang bàn bạc với nhau với vẻ càng lúc càng sôi nổi. Cuối cùng, một trong hai người đặt tay lên miệng làm ống loa mà gọi Meaulnes, rồi lại chạy theo anh một đoạn.

Thế nhưng trên chiếc xe đang từ từ tiến về hướng Nhà Ga, nơi đường mòn hằn không còn ai nhìn thấy được, Meaulnes thành linh thay đổi tư thế. Một chân đặt đằng trước giống như kiểu một người điều khiển chiếc xe ngựa thành La Mã ngày xưa, hai tay lúc lắc dây cương, anh thúc con vật chạy mau hết sức và một lúc sau, biến mất nơi triền dốc. Người đàn ông đã gọi anh vẫn tiếp tục chạy trên đường, còn người kia thì phóng thục mạng qua cánh đồng và xem chừng như đang hưởng về phía chúng tôi.

Vài phút sau, khi Thầy Seurel rời bảng đen, xoa tay vào nhau để phủi bụi phấn thì ngay lúc ấy, có ba giọng cùng vang lên khắp lớp học:

“Thưa thầy, Meaulnes đã bỏ đi.”

Đồng thời, người đàn ông mặc áo xanh nhạt thành linh mở toang cánh cửa rồi đứng ở giữa thềm nhấc mũ ra và hỏi:

“Xin lỗi ông, có phải ông đã cho phép một cậu học trò đến hỏi mượn chiếc xe để đi Vierzon đón ông bà cụ nhà? Chúng tôi ngờ rằng...”

“Không phải vậy đâu,” Thầy Seurel trả lời.

Tức thì, một tình trạng vô cùng hỗn độn lan khắp cả lớp. Ba người ngồi đầu bàn gần cửa ra vào vẫn thường được giao cho việc tìm kiếm những viên đá để ném đuổi các con dê cái hay những con heo vào gặm hoa lá trong sân, thì nhảy ra cửa. Tiếng dậm chân mạnh mẽ từ những đôi giày bịt sắt của họ lên trên những tấm đá lát ở bên ngoài cửa lớp đã tiếp nối với tiếng ồn ào bị đè nén của những bước chân nhảy xuống nghiêng trên lớp đá sỏi trong sân trường và trượt quanh đến chỗ ngoặt của cánh cổng sắt mở ra phía con đường cái. Tất cả những người còn lại đứng đôn nơi các cánh cửa sổ ngó ra vườn. Có người leo hẳn lên bàn học để nhìn cho dễ.

Tuy nhiên, đã quá muộn. Meaulnes đã tẩu thoát.

“Con cũng vẫn phải đi ra Nhà Ga với Moucheboeuf”, Thầy Serel bảo tôi. “Meaulnes không biết đường đi Vierzon. Hắn sẽ lạc ở ngã tư và không thể đến Nhà Ga lúc lúc ba giờ được.”

Đứng nơi ngưỡng cửa lớp Sơ học, Millie nhướng cổ lên hỏi:

“Có chuyện gì vậy?”

Và trên đường làng, người ta bắt đầu tụ tập. Người nông dân ban nãy với cái mũ cầm trên tay, điềm tĩnh nhưng bướng bỉnh, giống như đang đứng đòi hỏi quyền lợi.

CHƯƠNG 5

CHIẾC XE NGỰA TRỞ VỀ

Từ khi tôi đón ông bà ở Nhà Ga về cho đến sau bữa tối, ngồi trước lò sưởi, ông bà bắt đầu kể tỉ mỉ từng chi tiết tất cả những gì đã xảy ra từ mùa nghỉ lễ năm trước, tôi chợt nhận ra rằng mình chẳng hề để ý lắng nghe ông bà vừa nói gì.

Cánh cửa sân chơi rất gần với cửa phòng ăn, kêu cọt kẹt mỗi lần hé mở. Thường thường, mới vừa chập tối lúc cả nhà còn thức, tôi hay kín đáo đợi chờ tiếng cọt kẹt ấy, tiếp theo sau là tiếng giày lạch cạch hay tiếng chùi lên thảm nơi ngạch cửa, thỉnh thoảng lại có một giọng nói nhỏ như thể ai đó đang thì thầm với nhau trước khi bước vào, và rồi tiếng gõ cửa vang lên. Đó thường là một bác hàng xóm, những giáo viên hay một người nào đó cuối cùng cũng đến góp vui với chúng tôi trong buổi tối dài.

Tối nay, đáng ra tôi không phải mong đợi gì nữa bên ngoài nữa bởi vì tất cả những người mà tôi yêu quý thì đã tụ họp quây quần ở nhà chúng tôi. Tuy nhiên, tôi vẫn không ngừng lắng nghe bất cứ tiếng động nào trong đêm và đợi chờ ai đó sẽ mở cánh cửa kia ra. Ông nội ngồi im với râu tóc bờm xờm của một người chẵn cừu xứ Gascogne, hai chân nặng nề đặt phía trước, cây gậy kẹp giữa đùi, vai bên phải khòm xuống mỗi lần ông nghiêng người gõ cái tẩu thuốc trên đầu mũi giày của ông. Với đôi mắt ướm và hiền, ông tán thành tất cả những gì bà nội nói về chuyến đi, về những con gà mái, các hàng xóm và các nông dân chưa trả tiền thuê ruộng cho ông. Nhưng, tôi đã không còn để tâm đến những gì ông bà nói nữa. Trong óc chỉ hình dung cái bánh xe quay tròn rồi thỉnh thoảng ngừng lại trước cổng sắt. Meaulnes sẽ nhảy xuống khỏi xe ngựa và đi vào nhà giống như chẳng hề có gì xảy ra. Hoặc có thể thoát đầu anh đưa con ngựa về Belle Étoile trước, rồi không

bao lâu, tôi sẽ nghe tiếng bước chân anh vang trên đường cái và cánh cửa sắt được mở toang...

Vậy mà không có gì xảy ra cả! Ông nội nhìn thẳng trước mặt, hai hàng mi nhấp nháy day tới day lui hồi lâu trên đôi mắt giống như đang buồn ngủ. Bà nội có chút bức mình nhắc lại nhận xét của bà mà chẳng còn ai chịu nghe. Sau cùng bà hỏi:

“Thằng bé đó đang làm cho các con lo lắng à?”

Ở Nhà Ga, tôi đã hỏi bà mãi một câu hỏi vô ích. Bà không nhìn thấy một ai giống như Meaulnes ngừng lại ở Vierzon cả. Anh bạn tôi chắc phải chậm trễ trên đường. Sự toan tính của anh đã hỏng. Khi trở về, trong lúc bà nội trò chuyện với Moucheboeuf thì tôi cứ mãi suy nghĩ về nỗi thất vọng của mình. Mặt đường vương đầy sương trắng xóa, những con chim nhỏ xoay quanh chân con lừa đang đi từng bước ngắn. Thỉnh thoảng, trong sự yên tĩnh ghê gớm của một buổi chiều đông giá đã nổi lên tiếng gọi xa xôi của người chăn cừu hay của một gã nào đang réo kêu đồng bọn từ cụm rừng tùng này sang cụm rừng thông khác. Và mỗi lần như thế, tiếng ngân dài từ các ngọn đồi hiu quạnh đã làm cho tôi rùng mình, giống như tiếng gọi của Meaulnes đang mời gọi tôi cùng đi với anh về một cõi nào đó xa xôi...

Trong lúc tôi mãi ôn lại tất cả mọi sự trong óc thì đến giờ đi ngủ. Ông nội đã vào trong căn phòng khách màu đỏ, ấm thấp và lạnh lẽo, được đóng cửa từ mùa đông năm ngoái. Để sửa soạn phòng cho ông, người ta đã gỡ ra những cái áo gối dựa đầu bằng da đen của một chiếc ghế phôi, giở những tấm khăn phủ lên và xếp những đồ vật mỏng mảnh sang một góc. Ông nội đặt cây gậy lên một cái ghế, chuôi đôi giày kền càn xuống dưới gầm phôi rồi thổi tắt cây nến. Chúng tôi đứng dậy chào nhau, chuẩn bị tạm biệt đi ngủ.

Vừa khi ấy, tiếng động của chiếc xe bò làm mọi người nín lặng. Người ta nghe hai chiếc xe chậm chạp nối tiếp nhau từng bước rất nhỏ và cuối cùng ngừng hẳn lại bên dưới cánh cửa sổ đã đóng của phòng ăn nhìn ra đường. Cha tôi cầm cây đèn lên, không đợi chờ gì cả, mở cánh cửa đã được

khóa kín. Đẩy cái cổng sắt, ông tới trước bờ thềm, giơ cao cây đèn khỏi đầu để nhìn xem đó là ai.

Quả là có hai chiếc xe ngừng nơi cổng sắt, hai con ngựa trước và sau được buộc lại với nhau. Một người đàn ông nhảy xuống đất, bộ dáng ngần ngại.

“Đây có phải là Ủy ban xã không?”, ông ta vừa tiến đến gần vừa hỏi. “Ông có thể chỉ cho tôi nhà ông M.F. Fromentin, người tá điền ở Belle Étoile? Tôi tìm thấy chiếc xe của ông ấy với con ngựa cái mà chẳng có ai điều khiển quãng gần Saint Loup des Bois. Nhờ cái đèn bão, tôi đọc được tên và địa chỉ ghi trên cái biển đồng. Thế nên trên đường về, tôi dắt theo con ngựa để tránh gây tai nạn; việc này làm tôi vất vả chậm trễ quá”.

Chúng tôi đứng đó, kinh ngạc. Cha tôi đến gần. Ông soi đèn vào xe.

“Không có tí dấu vết của bất kì khách nào cả”, người đàn ông nói tiếp. “Con ngựa thì đã quá mệt và đi khắp khiêng một chút”.

Tôi tiến lên phía trước, và giống như mọi người, nhìn con vật đã bị lạc và đang được người ta dắt về như thể một món đồ dạt ngoài biển khơi được tìm thấy lại. Cuộc trôi dạt đầu tiên và cuối cùng - có lẽ thế - trong cuộc phiêu lưu của Meaulnes.

“Nếu như nhà ông Fromentin quá xa”, người đàn ông nói, “tôi sẽ để chiếc xe ngựa lại đây nhé. Tôi đã mất quá nhiều thì giờ, gia đình tôi chắc đang lo lắng lắm”.

Cha tôi bằng lòng. Dù thế nào, đêm ấy chúng tôi có thể đánh chiếc xe đến Belle Étoile mà không cần nói gì cả. Sau đó, có thể quyết định xem sẽ phải kể cái gì cho mọi người hay, cũng như viết thư báo cho mẹ của Meaulnes biết chuyện gì...

Thế rồi, người đàn ông vừa quất roi vào mông ngựa vừa từ chối ly rượu vang chúng tôi mời.

Trong khi mọi người lặng yên đi vào nhà và cha tôi đưa chiếc xe ngựa xuống trại, thì trong phòng ngủ, ông nội đã thắp nến trở lại, rồi ông lên tiếng hỏi:

“Thế nào? Thằng bé ấy có trở về không?”

Hai người đàn bà trao đổi với nhau một ánh nhìn, trả lời sau một giây:

“Có chứ. Cậu ấy về nhà mẹ rồi. Nào! Ngủ đi, đừng lo ngại gì cả”.

“Tốt lắm, đúng như tôi nghĩ”, ông nội nói.

Rồi như đã thỏa mãn, ông tắt ngọn nến và quay trở về giường.

Đó cũng là cách giải thích mà chúng tôi nói với mọi người trong làng. Về phần người mẹ kẻ đào tẩu, chúng tôi quyết định chờ trước khi viết thư cho bà. Trong ba ngày kéo dài kế tiếp, chúng tôi giữ kín sự lo âu cho riêng mình. Vào khoảng mười một giờ khuya đêm ấy, tôi nhìn thấy cha tôi từ trại ngựa trở về, hàm râu ướt đẫm sương đêm. Rồi ông bàn cãi với Millie bằng một giọng rất trầm, giận dữ và lo ngại.

CHƯƠNG 6

CÓ TIẾNG GỖ TRÊN Ô VUÔNG CỬA SỔ

Thứ tư là một trong những ngày lạnh nhất của mùa đông năm ấy. Từ lúc tinh sương, trong sân trường đã thấy những học trò đến sớm, chạy vòng quanh cái giếng để tự làm nóng cơ thể. Bọn họ chờ khi cái lò sưởi trong lớp học được đốt lên sẽ xông vào sưởi ấm ngay. Đằng sau cổng chính, một đám đông đứng đợi bạn bè ở ngoại ô đến từ phía cánh đồng với đôi mắt còn quáng lên vì phải băng qua các quang cảnh đầy sương, nhìn vào những cái hồ đóng băng và các cụm rừng nhỏ có những con thỏ đang chạy trốn. Áo khoác ngoài của họ còn có mùi cỏ khô và mùi chuồng bò, làm cho không khí lớp học trở nên nặng nề mỗi khi họ chen nhau quanh cái lò sưởi đang hừng lửa.

Buổi sáng hôm ấy, một người trong bọn mang theo một cái giỏ trong có con sóc lạnh cóng đã tìm thấy trên đường đến lớp. Tôi nhớ lại rằng, anh ta cố gắng móc những móng nhọn của con vật dài ngoẵng đã duỗi cứng vào trên cái trụ giữa sân chơi.

Thế rồi buổi học nặng nề chậm chạp của mùa đông bắt đầu.

Bất ngờ có tiếng động nơi ô vuông cửa sổ. Chúng tôi ai nấy ngừng đầu nhìn lên. Đối diện cửa chính, Meaulnes đang đứng phủi những hạt sương bám trên áo choàng trước khi bước vào, đầu ngẩng cao và trông như đang bị choáng mắt.

Hai gã học trò ngồi ở cái ghế gần lối đi nhất vội vàng chạy ra mở cửa. Một cuộc chuyện trò nho nhỏ xảy ra ngay ngoài cửa mà chúng tôi không ai nghe rõ. Cuối cùng, kẻ đào tẩu quyết định bước vào.

Từ cái sân tĩnh mịch, một làn gió mát lạnh lùa sâu vào trong lớp. Những cọng rơm vương trên áo quần Meaulnes, cái dáng vẻ lãng du một mình, đói khát nhưng kì dị khác thường bao phủ con người anh... tất cả

những thứ ấy làm cho chúng tôi như đang trải qua một trạng thái tình cảm lạ lùng, tò mò và thú vị.

Thầy Seurel bước hai bước khỏi cái bàn nhỏ nơi ông đang đứng đọc chính tả, và Meaulnes đi về hướng ông với vẻ khiêu khích. Tôi nhớ lại rằng trong khoảnh khắc đó, anh bạn cao lớn của tôi trông đẹp đến chừng nào mặc dù anh thật suy nhược và đôi mắt rõ ràng đục ngầu vì những đêm lẫn lóc bên ngoài.

Anh tiến đến tận bàn thầy giáo, nói bằng giọng quả quyết của một người đến báo cáo tin tức:

“Thưa thầy, con đã vào lớp”.

“Thầy thấy rồi”, Thầy Seurel vừa trả lời vừa tò mò quan sát anh, “con về chỗ của mình đi”.

Chàng trai trẻ quay trở lại phía chúng tôi, đôi vai hơi xuôi xuống, đôi môi nở nụ cười khinh thị giống như những học trò lớn vô kỷ luật thường làm trong lúc bị phạt. Rồi một tay thành linh chụp lấy mép bàn, anh ném mình xuống ghế.

“Con sẽ phải đọc quyển sách mà thầy sẽ chỉ định cho con”, thầy giáo nói, (tất cả chúng tôi đều quay lại ngó anh) “trong lúc các bạn con sẽ viết nốt bài chính tả”.

Lớp học trở lại như cũ. Thịnh thoảng, Meaulnes nhìn về hướng chúng tôi, rồi lại nhìn qua cửa sổ phía khu vườn trắng xộp vắng vẻ và những đồng cỏ quanh hiu chốc chốc lại có một con quạ sà xuống. Không khí lớp học bắt đầu trở nên nặng nề, cái lò sưởi hừng đỏ tỏa hơi nóng. Bạn tôi hai tay ôm lấy đầu, chống cùi chỏ lên bàn mà đọc; có hai lần, tôi thấy mí mắt anh khép lại và tôi tin là anh sẽ ngủ gục.

Cuối cùng anh giơ một cánh tay lên và nói:

“Thưa thầy, con muốn đi ngủ. Ba đêm rồi con không ngủ.”

“Được”, Thầy Seurel trả lời, cốt sao tránh khỏi một sự rắc rối khó chịu.

Tất cả mọi cái đầu đều ngẩng cao, các cây viết giơ lên trời, chúng tôi tiếc nuối nhìn anh đi ra khỏi lớp với cái áo khoác ngoài nhàu nát và đôi giày biết bùn dơ.

Buổi học sáng trôi đi mới chậm chạp làm sao! Lúc gần trưa, ở phía trên gác, chúng tôi nghe tiếng người lữ khách chuẩn bị đi xuống. Vào bữa ăn, tôi thấy anh ngồi trước lò sưởi, gần bên ông bà nội vẻ đang chững chững. Trong lúc đồng hồ điểm mười hai tiếng thì những trò lớn và những trò bé rải rác trong cái sân đầy tuyết chuồn mau như những cái bóng để đến tụ họp trước cửa phòng ăn.

Về buổi trưa ấy, tôi chỉ còn nhớ được một sự yên lặng và ngượng ngập sâu sắc mà thôi. Tất cả đều băng giá: tấm khăn trải bàn hồ cứng trên không phủ vải lanh, rượu vang lạnh trong ly, nền gạch vuông màu đỏ dưới chân. Để tránh gây kích động, mọi người đã quyết định không hỏi han gì đến kẻ đào tẩu. Meaulnes cũng nhân sự đình trệ ấy không nói một lời nào.

Cuối cùng, bữa ăn trưa chấm dứt, cả hai chúng tôi nhảy vọt ra sân. Những đôi giày cào xới lớp tuyết trắng. Sân trường đen bản (theo lớp băng đang tan chảy từ mái nóc) với đầy những trò chơi cùng tiếng cười la lạnh lạnh. Meaulnes và tôi chạy dài theo tòa nhà; tức thì có hai, ba học trò nhỏ bỏ rơi nhóm bạn mà chạy ào theo, vừa chạy vừa gào to lên làm bùn lầy bắn ra khắp nơi, tay dứt trong túi, khăn quàng cổ xoắn bung. Xông thẳng vào trong lớp của học trò lớn, có tôi theo sát một bên, Meaulnes đóng cánh cửa bằng kính, vừa đúng lúc chống đỡ được sự đột kích của những người chạy theo sau đuôi. Có tiếng vang rõ ràng và dữ dội từ những tấm kính cửa đang lay động; những đôi giày vồ dẫm dộp nơi ngạch cửa; một cú đẩy làm oằn cây sắt chống đỡ hai cánh. Tuy nhiên Meaulnes đã vặn xoay cái chìa nhỏ vào trong ổ khóa và liêu mình chịu đau vì cái nhẫn bị gậy cọ xát vào tay anh.

Sự đeo đuổi như vậy thật phiền nhiễu. Nếu vào mùa hè, những kẻ bị bỏ lại bên ngoài thường chạy hết tốc lực vòng quanh khu vườn rồi tìm cách leo lên một cửa sổ trước khi người ta kịp đóng nó lại. Nhưng bây giờ đang là Tháng Mười Hai và mọi cánh cửa đều đã được khóa kín. Một lúc sau, đám người đuổi theo húc mình vào thành cửa, la gào chửi mắng chúng tôi, rồi từng người một quay lưng bỏ đi, đầu cúi xuống, giơ tay sửa lại khăn quàng cổ cho ngay ngắn.

Trong lớp học thoáng mùi hạt dẻ và mùi nước bã nho chỉ có hai học sinh trực nhật quét dọn đang xếp lại những cái bàn. Tôi đến gần lò sưởi để tìm hơi ấm một cách lười biếng, đợi giờ vào học; còn Meaulnes thì lại lục lọi gì đó ở bàn giáo viên và nơi mấy cái giá sách. Không bao lâu, anh tìm thấy một tấm bản đồ nhỏ. Đứng thẳng người chỗ bụi, anh trải nó ra nghiên cứu, khuỷu tay chống lên bàn, hai tay ôm lấy đầu.

Tôi bước lại gần, đặt tay lên vai anh và chúng tôi cùng theo dõi lộ trình anh đã đi qua. Đột nhiên, cánh cửa thông với lớp học trò nhỏ bị mở toang dưới một sức đẩy mạnh. Jasmin Delouche, theo sau là một gã trong làng và ba gã khác ở vùng ngoại ô kế cận, hiện ra với những tiếng kêu chiến thắng. Rõ ràng là có một cánh cửa sổ trong lớp học trò nhỏ đã không được đóng kỹ và bọn này hẳn đã đẩy nó ra rồi đi vào bằng ngả ấy.

Jasmin Delouche, đầu thân hình còn bé nhỏ nhưng lại là một trong những học trò lớn tuổi nhất của lớp Cao đẳng. Hẳn hay ganh tị với Meaulnes dù rằng vẫn tỏ ra thân thiện cùng anh. Trước khi Meaulnes vào học ở trường, Jasmin là kẻ hay huênh hoang nhất lớp. Hẳn có một dung mạo xanh xao vừa đủ vô duyên, tóc tai rối bù. Là con trai độc nhất của góa phụ Delouche, chủ một quán trọ, hẳn tự làm ra vẻ như một người đàn ông và hay lặp lại với vẻ khoe khoang những cái gì hẳn nghe được từ những người đến chơi bi-a hoặc đến uống rượu vermouth ở quán trọ nhà hẳn.

Trước sự xông vào đột ngột của hẳn, Meaulnes ngẩng đầu, đôi mày cau hẳn lại, điên cuồng la lên với những gã học trò đang chen nhau nhảy xuống nơi lò sưởi:

“Người ta không thể yên được một phút nào ở đây sao?”

“Nếu mày không bằng lòng thì hãy đi tìm chỗ nào mà mày thích đi”, Jasmin Delouche trả lời mà không nhìn lên, thể như đang tựa vào sự giúp đỡ của đám đông đồng lõa với hẳn.

Tôi nghĩ, trong trạng thái mệt mỏi ấy, cơn giận của Meaulnes sẽ bốc cao lên không ai có thể ghìm lại được.

“Này,” anh nói trong lúc đứng bật dậy và gấp cuốn sách lại, mặt tái đi một chút, “cút ra khỏi cửa ngay!”

Một người trong bọn Jasmin cười ngạo, la to:

“Ô! Đã trốn ba ngày nên mày tưởng rằng mày là chúa tể chắc?”

Và tên kia nói tiếp như để lôi kéo cả bọn ùa vào cuộc đấu khẩu:

“Mày dư biết là không thể làm cho chúng tao ra khỏi nơi đây.

Meaulnes nhảy bổ nhào tới trước mặt gã. Thoạt đầu chỉ là một cuộc xô đẩy, những cái tay áo bị rách và sút chỉ; cho đến khi một mình Martin - gã nhà quê trong phe Jasmin - nhảy vào giữa vòng chiến, lỗ mũi phồng lên, đầu lắc lắc giống như một con cừu đực, la to: “Mày để nó cho tao”, thì từ một cú đẩy mạnh, Meaulnes ném hắt ra giữa lớp, đôi tay hắt chối với mở rộng. Thành linh, một tay anh chụp lấy cổ Delouche, tay kia mở cánh cửa, toan tống hắt ra ngoài. Jasmin níu lấy những cạnh bàn, kéo lê hai chân, đôi giày đế sắt của hắt nghiền trên những tấm đá lát. Trong lúc đó, Martin đã lấy lại được thăng bằng, từng bước một tiến lại, đầu nghênh về phía trước, dáng bộ điên cuồng giận dữ. Meaulnes vội buông Delouche để vật nhau với gã ngu kia và có lẽ anh sắp sửa rơi vào tình thế nguy hiểm thì bỗng cánh cửa tòa nhà hé mở một chút. Thầy Seurel xuất hiện, đầu quay về phía nhà bếp, nói nốt chuyện với ai đó trước khi bước vào lớp.

Lập tức, cuộc đánh nhau ngừng hẳn. Những người khác thì tụ lại quanh lò sưởi, đầu cúi xuống, tránh né đến kỳ cùng một sự chia phe. Meaulnes ngồi vào chỗ của mình, tay áo bị xô chỉ và được vuốt lại cho thẳng. Riêng Jasmin mặt đỏ bừng; người ta nghe hắt la suốt trong vài giây trước khi tiếng thước kẻ vang lên mở đầu buổi học:

“Không thể chịu nổi. Nó là thằng lưu manh. Có lẽ nó tưởng rằng không ai biết nó đã đi đâu”.

“Đồ ngu! Chính tao cũng không biết nữa là!” Meaulnes trả lời giữa sự lặng im nghiêm trọng. Rồi nhún vai, tay ôm đầu, anh bắt đầu học bài của mình.

CHƯƠNG 7

CÁI ÁO DẠ HỘI

Như tôi đã kể, căn phòng của tôi và Meaulnes là một căn phòng áp mái, hay đúng hơn, nó vừa là rằm thượng lại vừa là một căn phòng. Những phòng khác tiếp giáp với tòa nhà lớn đều có nhiều cửa sổ, còn căn của chúng tôi không biết tại sao chỉ có một cánh cửa kính trổ từ mái nhà để lấy sáng. Cái cửa chính chạm với sàn nhà thì không thể đóng chặt được. Mỗi buổi tối, khi leo lên gác, hai bàn tay che cây nến có thể bị tắt bất ngờ vì những luồng gió từ căn nhà lớn thổi lên, chúng tôi thử đóng cánh cửa ấy nhưng luôn luôn phải chịu thua. Rồi suốt cả đêm dài, cả hai đều cảm nhận sự yên lặng từ kho thóc xâm nhập vào phòng, chung quanh chúng tôi.

Cũng buổi tối mùa đông hôm ấy, tôi và Meaulnes gặp lại nhau. Trong khi chỉ một nháy mắt tôi đã tuột hết các áo quần bên ngoài và ném chúng thành một đống trên chiếc ghế đầu giường thì bạn tôi, không nói một lời, bắt đầu chậm rãi cởi đồ. Trên cái giường sắt có màn che màu trắng điểm hình những cành nho, tôi ngồi theo dõi từng cử động của anh. Khi thì anh ngồi xuống trên chiếc giường thấp và không có màn, lúc lại đứng lên, bước dọc bước ngang quanh phòng. Cây nến đặt trên cái bàn nhỏ được bên bằng cành liễu mềm do người Bohemian làm ra đã phóng lên tường cái bóng gang hồ to lớn của anh.

Trái ngược hẳn với tôi, anh xếp bộ áo học trò của mình một cách khổ não và lơ đãng, nhưng rất cẩn thận. Tôi lại thấy anh thả chiếc thắt lưng nặng nề lên chiếc ghế; còn cái áo khoác ngoài vô cùng dơ bẩn nhàu nát thì được vắt lên lưng ghế. Rồi cởi cái áo khoác màu xanh dang bận bên dưới áo khoác ngoài, xong, nghiêng mình xoay lưng về phía tôi, anh trải nó ra nơi phía chân giường. Những khi anh đứng thẳng lên và quay mặt lại thì tôi thấy, thay vì cái áo gi-lê có nút bằng đồng cùng một kiểu với áo khoác, anh

lại mặc một cái áo gi-lê lạ lùng bằng tơ lụa, cổ rất rộng, bên dưới được gài khít khao bằng một hàng nút xà cừ lóng lánh.

Đó là một loại áo đẹp để kỳ quặc mà các chàng trai thường phải mặc để khiêu vũ với các bà (như bà nội chúng ta) trong những buổi dạ hội vào thời 1830.

Tôi nhớ lại, trong khoảnh khắc đó, anh chàng học trò cao lớn có vẻ nông dân ấy, đầu để trần (bởi vì anh đã cẩn thận đặt cái mũ cát kết lên trên những quần áo khác) nét mặt trông trẻ măng, hùng dũng và cũng thật đáng thếp làm sao! Anh vừa bước ngang bước dọc trong phòng, vừa bắt đầu mở khuy áo gi-lê bí ẩn của một bộ y phục không phải thuộc về anh. Trông anh rất lạ lùng với cái áo sơ mi, cái quần quá ngắn, đôi giày vấy đầy bùn mà trong tay lại cầm cái gi-lê của một Hầu tước!

Vừa khi sắp đắm mình vào cơn mộng thì đột nhiên anh bừng tỉnh, quay đầu chăm chú nhìn tôi bằng ánh mắt bốn chồn. Tôi chột nhếch môi cười một chút; anh cũng mỉm đáp trả, khuôn mặt sáng lên.

“Ô! Xảy ra chuyện gì vậy, nói tôi nghe với”, tôi đánh bạo hỏi, giọng trầm xuống. “Anh lấy cái áo ở đâu ra thế?”

Ngay lập tức, nụ cười của anh tắt nhanh, bàn tay nặng nề cào đi cào lại trên mái tóc hớt ngắn, rồi bất ngờ giống như những người không thể cưỡng lại ý muốn của họ, anh bèn mặc trở lại bên ngoài cái áo có viền đăng ten đẹp để một cái áo va-rơ ngắn, gài chặt nút, rồi khoác lên người chiếc áo rộng nhàu nát, anh do dự một lát, nhìn nghiêng về phía tôi...

Cuối cùng, anh ngồi phịch xuống mép giường, cởi đôi giày, quăng mạnh nó trên sàn nhà, rồi trang phục đầy đủ giống như một người lính đang sẵn sàng ứng chiến, anh nằm dài trên giường, thối tắt cây nến.

Vào lúc nửa đêm, tôi bất ngờ tỉnh giấc. Meaulnes đang đứng giữa phòng, đầu đội mũ cát kết và như đang tìm một vật gì đó chỗ móc áo, trên vai choàng một cái áo khoác không có tay. Căn phòng thật tối, luôn cả thứ ánh sáng thỉnh thoảng được dội lên từ lớp tuyết trắng cũng không có nốt. Một cơn gió lạnh thổi qua khu vườn tĩnh mịch và luồn trên mái ngói.

Tôi nhồm dậy một chút, kêu lên nho nhỏ:

“Meaulnes! Anh lại đi nữa à?”

Anh không trả lời. Hoàn toàn thất kinh, tôi nói:

“Vậy thì tốt! Tôi đi với anh! Anh phải đem tôi theo!”

Anh đến gần, nắm cánh tay tôi, ấn ngồi xuống mép giường rồi nói:

“Tôi không thể đem cậu theo, François à. Nếu tôi biết rõ lộ trình, hẳn tôi sẽ đem cậu đi với tôi. Nhưng trước hết tôi phải dò cho ra chốn ấy ở đâu trên bản đồ đã. Tôi chưa tìm ra nơi đó”.

“Anh không bỏ đi nữa chứ?”

“Đúng vậy. Vô ích lắm...” anh phác một cử chỉ thật chán nản. “Nào, hãy ngủ tiếp đi! Tôi hứa với cậu là sẽ không bỏ đi mà không có cậu”.

Anh lại tiếp tục bước ngang bước dọc trong phòng. Tôi không dám nói gì nữa. Anh cứ bước đi rồi ngừng lại, lại bước nhanh hơn, giống như một người đi tìm hay ôn lại trong đầu những kỷ niệm, đối chiếu, so sánh, trù định... rồi bất thần tưởng là tìm ra được thì một sự việc mới làm lạc dòng tư tưởng, hẳn lại bắt đầu tìm kiếm nữa.

Không phải chỉ một đêm tôi bị đánh thức bởi tiếng động từ những bước chân để nhìn thấy anh trong tình trạng như thế. Còn nhiều đêm khác nữa, vào khoảng một giờ khuya, tôi thấy anh đang lê chân quanh phòng và trên những căn gác xép, giống như những thủy thủ không thể đánh mất thói quen canh gác trên tàu mà tận sâu trong đặc tính của người xứ Bretagne, dù ở trên đất liền họ vẫn thức dậy mặc quần áo đúng giờ một cách rất quy tắc để canh gác vào ban đêm.

Trong tháng Một và thượng tuần tháng Hai, tôi đã phải choàng tỉnh hai hay ba lần như thế. Meaulnes đang đứng trong phòng, tất cả đã được chuẩn bị, cái áo khoác không có tay được khoác lên vai để sẵn sàng ra đi. Vậy mà cứ mỗi lần sắp sửa khởi hành tìm đến vùng đất bí mật anh từng đã tới thì anh ngừng lại, vẽ do dự. Trong lúc đẩy cái then gài cửa ở cầu thang rồi đi lần theo cửa nhà bếp mở rất dễ dàng mà không làm cho ai phải thức giấc cả thì anh lùi lại lần nữa. Rồi nhiều giờ trôi qua trong khoảng nửa đêm về sáng, nơi các kho thóc hoang tàn, anh bước từng bước dài một cách nóng nảy, đắm mình trong nghĩ ngợi.

Cuối cùng, vào một đêm giữa tháng Hai, chính anh nhẹ nhàng đặt tay lên vai tôi để đánh thức tôi dậy.

Hôm ấy là một ngày vô cùng kích động. Meaulnes bỏ lơ tất cả các trò chơi với lớp bạn cũ; trong giờ nghỉ cuối cùng, anh ngồi lại nơi ghế, hoàn toàn bận rộn với việc phác họa một địa đồ bí mật rồi lần dò theo từng ngón tay và kỹ lưỡng đo đạc nó trên tấm bản đồ tỉnh Cher. Bạn học chạy đi chạy lại không ngừng giữa sân chơi và trong phòng học. Tiếng giày làm ồn ào huyên náo. Cả đám rượt bắt nhau từ bàn này qua bàn nọ, nhảy lên các bàn ghế và phóng cả lên bức giảng của thầy. Bọn họ biết là không thể đến gần Meaulnes được trong khi anh mãi chú tâm như thế, nhưng giống như một trò đùa dai dẳng, hai ba gã trong làng đi từng bước rón rén đến gần và chăm chú nhìn qua vai anh. Thế rồi, một tên đánh bạo ra sức đẩy một tên khác ngã vật lên mình anh. Lập tức Meaulnes gấp tấm bản đồ lại giấu đi, túm lấy một gã, trong khi các gã kia bỏ chạy thoát.

Đó là tên Giraudat hay gây gỗ có giọng nói rên rĩ. Hẳn thử đá một cú, nào ngờ lại bị anh Meaulnes đá ra ngoài. Hẳn bèn điên tiết gào lên:

“Đồ hèn nhát! Tao không lạ gì khi tất cả đều chả ưa mày, đứa nào cũng muốn đánh nhau với mày”.

Và một loạt những lời chửi rửa từ hăn được tung ra mà tôi đoán chắc rằng chẳng ai hiểu rõ được hăn muốn nói gì. Chỉ tôi là người la lớn hết sức để đáp lại hăn bởi vì tôi quyết định ngả về phía Meaulnes.

Giữa hai chúng tôi lúc này như có một sự liên kết chặt chẽ. Lời anh hứa sẽ đem tôi theo - thay vì nói như mọi người rằng tôi là tên què, “không thể bước vững trên hai chân” - đã mãi mãi trói buộc tôi vào với anh để không ngừng nghĩ đến chuyến đi bí mật của anh. Tôi tin rằng anh đã gặp một người con gái nào đó. Chắc hẳn nàng xinh đẹp hơn tất cả mọi cô gái trong vùng, hơn cả Jenny mà chúng tôi vẫn thoáng thấy xuyên qua lỗ khóa của cổng vườn tu viện; hơn Madeleine, con gái ông bán bánh mì, mái tóc vàng hoe, da mặt hồng hào; hơn luôn Jeanne, con gái bà nhà giàu rất được kính trọng nhưng hơi điên điên và luôn nhốt mình trong khuê phòng. Đó hẳn phải là một cô gái trẻ mà anh tưởng nhớ đêm ngày, giống như nhân vật chính trong một cuốn tiểu thuyết. Thế rồi lần thứ nhất tôi quyết định đàm luận với anh một cách can đảm khi anh đánh thức tôi dậy.

Buổi chiều của lần đánh nhau hôm ấy, sau bốn giờ, trong lúc tôi và Meaulnes phải đem cất những dụng cụ làm vườn nào là cuốc nhọn, nào là xẻng đục dùng để đào những lỗ hổng, thì chúng tôi nghe tiếng la vang trên đường cái. Đó là một đám những thiếu niên và bọn trẻ ranh làm thành đội ngũ cứ từng bốn người một, chạy nhanh và đều giống như một đoàn thể được tổ chức chặt chẽ, dẫn đầu bởi Delouche, Daniel, Giraudat và một gã khác mà chúng tôi không biết mặt. Bọn họ thoáng thấy chúng tôi và réo gọi mắng nhiếc chúng tôi một cách tàn tệ. Cứ như thế, bọn này sửa soạn một trò chơi đánh nhau nào đó chúng tôi không được biết và cũng không được mời tham dự.

Anh Meaulnes chẳng nói lời nào, cất cái mai cái cuốc đang vác trên vai vào dưới lều.

Tuy nhiên, vào giữa đêm hôm ấy, tôi giật mình tỉnh giấc khi cảm nhận bàn tay anh đặt trên cánh tay tôi.

“Nào! Dậy đi! Chúng ta lên đường”.

“Bây giờ anh đã biết rõ lộ trình rồi chứ?”

“Tôi chỉ biết phần nào thôi. Sẽ phải tìm phần còn lại”, anh trả lời, hai hàm răng khít chặt.

“Anh hãy nghe tôi, Meaulnes ạ”, tôi vừa nói vừa ngồi dậy. “Chúng ta chỉ có một việc cần làm là phải bỏ cả một ngày tìm cho ra phần đường mà chúng ta không biết qua tấm địa đồ của anh”.

“Nhưng phần đường ấy thì rất xa nơi đây.”

“Được, mùa hè năm nay, khi ngày bắt đầu dài ra, chúng ta sẽ đến đó bằng xe ngựa.”

Có một sự yên lặng kéo dài như muốn nói là anh bằng lòng.

“Rồi chúng ta sẽ cùng nhau nỗ lực tìm cho ra cô gái mà anh đã yêu”.

Cuối cùng tôi nói thêm:

“Hãy nói cho tôi biết cô ấy là ai, nói với tôi về cô ấy đi!”

Anh ngồi xuống nơi chân giường tôi. Trong bóng tối, tôi nhìn thấy cái đầu nghiêng nghiêng, đôi cánh tay chéo vòng vào hai đầu gối của anh. Rồi anh thở mạnh, giống như người lâu ngày ôm ấp một tâm sự bí mật và cuối cùng cũng giải bày được bí mật ấy ra...

CHƯƠNG 8

CUỘC PHIÊU LƯU

Đêm hôm ấy, Meaulnes chưa kể cho tôi nghe những gì đã xảy ra với anh ở dọc đường. Và ngay đến khi anh quyết tâm ký thác mọi sự với tôi vào những ngày khổ ải mà tôi sẽ kể lại sau, trong một thời gian rất dài, những việc đó vẫn còn là điều bí mật lớn trong thời tuổi nhỏ chúng tôi. Nhưng bây giờ tất cả đều đã hết, bao nhiêu cái xấu, bao nhiêu cái tốt tất cả chỉ còn là những tro bụi, thì giờ đây tôi có thể kể lại cuộc phiêu lưu kỳ diệu của anh.

Trên đường đi Vierzon, vào khoảng một giờ rưỡi chiều, trời thật giá lạnh, Meaulnes cho ngựa chạy mau vì biết cũng đã gần chiều rồi. Ban đầu anh chỉ nghĩ đến cái thú làm cho tất cả bọn chúng tôi ngạc nhiên khi bốn giờ chiều anh đón ông bà Charpentier về bằng xe ngựa. Quả là, lúc ấy anh không hề có một ý định nào khác.

Lần lần, gió lạnh thấm vào người, anh bèn quấn hai chân vào tấm mền mà ban đầu anh đã từ chối không nhận, nhưng những người ở trại Belle Étoile cứ nhất định bắt để lên xe.

Lúc hai giờ, anh đi ngang khu phố ở làng La Motte. Anh chưa bao giờ đi qua một làng nhỏ nào vào giờ trẻ con đi học, nên lấy làm thích thú thấy làng đó vắng vẻ, tựa như đang ngủ. Thình thoảng, từng quăng xa mới có một tấm rèm được vén lên để lộ ra khuôn mặt tò mò của một bà nhà quê.

Ra khỏi làng La Motte, ngay sau khu trường học, anh ngần ngừ giữa hai ngã đường và mang máng nhớ rằng phải rẽ về phía trái mới đúng đường đi Vierzon. Không có ai ở đó để anh hỏi đường. Anh bèn cho ngựa chạy nước kiệu trên con đường bắt đầu hẹp dần và lồi lõm đá, rồi đi ven theo một khu rừng thông trong một lúc lâu. Sau cùng gặp một người phu chở hàng, anh đưa hai tay lên che miệng làm loa, hỏi người đó xem có phải đây là đường đi Vierzon không? Con ngựa nín mạnh dây cương, tiếp tục chạy

nên người kia không nghe rõ câu anh muốn hỏi; ông ta chỉ la lên mấy tiếng và đưa tay ra dấu mập mờ, vì thế anh Meaulnes cứ để mặc cho ngựa chạy.

Lần nữa, anh tới một cánh đồng mênh mông, giá lạnh, phẳng lì, thỉnh thoảng có con chim khách vì sợ tiếng xe nên bay ra xa, đậu trên một ngọn cây du trụi lá. Người lữ hành đã phải lấy tấm mền lớn quấn lên tới cổ giống như một chiếc áo choàng. Hai chân duỗi dài, lưng tựa vào thành xe, anh ngủ quên đi một lúc...

...Cho đến khi khí lạnh thấm qua tấm mền, Meaulnes mới tỉnh dậy, thấy phong cảnh đã thay đổi hẳn. Không còn những chân trời xa với vòm mây trắng cao rộng mắt nhìn không thấu nữa; thay vào đó là những khu đồng hẹp đầy cỏ xanh, chung quanh có những hàng giậu cao. Hai bên đường, nước chảy dưới lớp băng nơi những khe rãnh. Xem chừng sắp sửa tới một con sông. Và giữa những hàng giậu cao, con đường chỉ là một lối đi nhỏ, lồi lõm.

Từ ban nãy, ngựa đã không còn đi nước kiệu. Meaulnes quất một roi lên lưng nó, định bắt chạy nhanh như trước, nhưng nó cứ tiếp tục bước từng bước hết sức chậm chạp. Anh học trò cao lớn chống hai tay vào thành xe, ngó xuống, thấy con ngựa bước thậm thọt hẳn ở một chân sau. Lập tức, anh lo lắng nhảy xuống đất, nhủ thầm; “Đi như thế này không thể nào tới Vierzon cho kịp được.”

Chính anh cũng không dám tự ngó với mình ý nghĩ đáng lo ngại rằng không chừng anh đã đi lạc mà không phải là đang trên đường đến Vierzon.

Anh xem xét rất kỹ chân con vật nhưng không tìm ra một vết thương nào. Con vật vẻ rất sợ sệt, mỗi khi anh sắp đụng tới chân nó là nó vội đưa chân lên cao và lấy chiếc móng nhọn vụng về cào xuống đất. Sau cùng anh mới hiểu rằng bên dưới cái móng con vật có một hòn sỏi đang bị mắc kẹt. Vốn là một chàng nông dân thành thạo trong việc trông nom gia súc, anh ngồi xổm xuống, cố gắng dùng tay trái nắm lấy chân con ngựa kẹp vào giữa hai đầu gối mình. Nhưng vì bị vướng cái xe nên hai lần con vật thoát chạy vài mét, cái bọc lên xuống đập vào đầu anh và bánh xe làm đầu gối anh bị thương. Anh cứ tiếp tục cho đến khi chế ngự được con vật đang sợ

sệt, nhưng viên sỏi bị kẹt chặt đến nỗi anh phải dùng đến con dao kiểu nông dân lấy ở trong túi ra mới cậy được viên sỏi.

Sau khi mọi việc hoàn tất, ngẩng nhìn lên, mắt hoa và đầu choáng váng, anh mới hốt hoảng nhận ra rằng trời đã tối.

Bất kỳ ai khác ngoài Meaulnes trong hoàn cảnh như thế tất đã lập tức quay lại con đường cũ. Đó là cách duy nhất để khỏi bị lạc thêm nữa. Còn anh nghĩ rằng hiện đã xa làng La Motte lắm. Và chẳng trong khi anh thiếp ngủ thì con ngựa có thể đã đi vào một con đường tắt. Sau hết, con đường này rồi cũng phải đưa tới một làng xóm nào đó... Cũng nên thêm vào những lý do ấy là việc, trong lúc con vật nóng nảy kéo chẳng dây cương thì Meaulnes, khi bước lên chiếc bàn đạp, bỗng cảm thấy tràn ngập trong lòng sự ham thích tìm đến một cái gì mới, đi tới một chỗ nào khác, mặc cho bao nhiêu trở ngại.

Anh bèn quất một roi cho con ngựa cái tràn lên rồi phóng nước đại. Bóng tối càng thêm dày đặc. Con đường lồi lõm chỉ rộng vừa đủ cho cái xe đi lọt. Thình thoảng một cành cây khô bên bờ giậu chui vào bánh xe làm phát ra một tiếng gãy giòn tan...

Lúc trời đã hoàn toàn tối, nghĩ đến phòng ăn ở Sainte-Agathe có gia đình tôi đang tụ họp, Meaulnes chợt thấy se se trong tim. Anh đâm nổi giận; rồi sự kiêu ngạo và nỗi sung sướng sâu đậm được thoát đi như vậy - tuy không dự tính - đã tràn ngập lòng anh.

CHƯƠNG 9

MỘT DỊP DỪNG CHÂN

Bỗng dừng con ngựa chậm bước như thể bốn chân đang bị vướng vào bóng tối; Meaulnes thấy cái đầu của nó hai lần đưa lên và cúi xuống rồi ngừng lại, cái mũi chúi mãi như đang ngửi vật gì. Quanh đấy nghe có tiếng nước róc rách. Một dòng suối chặn ngang đường. Về mùa hạ nước cạn lội qua được. Nhưng vào mùa này nước chảy xiết đến độ băng không đóng nổi, nếu đi tới chút nữa có thể xảy ra tai nạn.

Anh kéo nhẹ dây cương để lùi vài bước, rồi ngần ngừ không biết tính sao, đứng thẳng người trên xe. Bấy giờ anh mới nhận ra ở phía sau hàng cây có một luồng ánh sáng. Từ con đường nhỏ vào tới đó cách chừng hai ba khu đồng cỏ.

Anh bước xuống xe, kéo lui ngựa và nói như vỗ về nó:

“Thôi lên đường nào, cô nàng! Không còn xa nữa đâu. Sắp tới nơi rồi.”

Đẩy cánh cửa rào hé mở vào một khu đồng cỏ, anh kéo cổ xe theo, hai chân bước lún xuống bãi cỏ ướt. Chiếc xe lắc lư nhẹ nhẹ. Ghé sát đầu con vật, anh cảm nhận sức nóng và hơi thở mạnh của nó. Anh dẫn ngựa tới tận khu đồng cỏ, lấy tấm mền phủ trên lưng ngựa, rồi rẽ những cành cây ở hàng giậu cuối, lại nhận ra luồng ánh sáng phát từ một ngôi nhà chơ vơ.

Anh cũng còn phải băng qua ba khu đồng cỏ, nhảy ngang một dòng suối khá nguy hiểm đến suýt chút nữa đã phóng cả hai chân xuống nước. Sau cùng, phóng từ một mô đất cao xuống, anh tới cái sân một ngôi nhà nông dân. Một con lợn đang ủn ỉn bên chậu cám. Nghe tiếng chân bước trên nền đất lạnh, một con chó sủa văng lên.

Cánh cửa nhà mở rộng, luồng ánh sáng ban nãy Meaulnes trông thấy là từ những cây củi cháy trong lò. Không có ánh sáng nào khác ngoài ánh

sáng lò sưởi đó. Một người đàn bà có tuổi ở trong nhà bước về phía cửa, khuôn mặt không tỏ chút sợ hãi nào. Chiếc đồng hồ quả lắc vừa lúc đó đánh bảy giờ rưỡi.

Gã học trò cao lớn nói:

“Xin lỗi bà, khổ quá, hình như cháu mới lỡ giẫm chân lên bồn hoa cúc của bà?”

Tay cầm cái chén, người đàn bà dừng lại ngó anh. Và đáp:

“Đúng thế, ngoài sân tối đen, nếu không biết lối đi thì giẫm nát hết.”

Im lặng trong giây lát, khi đó Meaulnes vẫn đứng sững, ngó lên bốn bức tường dán đầy những trang báo có hình vẽ giống như ở một quán trọ, và cái bàn bên trên có để một chiếc mũ đàn ông.

Anh ngồi xuống hỏi:

“Ông nhà đi vắng à, thưa bà?”

Vẻ càng thêm tin cậy, người đàn bà đáp:

“Cũng sắp về, đi lấy thêm ít củi.”

Chàng thanh niên kéo ghế đến gần lò sưởi:

“Cháu cũng không cần đợi ông nhà về. Bọn cháu mấy người đi sân đêm. Cháu muốn hỏi xin bà có bánh mì thì để lại cho cháu một ít”.

Anh biết rằng nếu đến nhà một nông dân, nhất là nơi một nông trại lẻ loi thì phải biết nói năng khéo léo và nhất là đừng bao giờ để lộ cho họ biết rằng mình không phải người trong vùng. Người đàn bà hỏi:

“Cần bánh mì ư? Tôi không thể để lại cho cháu được. Ông hàng bánh đáng lẽ thứ ba nào cũng đi qua, vừa sáng nay lại không thấy tới.”

Meaulnes đang hy vọng mình đang ở gần một làng mạc nào đó, nghe vậy hoảng sợ. Anh hỏi:

“Ông hàng bánh ở đâu thế, hờ bà?”

Người đàn bà ngạc nhiên:

“Ô kìa. Ông hàng bánh ở Vieux-Nançay ấy mà.”

Anh lo ngại hỏi tiếp:

“Từ đây tới Vieux-Nançay đích xác là bao xa?”

“Tôi không thể nói đích xác được, nhưng theo đường lộ thì chừng ba dặm rưỡi.”

Rồi bà kể cho anh nghe rằng bà có cô con gái làm công ở đó, mỗi Chủ nhật đầu tháng bà lại đi bộ tới Vieux-Nançay thăm con, ông chủ bà chủ ở đó...

Nhưng Meaulnes, vẻ hoàn toàn bối rối, ngắt lời bà:

“Vieux-Nançay có phải là làng gần đây nhất không?”

“Không, làng Les Landes gần hơn, chừng năm cây số. Nhưng ở đó chẳng có hàng quán gì, không cả bánh mì nữa. Mỗi năm vào ngày lễ thánh Martin là có hội nhỏ một lần.”

Meaulnes chưa hề nghe nói tới làng Les Landes. Nhận thấy mình đã đi lạc quá xa, anh đâm gần như thấy vui vui. Nhưng người đàn bà, lúc đó đang bận rửa bát trong chậu, quay đầu lại, trở nên tò mò, nhìn thẳng anh, chậm rãi hỏi:

“Cậu không phải là người trong vùng này sao?”

Ngay khi ấy, một nông dân đã có tuổi hiện ra trước cửa, liệng mớ củi trên tay xuống sàn gạch. Người đàn bà giải thích cho ông biết yêu cầu của chàng trai bằng giọng rất lớn như thể ông đang bị điếc. Về dễ dãi, ông đáp:

“Ô, thế thì có gì khó. Nhưng cậu lại gần đây mà sưởi cho ấm đi!”

Hai người ngồi gần mớ củi đang cháy; ông già bẻ củi chất thêm vào lò, Meaulnes uống một chén sữa với bánh mì bà chủ nhà dọn ra cho anh. Chàng lữ khách, khoan khoái được ngồi trong căn nhà xuềnh xoàng sau khi trải qua bao nhiêu lo lắng, đã tưởng cuộc phiêu lưu kỳ cục của mình chấm dứt nơi đây, vội dự tính sau đó sẽ đem các bạn trở lại thăm gia đình tốt bụng này. Anh đâu biết rằng đó chỉ là một dịp ngừng chân, và chốc nữa đây anh lại phải lên đường.

Lát sau anh nhờ hai ông bà chỉ đường trở về La Motte. Lần này phải nói thật, anh kể chuyện cái xe anh bị lạc đám thợ săn, bấy giờ không biết đường về.

Nghe vậy, hai ông bà già hết sức giữ anh nán lại ngủ qua đêm, đợi sáng mai hãy lên đường. Meaulnes đành phải nhận lời và đi kiếm con ngựa dẫn về chuồng. Ông chủ nhà dặn:

“Cậu coi chừng hai bên đường mòn có nhiều hố đấy”.

Meaulnes đâu dám thú nhận rằng anh không đến đây bằng lối đường mòn. Anh toan nhờ ông già đưa đi nhưng lưỡng lự một giây trên bậc cửa, do dự đến nỗi thấy gần như muốn lão đảo. Sau cùng, anh lao mình ra ngoài sân tối đen.

CHƯƠNG 10

CÁI CHUÔNG CỪU

Để nhận ra phương hướng, anh trèo lên mô đất ban nãy đã nhảy xuống sân.

Chậm chạp, khó khăn cũng như lúc đến, anh men theo bờ cỏ và dòng suối, băng qua những hàng cây liễu để kiểm chiếc xe. Chiếc xe không còn nơi đó nữa. Đứng lặng người, đầu rối tung, anh cố lắng nghe những tiếng động trong đêm; từng giây một tưởng như nhận ra tiếng rung rinh của cái lục lạc đeo vòng nơi cổ ngựa ở ngay gần đó. Nhưng tuyệt nhiên không có gì hết. Anh đi quanh khu đồng cỏ một lượt, cánh cổng nửa như rộng mở nửa như bị đè rạp xuống, có vẻ như bánh xe lăn qua bên trên, ý chừng con ngựa cái đã một mình theo con đường đó mà thoát đi.

Anh quay ngược lại, vừa đi mấy bước thì chân vướng phải tấm mền, có lẽ đã rơi tuột từ trên lưng ngựa xuống. Anh kết luận rằng con ngựa phải thoát về hướng đó. Thế là anh liền chạy theo.

Anh chạy, trong đầu không có gì khác ngoài cái ý chí cương quyết và liều lĩnh đuổi bắt cho kỳ được chiếc xe. Máu bốc lên óc, anh bị lôi cuốn bởi sự ham muốn hoảng hốt giống như khi người ta sợ hãi một điều gì.

Thình thoảng, chân anh vướng vào một vết xe lồi. Tới những khúc rẽ, trong bóng tối đen ngịt, anh đâm thẳng vào hàng giậu mà ngay khi đó, vì quá mệt, không kịp, đưa hai tay ra trước khi nhào vào những bụi gai, nghĩ rằng thà bị thương ở tay hơn là ở đầu. Đôi khi anh dừng bước, nghe ngóng, rồi lại vụt chạy. Có lúc tưởng nghe tiếng xe nhưng đó chỉ là một chiếc xe bò đang chậm chạp lăn bánh ở tận xa, trên đường phố, phía bên trái.

Tới khi đầu gối bị thương ban nãy vì đụng phải cái bàn đạp làm cho đau nhức quá, anh đành ngừng lại, chân căng cứng đờ. Khi đó anh mới

nghĩ, nếu con ngựa không phi nước đại thì anh hẳn đã đuổi kịp nó từ lâu rồi. Anh cũng tự nhủ, một cái xe không thể mất như vậy được, thế nào cũng có người bắt gặp. Sau cùng, anh thấy mỏi mệt, rã rời, nên tức giận quay trở lại đường cũ, hai chân như lê không nổi.

Đi mãi, anh tưởng như đã quay về đúng cái nơi vừa rời khỏi, lát sau mới trông thấy ánh đèn căn nhà của cặp vợ chồng nông dân anh định tìm kiếm. Qua hàng giậu, có một con đường mòn sâu thẳm. Anh tự nhủ: “Đúng là con đường mòn mà ông già vừa nói.

Anh bước vào con đường đó, sung sướng khi không phải trèo qua những hàng giậu hay những mô đất. Đi một quãng, con đường rẽ sang phía trái, trong khi ánh đèn lách qua phía phải. Tới một ngã tư, Meaulnes vội vàng mong cho chóng về căn nhà xuềnh xoàng kia nên chẳng ngần ngại bước vào con đường xem ra đưa thẳng tới đó. Nhưng đi được chừng mười bước thì ánh đèn biến mất, có lẽ như đang bị một hàng giậu che khuất, hoặc hai vợ chồng người nông dân đợi mãi không được nên đã đóng cửa. Hăng hái, anh học trò băng qua cánh đồng, đi thẳng tới chỗ ban nãy có ánh đèn. Nhưng leo qua một hàng giậu, anh lại rơi vào một con đường mòn khác...

Cứ như vậy, lần lần, hướng đi của Meaulnes bị hỗn loạn, mỗi liên lạc giữa anh và những người anh vừa rời khỏi bị cắt đứt. Thất vọng, lại gần như kiệt sức, anh quyết định là cứ đi theo con đường mòn đó cho tới cùng. Sau chừng một trăm bước, anh tới một cánh đồng rộng màu xám, thấp thoáng có những bóng đen, đáng chừng là những gốc cây tùng và một ngôi nhà gạch tối om ở một khu đất trũng. Đến gần thì thấy đó chỉ là một bãi rộng để thả bò, ngựa hay cừu, nay đã bỏ hoang.

Cánh cửa mở ra cọt kẹt. Khi gió thổi bay đám mây che phủ lưng trời, ánh nắng lọt qua khe vách.

Không tiến sâu hơn nữa, anh nằm dài lên lớp rơm ướt, hai khuỷu tay chống trên mặt đất. Sau khi tháo dây lưng ra, anh ủ mình trong chiếc áo khoác, hai đầu gối đưa lên tới bụng. Nghĩ tới tấm mền phủ cho ngựa đã bỏ lại ở dọc đường, anh cảm thấy vừa khổ sở vừa tức bực với chính mình đến nỗi muốn bật khóc. Vì thế, phải cố gắng nghĩ ra chuyện khác. Trong cơn lạnh thấu xương, anh nhớ lại một giấc mơ - một ảo mộng thì đúng hơn - mà

anh gặp hồi còn nhỏ nhưng chưa hề kể lại với ai: “Một sáng đáng lẽ tỉnh dậy trong căn phòng riêng, nơi có treo lòng thòng những quần lót và áo ngoài của anh, Meaulnes lại thấy mình ở trong căn phòng dài màu lục, có những tấm rèm trông giống như những vòm cây lá. Bên cửa sổ gần đó, một thiếu nữ ngồi may, quay lưng lại, dáng chừng như đang chờ anh thức giấc... Anh không đủ sức để ra khỏi giường và bước đi trong căn nhà thần tiên đó.”

Thiếp ngủ trở lại... anh tự nhủ, lần sau thì anh quyết trở dậy. Lần sau không chừng là sáng mai...

CHƯƠNG 11

NƠI TRANG TRẠI BÍ MẬT

Từ sáng sớm, Meaulnes lại đi. Nhưng cái đầu gối sưng khiến anh đau đớn đến nỗi chốc chốc phải ngừng lại ngồi xuống nghỉ. Nơi đó hiển nhiên là khu vực hẻo lánh nhất miền Sologne. Cả buổi sáng anh chỉ trông thấy có mỗi một cô gái chăn cừu, xa mãi tận chân trời, đang dẫn bầy cừu trở về. Anh cố hết sức gọi cô ta và cố gắng chạy đến gần nhưng cô không nghe được và biến đâu mất.

Anh tiếp tục đi mãi về hướng đó, chậm chạp một cách thất vọng. Không thấy một mái nhà, không gặp bất cứ ai, không cả đến một tiếng kêu của con chim dẽ trong đám lau sậy dưới đầm. Bên trên khung cảnh hoàn toàn hoang vắng đó, mặt trời tháng Mười Hai trong trẻo và lạnh lẽo chiếu sáng chan hòa.

Vào khoảng ba giờ chiều, bất chợt nhìn thấy bên trên khu rừng thông có một ngọn tháp màu xám, anh tự nhủ: “Hẳn đây là một trang viên cổ bỏ hoang hay một cái chuồng đã hết nuôi chim.”

Thong thả, anh tiếp tục đi tới. Nơi ven rừng, giữa hai cột cây trắng, có một lối đi. Meaulnes tiến lên, nhưng vừa được mấy bước thì bỗng đứng sững lại, kinh ngạc và xao xuyến một cách kỳ lạ. Anh lại mỗi một lê chân, gió lạnh làm khô cứng đôi môi, thỉnh thoảng khiến như bị nghẹt thở; đồng thời một sự thỏa mãn lạ lùng làm cho anh náo nức. Đó là sự êm tĩnh hoàn toàn như có men say, một niềm tin vững chắc rằng mục đích của anh đã đạt và bây giờ chỉ còn đợi chờ niềm hạnh phúc đưa tới. Xưa kia, vào bữa trước các ngày hội mùa hè, khi người ta bắt đầu trồng những cây thông hai bên phố trong làng và cửa sổ phòng anh bị cành cây che khuất, anh cũng có cùng cảm xúc như vậy, nỗi xúc động đến gần như khiến anh muốn ngất đi.

Anh nghĩ: “Sung sướng biết bao vì ta sắp tới cái chuồng chim bỏ hoang đầy những cú vọ và gió lộng...”

Rồi, tự giận mình, anh ngừng lại, tự hỏi có nên quay trở lại và đi tới một xóm làng nào không? Trong một lúc suy nghĩ, đầu cúi xuống, anh bỗng nhận thấy lối đi được quét sạch thành những vòng tròn đều đặn, như người ta thường làm ở nhà quê vào những ngày hội. Lúc đó anh đang đứng trên một con đường giống như con phố chính ở La Ferté d’Angillon vào buổi sáng ngày lễ Tháng Thiên. Giả như tới đầu đường mà anh có gặp một đám đông bận quần áo đẹp đang làm tung lên những lớp bụi vào dịp tháng Sáu, anh cũng sẽ không lấy làm lạ. Anh tự hỏi: “Ở nơi hoang vắng thế này cũng có hội sao?”

Đi mãi tới khúc rẽ đầu tiên, nghe có tiếng người đang tiến lại gần, anh vội lúi sang một bên, chen vào giữa bụi thông rậm lá, ngồi xổm, nín thở nghe ngóng. Đó là tiếng trẻ con. Một đoàn con nít đi ngay gần bên anh. Một đứa trong bọn, dường như là một cô bé, nói bằng giọng ngoan ngoãn và thành thạo khiến Meaulnes không thể không mỉm cười tuy chẳng hiểu rõ ý nghĩa câu nói đó:

“Tôi chỉ lo một điều - lời cô bé - là vấn đề ngựa. Chẳng hạn như không ai cấm Daniel cỡi con ngựa vàng cao lớn.”

Một giọng con trai có vẻ chế nhạo, đáp:

“Không ai cấm được tôi hết! Chúng mình chẳng được toàn quyền là gì? Nếu thích, chúng mình cũng có thể chơi những trò chơi làm cho mình đau nữa là...”

Những tiếng nói xa dần khi lại có một đoàn trẻ em khác tiến tới. Một cô bé nói:

“Nếu bằng tan, sáng mai chúng mình sẽ đi chơi thuyền.”

Một cô khác hỏi lại:

“Nhưng chúng mình có được phép làm thế không?”

“Mày cũng biết rằng chúng mình tùy ý tổ chức ngày hội mà.”

“Ngay cả nếu đêm nay Frantz cùng với cô vợ sắp cưới trở về đây ư?”

“Ồ, anh ấy cũng sẽ chiều ý chúng mình.”

Meaulnes tự nhủ: “Chắc là một đám cưới? Nhưng nơi đây dường như trẻ con mới là người quyết định mọi sự. Cái xứ gì mà kỳ lạ vậy?”

Anh toan bước ra khỏi nơi ẩn trốn để hỏi lũ trẻ xem anh có thể kiếm nơi nào ăn uống được, nên đứng lên, nhưng đoàn trẻ con cuối cùng đã đi xa. Đó là những cô bé bận áo bó sát vào người, dài tới đầu gối. Mỗi cô đội một cái mũ có dải cột rất xinh. Cô nào cũng có một lông chim trắng vắt vẻo sau đầu. Một cô quay người lại, đầu cúi xuống một chút, đang lắng nghe cô bạn kia đưa ngón tay lên giải thích một vụ gì ra vẻ hăng hái lắm. Meaulnes nhìn lại chiếc áo nông dân bị rách cùng chiếc dây lưng kỳ cục của học trò ở Sainte-Agathe và tự nhủ: “Mình sẽ làm cho bọn chúng sợ mất!”

E rằng nếu trở ra lối đi ban nãy, anh sẽ đụng đầu với lũ trẻ, nên tiếp tục tiến tới chỗ “cái chuồng cừu” bằng cách băng qua rặng thông mà chẳng cần bận tâm đến việc ăn nói ra sao với vợ chồng người nông dân khi tới đó.

Ra khỏi rừng, anh bị một bức tường thấp phủ đầy rêu chắn ngang. Phía bên kia, giữa bức tường và các ngôi nhà phụ thuộc trang viên, có một cái sân dài và hẹp với đầy xe cộ, chẳng khác nào cái sân của một hàng quán vào những ngày có phiên chợ. Đủ các thứ xe và đủ các kiểu: có những chiếc xinh xinh bốn chỗ, hai cái gọng chống lên trời; có những xe thổ mộ; những xe kiểu Bourbon xưa cũ với các đường chạm nổi, luôn cả những xe có mui rất cổ, kính cửa được dựng cao.

Meaulnes núp sau rặng thông trong tâm trạng chỉ sợ có người trông thấy. Đang ngắm vẻ luộm thuộm của nơi đó thì anh chợt trông thấy một khung cửa sổ hé mở trong dãy nhà phụ, ngay bên trên hàng ghế của một chiếc xe thổ mộ kiểu cao lênh khênh. Hai thanh sắt đáng lẽ phải chắn ngang khung cửa đó, giống như người ta vẫn nhận thấy ở chỗ chuồng ngựa phía sau các trang viên luôn luôn đóng kín, thì đằng này vì đã lâu năm nên những thanh sắt nơi đó bị long sút cả ra.

Anh học trò tự nhủ: “Ta sẽ leo vào ngủ trên đồng rạ, rồi tảng sáng sẽ bỏ đi, không làm cho các cô bé kia hoảng sợ.”

Khó nhọc lắm với cái đầu gối bị sưng anh mới trèo qua được bên kia bức tường. Rồi luồn lách giữa những cỗ xe, từ ghế ngồi của một xe thổ mộ,

anh leo lên nóc chiếc xe có mui, tới vừa tầm khung cửa sổ và đẩy cánh cửa ra một cách dễ dàng.

Tới lúc đó, anh mới thấy không phải là đang bước vào một kho rơm mà là một căn phòng rộng trần thấp, có vẻ như một phòng ngủ. Trong bóng tối mờ mờ mùa đông, anh nhận biết trên mặt bàn, mặt lò sưởi và cả trên những ghế bành có chất đầy những lọ lớn, những bảo vật và các vũ khí kiểu cổ.

Tận cùng căn phòng có màn che kín, phía sau là chỗ tường xây thụt vào để kê giường ngủ.

Meaulnes khép cánh cửa sổ lại vì vừa sợ bị lạnh, vừa ngại có ai ở ngoài trông thấy. Khi bước tới kéo tấm màn cuối phòng, anh khám phá thấy một cái giường thấp, đầy những sách cổ có mạ vàng, mấy cây đàn đã đứt dây và chân đèn giá nến vứt chồng lên nhau. Anh bèn gạt tất cả những thứ ấy vào bên trong rồi nằm xuống giường suy nghĩ đôi chút về cuộc phiêu lưu kỳ lạ mà anh đang lao mình vào.

Nơi trang viên hoàn toàn lặng lẽ, thỉnh thoảng chỉ nghe thấy tiếng gió tháng Mười Hai thổi rít lên.

Meaulnes nằm đó, tự hỏi, biết đâu rằng cho dù với những sự gặp gỡ kỳ lạ, cho dù tiếng nói của lũ trẻ ngoài lối đi bên rừng, hoặc cho dù những xe cộ chồng chất, thì đây chỉ là một ngôi nhà cổ hoang phế trong cõi cô quạnh mùa đông giá buốt, đúng như lúc đầu anh đã nghĩ.

Nằm chưa ấm chỗ, theo chiều gió, văng vẳng có tiếng âm nhạc, chẳng khác nào một kỷ niệm nhiều dự hoặc và lưu luyến đang được gọi. Anh nhớ lại thời kỳ mẹ anh còn trẻ, mỗi buổi chiều vẫn ngồi trước cây dương cầm ở phòng khách, còn anh thì lẳng lặng đứng sau cánh cửa mở ra vườn, lắng nghe cho mãi đến khuya... Anh nghĩ: “Đường như có ai đang chơi đàn piano đâu đây?”

Nhưng rồi để mặc câu hỏi không có lời giải đáp, mệt mỏi người, chẳng bao lâu anh ngủ thiếp đi...

CHƯƠNG 12

CĂN PHÒNG CỦA WELLINGTON

Thức giấc vào lúc nửa đêm, trời lạnh giá buốt, anh trở mình trần trọc trên giường làm cái áo choàng đen cuộn lại nhăn nheo. Một tia sáng yếu ớt màu lam ngọc rơi chan hòa trên hai tấm màn. Ngồi trên giường, anh khẽ nhô đầu nhìn ra ngoài. Dường như có ai đó đã mở cánh cửa sổ rồi buộc vào bên trong khung cửa hai cái đèn lồng kiểu Venise màu xanh lục. Tuy nhiên, vừa mới phóng mắt nhìn thì anh đã nghe trên cầu thang có tiếng bước ngập ngừng và một cuộc đối thoại thầm thì. Anh bèn chui trở lại vào giường; đôi giày đế sắt chạm phải một vật bằng đồng mà ban nãy anh đã đẩy nó sát vào bức tường. Sau một lúc vô cùng lo lắng, hơi thở anh mới điều hòa trở lại. Có bước chân đến gần và hai cái bóng lướt qua trong phòng.

“Đừng làm ồn!”, một người nói.

“À”, người kia trả lời, “giờ này thì hẳn cũng thức dậy rồi.”

“Anh có sắp đặt mọi thứ trong phòng cho hẳn chưa?”

“Dĩ nhiên là có, giống y như mọi phòng khác.”

Gió thổi mạnh làm cánh cửa sổ mở hé ra. Người thứ nhất nói:

“Kìa, anh quên không đóng cửa sổ lại. Gió đã làm tắt mất một ngọn đèn lồng rồi. Phải thắp lại mới được.”

“Chặc!”, người kia trả lời, đột nhiên giọng lười biếng và chán nản hẳn, “phía bên này đồng không mông quạnh, thắp đèn làm gì? Chả có ma nào thấy đâu!”

“Không có ai là sao? Vẫn còn nhiều người đến dự buổi hội đêm nay mà! Này, ở dưới kia kìa, trên đường cái, trong những chiếc xe, họ sẽ rất sung sướng khi nhìn thấy ánh đèn của chúng ta.”

Meaulnes nghe tiếng một que diêm được quẹt lên. rồi giọng của người vừa nói - hình như là sếp - được lặp lại và kéo dài ra theo cái cách người

phu đào huyết trong truyện của Shakespeare:

“Anh hãy đặt những chiếc đèn lồng màu xanh vào trong phòng của Wellington. Anh cũng nên đặt những chiếc đèn màu đỏ vào trong ấy. Việc này thì tôi thạo hơn anh nhiều...”

Một lúc im lặng trôi qua.

“...Wellington? Có phải là một người Mỹ? Được lắm! Và màu xanh có phải là màu của nước Mỹ? Anh là kịch sĩ đã từng du lịch nhiều nơi, anh hẳn phải biết điều đó.”

“Ôi chao!”, “kịch sĩ” trả lời, “du lịch à? Phải rồi! Tôi đã từng du lịch nhiều nơi nhưng chẳng thấy gì cả. Cậu muốn tôi thấy gì khi ngồi trong một cái nhà xe lưu động chứ?”

Meaulnes cẩn thận nhìn xuyên qua khe màn. Người ra lệnh mọi điều là một chàng trai cao lớn, đầu để trần, trên người khoác cái áo choàng rất rộng. Nằm trong tay cây sào dài có gắn những cái đèn xếp đủ màu, anh ta ngồi vắt chân, vẻ bình thản nhìn người kia làm việc.

Về phần gã “kịch sĩ” thì lại là một thân xác vô cùng thâm não không thể tưởng tượng nổi. Cao, ốm, đang rét run, đôi mắt lé màu lam, hàm râu rủ xuống trên cái miệng móm sụn hết cả răng làm cho người ta nghĩ đến khuôn mặt của một người chết đuối đầm đìa nước được vớt lên đặt nằm trên một tấm đá lát. Hắn chỉ mặc sơ mi trần, hai hàm răng đánh lập cập vào nhau. Qua cử chỉ và lời nói, hắn tự biểu lộ rõ cả một nỗi khinh bỉ hoàn toàn về chính con người của mình.

Sau một lúc ngẫm nghĩ trông vừa sâu thẳm lại vừa đáng tức cười, hắn đến gần chàng thanh niên cao lớn, hai cánh tay dang rộng mà giải bày:

“Cậu có muốn nghe tôi nói một lời không? Tôi không thể nào hiểu tại sao người ta lại đi kiếm những con người đáng chán chết như chúng mình để lo cho một ngày hội như hôm nay chứ! Thật đấy, tôi nghĩ vậy đấy..”

Nhưng, tỏ ra không chút lưu ý đến những lời tâm tình tha thiết ấy, anh thanh niên cao lớn tiếp tục quan sát việc làm của gã kia, hai chân tréo lại, miệng hơi hé mở, thản nhiên khịt mũi. Rồi quay lưng lại, cây sào được vác lên vai, rồi nói:

“Thôi! Đã đến giờ rồi, đóng bộ vào mà đi dự tiệc thôi!”

Gã Bohemian theo sau cậu thanh niên, nhưng khi đi ngang qua trước giường Meaulnes ngủ, gã dừng lại:

“Thưa Ông-Đang-Năm-Ngủ”, gã nói bằng giọng bông lơn trong lúc giả bộ nghiêng mình cung kính, “mời ông trở dậy và ăn vận thành một Nam tước, tuy rằng ông cũng chỉ là một kẻ nghèo xơ xác như tôi mà thôi. Rồi mời ông dự buổi hội hóa trang vì đó là ý muốn của các cô cậu nhỏ.”

Vừa nghiêng mình chào lần cuối, hắn vừa nói thêm bằng cái giọng của những kẻ làm trò rong trong các phiên chợ:

“Người bạn đầu bếp Maloyau của chúng tôi sẽ thể hiện nhân vật Arlequin, còn kẻ hèn này sẽ đóng vai nhân vật Pierrot cao lớn.”

CHƯƠNG 13

LỄ HỘI KỶ LẠ

Ngay sau khi người thanh niên cao lớn và gã kịch sĩ đi mất thì chàng học trò rời khỏi chỗ núp. Hai bàn chân anh lạnh ngắt, các khớp xương cứng đờ, nhưng nhờ đã nghỉ ngơi nên đầu gối xem ra cũng lành lại.

“Phải xuống ăn tối thôi”, anh thầm nghĩ, “không thể bỏ qua điều ấy được. Mình sẽ là một khách mời bị người ta quên tên thôi. Mình cứ việc tự nhiên đến dự buổi hội hóa trang. Hơn nữa, mình không phải là người tự tiện xâm nhập vào đây, chắc chắn là ông Maloyau và bạn ông ấy đang chờ mình ở đó.”

Đi ra khỏi khoảng tối đang bao trùm hoàn toàn lên góc nhỏ nơi đặt cái giường, anh có thể trông thấy khá rõ căn phòng nhờ ánh sáng những ngọn đèn lồng màu xanh.

Gã Bohemian quả thực đã có “sửa soạn” căn phòng. Chỗ những cái móc thấy có treo những chiếc áo khoác. Trên một cái bàn nặng nề bằng đá hoa đã rạn đặt trong nhà tắm, người ta bày sẵn những vật dụng để cho chàng tuổi trẻ đã trải qua đêm trước trong một chuồng cừ bỏ hoang biến thành nhà quý tộc sang trọng. Những bao diêm được để gần giá đèn lớn đặt trên lò sưởi. Nhưng người ta đã quên đánh bóng sàn nhà nên Meaulnes nhận thấy dưới gót giày anh toàn là cát và vôi. Một lần nữa, anh lại có cảm tưởng như đang ở trong ngôi nhà hoang phế từ lâu.

Lúc đi đến gần lò sưởi, anh suýt vấp phải một chồng giấy bồi lớn và những hộp nhỏ; anh bèn với tay bật diêm châm vào ngọn nến, rồi giở những nắp hộp lên, nghiêng người nhìn vào trong. Đó là những bộ áo quần kiểu rất xưa của lớp người trẻ, những áo choàng cổ cao bằng nhung, những cánh áo gi-lê mỏng rất rộng ngực, những cà-vạt dài thông màu trắng và các đôi giày bóng loáng theo kiểu từ đầu thế kỷ. Anh không dám chạm tay vào

bất cứ món gì, nhưng sau khi lau chùi những vết bẩn trên người, anh khẽ ràng mình khoác lên bên ngoài bộ áo học trò một trong những cái áo choàng lớn, lật chiếc cổ có nếp xếp lên, thay đôi giày đế sắt của mình bằng một đôi giày đánh bóng, rồi sửa soạn xuống thang gác, đầu vẫn để trần.

Xuống đến bậc thang thấp bằng gỗ trong góc cái sân tối tăm, anh chẳng gặp ai cả. Cơn gió đêm lạnh lẽo thổi vào mặt và làm cho một vạt áo choàng bật tung lên.

Anh bước vài bước. Nhờ vào ánh sáng mờ mờ của bầu trời nên tức thì nhận được rõ vị trí nơi này, anh thấy mình đang ở trong một cái sân được bao bọc xung quanh bởi những căn nhà phụ. Tất cả trông cũ kĩ và đổ nát. Những khe trống bên dưới thang lâu mở toác ra bởi vì từ lâu người ta đã gỡ hết các cánh cửa và các ô kính cửa sổ cũng không được thay nên trên mặt tường trơ ra những lỗ hổng đen ngòm. Tuy vậy, toàn thể ngôi nhà bao trùm không khí bí mật của một ngày hội. Một luồng ánh sáng đầy màu sắc từ những ngọn đèn lồng phía cánh đồng chập chờn ẩn hiện khắp các căn phòng ở tầng dưới. Mặt đất được quét dọn sạch sẽ và lớp cỏ mọc hoang được nhổ đi. Sau hết, chú ý kỹ, Meaulnes tin là mình đã nghe từ ở bên dưới, gần ngôi nhà gạch hỗn độn đầy những làn gió làm lay động cành cây trước các ô cửa sổ màu hồng, xanh nhạt và xanh lá cây, có những âm thanh tựa như hát, hay như tiếng nói trẻ con, hoặc tiếng các cô gái nhỏ.

Anh đứng đó, bó mình trong áo choàng giống như người thợ săn nghiêng người lắng tai; thì bỗng thấy một cậu trai nhỏ đáng vẻ trông thật kỳ dị đi ra khỏi căn nhà kế cận trong như nhà hoang. Cậu đội chiếc mũ có chòm hình vòng cung lấp lánh sáng trong đêm như thể được làm bằng bạc, một bộ lễ phục với cổ áo cao tận chân tóc, chiếc gi-lê rất hở ngực và cái quần dài quá mắt cá chân. Con người phong lưu ấy chỉ độ mười lăm tuổi, bước đi trên những đầu ngón một cách nhanh nhẹn kỳ lạ, giống như cả thân hình được nhắc lên bởi những sợi dây thun của cái quần. Cậu chào Meaulnes ở lối đi nhỏ một cách thâm trầm và máy móc mà không ngừng lại; rồi biến mất trong khoảng tối gần tòa nhà chính, trang trại, tòa lâu đài hay một tịnh xá gì đó có cái tháp nhỏ đã đưa dắt chàng học trò đến đây từ buổi xế trưa.

Sau một lúc do dự, Meaulnes tò mò bước theo chân cậu nhỏ kia. Họ đi qua cái sân lớn trông giống như vườn, băng giữa những bụi cây um tùm, vòng quanh ao nuôi cá có hàng rào bao bọc và một cái giếng, cuối cùng đến ngay trước căn nhà chính. Một cánh cửa nặng nề bằng gỗ hình vòng cung đang mở hé, phía trên được khắc chạm mỹ thuật giống như cửa nhà thờ. Cậu công tử kia chạy nhanh vào trong ấy. Meaulnes theo sau, rồi từ những bước đầu tiên trong hành lang, anh thấy mình lọt vào giữa những tiếng cười, tiếng hát, tiếng gọi và tiếng đuổi bắt nhau... mà chẳng thấy bóng dáng ai.

Một lối nhỏ dẫn dài tới tận mút hành lang. Trong lúc do dự không biết nên đi sâu về phía trong hay là nên mở rộng một cánh cửa mà anh nghe có tiếng nói đằng sau đó... thì anh bỗng thấy hai cô gái nhỏ đang rượt đuổi nhau ở đằng xa. Anh liền đi rón rén trên đôi giày để đến gần và bắt cho kịp họ. Có tiếng cửa mở; hai khuôn mặt khoảng tuổi mười lăm đang hồng lên vì khí lạnh buổi tối và cũng bởi chạy dưới những chiếc xe ngựa lớn có dây cương, đột nhiên ló ra rồi tức thì biến mất trong luồng sáng bất ngờ. Một giây sau, họ tự quay lại tiếp tục trò chơi, cái váy nhẹ rộng thùng thình tốc phồng lên làm thoáng lộ ra những đường viền đấng ten từ chiếc quần dài của họ. Sau khi nhón chân xoay một vòng, họ nhảy tọt vào một căn phòng nhỏ và đóng cửa lại.

Đứng đó chốc lát trong hành lang tối om, đôi mắt bị quáng lên, anh lo sợ bị bắt gặp. Dáng vẻ ngập ngừng và vụng về làm cho anh trông giống y như một kẻ trộm. Anh quay người quả quyết bước thì lần nữa lại nghe trong hành lang sâu tối có tiếng chân và giọng nói trẻ em. Đó là hai cậu con trai vừa đi vừa trò chuyện.

“Có phải người ta sắp dọn ăn tối không?” Meaulnes làm gan hỏi họ.

“Hãy đi với chúng em”, đứa lớn nhất trả lời, “bọn em sẽ chỉ cho anh.”

Với sự tin cậy và nhu cầu cần có bạn của trẻ con trong cái đêm trước các ngày hội lớn, chúng nắm bàn tay anh dắt đi. Có lẽ đó là hai đứa bé nhà quê. Người ta đã cho chúng mặc những bộ đồ đẹp nhất: chiếc quần cộc cắt ngắn lên đến bắp đùi để lộ ra đôi giày xanh da trời may theo kiểu xưa từ thế kỷ XVII, chiếc mũ cát kết cùng màu và chiếc nơ đeo cổ màu trắng.

“Mày có biết cô ta không?” một đứa hỏi đứa còn lại.

“Tao á?” đứa nhỏ hơn có cái đầu tròn và đôi mắt khờ khạo nói, “mẹ tao nói với tao là cô ấy có một chiếc áo đen và chiếc khăn choàng cổ, với lại cô ấy xinh đẹp nhưng hơi ngốc.”

“Ai vậy?”, Meaulnes chen vào.

“Ồ, thì là người vợ sắp cưới mà anh Frantz đã đi tìm về ấy mà.”

Rồi trước khi chàng tuổi trẻ có thể nói được điều gì, cả ba đã đến trước cánh cửa căn phòng lớn có cái lò sưởi đang rực sáng. Những tấm ván dài dùng làm bàn ăn được kê trên những giá gỗ, trải khăn màu trắng. Có đủ mọi hạng người đang dùng bữa tối theo nghi thức trang trọng.

CHƯƠNG 14

LỄ HỘI KỶ LẠ (tiếp theo)

Đó là bữa tiệc trong căn phòng lớn có trần thấp, giống như mọi bữa người ta thường mời trước ngày đám cưới ở thôn quê để đãi họ hàng quyến thuộc đến từ xa.

Hai đứa bé buông tay chàng học trò, xông vào một căn phòng gần đó có vọng ra những giọng trẻ con và tiếng thìa đĩa va chạm nhau trên các đĩa thức ăn.

Meaulnes vẽ gan lì, không chút bối rối, đi qua một băng ghế và tìm chỗ ngồi gần hai bà nhà quê. Anh nhanh nhẹn ăn trong sự ngon miệng vô cùng; chỉ một lúc mới ngừng lên nhìn các người cùng bàn và lắng tai nghe câu chuyện của họ.

Dẫu thế, người ta trò chuyện rất ít. Những người này xem ra mới vừa quen biết nhau. Có người hẳn đã đến từ vùng sâu vùng xa, những người khác cũng đến từ các làng mạc xa xôi. Rải rác theo dãy bàn là những cụ già râu dài, lại cũng có cụ mặt mày nhẵn nhụi, có lẽ đều là cựu thủy thủ. Gần đó có nhiều ông lão cũng giống như họ: khuôn mặt rám nắng, đôi mắt lạnh lợi dưới hai hàng lông mày rậm, cái cà-vạt hẹp bản y như những sợi dây giày. Thật cũng dễ dàng nhận biết rằng các người này chưa bao giờ vượt biển hay đi xa khỏi đầu làng họ ở; và nếu họ có đi lão đảo và ngã lăn cả ngàn vòng dưới những trận mưa rào hoặc trong những cơn gió lộng thì đó chỉ là vì họ đã quen đi lại gian khổ - nhưng không nguy hiểm - để đào xới các luống cày đến tận đầu mút cánh đồng nhà họ rồi quay lại tiếp tục cày bừa trên một vạt ruộng nào đó thôi. Đàn bà thì có ít người đến dự, những bà nhà quê với khuôn mặt tròn, nhẵn nheo như quả táo héo, khuất bên dưới những cái mũ trùm đầu được ủi thẳng nếp cẩn thận.

Với tất cả những người cùng bàn, Meaulnes đều không thoải mái và tự tin. Về sau, nhớ lại cảm tưởng ấy, anh tự phân tích rằng: Khi một kẻ đã phạm lỗi nặng không thể tha thứ thì thỉnh thoảng trong hoàn cảnh cay đắng của mình, hẳn vẫn thường mơ rằng “Trên thế gian này rồi sẽ có người tha thứ cho ta.” Và hẳn hay nghĩ đến những người già, những bậc trưởng thượng đầy lòng khoan dung với lời khuyên bảo rằng hãy cứ nên tiếp tục những gì đã làm rồi dần dà những điều ấy sẽ ngày một tốt đẹp hơn thôi.

Trong số những con người thật thà mà anh đã gặp hôm ấy, chắc chắn những người ngồi cùng bàn đã được anh chọn lựa. Về phần người khác thì chỉ là các thanh niên và trẻ con không đáng kể.

Trong lúc ấy, ngồi gần anh, có hai bà già đang trò chuyện với nhau.

“Giá mà mọi thứ đều được sắp xếp ổn thỏa”, người lớn tuổi hơn nói bằng giọng oang oang kỳ dị mà bà đã cố làm cho dịu lại nhưng vô ích, “thì cho dù có sớm lắm, cặp vợ chồng chưa cưới cũng không thể về tới nơi trước ba giờ chiều ngày mai.”

“Chị im đi! Chị làm tôi nổi giận bây giờ”, bà kia đáp với giọng rất bình thản. Bà này đội cái mũ đan bằng len trùm kín cả trán.

“Chúng ta hãy tính xem nào,” người thứ nhất lặp lại không chút bối rối, “một giờ rưỡi trên xe lửa từ Bourges tới Vierzon và bảy dặm bằng đường xe hơi từ Vierzon về tới đây...”

Cuộc bàn cãi tiếp tục, Meaulnes không bỏ sót câu nào. Nhờ vào đó mà anh thấy tình hình sáng sủa hơn một chút: Frantz de Galais là con trai chủ nhân tòa lâu đài này - người đã từng là học sinh hay lính thủy, hoặc có thể là một sĩ quan hải quân tình nguyện mà người ta không mấy rõ... - đã đến Bourges để đón một thiếu nữ về cưới làm vợ. Chàng hẳn phải là một người rất trẻ và rất ngông cuồng, bởi vì với sự chọn lựa kỳ lạ kia cũng như tất cả mọi sắp xếp điều động trong toàn lãnh địa cũng đều chỉ là do sở thích riêng chàng, chàng muốn rằng ngôi nhà mà vị hôn thê bước vào phải giống như một cung điện vào ngày hội. Và để chúc mừng cho sự hiện hữu của cô gái trẻ, chính chàng đã đứng ra mời những đứa nhỏ và những người già hiền lành chân thật kia đến dự tiệc cưới.

Cô dâu chú rể là đầu đề chính mà hai người đàn bà đã xác định trong câu chuyện bàn cãi của họ, còn tất cả mọi điều khác, họ đều bỏ mặc trong sự bí ẩn. Họ tiếp tục không ngừng theo câu hỏi rằng bao giờ thì cặp trai gái trẻ tuổi sẽ trở về? Một người cho là sáng mai, người kia lại bảo đến chiều mai.

“Moinelle khốn khổ, sao lúc nào bà cũng gàn dở thế,” bà cụ trẻ hơn thốt lên.

“Còn chị, Adèle tội nghiệp của tôi, lúc nào chị cũng cứng đầu, bốn năm rồi không gặp mà chị vẫn chẳng thay đổi chút nào”, bà kia trả lời trong một cái nhún vai nhưng giọng nói vẫn rất ôn hòa.

Họ tiếp tục đối chọi với nhau như thế mà chẳng có vẻ gì giận dữ, dù chỉ là chút đỉnh. Meaulnes xen vào với hy vọng được nghe thêm nhiều điều khác nữa:

“Thế vị hôn thê của Frantz có đẹp như người ta nói không?”

Hai bà sững sờ nhìn anh. Chưa có ai từng gặp cô ấy ngoài một mình Frantz. Chính chàng, một đêm trong lúc từ Toulon trở về đã gặp cô đang rất sầu khổ trong vườn hoa, mà ở Bourges người ta gọi là “Vườn Marais”. Cha của cô, một người thợ dệt, đã đuổi cô ra khỏi nhà. Cô đẹp đến nỗi Frantz quyết định tức thì sẽ cưới cô làm vợ. Đó là một câu chuyện lạ lùng, nhưng người cha, ông de Galais và chị của chàng, Yvonne de Galais, luôn luôn cho phép chàng làm những điều chàng muốn.

Với sự cẩn trọng, Meaulnes sắp sửa đặt những câu hỏi khác thì ngay lúc ấy nơi cửa ra vào có một cặp trai gái xinh xắn xuất hiện: đứa bé gái khoảng mười sáu tuổi, mặc áo ngắn bằng nhung và váy có viền đăng ten, cùng với cậu con trai mặc áo cổ cao và chiếc quần bằng thun mềm mại. Họ đi ngang qua nhà ăn, khởi đầu cuộc khiêu vũ bước đôi *Pas De Deux*, những người khác nối đuôi họ.

Bỗng có một nhóm khác vừa chạy băng qua vừa hò hét inh ỏi, theo sau là một gã cao lớn hóa trang thành một chàng hề, mặt mày trắng nhợt, hai tay áo quá dài, đội trên đầu cái mũ nhiều màu và toét miệng cười nhô ra cả hàm răng sún. Hắn phóng vung về từng bước dài giống như thế cứ một bước thì lại phải nhảy một cái, làm cho hai tay áo dài ngoằng đung đưa qua

lại. Các cô gái nhỏ tỏ ra sợ hãi một chút, còn những cậu trai lại cầm tay hẳn một cách thân thiết. Dường như hẳn làm cho lũ trẻ vui thú nên bọn họ chạy theo hẳn với những tiếng la chới lới. Ngang qua chỗ Meaulnes, hẳn nhìn anh bằng đôi mắt lơ đãng. Lập tức, chàng học trò nhận ra con người mày râu nhẵn nhụi kia chính là gã Bohemian đồng hành của ông Maloyau, người mà vừa mới đây đã treo lên móc những cái đèn lồng.

Bữa ăn chấm dứt. Mọi người đứng lên.

Trong hành lang, những trò chơi vòng tròn và những điệu nhảy xứ Provence đã được thiết lập. Đâu đó vang lên tiếng nhạc khiêu vũ điệu menuet.

Meaulnes giấu nửa mặt trong chiếc cổ áo choàng xếp nếp, tự thấy mình biến thành một người xa lạ nào đó. Tuy vậy, cả anh cũng nghe vui thú nên tự động chạy theo sau chàng hề kia như những đứa trẻ, xuyên qua các dãy hành lang của tòa lãnh địa, giống như âm thanh trong bản kịch đang diễn ra trên sân khấu một nhà hát đã vang vọng khắp nơi trong hậu trường.

Cứ như thế, anh tự xen lẫn vào giữa một đám đông vui nhộn ăn mặc kỳ dị cho đến tận khuya. Thình thoảng lại mở một cánh cửa dẫn vào trong căn phòng thấp ngọn đèn lồng ma quái có những đứa trẻ đang vỗ tay ầm ĩ. Lúc khác, trong một góc phòng khách nơi mọi người đang nhảy múa, anh lại bắt chuyện với ai đó ăn mặc bảnh bao và vội vàng thăm hỏi về y phục người ta phải mặc vào ngày hôm sau...

Dần dà, suốt trong cuộc vui đang được thụ hưởng, chỉ một điều làm anh lo ngại là cứ mỗi lúc cái áo choàng mở hé thì anh lại lo sợ người khác thấy được cái áo khoác ngoài học trò mặc bên trong. Vì vậy, có một lúc anh lẩn tránh vào giữa đám người hiền hòa nhất, cũng là nơi tối nhất trong toàn thể tòa lãnh địa. Tại đây, anh không nghe gì cả ngoài tiếng đàn dương cầm từ đâu đó phát ra một cách ngập ngừng.

Anh bước vào trong một căn phòng tĩnh lặng dùng làm phòng ăn có ngọn đèn treo đang tỏa sáng. Nơi đây cũng có tổ chức hội vui, nhưng là hội của thiếu nhi. Có những em bé ngồi trên những cái ghế tròn thấp, lật từng trang quyển sách tranh đang mở ra trên gối; lại có đứa ngồi xõm trên mặt đất trước chiếc ghế, nghiêm trang bày hàng buôn bán; số ngồi gần lò sưởi

thì không nói gì cũng không làm gì cả, chỉ lắng tai nghe ngóng những tiếng ồn ào huyền ảo phát ra từ trong khoảng không gian bao la ở xa xa bên ngoài.

Một cánh cửa phòng ăn mở rộng. Phòng tiếp giáp có tiếng đàn dương cầm vẳng lại. Meaulnes ngẩng cao đầu, tò mò nhìn vào. Đó là một phòng khách nhỏ, trong có một người đàn bà hay cô gái trẻ không rõ, trên vai khoác cái áo choàng rộng màu hạt dẻ, ngồi quay lưng lại mà chơi những điệu khiêu vũ vòng tròn và những đoản khúc một cách rất dịu dàng. Khắp mọi nơi trên chiếc đi văng có sáu, bảy cô cậu nhỏ ngồi ngay ngắn giống như trong một bức tranh, ngoan ngoãn lắng nghe những âm thanh trong buổi chiều muộn, như thể chúng vốn vẫn ngoan như vậy. Chỉ thỉnh thoảng mới có một đứa trong bọn chống cằm lên cổ tay, nhồm dậy trượt dài người xuống mặt đất và chuồn qua phòng ăn, chiếm lấy chỗ của một đứa nhỏ nào đó không còn muốn xem tranh ảnh và đã bỏ đi.

Sau suốt buổi hội vô cùng thú vị nhưng cũng thật náo nhiệt và kỳ dị mà chính anh cũng đã điên đảo chạy đuổi theo sau chàng hề cao lớn kia, giờ anh lại được đắm chìm trong một thứ hạnh phúc êm đềm chưa từng biết. Trong lúc cô gái trẻ vẫn tiếp tục chơi đàn thì anh nhẹ nhàng không để gây tiếng động, trở lại ngồi vào trong phòng ăn và mở ra một trong những quyển sách màu đỏ để rải rác trên bàn rồi bắt đầu đọc một cách lơ đãng.

Chẳng bao lâu, một trong những đứa trẻ đang chơi trên sàn nhà bò đến gần, chồm hai cánh tay leo lên đùi anh để cùng nhìn vào quyển sách; một đứa khác cũng làm y như thế ở đùi bên kia. Vậy là điều này vẽ nên hình ảnh anh từng mơ thấy trong giấc mộng ngày trước. Anh bèn tưởng tượng xa xôi rằng anh đang ở trong nhà riêng của mình lúc đã lập gia đình vào một buổi tối đẹp trời, và người con gái yêu kiều xa lạ đang chơi đàn gần anh kia chính là vợ anh!

CHƯƠNG 15

CUỘC GẶP GỠ

Sáng hôm sau, Meaulnes là một trong số những người tề chỉnh sớm nhất. Như lời người ta đã khuyên, anh bận một bộ trang phục kiểu cổ giản dị màu đen, áo chèn bó sát người, ống tay phồng nơi vai, áo gi-lê khép chéo vạt, đầu đội mũ cao, quần ống rộng che kín cả giày.

Khi anh xuống nhà thì trong sân hãy còn vắng vẻ. Bước đi mấy bước, anh cảm thấy mùa xuân như vừa mới trở lại. Hôm đó khí hậu ấm áp nhất trong cả vụ rét. Mặt trời chiếu sáng như đang ở vào đầu tháng Tư. Bàng tuyết tan, lớp cỏ bóng láng ẩm sương. Trên cành cây, nhiều con chim nhỏ cất tiếng hót. Thỉnh thoảng có một luồng gió ấm lướt qua má chàng trai trẻ.

Giống như những vị khách thức giấc trước chủ nhà, Meaulnes bước ra vườn với ý nghĩ rằng bất kỳ lúc nào cũng sẽ có tiếng chào thân mật, vui vẻ, từ phía sau vọng tới: “Kìa Augustin đã dậy rồi ư?”.

Nhưng anh cứ một mình dạo chơi rất lâu quanh sân và quanh vườn. Xa xa, tại khu nhà lớn, không thấy động đậy gì ở các cửa sổ cũng như tại tòa tháp. Tuy nhiên hai cánh cửa lớn của nguyệt môn đã được mở rộng. Và ở một khung cửa sổ tầng trên, ánh mặt trời chiếu rọi như trong một buổi sáng mùa hè.

Lần đầu tiên, giữa ban ngày, Meaulnes nhìn thấy rõ khung cảnh bên trong khu trang viên. Một bức tường đồ nát đứng chắn ngang giữa khu vườn bỏ hoang và cái sân mới rải cát được cào nhẵn. Đầu khu nhà phụ nơi anh ngủ là những chuồng ngựa xây cất lộn xộn nhưng vui mắt; nơi những góc nhà có những cây nhỏ mọc chen cùng những gốc nho dại. Rừng thông chạy lan tới sát trang viên mà nếu đứng từ phía cánh đồng bằng phẳng bên ngoài nhìn vào sẽ thấy trang viên bị che khuất hết; riêng về phía đông có những sườn đồi màu xanh, lô nhô những mòm đá và rất nhiều gốc thông.

Meaulnes đứng tựa bên tấm rào lỏng lẻo bao quanh ao thả cá trong vườn. Ven bờ còn vương một lớp băng mỏng nhão như lớp bột. Nhìn thấy bóng mình trong bộ trang phục học trò thời xa cũ, phản chiếu trên mặt nước giống như đang nghiêng người xuống từ vòm trời, anh ngỡ như nhìn thấy một Meaulnes nào khác. Đó không phải là anh học trò vừa bỏ trốn trên chiếc xe ngựa nhà quê mà là hình tượng một con người đáng yêu và lãng mạn thường được vẽ trong những cuốn sách đẹp dùng làm phần thưởng cho học trò...

Thấy đã đói bụng, anh bèn rảo bước về phía ngôi nhà chính. Nơi căn phòng rộng đêm qua anh dự tiệc, một phụ nữ nhà nông đang đặt bàn. Liên sau khi anh ngồi xuống trước một chiếc tách bày thành hàng trên đó, người đàn bà rót cà phê cho anh và nói:

“Thưa, ông là người đầu tiên đấy ạ.”

Hết sức e ngại bị bất ngờ nhận ra là một kẻ lạ nên anh không muốn gọi chuyện với người phụ nữ, mà chỉ hỏi mấy giờ có thuyền đưa khách dạo chơi buổi sáng như đã được thông báo. Người đàn bà đáp:

“Thưa ông, phải gần nửa tiếng nữa, đã có ai xuống đâu.”

Tiếp tục lang thang chung quanh ngôi nhà dài có hai chái không đều nhau giống như một giáo đường, Meaulnes tìm xem thuyền đậu ở đâu. Khi vòng tới căn chái hướng nam, anh bỗng trông thấy một cảnh toàn những lau sậy chạy suốt tới chân trời. Nước trong đầm ôm sát chân tường, phía ngoài các cửa lớn có những bao lớn bằng gỗ nhô ra bên lớp sóng vỗ.

Rảnh rồi, anh thơ thẩn rất lâu trên bãi cát giống như con đường ven sông dùng để kéo thuyền, tò mò ngắm những khung kính lớn bám đầy bụi, bên trong là các phòng đồ nát hoang phế, hoặc những nhà kho chứa đầy xe đẩy cút kít, các dụng cụ làm vườn rỉ sét và những chậu hoa đã vỡ. Bỗng từ đầu nhà phía trước mặt, anh nghe có tiếng bước chân trên cát.

Đó là hai phụ nữ, một bà thật già, lưng còng, cùng một cô gái tóc vàng, người mảnh và cao. Bộ váy áo cô mặc, mới nhìn thì anh thấy khác biệt so với mọi bộ y phục hóa trang anh đã chứng kiến đêm trước.

Hai người ngừng lại một lát để ngắm cảnh, trong khi Meaulnes tự nhủ với sự ngạc nhiên (mà sau đó anh tự thấy mình thô lỗ quá):

“Thật đúng là một cô gái kỳ dị! Chắc hẳn là một nữ minh tinh nào, nhân ngày hội đã được đón về.”

Khi hai người đi ngang qua mặt anh, anh đứng lặng yên nhìn cô gái. (Về sau, cứ thường mỗi lần thiếp ngủ sau khi hết sức nhớ lại khuôn mặt xinh đẹp đã lu mờ, anh thấy hiện ra trong giấc mơ một hàng dài những cô gái giống như cô gái hôm nay. Người thì đội chiếc mũ giống cô; người thì giống ở cái vẻ cúi xuống; người khác lại có đúng ánh mắt vô cùng trong sáng đó; người nữa lại có thân hình mảnh mai; và người sau lại có đôi mắt cũng xanh như mắt cô; nhưng không một người nào thật là cô gái ấy cả).

Dưới mái tóc dày màu vàng, anh còn kịp trông thấy khuôn mặt thanh tú nhỏ nhắn được phác lên với những đường nét tinh tế dữ dội. Khi nàng đã đi qua rồi, anh thấy bộ trang phục nàng mặc thật đúng là một y phục nhã nhặn và giản dị nhất.

Do dự, anh không biết có nên theo chân cô gái không thì cô kín đáo quay lại phía anh và nói với người bên cạnh:

“Hình như thuyền sắp tới rồi nhỉ?”

Thế là Meaulnes rảo bước sau nàng. Bà già lưng còng, run rẩy, không ngớt nói chuyện và cười đùa vui vẻ. Cô gái nhẹ nhàng đáp lời. Cho đến khi hai người tới bến, nàng vẫn giữ khóe nhìn ngây thơ mà trang nghiêm như thầm hỏi: “Anh là ai? Anh tới đây làm gì? Tôi không biết anh. Nhưng tôi có cảm tưởng như đã quen anh rồi.”

Khách cũng đã rải rác đứng đợi bên các gốc cây. Ba chiếc du thuyền cập bến sẵn sàng đón họ. Khi người phụ nữ - ý hẳn là chủ tòa lâu đài - và cô gái đi ngang, lần lượt các thanh niên cúi chào rất cung kính và tất cả các thiếu nữ đều nghiêng mình trước họ. Thật là một buổi sáng kỳ diệu! Một cuộc du ngoạn thú vị! Trời vẫn lạnh mặc dù có ánh nắng mùa đông, các bà đều quấn quanh cổ khăn quàng lông, trông như những con trăn lông, vốn là một đang thịnh hành hồi đó...

Bà già ở lại trên bờ. Tình cờ không hiểu sao Meaulnes lại xuống chung một thuyền với cô con gái bà chủ tòa lâu đài. Tựa mình vào mạn tàu, một tay cầm chiếc mũ chỉ chực bay theo gió, anh có đủ thì giờ ngắm kỹ cô gái đang ngồi núp trong một khu kín gió. Nàng cũng nhìn anh. Tươi cười

đáp lời các bạn xong, nàng lại nhẹ nhàng đưa đôi mắt xanh hướng về phía anh, ráng cắn vào môi một chút.

Hai bên bờ yên tĩnh lạ lùng. Chiếc thuyền lướt đi chỉ nghe tiếng máy và tiếng nước vỗ nhẹ, như thể đang giữa mùa hè. Có lẽ thuyền sẽ ghé vào một nơi vườn tược tươi đẹp của một khu nhà mát ở thôn quê và cô gái sẽ mang cây dù trắng đi dạo; cho tới chiều vẫn nghe tiếng chim cu than thở... Nhưng một cơn gió lạnh chợt thổi tới đã nhắc cho các du khách trong buổi lễ hội kỳ diệu này nhớ ra rằng họ đang ở vào tháng Mười Hai mùa đông.

Thuyền ghé trước một khu rừng thông. Trên bến, các du khách đứng sát vào nhau vì phải đợi một lát cho tài công mở khóa cửa lên bờ... (Sau này Meaulnes vẫn còn mang cảm giác thật hồi hộp mỗi khi nhớ lại phút giây mà trên bờ đầm, anh được ghé thật gần khuôn mặt bấy giờ đã tan biến của cô gái! Hai mắt đăm đăm, anh đã ngắm nhìn chăm chú khuôn mặt trông nghiêng thanh khiết kia, đến độ thấy gần như đắm lệt. Anh còn nhớ đã trông thấy, khác nào một điều bí mật tế nhị mà nàng đã trao gửi cho anh, đôi chút phấn dĩnh trên má nàng...).

Trên bờ, mọi sự đều được sắp đặt như trong một giấc mơ. Trong khi từng đám trẻ con cười đùa tản mát trong rừng, Meaulnes bước vào một đường mòn, theo sau chân cô gái đang đi trước anh chừng mười bước. Tới gần cô mà chưa kịp suy nghĩ gì, anh nói rất giản dị:

“Cô đẹp quá!”

Nàng không đáp lời anh, rảo bước rẽ sang một con đường ngang. Nhiều du khách khác chạy chơi quanh những lối đi rộng, ai nấy tự do, mặc sức thả bước. Chàng thanh niên thầm trách mình vì sự vụng về, thô lỗ ngu xuẩn ban nãy. Thơ thẩn bước đi, tin chắc rằng sẽ không tìm lại được con người duyên dáng đó nữa thì chợt anh trông thấy nàng đi ngược lại, bắt buộc phải lướt qua mặt anh trên một lối nhỏ, hai tay đang khép vạt chiếc áo khoác rộng. Chân nàng mang đôi giày đen với khóa để mở; hai cổ chân mảnh mai đến khiến phát sợ, chừng như sắp gãy.

Lần này chàng trai cúi chào và nói nhỏ:

“Xin cô tha lỗi cho tôi!”

Nàng trang nghiêm đáp:

“Tôi tha thứ cho anh! Nhưng tôi còn phải chạy theo bọn trẻ vì hôm nay bọn chúng là chủ hội. Thôi xin từ biệt anh.”

Augustin van nài nàng ngừng lại một lát, giọng nói anh vụng về và bối rối xao xuyến đến nỗi nàng phải chậm bước lại để nghe. Sau nàng nói:

“Tôi cũng không biết anh là ai nữa.”

Nàng phát âm từng tiếng đều đều, chậm từng chữ, nhưng tới chữ cuối cùng thì giọng nói trở nên dịu hơn; sau đó trở lại bộ mặt bình thản, miệng chúm lại một chút, cặp mắt xanh nhìn thẳng ra xa. Meaulnes đáp:

“Chính tôi cũng không biết cô là ai nữa.”

Bấy giờ hai người đi vào một khúc đường không có bóng rợp, từ xa đã trông thấy các du khách tíu tít quanh một căn nhà trơ trọi giữa đồng. Cô gái nói:

“Đây là nhà của Frantz. Tôi phải từ biệt anh...”

Nàng do dự, mỉm cười nhìn anh và nói:

“Tên tôi ư?... Tên tôi là Yvonne de Galais...”

Rồi cô gái chạy mất.

“Nhà của Frantz” khi đó không có người ở. Nhưng Meaulnes thấy các du khách chen chúc bên trong lên cả tới tầng gác xép. Anh cũng chẳng có bụng dạ nào ngắt kỷ nơi đang đứng; mọi người vội vàng ăn một bữa toàn là những món nguội đem theo ở dưới thuyền, lối ăn này không hợp thời chút nào, nhưng hẳn đó là ý muốn của bọn trẻ; ăn xong thì trở về.

Meaulnes tiến lại gần cô de Galais khi trông thấy nàng bước ra. Anh định trả lời câu nói của nàng khi này:

“Cái tên tôi sắp nói với cô còn đẹp hơn nhiều.”

Nàng vẫn trang nghiêm như trước:

“Sao ạ? Tên gì cơ?”

Nhưng ngại rằng vừa lỡ nói ra một lời ngu xuẩn nên anh không đáp. Sau anh tiếp:

“Tên tôi là Augustin Meaulnes. Tôi đi học.”

Nàng nói:

“Ô! Anh đang đi học!”

Câu chuyện được tiếp tục trong một lát. Họ nói rất chậm, tràn đầy hạnh phúc, tràn đầy tình bạn. Thái độ cô gái thay đổi dần: không xa xôi, trang nghiêm như trước, nhưng bây giờ xem ra như trong lòng có điều e ngại, như thể nàng sợ nghe những lời anh sắp bày tỏ và lấy làm bối rối ngay từ lúc anh chưa mở miệng. Đứng bên anh, dáng nàng run rẩy mỏng manh, như một con chim én vừa chạm chân xuống đất nhưng đã run rẩy muốn bay lên.

Đáp lại những dự định mà anh trình bày, nàng liền hồi đáp:

“Vô ích! Vô ích!”

Nhưng khi anh bạo dạn xin phép một ngày kia được trở lại thăm trang viên tốt đẹp này thì nàng chỉ đơn giản nói:

“Tôi chờ anh.”

Tới gần bến thuyền, nàng chột ngừng lại, vẽ mơ màng:

“Chúng ta như hai đứa trẻ; chúng ta đã điên rồ trong một lúc. Lần này không nên xuống cùng một thuyền nữa. Thôi từ biệt, xin anh đừng đi theo tôi nhé.”

Meaulnes đứng sững trong giây lát, nhìn theo nàng. Sau cùng rồi anh cũng bước. Lúc đó, ở phía xa xa, khi sắp lặn vào trong đám đông du khách, cô gái ngừng lại quay về phía anh. Lần đầu tiên nàng nhìn anh rất lâu. Phải chăng nàng có ý ngăn anh không được đi theo nàng? Hay nàng còn có câu gì muốn nói với anh?

Khi mọi người về tới trang viên thì cuộc đua ngựa được bắt đầu trên một bãi cỏ rộng, ở sườn đồi, ngay phía sau trại. Đó là phần cuối cùng của ngày hội. Theo dự tính, cặp vợ chồng chưa cưới phải về kịp để dự cuộc đua và Frantz sẽ đứng ra điều khiển mọi sự.

Tuy nhiên cuộc đua phải khởi sự mà không có mặt Frantz. Các cậu trai trang phục áo quần kỵ mã, còn các cô gái bận kiêu nữ kỵ binh. Con trai thì dẫn những con ngựa non còn hăng máu được trang điểm bằng những vải lụa, còn con gái thì cỡi những chú ngựa già dễ bảo. Giữa những tiếng cười, tiếng la của trẻ con, những lời thách đố và những tiếng chuông ngân dài, quang cảnh buổi hội giống như trong một trường đua ngựa nhỏ xíu trên thảm cỏ màu xanh lục.

Meaulnes nhận ra cậu nhỏ Daniel và mấy cô gái đội mũ có lông chim hôm trước đã trò chuyện với nhau ở lối đi trong rừng...

Cuộc đua không hề khiến anh chú ý, mà anh chỉ hồi hộp mong thấy trong đám đông chiếc mũ duyên dáng có điểm những bông hồng cùng chiếc áo choàng màu hạt dẻ. Nhưng cô de Galais không có mặt. Anh còn đang tìm kiếm thì một hồi chuông cùng những tiếng la vui vẻ báo hiệu cuộc đua chấm dứt. Một cô gái chiếm giải nhất. Cô bé hân hoan cỡi con ngựa già lông trắng đi qua, dải mũ phất phơ trước gió.

Rồi mọi thứ trở lại im lặng. Cuộc đua đã hết mà Frantz vẫn chưa về. Mọi người đang do dự trong chốc lát; bàn bạc với nhau một cách ngượng ngịu. Sau cùng, từng nhóm một, ai về phòng nấy, lo lắng đợi chờ sự trở về của đôi tân hôn.

CHƯƠNG 16

FRANTZ DE GALAIS

Cuộc đua ngựa kết thúc sớm khoảng bốn giờ rưỡi chiều. Trời hãy còn sáng khi Meaulnes trở về phòng, trong đầu tràn đầy những biến cố kỳ lạ xảy ra trong ngày. Không có việc gì để làm, anh bèn ngồi trước bàn, đợi bữa ăn tối và buổi dạ hội sẽ tiếp nối sau đó.

Gió thổi mạnh giống như đêm qua, nghe y hệt tiếng dòng nước xoáy hay tiếng thác đổ ào ào. Tấm chăn trước lò sưởi thỉnh thoảng lại đập mạnh.

Lần đầu tiên Meaulnes cảm thấy trong lòng có nỗi khắc khoải nhẹ nhẹ xâm chiếm, như điều vẫn xảy ra cho con người vào những lúc sắp tàn của những tháng ngày quá đẹp. Sau một hồi, anh nghĩ đến việc đốt lò sưởi, nhưng cố gắng mãi vẫn không nhắc lên nỗi tấm chăn trước mặt lò đã han gỉ. Anh bèn quay ra xếp đồ đạc trong phòng, treo những chiếc áo đẹp lên móc, xếp dọc theo tường mấy chiếc ghế bỏ lung tung, như thể chính anh đang muốn lưu lại nơi đây một thời gian dài.

Nhưng nhớ ra cần phải sẵn sàng để có thể rời đi bất cứ lúc nào, anh xếp cẩn thận lên lưng ghế chiếc áo khoác ngoài cùng các quần áo học trò khác, như cái cách vẫn làm với một bộ đồ để bạn khi đi xa. Anh chuỗi đôi giày có đóng đế sắt hãy còn lấm lem bùn đất vào găm ghế. Rồi khi bình tâm hơn, anh ngồi xuống ngắm nghía khắp căn phòng vừa mới được sắp xếp lại cho tề chỉnh. Thình thoảng, một giọt mưa rơi, vẽ một vệt dài trên mặt tấm kính cửa sổ xuống khoảng sân đậu đầy xe và nhìn ra cánh rừng thông.

Từ khi thu dọn xong căn phòng, anh chàng cao lớn cảm thấy hoàn toàn thư thái. Anh đứng đó, bí ẩn, xa lạ, giữa một khung cảnh không quen biết, trong một nơi chốn tự anh lựa chọn. Những gì đã nhận được thì vượt

quá xa mọi hy vọng của anh. Bây giờ còn sung sướng nào hơn là hồi tưởng lại khuôn mặt nàng thiếu nữ khi quay lui nhìn anh trong gió lộng...

Trong cơn mơ màng say đắm, trời đã tối đen mà anh quên không tắt nến. Một luồng gió làm lay động cánh cửa phòng treo áo có khung cửa sổ cũng trông xuống chỗ sân nhiều xe đậu. Meaulnes định bước đến đóng nó lại thì bỗng thấy thấp thoáng một luồng ánh sáng như ánh sáng của ngọn nến tắt trên bàn. Có ai vừa hiện hữu, hẳn là bằng lối cửa sổ, và đang nhẹ nhàng đi lại chung quanh. Cố nhìn cho kỹ, Meaulnes nhận ra một thanh niên còn rất trẻ. Đầu trần, chiếc áo khoác đường xa choàng trên vai, anh ta đi đi lại lại mãi như muốn điên lên vì một nỗi đau không thể bộc lộ. Gió từ khung cửa để mở thổi bay chiếc áo khoác ngoài, mỗi lần anh đến gần ngọn nến, hàng khuy mạ vàng trên áo lóe sáng, trông rất đẹp.

Anh huyết sáo nhẹ nhẹ một điệu nhạc của lính thủy, như kiểu các thủy thủ vẫn hát cùng bọn con gái trong các quán rượu ở bến tàu. Đang nóng nảy đi lại, anh bỗng ngừng lại, cúi xuống bàn, kiểm trong chiếc hộp một tập giấy...

Qua ánh nến, Meaulnes nhìn thấy một khuôn mặt rất thanh tú, sống mũi cao, không có râu nhưng tóc rậm rẽ ngôi lệch. Chàng trai thôi không huyết sáo nữa, da mặt tái xanh, đôi môi hé mở, xem chừng kiệt lực như vừa bị đâm một cú mạnh vào giữa ngực.

Meaulnes lưỡng lự không biết nên kín đáo rút lui hay tiến lại như bạn bè chân tình đặt tay lên vai anh mà gọi chuyện. Nhưng vừa khi ấy, chàng trai trẻ ngẩng đầu lên và nhìn thấy Meaulnes. Chàng nhìn anh một lát, rồi tiến tới gần, cố lấy giọng rắn rỏi nói:

“Thưa ông, tôi không quen ông. Nhưng tôi rất sung sướng được gặp ông. Nay nhân có ông ở đây, tôi phải giải bày tất cả với ông mới được. Đây!...”

Chàng trai trẻ xem ra luống cuống lắm. Sau khi thốt ra chữ cuối cùng, chàng liền nắm lấy ve áo Meaulnes như để tập trung ý nghĩ. rồi quay mặt ra phía cửa sổ như muốn cân nhắc trước những điều sẽ nói, anh chớp nhanh đôi mắt. Meaulnes hiểu rằng anh đang muốn khóc vô cùng.

Bất thần nuốt xuống bao nhiêu đau đớn của tuổi thanh xuân, đôi mắt vẫn nhìn thẳng ra ngoài cửa sổ, chàng trai lên tiếng bằng một giọng nhọt nhạt:

“Đây, thế này: kết thúc rồi! Buổi lễ hội đã chấm dứt. Ông có thể xuống cho mọi người hay như vậy. Tôi trở về chỉ một mình. Ý trung nhân của tôi không tới đây. Vì nghi ngại, vì sợ hãi, vì thiếu tin tưởng. Và lại, thưa ông, tôi sẽ giải thích cho ông hiểu...”

Nhưng chàng không thể tiếp tục; cả gương mặt nhăn nhúm, chẳng giải thích gì hết.

Chợt chàng quay gót, chạy vào bóng tối lục lọi trong những ngăn kéo đầy áo quần sách vở và nói:

“Tôi sửa soạn để ra đi nữa đây. Đừng ai làm phiền tôi hết.”

Anh xếp trên bàn nhiều thứ, một hộp đồ dùng rửa mặt, một khẩu súng ngắn...

Meaulnes bối rối quá, bước lùi ra cửa, không dám nói lời nào với chàng trai, cũng chẳng bắt tay chào nữa.

Dưới nhà khách khứa dường như cũng đã đoán ra được điều gì đó. Hầu hết các cô gái đều đã thay váy áo. Trong nhà chính, bữa tối đã bắt đầu, nhưng vội vàng lộn xộn, giống như trong những bữa ăn khi người ta sắp sửa phải khởi hành.

Mọi người không ngớt chạy đi chạy lại từ nhà bếp và phòng ăn tới những căn buồng phía trên xuống đến khu chuồng ngựa.

Những người đã ăn xong thì hợp thành từng nhóm và đang giã từ nhau. Meaulnes hỏi một anh nông dân đang ăn vội cho xong bữa, đầu đội mũ dạ, tấm khăn ăn cài trên áo gi-lê:

“Có chuyện gì thế?”

Chàng kia đáp:

“Chúng tôi ra về. Quyết định đột ngột. Lúc năm giờ chỉ còn toàn là khách. Chúng tôi đã đợi tới những giây phút cuối cùng. Cặp vợ chồng chưa cưới không thể về kịp. Có người ngỏ ý: ‘Hay chúng ta cáo từ?’. Thế là tất cả đều sửa soạn ra về thôi.”

Meaulnes im lặng. Bây giờ dẫu ra đi, anh thấy cũng không có chi trở ngại. Anh đã chẳng tiến đến tới cùng cuộc phiêu lưu hay sao? Lần này anh đã chẳng nhận được hết những gì anh ao ước? Anh không còn kịp để hồi tưởng lại câu chuyện đẹp trao đổi ban sáng. Bây giờ phải lên đường. Nhưng rồi đây anh sẽ trở lại - lần ấy sẽ không phải mạo nhận nữa.

Người nông dân kia cũng trạc tuổi Meaulnes, nói tiếp:

“Nếu anh cùng về với bọn tôi thì hãy mau thay quần áo. Chúng tôi thắng ngựa xong ngay đây.”

Meaulnes vội chạy đi, bỏ mặc bữa ăn đang dang dở, cũng quên không nói cho các vị khách biết điều anh đã được biết. Đồng cỏ, khu vườn và mảng sân trước tối om. Đêm hôm đó không còn đèn lồng treo ở các cửa sổ nữa. Nhưng dù sao bữa ăn này cũng giống như những bữa ăn sau cùng của đám cưới, các khách mời bất lịch sự hẳn đã uống say, rồi bắt đầu hát. Càng ra xa, anh càng nghe thấy những điệu hát quán rượu văng vẳng tới tai, tiếng hát từ khu vườn mà hai bữa nay đã chứa đựng bao nhiêu lạ lùng, bao nhiêu duyên dáng. Và bây giờ là lúc bắt đầu của bối rối, tàn phai.

Anh đi ngang ao thả cá, nơi mà mới sáng nay anh vừa ngắm bóng mình. Mọi sự xem ra đã thay đổi hết - cùng với bài hát kia, được mọi người đồng thanh hát lại, anh nghe thấy thấp thoáng từng đoạn:

“Em từ đâu trở lại

Hỡi nàng kỹ nữ?

Mũ em rách

Đầu tóc em rối bù...”

Hoặc bài này nữa:

“Giày của tôi màu đỏ

Thôi từ biệt bạn tình

Giày của tôi màu đỏ

Thôi từ biệt, không ngày trở lại!”

Khi tới chân cầu thang căn phòng ở tạm, có người nào đó từ trên đi xuống đụng phải anh trong bóng tối và nói với anh: “Xin từ biệt ông!”, rồi thu mình trong chiếc áo khoác như thể đang lạnh lắm, và biến mất.

Người đó là Frantz de Galais.

Ngọn nến Frantz để lại trong phòng vẫn cháy sáng. Không vật gì bị xáo trộn. Chỉ những hàng dưới đây, viết trên một tờ giấy mỏng, để nơi dễ trông thấy:

“Ý trung nhân của tôi đã biến mất, có nhờ người cho tôi hay rằng cô ta không thể làm vợ tôi; rằng cô ta chỉ là một cô thợ may chứ không phải một nàng công chúa. Tôi không biết sẽ ra sao đây. Tôi bỏ đi. Tôi không còn thiết sống nữa. Xin chị Yvonne tha lỗi cho tôi bởi tôi không chào từ biệt chị, nhưng chị cũng chẳng thể nào giúp được gì cho tôi...”

Cây nến cháy tới hết, bốc lập lòe, lan ra trong một giây rồi tắt ngấm. Meaulnes trở về phòng mình, đóng cửa lại. Mặc dầu trong bóng tối, anh cũng nhận biết được các đồ vật mà trước đây mấy giờ, lúc ban ngày, đang khi tràn đầy hạnh phúc, anh đã thu dọn lại. Từng món một, rất trung thành, từ đôi giày to tướng cho tới chiếc dây lưng thô kệch có khóa bằng đồng. Anh cởi áo ra rồi lại mặc vào rất nhanh, nhưng khi bỏ xuống ghế những món quần áo mượn, anh đã lơ đãng bận lăm vào người chiếc áo gi-lê.

Cái sân dưới khung cửa sổ đã bắt đầu ồn ào náo nhiệt. Người lôi kéo, kẻ la gọi, xô đẩy nhau, ai cũng muốn nhanh nhanh lấy xe của mình ra khỏi bãi xe chen chúc lộn xộn. Thỉnh thoảng có người trèo lên một chiếc xe bò, hay leo lên mui một chiếc xe chở hàng, dùng đèn xe chiếu quanh. Ánh đèn chiếu sáng khung cửa sổ: trong khoảnh khắc, chung quanh căn phòng đã trở nên quen thuộc và mọi món đồ đều như có cảm tình với anh, bỗng trở nên sống lại, rung động... Với tâm trạng như vậy sau khi đã đóng kỹ cánh cửa ra vào, Meaulnes rời khỏi cái nơi kỳ bí mà có lẽ không bao giờ anh còn trở lại.

CHƯƠNG 17

LỄ HỘI KỲ LẠ (hết)

Trong đêm tối, đã có một hàng dài những xe chạy chậm chậm ra phía cổng ở ven rừng. Đi đầu là một người bận một tấm da dê, một tay xách chiếc đèn, một tay cầm sợi dây cương của con ngựa ở cỗ xe đầu.

Meaulnes vội vã kiểm xem có ai chịu cho quá giang không. Trong thâm tâm, anh vẫn lo sợ như phải ở lại khu trang viên này một mình thì vụ mạo nhận của anh bị đổ bể.

Khi anh đi tới trước khu nhà chính, các người đánh xe đang sắp đặt lại số người trên các xe cuối cùng. Người ta bảo các hành khách đứng dậy để kéo lại gần hay đẩy ra xa những ghế ngồi; các cô gái quấn mình trong những tấm khăn to, rất ngượng ngùng khi phải đứng lên, tấm mền rút xuống chân; có những bộ mặt e ngại cúi xuống trước ánh đèn xe. Từ một trong những cỗ xe đó, Meaulnes nhận ra anh chàng nông dân ban nãy đã mời anh cùng đi. Anh nói to với anh ta:

“Tôi lên có được không?”

Người kia không nhận ra anh nữa, hỏi:

“Anh đi đâu?”

“Về Sainte-Agathe.”

“Nếu vậy phải hỏi xe nhà Maritain.”

Thế là cậu học trò lại phải đi kiểm trong số những du khách còn chậm lại xem ai là ông Maritain không quen biết nọ. Người ta chỉ cho anh một trong những người còn la cà uống rượu và hát ở trong bếp. Họ nói:

“Ông ấy là tay ham chơi. Có lẽ còn ở đó cho tới ba giờ sáng.”

Trong khoảnh khắc, Meaulnes nghĩ tới cô con gái mỏng manh, vừa lên cơn sốt vừa buồn rầu mà lại còn phải nghe mãi cho tới nửa đêm trong trang

viên của mình giọng hát vang của những gã nông dân say rượu. Không biết cửa sổ phòng nàng ở đâu trong căn nhà bí mật này?

Tuy nhiên chàng học trò không có lý do gì để nán lại thêm nữa. Phải ra đi ngay. Một khi trở về Sainte-Agathe, mọi sự sáng tỏ, anh sẽ hết là cậu học trò bỏ trốn; ở đó, anh lại có thể nghĩ tới cô con gái chủ nhân tòa lâu đài.

Từng chiếc một, các cỗ xe chạy đi; bánh nghiền cát trên những lối rộng. Trong bóng tối, người ta trông thấy chúng quanh vòng lại rồi biến mất, trên xe những phụ nữ quấn kín mình trong những quần áo ấm, những trẻ nhỏ trùm chăn đã bắt đầu ngủ say. Một xe chở hàng lớn, rồi lại một xe thổ mộ có các bà ngồi chen chúc sát vai nhau chạy qua khi Meaulnes đang sững sờ đứng trước bức cửa. Sau cùng chỉ còn lại một chiếc xe cổ có mái của một nông dân bận áo khoác. Nghe anh giải thích, ông ta nói:

“Cậu lên đi, chúng tôi cũng về qua lối đó.”

Khó nhọc lắm Meaulnes mới mở được cánh cửa xe cũ kỹ, kính rung rung, còn bản lề thì kêu cọt két. Trên chiếc ghế nơi góc, có hai đứa nhỏ đang ngủ, một trai một gái. Nghe động và bởi gió lạnh, chúng tỉnh dậy, giơ tay ra, mơ màng ngó, rồi rét run lên, chúng lại chui vào góc xe ngủ tiếp.

Chiếc xe lăn bánh. Meaulnes nhẹ nhàng đóng cửa rồi cẩn thận ngồi xuống ở góc bên kia. Anh hăm hở cố gắng nhìn qua ô kính cái nơi mà anh sắp rời bỏ và con đường mà anh đã qua. Mặc dù đêm tối, anh cũng đoán được chiếc xe đang chạy trong sân, ra vườn, ngang chỗ chân cầu thang đưa lên phòng anh ngủ, rồi ra cổng, vượt khỏi khu trang viên để tiến về phía rừng.

Qua tấm kính cửa, anh thấy thấp thoáng những cây thông lướt nhanh. Anh hồi hộp nghĩ: “Không chừng ta sẽ gặp Frantz de Galais dọc đường.”

Đột nhiên, tới một quãng hẹp, chiếc xe lách ngang để khỏi phải đụng vào một vật chướng ngại nào đó. Trong đêm tối, nhờ hình thù to lớn mà người ta có thể đoán chừng nó là nhà xe di động đậu giữa đường, có lẽ nằm đó từ đã mấy ngày qua trong buổi lễ hội.

Vượt qua chướng ngại, ngựa bắt đầu chạy nước kiệu. Dẫu thấy mệt vì phải ngó qua khung kính nhưng Meaulnes cũng cố gắng một cách vô ích nhìn sâu vào đêm tối của cánh rừng. Bỗng có một tia chớp, tiếp theo là một

tiếng nổ vang lên. Ngựa phóng nhanh khiến anh không hiểu là người đánh xe đang cố ghì ngựa lại hay đang thúc cho chúng chạy mau hơn. Anh muốn mở cửa xe, nhưng quả nằm lại ở phía ngoài. Anh lại cố gắng hạ kính xuống mà không được nên bèn lay cánh cửa. Hai đứa trẻ bị thức giấc, hoảng sợ nép vào nhau, im thin thít.

Trong khi đang lay cánh cửa, mặt dán vào khung kính, Meaulnes chợt trông thấy nơi khúc quanh có một bóng trắng đang chạy. Đó là anh chàng Pierrot gặp trong đám hội, anh chàng Bohemian bận quần áo trá hình, dáng vẻ ngơ ngác, kinh hoàng, trong tay ôm một xác người ghì vào ngực. Rồi tất cả đều tan biến.

Trên chiếc xe đang chạy nhanh giữa đêm tối, hai đứa trẻ đã ngủ say. Meaulnes chẳng có ai để chuyện trò về những biến cố bí mật trong hai ngày vừa qua. Sau khi ôn lại rất lâu trong óc những gì đã trông thấy, quá sức mệt mỏi, tâm tư lại dao động, chàng thanh niên cũng ngủ thiếp đi như một đứa trẻ có chuyện buồn...

Trời chưa sáng hẳn khi chiếc xe ngừng lại. Meaulnes bị đánh thức dậy bởi tiếng gõ vào kính cửa. Người đánh xe mệt nhọc lắm mới mở được cửa, và qua tiếng gió ban đêm làm cho cậu học trò lạnh thấu tới xương, ông ta bảo:

“Cậu phải xuống ở đây thôi. Trời sắp sáng đấy. Chúng tôi sắp rẽ lối khác. Đã về gần tới Sainte-Agathe rồi.”

Meaulnes vâng lời nhồm dậy, mơ màng kiểm chiếc mũ lưỡi trai bị rơi xuống chỗ chân hai đứa bé đang ngủ, trong góc tối, xong khom người chui ra khỏi xe. Người đàn ông trở lại chỗ ngồi của mình và nói:

“Thôi chào cậu. Chỉ còn chừng sáu cây số nữa thôi. Kia kìa, cột cây số ở ngay bên vệ đường.”

Vẫn chưa tỉnh hẳn, thân hình cúi về đằng trước, Meaulnes bước lê từng bước, hai tay vòng trước ngực như tuồng muốn ngủ nữa. Người đánh xe la lên:

“Ôi giờ, không được! Không ngủ ở đây được đâu! Trời lạnh lắm! Đứng dậy đi đi...”

Loạng choạng như người say rượu, chàng học trò thọc tay vào túi, vai
thông xuống, chậm chạp tiến về hướng Sainte-Agathe. Trong khi đó, chiếc
xe có mui, tàn tích cuối cùng của buổi lễ hội kỳ lạ, đang rời khỏi con đường
đá, chạy ra xa, lặng lẽ gập ghềnh trên cỏ; cái mũ của người đánh xe lấp ló
bên trên những hàng giậu.

TẬP II

CHƯƠNG 1

CUỘC CHƠI LỚN

Gió lớn, trời lạnh, mưa rơi, tuyết phủ, những khó khăn làm chậm chạp sự tìm kiếm... đã là những thứ buộc Meaulnes và tôi không thể dấn động tới cái xứ sở xa lạ kia trước khi chấm dứt mùa đông. Chúng tôi không cách nào bắt tay vào một công việc gì cho đứng đắn trong những ngày tháng Hai ngắn ngủi với những ngày thứ năm lộng gió mà thường thường cứ vào khoảng năm giờ chiều lại được chấm dứt bằng một trận mưa lạnh cồng, buồn nản.

Không có gì nhắc nhở cuộc phiêu lưu của Meaulnes ngoài sự kiện kỳ lạ là từ ngày anh trở về thì chúng tôi không còn người bạn nào nữa. Những giờ ra chơi cũng vẫn các trò như cũ được tổ chức, nhưng Jasmin không bao giờ nói một lời với Meaulnes. Những buổi chiều, ngay sau khi lớp học được quét dọn sạch sẽ, ngoài sân lại vắng bóng người, giống như hồi tôi chỉ có một mình, tôi thấy anh bạn tôi cứ lang thang từ ngoài vườn vào trong nhà kho và từ ngoài sân tới phòng ăn.

Những buổi sáng thứ năm, tôi và anh ngồi riêng rẽ tại bàn thầy giáo trong hai lớp học để đọc sách của Rousseau và Paul-Louis Courier lục thấy trong các tủ, nằm lẫn giữa những sách học Anh văn và những cuốn vở chép các bản nhạc rất tinh tế. Buổi chiều có khách, chúng tôi phải rời khu nhà ở để đi ra khu trường học. Đôi khi cũng nghe thấy từng đám học trò lớn dường như vô tình ngừng lại, đập mạnh vào cánh cổng nhân một trò chơi vô biên khó hiểu, rồi lại bỏ đi.

Cuộc sống buồn chán đó tiếp tục cho đến hết tháng Hai. Tôi bắt đầu tin rằng Meaulnes đã khuây khỏa. Bỗng một cuộc phiêu lưu còn kỳ lạ hơn cuộc phiêu lưu trước xảy ra đã báo cho biết rằng tôi đã lầm: Có một cuộc

khủng hoảng dữ dội đang được sửa soạn hình thành dưới bộ mặt buồn tẻ của cuộc sống mùa đông.

Một tối thứ Năm vào cuối tháng Hai, tin tức thứ nhất về trang viên kỳ lạ, đợt đầu của cuộc phiêu lưu không được nhắc đến nữa, được đưa tới cho chúng tôi.

Trong nhà, mọi người vẫn chưa đi ngủ. Ông bà tôi đã trở về quê, chỉ còn Millie và cha tôi cùng với hai chúng tôi mà thôi (cha mẹ tôi không ngờ lớp học đã bị chia thành hai phe đối nghịch).

Lúc tám giờ, Millie mở cửa để quăng ra ngoài những mẫu thức ăn thừa của bữa tối, bỗng kêu lên “Chà!” bằng cái giọng trong trẻo đến nỗi tất cả đều chạy tới để xem có chuyện gì. Nơi bậc cửa, tuyết xuống đầy. Vì trời tối nên tôi bước vài bước ra ngoài để xem xét. Những bông tuyết nhẹ rớt xuống mặt tôi rồi tan lập tức. Tôi bị gọi vào ngay. Millie vừa rét run vừa đóng cửa lại.

Tới chín giờ, chúng tôi sửa soạn đi ngủ; mẹ tôi tay đã cầm đèn, thì chợt cả nhà nghe rõ ràng có tiếng đập hai lần rất mạnh vào cánh cổng ở mãi tận cuối sân. Mẹ tôi đặt lại cây đèn lên bàn. Những người khác đều đứng im, dỏng tai nghe ngóng.

Chẳng ai nghĩ đến việc ra ngoài tìm xem có chuyện gì, bởi vì trước khi đi hết một quãng sân thì ngọn đèn đã tắt. Im lặng một lúc ngắn rồi cha tôi sắp quen lệ mà bảo “Chắc hẳn...”, thì bỗng có một tiếng còi ré lên inh ỏi, kéo dài đến mãi tận phố Nhà Thờ, vang lên ngay dưới khung cửa sổ phòng ăn mở ra con đường về phía Nhà Ga. Liên sau đó, có những tiếng la the the: “Bắt lấy nó! Bắt lấy nó!” Từ phía đầu nhà bên kia cũng phát ra những tiếng la đáp lại như vậy. Bọn người đang la gào ấy chắc phải đi ngang cánh đồng của ông già Martin rồi leo qua bờ tường thấp ngăn cách cánh đồng với cái sân nhà tôi. Bằng giọng trại đi của khoảng tám hay mười người, những tiếng “Bắt lấy nó!” cứ vang lên liên tục và ở khắp mọi nơi - cả trên mái nhà chứa rượu mà chắc hẳn bọn họ leo tới được bằng cách trèo lên đồng củi xếp cạnh tường; cả trên bức tường thấp nối liền nhà kho với cánh cổng lớn có cái bờ được đắp tròn nếu cỡi bên trên thì rất tiện y như cỡi ngựa; cả về phía có hàng rào sắt trèo qua rất dễ, mở ra ngã xuống Nhà Ga,... Sau hết, ở phía

sau vườn, một bọn chậm chân cũng vừa tới, cùng một điệu như vậy, nhưng chuyển này lại la: “Tấn công!”

Chúng tôi nghe thấy tiếng la của họ vọng vang trong các lớp học bỏ trống mà cửa sổ vừa bị mở từ chính bàn tay những người này.

Meaulnes và tôi biết hết mọi ngõ ngách của khu nhà lớn cho nên nhận biết ngay tất cả những điểm đang bị bọn kia tấn công.

Thật ra ở những phút đầu chúng tôi cũng cảm thấy thực sự sợ hãi. Tiếng còi khiến cả nhà nghĩ rằng đang bị bọn ăn trộm và bọn Bohemian phá quấy. Vừa vặn từ nửa tháng qua ai cũng thấy ở ngoài công trường phía sau nhà thờ có một tên bất lương đi cùng một thanh niên đầu quấn băng kín. Ở tiệm các nhà đóng xe và đóng móng ngựa cũng thấy xuất hiện những người thợ làm đồng không phải là người trong vùng này.

Nhưng, liền sau khi nghe những tiếng la, ai cũng tin là đang bị rắc rối với bọn thanh niên ngoài phố. Trong đám người đang tấn công khu nhà chúng tôi như người ta tấn công một chiếc tàu chắc cũng có cả đám thiếu niên - cứ nghe tiếng nói the thé của chúng thì biết.

Cha tôi kêu lên:

“À, ra thế!”

Còn Millie thì hỏi nhỏ:

“Vậy là nghĩa lý gì?”

Bỗng dừng những tiếng la ngoài cổng và ở cạnh tường có rào sắt - rồi cả ở cửa sổ - đều im bật. Từ bên ngoài ré lên hai tiếng còi. Những giọng la của bọn leo lên chỗ kho chứa rượu, cũng như của bọn ở ngoài vườn đều dịu dần rồi tắt hẳn. Khi đó lại nghe thấy dọc theo bờ tường cạnh phòng ăn có nhịp chạy của cả đám đang vội vã rút lui, tiếng chân bước được lớp tuyết phủ làm cho nhẹ bớt.

Chắc chắn là có kẻ tới phá đám bọn họ. Vào giờ này ai nấy đều đi ngủ nên họ tưởng có thể tự do tấn công căn nhà chơ vơ ở đầu làng, nhưng bỗng có người tới phá mất kế hoạch của họ.

Chúng tôi vừa bình tĩnh lại - vì cuộc tấn công bất ngờ giống như một cuộc tấn công chiến thuyền được tổ chức chỉ huy hăn hoi - và sắp sửa mở

cửa ra xem thì một giọng nói quen thuộc đang vang lên ở ngoài cổng sắt nhỏ:

“Ông Seurel! Ông Seurel!”

Đó là ông Pasquier, chủ tiệm thịt bò, một người lùn và mập đang chùi giày trên bậc cửa, rũ tuyết bám trên áo khoác ngoài rồi bước vào. Vẻ mặt ông ta vừa láu lỉnh vừa hốt hoảng, y như vẻ của người vừa mới tóm được sự bí mật trong một vụ gì kỳ quái lắm:

“Tôi đang đứng ngoài sân nhà tôi về phía trông ra Công viên Ngã Tư. Đang sắp sửa đóng cửa chuồng dê, tôi chợt trông thấy giữa đám tuyết bay có hai thằng cha, vẻ như đang canh gác hay rình mò gì đó. Họ đứng về phía cây thập tự. Tôi tiến tới, nhưng mới bước được hai bước thì - “hấp!” hai thằng vội rảo chạy về phía nhà ông, úi chao, không ngần ngại gì cả, tôi xách vội cái đèn, định bụng: Ta phải tới kể chuyện này cho ông Seurel nghe mới được.”

Rồi ông ta tiếp tục kể lại câu chuyện:

“Tôi đang đứng ngoài sân, phía sau nhà tôi...”

Tới đó, chúng tôi đưa mời ông một ly rượu ngọt; ông nhận; rồi khi được hỏi thêm những chi tiết thì ông không thể cho biết gì hơn. Trên đường tới đây ông không gặp ai cả. Cả đám địch đã được hai người lính gác đó đưa tin nên đã vội biến hết. Còn nếu bảo rằng hai tên thám thính đó là ai thì...

Ông ta nói:

“Có thể là bọn Bohemian. Từ gần một tháng nay họ đã về đây chờ trời tạnh ráo để diễn trò, bọn nó thì hiền lành gì cho cam.”

Bấy nhiêu chuyện không làm rõ hơn về việc mới xảy ra, chúng tôi cứ bần khoản đứng đó, trong khi ông Pasquier nhấp nháp ly rượu ngọt, rồi lại kể câu chuyện của mình với nhiều điệu bộ. Từ này Meaulnes đã hết sức chăm chú nghe bỗng cúi xuống xách cây đèn của ông hàng thịt để dưới đất, lên tiếng quyết định:

“Phải đi xem cho rõ mới được.”

Anh mở cửa ra, có Thầy Seurel, ông Pasquier và tôi theo sau.

Millie yên bụng vì bọn người tấn công đã rút đi hết; rồi giống như những người mẫu mực có nề nếp khuôn phép lại cẩn thận và rất ít tò mò, mẹ tuyên bố:

“Nếu muốn thì các ông cứ việc đi, nhưng đóng cửa lại và đem theo chìa khóa. Tôi đi ngủ. Cứ để ngọn đèn cháy sáng.”

CHƯƠNG 2

CHÚNG TÔI SA VÀO MỘT CUỘC MAI PHỤC

Chúng tôi im lặng bước đi trên tuyết. Meaulnes dẫn đầu, chiếu ánh sáng từ cây đèn lồng có lưới bao quanh thành một hình bán nguyệt như chiếc quạt. Vừa ra khỏi cổng thì từ phía sau cây du công cộng áp sát tường, chỗ sân chơi có mái của ngôi trường, chúng tôi thấy có hai người lạ mặt đội mũ sùm sụp chạy vụt đi như hai con chim sẻ bị hoảng sợ bất ngờ. Không hiểu vì muốn đùa bỡn, vì thích thú với trò chơi lạ lùng mà họ đang tham dự, hay vì thần kinh căng thẳng và sợ bị rượt theo, hai người vừa chạy vừa thốt ra hai ba tiếng nói, kèm cả những tiếng cười.

Meaulnes thả rơi cây đèn xuống đồng tuyết, la lên:

“François, chạy theo tôi!”

Bỏ lại đó hai người già không thể chạy theo được, chúng tôi đuổi theo hai cái bóng. Sau khi vòng quanh chỗ đầu phố, bọn này chạy ngược về phía nhà thờ, dọc theo con đường tới trại Vieille-Planche, chân bước sải đều không có vẻ vội vã; và chúng tôi rượt theo cũng không khó nhọc. Họ chạy qua hai bên hàng phố lặng lẽ yên ngủ, rồi ra phía sau nghĩa trang sa vào một khu mê cung ngõ ngách và ngõ cụt nhằng nhịt.

Đó là khu phố của những người lao động, những cô thợ may và các bác thợ dệt, được mệnh danh là Xóm Nhỏ. Chúng tôi không thạo nơi này lắm và ban đêm chưa từng tới đây. Ngay cả ban ngày khu phố cũng vắng tanh: những người lao động đi làm, các bác thợ dệt ở lì trong nhà. Trong cái đêm quá yên tĩnh đó, nó càng trống vắng và say ngủ hơn hết thảy mọi nơi khác trong làng. Không chút hy vọng nào có ai bắt gặp và trợ giúp cho chúng tôi.

Giữa những căn nhà xây cất không ngay ngắn giống như những chiếc hộp bằng giấy bồi, tôi chỉ biết mỗi một con đường đưa tới nhà cô thợ may

có biệt danh là “Cô Câ”. Trước hết phải xuôi một cái dốc khá cao, quãng đường lác đác có chỗ rải đá, rồi sau khi đã rẽ hai hay ba lần giữa những cái sân nhỏ trong nhà các bác thợ dệt hay những chuồng ngựa bỏ hoang, người ta sẽ tới một ngõ cụt tận cùng bằng cái sân của một nông trại nay đã bỏ hoang. Trước kia có đôi lần tại nhà Cô Câ, trong khi cô lặng lẽ trò chuyện với mẹ tôi, những ngón tay tới tấp ra dấu, thỉnh thoảng được cắt ngang bằng những tiếng kêu nho nhỏ của người khuyết tật, thì qua khung cửa sổ, tôi có thể nhìn thấy bức tường cao của nông trại - ngôi nhà cuối cùng quay lưng ra ngoài làng - và hàng rào luôn luôn đóng kín, ngăn cách với cái sân bao giờ cũng khô ráo không rơm rác, nơi vắng bóng hết mọi thứ.

Hai người lạ mặt theo đúng con đường đó. Đến mỗi khúc rẽ, chúng tôi chỉ sợ không bắt kịp họ, nhưng thật ngạc nhiên, hễ bao giờ chúng tôi tới đầu con hẻm kể thì họ mới vừa mất hút. Tôi lạ lùng nhận ra rằng những con hẻm đó rất ngắn, nên không thể nào như vậy được, trừ phi mỗi khi chúng tôi khuất dạng thì bọn họ lại chậm bước để đợi.

Sau cùng, không ngần ngại, họ chạy thẳng vào ngõ đưa tới nhà Cô Câ. Tôi la lên với Meaulnes:

“Tóm được bọn nó rồi, đây là một ngõ cụt.”

Thật ra chính bọn chúng đã tóm được chúng tôi. Họ đưa chúng tôi tới đúng chính chỗ họ muốn. Sát bức tường, họ mạnh dạn quay lại đối đầu và một người ré lên tiếng còi mà đêm đó hai lần chúng tôi đã nghe thấy.

Lập tức chừng một chục tên khác từ chỗ cái sân bỏ hoang chạy ra, hẳn đã nấp chờ sẵn ở đó. Người nào cũng đội mũ sùm sụp, khăn quàng quần cao che cả mũi.

Những người đó là ai, Meaulnes và tôi đều đã biết trước, nhưng quyết không nói ra với Thầy Seurel không liên quan chi tới công việc của chúng tôi. Trong số có Delouche, Denis, Giraudat và tất cả bọn trong lớp.

Trong lúc đánh nhau, chúng tôi nhận thấy rõ lối đánh và cả tiếng nói của chúng. Nhưng có một điểm xem ra đáng ngại, gần như khiến cho Meaulnes phải hoảng sợ là trong đám có một người mà chúng tôi không biết và hình như đang chỉ huy tất cả. Hẳn không đụng tới Meaulnes, chỉ đứng yên nhìn đám tay chân bị đập ngã xuống bùn, áo quần tơi tả, đang cố

công ra sức túm đánh anh chàng cao lớn thở hổn hển. Hai đứa trong bọn lo đối phó với tôi nhưng khó khăn lắm mới ôm chặt được tôi vì tôi vùng vẫy kịch liệt. Bị đè xuống đất, hai đầu gối gập lại, ngồi bệt lên gót chân, hai tay bị giữ quặt ra sau lưng, tôi đành thúc thủ chịu trận trong tâm trạng vừa hết sức tò mò vừa lo sợ chứng kiến khung cảnh đang diễn ra trước mặt.

Meaulnes vùng người quay mạnh một cái làm cho bốn gã học trò lớn đang níu lấy áo anh bị ngã nhào trên tuyết.

Đứng thẳng người, anh chàng lạ mặt chăm chú theo dõi trận đánh, vẻ rất bình tĩnh, thỉnh thoảng nhắc lại bằng một giọng đồng dục:

“Hăng lên... lao vào ...*go on my boys!*”^[2]

Rõ ràng hẳn ta là tay đầu sỏ. Nhưng hẳn từ đâu tới? Huấn luyện cho bọn kia đi đánh nhau ở đâu và bằng cách nào? Thật là cả một sự bí mật đối với chúng tôi.

Cũng như bọn kia, hẳn quần khăn quàng kín cả mặt. Nhưng khi Meaulnes đã đánh bật hết cả đám và tiến lại gần hẳn, thì với bộ dáng hung hăng như để nhìn cho rõ hơn hầu sửa soạn đối phó với tình thế mới, hẳn đã làm lộ ra một mẫu vải trắng quần trên đầu như kiểu băng bó của kẻ bị thương.

Lúc đó tôi la lên cho Meaulnes nghe:

“Coi chừng sau lưng! Còn một thằng nữa!”

Anh chưa kịp quay lại thì phía sau anh, chỗ cổng vào, có một gã to lớn đột nhiên xuất hiện. Gã này khéo léo tung chiếc khăn quàng ra móc vào cổ Meaulnes và giật anh ngã ngửa. Lập tức bốn tên địch thủ khi nãy đang bị té cắm đầu xuống tuyết cùng nhào lại nắm chặt lấy anh, trói hai tay anh bằng một sợi dây thừng và hai chân bằng một chiếc khăn quàng. Còn anh chàng trẻ tuổi đầu có quần băng thì tới lục soát trong các túi áo Meaulnes. Riêng cái gã vừa quăng thòng lọng thì thắp một ngọn nến, xong lấy bàn tay che gió. Cứ mỗi lần kiểm được một mảnh giấy, tên chỉ huy lại chạy tới gần bên cây nến giơ ra đọc xem giấy viết những gì. Sau cùng khi mở ra tấm bản đồ mà trên đó Meaulnes có ghi đầy những chi tiết đã khiến anh mất bao nhiêu công tìm kiếm từ sau khi trở về, hẳn sung sướng la lên:

“Lần này thì tóm được rồi. Bản đồ đây. Bản chỉ dẫn đây. Ta thử xem cái ông này có tới đúng nơi mà ta vẫn đồ chừng hay không.”

Tên đồng lõa thối tắt ngọn nến. Ai nấy thu nhặt mũ cùng dây lưng. Rồi cả bọn tản mát êm ru như khi chúng mới tới, bỏ mặc tôi vội vàng cởi trói cho bạn.

Meaulnes đứng lên nói:

“Với bản đồ đó chúng cũng chẳng đi xa được.”

Cả hai chậm chạp ra về vì chân anh có khập khiễng đôi chút. Trên phố Nhà Thờ, chúng tôi gặp lại Thầy Seurel và ông Pasquier. Họ hỏi:

“Các anh chẳng thấy gì cả phải không? Bọn tôi cũng vậy.”

Nhờ đêm tối, hai người không nhận rõ được tình trạng của tôi và Meaulnes. Ông hàng thịt từ già, còn Thầy Seurel cũng vội về ngủ.

Khi chỉ có hai chúng tôi trong căn phòng trên gác, y hệt như hai chiến binh tiu nghỉu trong đêm một ngày thất trận, nhờ ánh sáng ngọn đèn mà Millie vẫn để đó, chúng tôi mất nhiều thì giờ vá víu lại áo ngoài bị sút chỉ, rồi khe khẽ tranh luận với nhau về vụ mới xảy ra.

CHƯƠNG 3

ANH CHÀNG BOHEMIAN ĐI HỌC

Sáng hôm sau trở dậy thật là nặng nề. Tám giờ rưỡi, đúng lúc Thầy Seurel sắp ra lệnh vào lớp, tôi và Meaulnes mới hốt hải chạy tới xếp hàng. Vì đến trễ nên cả hai lén vào một chỗ bất kỳ, chứ thường thì bao giờ Meaulnes cũng dẫn đầu một hàng dài những học trò đứng sát cánh nhau, tay ôm sách vở và bút viết, để Thầy Seurel đi kiểm tra một lượt.

Tôi lạ lòng thấy bọn chúng lặng lẽ vội vã nhường cho Meaulnes và tôi đứng vào khúc giữa. Nhân lúc Thầy Seurel chậm lại vài giây chưa cho học trò vào lớp để kiểm tra Meaulnes, tôi tò mò ngó nghiêng bên trái, bên phải, điểm mặt những địch thủ đêm qua.

Gã đầu tiên tôi trông thấy lại chính là kẻ mà tôi không ngờ tới, nhưng cũng là tên cuối cùng tôi không cho rằng sẽ phải gặp ở đây. Hẳn đứng chỗ Meaulnes vẫn đứng, ngay hàng đầu, một chân để lên bậc cửa bằng đá, còn một bên vai và một góc túi đeo trên lưng dựa vào thành cửa. Khuôn mặt điểm tàn nhang của hắn trông thanh tú nhưng rất xanh xao. Với vẻ vừa tò mò vừa kiêu kỳ thích thú, hắn quay nghiêng nhìn về phía chúng tôi. Cả đầu và một nửa mặt hắn quấn băng kín. Tôi nhận ra đó là tên trùm của bọn hôm qua.

Chúng tôi vào lớp, ai về chỗ nấy. Gã học trò mới ngồi gần cái cột, về phía tay trái chiếc ghế dài có Meaulnes ngồi ở đầu tay mặt bên kia. Giraudat, Delouche và ba người nữa cùng ngồi trên hàng ghế này, đều thu nép lại để nhường chỗ cho hắn, làm như bọn họ đã thỏa thuận với nhau từ trước.

Về mùa đông, trường tôi vẫn có những học trò bất ngờ như vậy. Đó thường là những thủy thủ có tàu bị băng đóng giữ lại trong các con kênh; các du khách vì tuyết xuống nhiều nên phải tạm ở lại. Họ tới lớp học hai

ngày, một tháng, ít khi lâu hơn. Giờ đầu họ được mọi người lưu tâm, nhưng rồi bị bỏ quên ngay và chìm vào đám học trò bình thường.

Riêng anh học trò mới hôm nay xem chừng không bị quên lãng mau chóng. Tôi còn nhớ mãi con người đặc biệt này cùng những bảo vật kỳ lạ hắt mang tới trong chiếc túi đeo sau lưng. Đầu tiên là những cây bút có hình được hắt lấy ra để viết chính tả. Nhắm một mắt nhìn vào cái lỗ tròn ở cán bút, người ta sẽ thấy hiện lên hình ảnh đục lỗ và to ra nhiều của ngôi giáo đường thành Lourdes hay một kiến trúc nào xa lạ. Hắt chọn lấy một cây, thế là lập tức mọi người chuyển tay nhau. Rồi đến một hộp đựng bút của người Tàu chứa đầy những com-pa cùng nhiều đồ dùng hay hay khác, được che giấu dưới quyển vở để Thầy Seurel khỏi trông thấy và lặng lẽ kín đáo chuyển từ tay người này sang tay người khác cho tới đầu bàn bên trái, chỗ Meaulnes ngồi.

Những cuốn sách mới toanh mà tôi vẫn thèm thường đọc tên sách ở bìa sau mấy tác phẩm ít ỏi trong thư viện, như những cuốn: *La Teppe aux Merles*, *La Roche aux Mouettes*, *Mon ami Benoist...* cũng được chuyển tay nhau. Đám học trò, có người một tay lật trên đui những cuốn sách không biết từ đâu tới, ăn cắp được không chừng, còn tay kia vẫn viết chính tả. Có người thì quay com-pa ở dưới gầm bàn. Lại có kẻ, đợi khi Thầy Seurel xoay lưng lại vừa đi vừa đọc chính tả từ bàn viết của ông ra tới cửa sổ, bỗng nhắm một mắt lại, còn mắt kia dán vào cái ống để ngắm nhà thờ Đức Bà ở Paris trên nền màu lục.

Riêng gã học trò mới, tay cầm bút, ghé nửa khuôn mặt thanh tú vào bên cây cột, neho mắt lại ra vẻ bằng lòng với cuộc chơi lén lút đang được tổ chức chung quanh anh ta.

Lần lần, cả lớp đều lo ngại: những món đồ chuyển tay nhau lần lượt tới chỗ Meaulnes nhưng anh chẳng hề ngó đến, vẻ thản nhiên không chút tò mò lưu ý. Lâu dần chúng thành một đồng vuông vắn nhiều màu, giống như những món hàng đặt dưới chân người đàn bà tượng trưng cho Thần Khoa Học được nhìn thấy trong những bức họa của phái Biểu tượng. Sớm muộn rồi Thầy Seurel cũng sẽ khám phá ra cuộc trưng bày bất thường và sẽ phát hiện ra các trò dấm dúi. Với lại, ông cũng sẽ nghĩ tới việc điều tra về những

chuyện xảy ra đêm trước. Sự có mặt của anh chàng Bohemian sẽ giúp cho sự điều tra ấy trở thành dễ dàng hơn.

Quả vậy, lát sau Thầy Seurel ngạc nhiên dừng lại trước mặt Meaulnes.

“Những cái này là của ai đây?”

Vừa hỏi, ông vừa lấy cái gậy cuốn sách gấp lại, mà ông chặn ngón tay trở để đánh dấu, chỉ vào “những cái này”.

Meaulnes không ngẩng đầu lên, giọng đáp có vẻ khó chịu:

“Con không biết nữa.”

Nhưng anh học trò lạ vội can thiệp:

“Của con ạ.”

Rồi, với một cử chỉ hào phóng, lịch sự của một thứ quý phái trẻ tuổi khiến ông giáo già không thể cưỡng lại, anh ta nói tiếp:

“Thưa thầy, con xin biếu thầy những thứ ấy, mời thầy thử xem.”

Thế là trong vòng vài giây, lặng lẽ để khỏi làm náo động tình trạng mới gây ra, tất cả lớp tò mò lén tới đứng bao quanh ông thầy đang cúi cái đầu tóc nửa hói nửa quăn trên kho bảo vật. Còn chàng trẻ tuổi da mặt tái xanh thì đang hân hoan giảng giải những điều cần thiết một cách thần nhiên.

Vào lúc đó, lặng lẽ và hoàn toàn bị bỏ rơi, Meaulnes mở cuốn vở nháp, chau mày chăm chú giải một bài toán khó.

Trong khi mọi người đang mải mê thì tới giờ ra chơi. Bài chính tả chưa viết xong, lớp học rất là lộn xộn. Thật tình giờ chơi đã kéo dài cả buổi sáng rồi.

Lúc mười giờ rưỡi, khi sân chơi âm u và lầy lội đầy những học trò, người ta thấy ngay rằng đã có một người chỉ huy mới đang ngự trị trên các trò chơi.

Trong số những thú vui mà anh chàng Bohemian đem tới trường buổi sáng hôm đó, tôi chỉ nhớ có một trò chơi tàn nhẫn nhất: đó là cuộc đấu mà ngựa được thay bằng những học trò lớn, trên vai kiệu những học trò nhỏ.

Chia thành hai toán khởi hành từ hai đầu sân, họ lao vào nhau, cố gắng đụng cho mạnh để đối phương phải ngã lăn ra, những người cỡi trên lưng thì dùng khăn quàng làm thông lọng, hoặc đưa cánh tay ra dùng làm giáo

mác, cố gắng hất ngã đối phương xuống ngựa. Có bọn vì tránh để khỏi bị đụng mạnh thành mất thăng bằng, ngã sóng soài dưới bùn; anh cỡi ngựa bị anh làm ngựa lăn đè lên trên. Có những cậu gần ngã ‘ngựa’ nhưng được ‘ngựa’ đỡ kịp hai chân, lại hăng hái trèo lên và tiếp tục chiến đấu.

Cỡi trên lưng Delage có đôi tay đôi chân dài quá khổ, bộ tóc hung và hai tai vênh, chàng kỵ mã thanh tú đầu quấn băng kín luôn miệng thôi thúc hai bọn đối thủ. Với thái độ láu lỉnh, hắn vừa điều khiển ngựa vừa cười vang.

Đứng ở cửa lớp học, ban đầu Meaulnes còn bức bối ngó theo trò chơi đó. Tôi phân vân đứng cạnh, hai tay thọc vào túi. Meaulnes miệng lẩm bẩm:

“Gã này ranh lắm. Tới đây ngay sáng nay để tránh khỏi nghi ngờ. Thế mà Thầy Seurel cũng bị mắc lừa.”

Meaulnes đứng im lúc lâu, đầu tóc ngắn đưa ra gió, rửa thầm chàng kếp hát sắp đẩy những gã con trai - mà mới đây còn được anh cầm đầu - đập cho chết lẫn nhau. Tuy bản tính hiền lành, tôi không thể không đồng ý với anh.

Khắp nơi, ở mọi góc sân, trong khi vắng mặt ông thầy, cuộc đấu tiếp tục: những đứa thật bé cũng đua trèo lên lưng nhau, chạy theo nhau và ngã nhào trước khi đụng độ với đối thủ. Lát sau chỉ còn lại ở giữa sân một bọn còn đứng được, hăng hái quay cuồng, trong đám thỉnh thoảng lại lộ ra cái đầu có quần khăn trắng của anh đầu lĩnh mới.

Đến lúc này, không thể dẫn được nữa, Meaulnes cúi xuống, đặt hai tay lên đùi và bảo tôi:

“Xông vào đi, François!”

Dẫu ngạc nhiên vì quyết định bất ngờ đó nhưng tôi cũng không ngần ngại dẫn đo nhảy lên lưng anh và một giây sau chúng tôi đã ở giữa đám đang quần thảo, trong khi một số đông các chiến sĩ hoảng sợ vừa chạy vừa la:

“Meaulnes kìa! Meaulnes đại ca đấy!”

Giữa đám còn lại, Meaulnes quay tròn người bảo tôi:

“Dang tay ra, tóm lấy chúng nó như đêm hôm qua ấy.”

Hăng say vì cuộc đấu, tin chắc sẽ thắng thế, tôi tiện tay túm lấy bọn nhỏ làm cho chúng phải vùng vẫy, lắc lư một hồi trên vai những anh lớn rồi mới rớt xuống bùn.

Thoáng một cái chỉ còn lại anh chàng mới tới ở trên vai Delage; nhưng anh ta không muốn giao đấu với Meaulnes nên đưa mạnh người hất ra phía sau rồi đứng thẳng lên, đẩy chàng kỵ mã xuống đất.

Tay đặt trên vai người làm ngựa, giống như một đại úy nắm hàm thiếc con ngựa của mình, chàng trẻ tuổi đứng dưới đất mà ngó Meaulnes với một vẻ có đôi chút kinh ngạc nhưng hết sức khâm phục. Hăng nói:

“Vừa may!”

Ngay khi ấy, chuông vào lớp điểm vang làm cho bọn học trò đang xúm quanh chúng tôi như để chờ một vụ gì đáng xem lắm, phải tản mát đi hết. Meaulnes, bực mình vì không hạ được kẻ thù rớt xuống đất, cúi tiết quay lưng lại nói:

“Lần sau sẽ biết tay!”

Lớp học tiếp tục cho tới trưa như thói quen thời gian gần nghỉ hè, thỉnh thoảng có xen vào những cuộc nói chuyện vui mà anh học trò kếp hát là tâm điểm.

Hăng giải thích tại sao mình phải nán lại nơi đây. không thể diễn trò vào buổi tối vì sợ khống ai đến xem, hăng quyết định tới trường học cho khuây khỏa những lúc ban ngày, trong khi người bạn đồng hành chăm lo đàn chim lạ và con dê biết làm trò xiếc. Rồi hăng kể lại những chuyến đi quanh vùng với những lần khi mưa rơi như trút trên mái tôn cũ của chiếc xe thì mỗi khi đến chân dốc, bọn hăng phải nhảy xuống để ghìm bánh xe lại. Bọn học trò ngồi ở cuối lớp đều bỏ chỗ ngồi để tới gần nghe cho rõ. Những học trò không ưa phiêu lưu mấy thì chạy đến bên lò sưởi cho ấm. Nhưng rồi sự tò mò thúc đẩy, chúng cũng ghé lại gần đám nói chuyện vãnh tai nghe, một tay đặt trên lò sưởi để giữ chỗ.

Thầy Seurel dõi theo câu chuyện với vẻ tò mò trẻ con của một thầy giáo thích hỏi chuyện:

“Thế con sống ra sao?”

Chàng trẻ tuổi lưỡng lự một lát, dường như chưa bao giờ anh ta phải bận tâm vì chuyện đó, đáp:

“Dạ bằng tiền chúng con kiếm được mùa thu trước, Ganache lo về việc tiền bạc.”

Không ai hỏi hẵn Ganache là ai. Nhưng tôi nghĩ tới người to lớn tối hôm qua đã tráo trở tấn công sau lưng Meaulnes và hạ gục anh.

CHƯƠNG 4

Ở ĐÂY BÀN TỐI TRANG VIÊN BÍ MẬT

Buổi chiều cũng đem lại những thích thú như vậy, và suốt giờ học, vẫn những lộn xộn trí trá như buổi sáng. Anh chàng Bohemian lại trình thêm nhiều bảo vật khác, vỏ ốc, món đồ chơi, bài hát mới và thêm đến một chú khỉ con cào nhè nhẹ bên trong túi áo da của hắn... Mỗi lần anh chàng tinh ranh đó rút trong túi ra một món đồ chơi mới thì Thầy Seurel vẫn cứ phải ngừng lại để ngắm nó. Tối bốn giờ chiều, chỉ mỗi Meaulnes là người duy nhất làm xong bài toán.

Mọi người không vội vã ra cửa. Dường như giữa những giờ học và giờ chơi đã không còn có cái ranh giới cứng rắn khiến cho đời học sinh trở thành đơn giản và ngăn nắp như sự tiếp diễn của đêm và ngày. Chúng tôi quên cả thói quen vào khoảng bốn giờ kém mười lại đề cử với Thầy Seurel hai người tới phiên ở lại quét lớp. Thật ra chúng tôi không bao giờ quên vì đó cũng là một cách tuyên bố và đẩy cho mau tới giờ tan học.

Tình cờ run rủi hôm ấy lại tới lượt Meaulnes; và từ ban sáng, tôi đã báo trước cho gã Bohemian biết rằng một lẽ tự nhiên, những người mới tới bao giờ cũng được chỉ định là người thứ hai giữ việc quét lớp ngay từ bữa đầu vào học.

Sau khi đã lấy mẫu bánh mì bữa chiều của mình, Meaulnes liền quay lại lớp. Còn anh chàng Bohemian thì cho mãi đến lúc trời sắp tối mới vội vã chạy đến.

Trước đó, Meaulnes đã dặn tôi:

“Cậu cứ ở trong lớp; trong khi tôi giữ hắn, cậu lấy lại tấm bản đồ mà hắn đã cướp của tôi.”

Vì vậy tôi ngồi ở một bàn nhỏ gần cửa sổ, đọc sách nhờ chút ánh sáng chạng vạng cuối ngày. Ngồi đó tôi thấy hai người lặng lẽ dọn những ghế

dài, Meaulnes vẽ mặt lầm lì, dữ tợn, cái áo khoác màu đen cài cả ba khuy ra phía sau có thắt dây lưng cẩn thận; gã kia thì nhẹ nhàng, nóng nảy, đầu quần băng như người bị thương. Gã bận một chiếc áo khoác đã sờn, có những vết rách mà vào lúc ban ngày tôi không trông thấy. Hăng hái một cách gần như man rợ, gã hấp tấp nhắc lên, xô đẩy các bàn như người điên và hơi nhếch mép cười. Có thể là gã đang bày một trò chơi nào đó mà chúng tôi không hiểu rõ đầu đuôi.

Hai người cứ thế đi tới cuối góc phòng tối nhất để dọn cái bàn cuối cùng.

Nơi đây Meaulnes chỉ vung tay một cái cũng đủ vật ngã địch thủ mà không một người nào ở ngoài có hy vọng nhìn được hay nghe thấy họ qua cửa sổ. Tôi không hiểu tại sao anh bỏ lỡ một cơ hội như vậy. Gã kia sắp trở lại gần cửa ra vào sẽ mượn cớ công việc đã xong để trong khoảnh khắc chạy đi, và bọn tôi sẽ không còn thấy gã trở lại. Bản đồ cùng hết thảy những chi tiết mà Meaulnes đã mất bao lâu để tìm tòi, so đo, sắp đặt, sẽ mất toi đối với chúng tôi.

Từng giây, tôi chờ đợi một dấu hiệu, một cử chỉ của Meaulnes báo cho tôi biết cuộc đấu sắp bắt đầu, nhưng anh chàng cao lớn vẫn điềm nhiên như không. Chỉ đôi lúc với vẻ chăm chú lạ lùng pha phần thắc mắc, anh nhìn lớp băng quần trên đầu anh chàng Bohemian trong bóng chiều sắp tàn thấy dường như có loang một vết đen lớn.

Cái bàn cuối cùng được dọn xong mà không có chuyện gì xảy ra.

Lúc cả hai trở lại đầu lớp để chuẩn bị quét mấy lát cuối cùng ngoài bậc cửa, đột nhiên Meaulnes cúi xuống, không ngó mặt kẻ địch, nói nhỏ:

“Băng quần trên đầu anh đỏ những máu, quần áo anh bị rách hết.”

Gã kia nhìn anh một lát, không phải ngạc nhiên vì câu nói, nhưng vô cùng cảm động vì đã nghe anh nói vậy. Gã đáp:

“Ban nãy ở ngoài công viên bọn chúng nó tính giật lại từ tay tôi tấm bản đồ của anh. Khi biết tôi sắp trở lại đây quét lớp, chúng nó hiểu rằng tôi tính làm lành với anh cho nên nổi nóng với tôi. (Gã đưa ra tấm giấy quý báu gấp làm tư và hân hoan nói tiếp) Nhưng dù sao tôi vẫn giữ được cho anh.”

Meaulnes chậm rãi quay lại phía tôi, nói:

“Cậu nghe ra chưa, François? Anh ấy vừa đánh nhau, để chúng nó làm cho bị thương vì chúng mình, trong khi chúng mình lại tính đưa anh ấy vào đây.”

Rồi bỏ không dùng tiếng “anh” lạ tai đối với đám học trò ở Sainte-Agathe, Meaulnes tiếp:

“Cậu là một người bạn chân chính.”

Và đưa tay ra.

Chàng kịch sĩ nắm lấy tay anh, đứng lặng một giây không nói gì, dáng điệu ghen ngào bối rối. Sau đó với một vẻ tò mò nồng nhiệt, chàng nói tiếp:

“Thế ra các cậu định đưa tôi vào đây. Thú quá nhỉ! Tôi cũng đã đoán trước nên tự nhủ: họ sắp phải ngạc nhiên lắm khi lấy lại được bản đồ, lại còn thấy tôi ghi chú thêm cho đầy đủ...”

“Ghi chú thêm?”

“Ồ đây này. Không hoàn toàn đầy đủ...”

Rồi bỏ cái giọng đùa bỡn, chàng ghé lại gần chúng tôi, nói nghiêm trang và chậm rãi:

“Meaulnes ạ, đã đến lúc tôi phải nói ra với cậu: chính tôi cũng có tới cái nơi mà cậu đã tới. Tôi có dự buổi lễ hội thú vị đó. Khi bọn học trò lớn ở lớp kể cho tôi nghe cuộc phiêu lưu kỳ lạ của cậu, tôi đã nghĩ ngay đó là trang viên bỏ hoang. Để coi lại xem có đúng không, tôi đã lấy cặp bản đồ của cậu... Nhưng cũng như cậu, tôi không biết tên tòa lâu đài đó; không biết lối trở lại đó; không biết rõ hết đường đi từ đây tới đó.”

Chúng tôi quần lấy anh một cách vồn vã với cái vẻ tò mò nồng nhiệt và bằng một tình bạn thăm thiết. Meaulnes háo hức gặng hỏi... Cả tôi và anh đều cho rằng nếu nhiệt thành nài nỉ anh bạn mới, chúng tôi sẽ đẩy anh tới chỗ nói ra hết những điều mà anh bảo là không biết.

Chàng trẻ tuổi vẻ vừa chán nản vừa bối rối đáp:

“Các cậu sẽ thấy, các cậu sẽ thấy, tôi có ghi trên bản đồ mấy chi tiết mà các cậu không có... Tôi chỉ có thể làm được như vậy.”

Rồi, nhìn thái độ hết sức cảm phục và sốt sắng của chúng tôi, anh chàng vừa buồn vừa đắc ý nói:

“Ồ! Tôi muốn nói trước với các cậu rằng tôi không phải là một thằng giống như bọn con trai khác. Ba tháng trước tôi đã muốn tự bắn một phát đạn vào đầu, vì vậy các cậu mới thấy lớp băng quần trên trán tôi đây, y hệt một chàng vệ binh quốc gia ở sông Seine hồi 1870...”

Meaulnes thân mật hỏi:

“Rồi chiều nay lúc đánh nhau với bọn chúng, vết thương của cậu lại rỉ máu...”

Nhưng chàng trẻ tuổi không lưu ý lời anh, tiếp tục bằng giọng tự mãn:

“Tôi muốn chết. Nhưng vì không chết được nên tôi tiếp tục sống cho vui, như một đứa trẻ nhỏ, như một người Bohemian chính cống. Tôi từ bỏ hết. Tôi không còn có cha, có chị em, không nhà cửa, không tình yêu chi nữa... Hết sạch, chỉ còn những bạn chơi.”

Tôi nói:

“Nhưng những bạn chơi đó đã phản bội anh.”

Chàng hăng hái đáp:

“Đúng thế. Lỗi do một thằng tên Delouche. Nó đoán rằng tôi sẽ ăn cánh với các cậu, nên làm cho bọn đàn em của tôi lúc đầu rất ngoan ngoãn trở nên mất tinh thần. Đêm hôm qua các cậu đã thấy vụ tấn công chứ, thật là điều khiển cực khéo, mọi sự diễn tiến gọn gàng. Từ nhỏ đến giờ tôi chưa từng tổ chức được một vụ nào có kết quả tốt như vậy...”

Anh chàng đứng im về suy nghĩ trong một lúc, rồi nói tiếp, khiến cho chúng tôi hoàn toàn không còn lăm tưởng gì về chàng:

“Chiều nay tôi đến với các cậu là vì một lý do mới nhận ra ban sáng: chơi với các cậu thú hơn là với những đứa kia. Tên Delouche làm cho tôi chán quá. Mới mười bảy tuổi đã muốn làm người lớn! Không có gì làm cho tôi ghê tởm hơn điều ấy. Các cậu có nghĩ rằng chúng mình có thể tóm nó được không?”

Meaulnes đáp:

“Được chứ. Nhưng cậu có ở đây lâu với chúng tôi không?”

“Tôi không biết nữa. Tôi muốn lắm. Tôi cô độc quá. Tôi chỉ có một mình Ganache.”

Bỗng chốc bao nhiêu sốt sắng, bao nhiêu vui vẻ nơi anh biến mất. Trong khoảnh khắc anh lại chìm vào nỗi thất vọng của cái ngày mà chắc hẳn anh chợt nảy ý định tự sát. Bỗng anh nói:

“Các cậu làm bạn tôi nhé? Các cậu thấy chưa: tôi biết rõ sự bí mật của các cậu, tôi còn vì bảo vệ nó mà chống lại tất cả bọn họ. Tôi có thể đưa các cậu vào đúng những dấu vết mà các cậu đã bị lạc mất...”

Rồi trịnh trọng tiếp:

“Xin hãy cứ là bạn tôi cho đến ngày nào mà tôi chỉ còn hai bước là tới địa ngục, như đã có một lần... Các cậu hãy thề là sẽ đáp lời tôi khi nào tôi gọi các cậu - khi nào tôi kêu lên như thế này... (chàng phát ra một tiếng kêu quái lạ: Hú-u!...) Meaulnes, cậu hãy thề trước đi.”

Và chúng tôi đã thề, bởi vì, cho dù còn nhỏ tuổi, nhưng những gì quan trọng và đúng đắn hơn bình thường đều làm cho chúng tôi thật sự say mê. Anh chàng trẻ tuổi lại nói:

“Đáp lại, đây là tất cả những gì tôi có thể nói với các cậu: tôi sẽ chỉ cho các cậu biết căn nhà ở Paris mà cô gái ở tòa lâu đài thường tới vào dịp lễ Phục Sinh và lễ Hạ Trần, vào mỗi tháng Sáu, đôi khi vài tuần trong mùa đông.”

Lúc đó, trong đêm tối, có tiếng người lạ mấy lần gọi từ ngoài cổng lớn. chúng tôi đoán chừng đó là gã Bohemian Ganache không dám hoặc không biết làm sao để đi vào trong sân. Tiếng gọi của hắn thô thúc, lo lắng, lúc thì to, lúc lại thật nhỏ: “*Hú-u! Hú-u!*”

Meaulnes la lên với chàng trẻ tuổi vừa giựt mình xốc lại áo để chạy đi:

“Nói đi! Nói mau đi!”

Anh vội đưa ra một địa chỉ ở Paris, chúng tôi thầm nhẩm lại. Rồi anh chạy biến vào bóng tối theo người bạn đồng hành đang đợi ở ngoài hàng rào sắt, để chúng tôi ở lại với một tâm trạng bối rối không thể tả được.

CHƯƠNG 5

NGƯỜI ĐÀN ÔNG MANG GIÀY VẢI

Khoảng ba giờ sáng đêm hôm đó, bà quả phụ Delouche, chủ quán trọ ở giữa làng, thức dậy nhóm bếp. Người em chồng tên Dumas cũng ở chung nhà, phải lên đường lúc bốn giờ. Người đàn bà buồn rầu, bàn tay phải co quắp vì bị phỏng nặng đã lâu, tất tả lo pha cà phê ở dưới bếp tối thui. Trời lạnh giá. Bà khoác bên ngoài áo ngủ một tấm khăn quàng cũ. Rồi một tay cầm cây nến, một tay - bàn tay có tật - che ngọn lửa, bà xắn áo đi qua chỗ sân đầy những vỏ chai và thùng xà phòng, mở cửa nhà chứa củi còn dùng làm chuồng gà để lấy ít củi vụn. Cánh cửa vừa được đẩy ra bỗng có một chiếc mũ lưỡi trai vung lên bay vèo trong không khí, một người nào đó từ trong bóng tối đen nghịt vùng lên làm tắt ngọn nến, đồng thời hất ngã người đàn bà và co chân chạy mất trong tiếng kêu inh ỏi của đàn gà đang hoảng sợ.

Lát sau khi bà Delouche bình tĩnh lại mới nhận thấy người vừa chạy đó đã vác theo cái túi trong có hơn một chục con gà mái tơ đẹp dễ nhất.

Nghe tiếng bà chị dâu kêu, Dumas chạy tới. Ông nhận thấy tên trộm đã dùng chìa khóa mở cổng vào chỗ sân nhỏ, rồi cũng theo lối đó mà bỏ chạy, không kịp đóng cửa lại. Lập tức, vì đã quen với những trò đánh bầy lén hay ăn trộm vặt, ông ta thắp ngọn đèn xe, một tay xách đèn, một tay vác cây súng, cố gắng dõi theo dấu vết không rõ rệt - tên ăn trộm chắc là chân mang giày vải - đưa tới con đường về phía Nhà Ga rồi mất hút bên hàng giậu một khu đồng cỏ. Buộc phải ngưng cuộc truy tìm tại đó, ông Dumas ngẩng đầu lên rồi đứng lại... Từ xa xa, cũng trên con đường đó, có tiếng một chiếc xe ngựa đang phóng nước đại chạy trốn.

Phần Jasmin Delouche, con trai bà quả phụ, cũng trở dậy. Hắn trùm vội lên vai chiếc mũ, xỏ chân vào dép, chạy đi thám thính quanh phố. Mọi

nhà đều ngủ say, mọi vật đều chìm trong bóng tối im lặng nặng nề lúc trời sắp sáng. Đi tới công viên Ngã Tư, cũng như ông chú, gã chỉ nghe thấy từ xa lắm, về phía đồi Riaudes, tiếng xe độc mã đang phi nước đại. Vốn trai trẻ ranh mãnh và tự đắc, gã tự nhủ, cũng như sau đó gã nhắc lại với cái giọng lè nhè rất khó chịu của vùng ngoại ô Montlucon:

“Bọn đó chạy mất về phía Nhà Ga rồi, nhưng không phải là ta sẽ không chộp được bọn khác ở đầu làng bên kia.”

Trong sự im lặng ban đêm đó, gã đi ngược trở lại phía Nhà Thờ.

Tại công viên Ngã Tư, trong nhà xe lưu động của mấy người Bohemian, gã thấy có ánh đèn sáng. Chắc hẳn có người đang bệnh. Sắp sửa tiến lại gần để hỏi xem chuyện gì, chợt gã thấy một cái bóng lạng lẽ, chân mang giày vải, từ khu Petits-Coins xuất hiện. Tên kia không nhìn ai hết, phóng nhanh tới chỗ bàn đạp và bước lên xe...

Nhận ra dáng Ganache, Jasmin vội chạy bổ về hướng ánh sáng và hỏi nhỏ:

“Này, có chuyện gì vậy?”

Ngơ ngác, tóc bờ phờ, cái miệng móm há ra trông ghê sợ, miệng thở hồng hộc, gã kia dừng lại nhìn Jasmin, đáp:

“Bạn tôi bị đau... chiều hôm qua hắn đánh lộn, vết thương lại chảy máu... Tôi vừa đi kiếm bà phước về.”

Thật vậy, khi quay trở về với tâm trạng hết sức nghi hoặc, Jasmin có gặp ở giữa phố một bà phước đang bước vội.

Sáng ra, nhiều người ở Sainte-Agathe ra đứng trước cửa với cặp mắt thâm quầng và đục ngầu vì một đêm mất ngủ. Ai nấy đều lên tiếng trút nỗi bức tức của mình; sự công phẫn lan tràn khắp phố như một dây thuốc nổ.

Ở nhà Giraudat, người ta có nghe thấy vào khoảng hai ba giờ sáng, một chiếc xe đậu lại và có người vội vã chất lên xe những cái bọc rơi bịch bịch. Trong nhà chỉ có hai người đàn bà nên chẳng ai dám động dậy. Sáng ra, khi mở cửa vào chỗ sân nuôi gà vịt, họ mới hiểu những bọc đó chính là thỏ và gà, vịt...

Lúc giờ ra chơi thứ nhất, Millie tìm thấy ở trước chỗ giặt quần áo nhiều que diêm cháy dở. Mọi người kết luận rằng bọn trộm không biết rõ

địa thế nhà tôi nên không vào được.

Ở nhà Perreur, nhà Clément và nhà Boujardon, ban đầu người ta tưởng chúng đã ăn trộm cả bầy heo, nhưng sáng ra lại tìm thấy heo đang phá đám rau xà lách ở vườn. Cả bầy heo được dịp cửa mở sẵn nên kéo nhau đi rong một chuyến trong đêm...

Hầu như khắp mọi nơi đều bị mất trộm gà; nhưng chỉ vậy thôi. Bà hàng bánh mì Pignot không chần nuôi gia súc, than vãn suốt một ngày rằng có người ăn trộm mất của bà một cái bàn đập giặt đồ bằng gỗ với cả nửa cân thuốc nhuộm màu chàm, nhưng việc này không hề được chứng minh, cũng không được ghi vào biên bản.

Vụ náo động, sợ hãi và chuyện văn trao đổi tin tức kéo dài cả buổi sáng. Đến lớp, Jasmin kể lại cuộc phiêu lưu trong đêm tối của hẳn:

“Chà, bọn chúng ranh lắm. Nếu chú tôi mà bắt gặp một thằng nào thì chú ấy nói: sẽ cho nó một phát như bắn thỏ vậy.”

Vừa nhìn chúng tôi hẳn vừa nói tiếp:

“Cũng may là chú không gặp Ganache, chứ nếu có, chú ấy dám bắn lắm. Chú bảo chúng chỉ cùng một giuộc, Dessaigne cũng nói thế.”

Dù vậy, không ai nghĩ tới điều làm phiền tới những người bạn mới của chúng tôi.

Mãi tối hôm sau nữa Jasmin mới nói cho ông chú biết Ganache cũng mang giày vải như tên trộm. Hai chú cháu đồng ý cần nên báo điều đó với hiến binh. Họ hết sức bí mật quyết định rằng nếu sắp tới đây mà có dịp nào rảnh, sẽ tới tổng lý báo cho ông đội biết điều đó.

Trong những ngày sau, anh chàng Bohemian trẻ tuổi bị đau vì vết thương lại chảy máu đôi chút, nên không thấy xuất hiện.

Buổi tối, Meaulnes và tôi tìm đến Quảng trường Nhà Thờ chỉ để ngó thấy ánh đèn của chàng sau bức rèm màu đỏ trong cái nhà xe lưu động. Vừa nóng nảy vừa hốt hoảng, chúng tôi cứ đứng im tại chỗ, không dám lại gần chiếc xe đã cũ mà chúng tôi xem giống như là con đường bí mật, hoặc là nơi tiền đường đưa tới cái Xứ Xa Xôi đã lạc mất rồi.

CHƯƠNG 6

MỘT CUỘC CẢI LỘN NƠI HẬU TRƯỜNG

Những ngày vừa qua, biết bao lo lắng và náo động khác biệt xảy ra đã khiến chúng tôi quên không lưu ý rằng tháng Ba đang tới và gió bắt đầu dịu bớt. Ngày thứ ba sau khi xảy ra vụ trộm vừa kể, buổi sáng ra sân, tôi chợt thấy là đã sang Xuân. Một luồng gió mát lành như nước ấm chảy trôi trên đầu tường; cơn mưa đêm nhẹ nhẹ làm đắm ướt những chùm lá thược dược; đất đã xới ở ngoài vườn thoảng lên một vị nồng nồng; tôi còn nghe thấy có con chim đang tập hót trong lùm cây bên cửa sổ...

Ngay giờ ra chơi thứ nhất, Meaulnes đã bàn với tôi nên lập tức dò thử lộ trình mà chàng học trò Bohemian đã chỉ. Tôi cố hết sức khuyên Meaulnes nên đợi gặp anh bạn nọ đã, và để trời thật hoàn toàn đẹp trở lại, hãy chờ hoa đào ở Sainte-Agathe nở rộ đã. Tựa lưng vào bức tường thấp nơi ngõ hẹp, hai tay đút túi, đầu để trần, chúng tôi trò chuyện trong cơn gió lúc thì làm cho cả hai rét run, lúc lại phả từng luồng ấm nóng làm khơi dậy trong tim cả hai niềm háo hức sâu kín. Chao ơi! Hai anh em, hai người bạn, hay là hai lữ khách, cũng đều tin tưởng biết bao rằng hạnh phúc đã gần kề, chỉ cần lên đường là đạt được!...

Mười hai giờ rưỡi trưa, trong bữa ăn, mọi người nghe có tiếng trống dồn ở Công viên Ngã Tư. Trong nháy mắt tất cả đều chạy tới bậc để chân ở cổng sắt nhỏ, tay cầm khăn ăn... Đó là Ganache đi loan báo tối hôm nay, hồi tám giờ, “*vì trời đẹp*”, sẽ có một buổi đại trình diễn ở Quảng trường Nhà Thờ. Để phòng trời mưa, đã có dựng sẵn lều. Tiếp theo là lời thông báo chương trình dài những màn biểu diễn đã theo gió bay đi nhưng chúng tôi cũng mơ hồ nghe thấy những “*hoạt cảnh... bài ca... vũ điệu trên lưng ngựa...*” được xướng lên trong những tiếng trống điểm nhịp dập dồn.

Trong bữa ăn tối, tiếng trống lớn báo tin buổi trình diễn vang dội ngoài cửa sổ nhà tôi, làm cho kính cửa rung lên. Liền sau đó, cùng với tiếng nói chuyện rì rào là tiếng chân bước của từng nhóm nhỏ những người thuộc vùng ngoại ô, tiến về phía Quảng trường Nhà Thờ. Bị buộc phải ngồi lại bàn ăn, Meaulnes và tôi đều tỏ ra náo nức mong đợi.

Sau cùng, tới chín giờ, có tiếng chân lệt xệt và tiếng cười bị nén lại bên ngoài cổng sắt nhỏ: các cô giáo tới rủ chúng tôi đi. Trong bóng tối mịt mù, cả bọn cùng kéo nhau đến nơi trình diễn. Từ xa đã thấy tường Nhà Thờ sáng trưng như có đốt một ngọn lửa lớn. Hai ngọn đèn dầu hỏa thấp sáng trước cửa nhà xe lưu động lặn đang đu đưa trước gió...

Bên trong, ghế ngồi được xếp đặt thành nhiều tầng như trong rạp xiếc. Thầy Seurel, các cô giáo, Meaulnes và tôi đều ngồi trên hàng ghế thấp nhất. Tôi còn nhớ, chật hẹp như trong rạp xiếc thật với những khu bóng tối, ở đó ngồi thành từng lớp có bà Pignot bán bánh mì, cô hàng xén Fernande với các cô gái ở ngoài phố, người thợ đóng móng ngựa, các bà, bọn trẻ con, những nông dân và nhiều người khác.

Buổi diễn đã được quá nửa. Ở chỗ sân diễn, con dê cái biết làm trò đang ngoan ngoãn đặt chân lên bốn cái ly, rồi lên hai ly, sau cùng lên mỗi một ly. Ganache nhẹ nhàng điều khiển con vật, tay cầm chiếc đu nhỏ gõ từng tiếng, miệng mở rộng, nhìn về phía chúng tôi, với cái miệng há to, và ánh mắt thất thần.

Ngồi trên ghế đầu, gần hai ngọn đèn treo, chỗ sân diễn ăn thông với nhà xe lưu động, chúng tôi nhận ra anh bạn mới mình bạn áo nịt đen, đầu quần bang trắng đang là người chỉ huy buổi diễn.

Ai nấy vừa ngồi xuống thì một chú ngựa con nai nịt hăn hoi nhảy ra sân diễn, chàng trẻ tuổi bị thương sai khiến con vật chạy vài vòng, rồi bao giờ cũng ngừng lại trước mặt những người trong gia đình tôi khi nó phải chỉ trong đám khán giả xem ai là người dễ thương nhất hoặc can đảm nhất; rồi khi phải khám phá ra người hay nói dối nhất, keo kiệt nhất hoặc là “*đa tình nhất*”... thì bao giờ nó cũng ngừng lại trước mặt bà Pignot. Thế là chung quanh bà ta nổi lên những tiếng cười, tiếng la, tiếng gào quang quác giống như một bầy ngỗng đang bị chó rượt đuổi chạy...

Lúc tạm ngừng, người chỉ huy cuộc diễn tới trò chuyện một lát với Thầy Seurel. Giá có dịp nói chuyện với cô đào Talma hay kép hát Léonard nổi danh, Thầy Seurel cũng không thấy đặc ý bằng. Còn chúng tôi thì mãi mê chăm chú nghe những lời anh nói về vết thương: *đã lành lại rồi*; về buổi diễn: *đã được sửa soạn trong những ngày mùa đông dài dặc*; về ngày khởi hành của anh: *chắc không thể trước cuối tháng vì họ tính từ nay cho đến đó còn trình diễn nhiều buổi với nhiều trò mới lạ nữa*.

Buổi diễn kết thúc bằng một màn kịch câm dài.

Sắp hết đoạn tạm nghỉ, anh bạn của chúng tôi cáo lui. Muốn trở về chỗ cửa xe, anh phải đi ngang một bọn đang đứng tràn ra ngoài sân diễn, giữa đám thấy có Jasmin Delouche. Các bà các cô đều tránh sang một bên nhường chỗ. Bộ áo đen, dáng người bị thương, kỳ dị và can đảm của chàng khiến cho họ thấy si mê. Còn Jasmin, hình như gã mới đi đâu về, đang nói nhỏ với bà Pignot ra vẻ hăng hái lắm. Xem ra gã ưa thích sợi dây buộc cổ, và cái quần ống chân voi làm cho gã trông bảnh bao hẳn. Dáng điệu vừa hóm hỉnh vừa lúng túng, gã đứng đó, móc hai ngón tay vào ve áo. Khi chàng Bohemian đi ngang qua gã, với vẻ bức tức, gã nói lớn với bà Pignot một câu gì tôi không nghe rõ, nhưng chắc chắn là một câu chửi, một lời khiêu khích ám chỉ anh bạn chúng tôi. Có lẽ đó là một lời đe dọa nặng nề và bất ngờ nên chàng trai không thể không quay lại ngó gã kia. Gã này muốn khỏi lúng túng nên cười gằn và lấy khuỷu tay hích vào hai người ngồi bên như để kéo họ về phe với mình. Việc đó xảy ra trong vòng có mấy giây. Hình như chỉ mình tôi ở hàng ghế này là để ý thấy mà thôi.

Người chỉ huy buổi diễn quay vào với đồng bạn ở phía sau tấm màn che kín cửa nhà xe lưu động. Ai nấy về chỗ của mình trên các tầng ghế. Tin rằng phần thứ hai của buổi diễn sắp bắt đầu ngay đó nên mọi người đều im lặng. Trong khi ấy, ở sau tấm màn, lúc những tiếng nói chuyện xì xào bên ngoài bắt đầu ngớt thì bỗng có tiếng cãi cọ nổi lên. Chúng tôi không nghe được lời gì, nhưng nhận ra giọng nói của chàng thanh niên và gã Ganache cao lớn. Giọng Ganache mang âm điệu biện bác; còn giọng kia thì mắng mỏ, vẻ vừa giận dữ vừa buồn nản. Giọng đó nói:

“Ồ khốn kiếp! Tại sao không cho ta biết trước...”

Tuy mọi người đều lắng tai nhưng chúng tôi không nghe rõ đoạn sau. Rồi im lặng hẳn. Cuộc cãi lộn tiếp tục rất nhỏ; bọn trẻ nhãi ở những hàng cao bắt đầu la lớn:

“Bật đèn, mở màn!”

Và dậm mạnh chân.

CHƯƠNG 7

CHÀNG BOHEMIAN THÁO BĂNG RA

Sau cùng, lách qua tấm màn là một bộ mặt chi chít những vết nhăn, đầy những vết tròn như bị đóng dấu, vẻ căng thẳng trong sự vui tươi pha lẫn buồn thảm, thân hình trang phục kiểu Pierrot chia làm ba phần không đều, bụng gập lại như đang trong cơn đau, chân đi nhón gót, vẻ thận trọng và như sợ hãi quá đáng, hai bàn tay trong hai ống tay áo quá dài kéo lê trên sàn diễn.

Tôi không thể hồi tưởng lại đầy đủ đề tài của tấn kịch câm, mà chỉ nhớ, vừa xuất hiện trên sân khấu, anh chàng đã ngã nhoài ra sau khi cố gắng hết sức để đứng thẳng người. Ráng mãi vẫn không được, anh ta lại cứ té lên té xuống; liền một lúc vướng luôn vào bốn cái ghế, kéo thêm một cái bàn mới vừa đem đặt ở giữa sân. Rốt cuộc anh ta té nhào ra ngoài hàng gỗ ngăn, xuống ngay gần chân khán giả. Hai người phụ diễn phải khó khăn lắm mới kiểm thấy; ra sức nắm chân anh ta lôi lên sân khấu, xong khó nhọc lắm mới đặt cho đứng thẳng được. Cứ mỗi lần ngã là anh ta lại cất tiếng kêu nho nhỏ, mỗi lần kêu một khác, nghe rất khó chịu. Khi kết thúc, anh ta leo lên một mớ ghế chồng cao rồi té nhào, rất chậm, miệng phát ra tiếng la kéo dài cùng với nhịp té, nghe vừa hân hoan the thé mà cũng rất thảm thương, khiến cho các bà cũng kinh hoàng la theo.

Trong phần thứ hai của tấn kịch câm, tôi nhớ lại, tuy vẫn không hiểu lý do vì sao, “anh chàng Pierrot đáng thương hay té sắp” bỗng rút ra từ trong tay áo một con búp bê nhỏ nhồi cám và cùng với con búp bê diễn một màn hài kịch câm. Sau cùng, anh ta bóp trọn bao nhiêu cám trong người nó phụt hết ra miệng. Xong, vừa cất lên những tiếng kêu thảm hại, anh ta vừa nhét đầy cháo lỏng vào ruột con búp bê. Vào đúng lúc mọi người ai nấy đều đang há hốc miệng, mắt chăm chú dán vào đứa con gái nhỏ nhầy nhụa

và thúng ruột của anh chàng Pierrot đáng thương thì anh ta chọt giờ tay vung con búp bê lên và liệng thật mạnh vào mặt Jasmin Delouche. Nhưng con búp bê chỉ làm ướt được một bên tai gã kia, rồi văng qua nằm xẹp trên bụng bà Pignot sau khi đụng phải phía dưới cằm bà ta. Bà hàng bánh mì thốt lên tiếng la kinh hãi, né người về đằng sau. Các bà ngồi cạnh cũng né tránh như vậy khiến cho chiếc ghế dài gãy làm đôi. Thế là cô hàng xén Fernande, bà góa phụ buồn rầu Delouche với hai chục khán giả khác nữa cũng ngã xuống, hai chân đưa lên trời, giữa những tiếng la, tiếng cười và tiếng vỗ tay. Trong khi đó anh hề cao lớn cũng ngã nằm rạp xuống đất, xong đứng lên cúi chào và nói:

“Thưa quý ông, quý bà, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!”

Ngay lúc đó, giữa sự ồn ào vang dậy, Meaulnes từ đầu tấn tuồng câm vẫn nín lặng và càng lúc càng tỏ ra chăm chú, chọt đứng lên nắm lấy tay tôi, la to bằng cái giọng không thể đè nén nổi:

“Coi kìa, nhìn anh chàng Bohemian kìa! Tôi nhận ra anh rồi.”

Dường như từ lâu lắm, trong đầu tôi, cái ý tưởng đó cũng được ấp ủ một cách vô ý thức và chỉ chờ dịp phát lộ, nên trước khi kịp nhìn ra thì tôi đã đoán rõ mọi việc. Đứng gần một ngọn đèn ở lối bước lên xe, chàng trẻ tuổi kia đã gỡ cuốn băng quăn trên mặt và khoác lên vai chiếc áo choàng. Trong ánh đèn ám khói, giống như hồi nào dưới ánh sáng ngọn nến trong căn phòng ở nơi trang viên, thấy xuất hiện một gương mặt rất thanh tú, mũi rất cao, và không có râu. Nước da tái xanh, đôi môi hé mở, anh ta đang vội vã lật từng trang cuốn sách nhỏ bìa đỏ, có lẽ một cuốn bản đồ bỏ túi. Ngoại trừ vết thương nằm ngang thái dương lấn vào mái tóc rậm, tôi tin chắc đó chính là anh chàng chú rể nơi trang viên xa xôi, như đã được Meaulnes kể tả cho nghe.

Rõ ràng anh cố tình gỡ băng quăn đầu ra cho chúng tôi nhận diện. Nhưng, vừa lúc Meaulnes đứng bật dậy và kêu lên với tôi thì anh đã bước vào trong xe sau khi đưa mắt ngó lại chúng tôi, vẻ thông cảm, và mỉm cười; cái cười phảng phất một chút buồn, như anh vẫn thường mỉm cười như vậy.

Rồi Meaulnes nóng nảy nói:

“Còn người kia, tại sao ta không nhận ra ngay. Đúng là anh chàng Pierrot trong đám hội ở đó...”

Anh bước xuống để chạy lại gần. Nhưng Ganache đã ngăn hết mọi lối thông với sân diễn; rồi lần lượt tắt cả bốn ngọn đèn trong rạp, nên chúng tôi buộc phải từng bước một theo sau dòng người tiến lên rất chậm giữa hai dãy ghế dài, trong bóng tối, tâm trạng vô cùng sốt ruột.

Sau cùng khi ra được bên ngoài, Meaulnes vội chạy lại chỗ xe đậu, bước lên bực gỗ, gõ vào cánh cửa, nhưng cửa đã đóng kỹ. Ý hấn trong chiếc xe có kéo rèm, cũng như bên xe chở con ngựa nhỏ, con dê con và mấy con chim biết làm trò xiếc ai nấy đều đã rút về để bắt đầu giấc ngủ yên.

CHƯƠNG 8

CÓ CẢNH BINH!

Meaunes và tôi đành phải theo đám các ông các bà đang bước trên những con đường tối tăm trở về trường. Lần này chúng tôi đã hiểu rõ hết. Cái bóng trắng cao lớn mà anh trông thấy trong buổi đêm tan hội, thoăn thoắt chạy giữa những hàng cây đúng là Ganache; khi ấy hẳn vừa đón được chú rể hịt và cùng với cậu ta trốn đi. Cậu ta chấp nhận cuộc sống lang thang đầy nguy hiểm, nhiều trò vui và phiêu lưu này, coi như bắt đầu lại thời kỳ niên thiếu của mình.

Cho tới lúc bấy giờ, Frantz de Galais vẫn giấu không cho chúng tôi biết tên và làm bộ như không biết lối đi về trang viên, ý hẳn anh sợ phải bắt buộc quay lại với cha mẹ. Nhưng tại sao đêm nay bỗng dưng anh muốn lộ diện với chúng tôi và để cho chúng tôi đoán biết hết sự thật?

Trong khi bước theo dòng khán giả từ từ trôi qua trên phố, Meaunes đã nghiền ngẫm bao nhiêu dự tính. Anh định sáng sớm mai thứ Năm, sẽ tới kiếm Frantz. Rồi cả hai cùng đi tới đó. Một chuyến đi trên con đường còn đầm sương! Frantz sẽ giải thích rõ hết; mọi sự sẽ thu xếp xong và cuộc phiêu lưu kỳ diệu sẽ tiếp tục đúng chỗ bị gián đoạn...

Về phần tôi đi giữa bóng tối mà trong lòng nghe rung cảm lạ thường. Mọi sự nhập lại khiến tôi thêm vui, từ nỗi vui nhè nhẹ đợi chờ ngày mai thứ Năm cho tới cuộc khám phá lớn vừa xảy ra, luôn cả sự may mắn lạ lùng chúng tôi vừa bắt gặp. Tôi còn nhớ, khi đó trong lòng bỗng dưng cởi mở, tôi bước lại gần cô con gái xấu nhất trong số con gái nhà ông chường khế mà thỉnh thoảng tôi vẫn bị buộc phải dẫn cô ta đi bên cạnh, và rất tự nhiên đưa tay ra cho cô ta vịn.

Kỷ niệm mới chưa chát làm sao! Hy vọng hảo huyền đã bị nghiền nát!

Sáng hôm sau, mới tám giờ, khi tới Quảng trường Nhà Thờ với đôi giày đánh xi rất kỹ, khóa thắt lưng bóng loáng và cái mũ lưỡi trai mới, thì Meaulnes - từ này mỗi khi ngó tôi vẫn cố giữ không mỉm cười - bỗng la lên một tiếng và chạy bổ về phía Quảng trường bỏ trống, chỗ dựng rạp và đậu xe, nay chỉ còn một cái bình vỡ và mấy nắm giẻ rách. Người Bohemian đã bỏ đi rồi.

Một luồng gió nhẹ lướt qua khiến tôi cảm thấy giá lạnh. Tưởng như cứ mỗi bước đi là chúng tôi sẽ vấp phải nền đất sỏi nơi quảng trường và sẽ ngã. Meaulnes vẽ hốt hoảng, hai lần toan vùng chạy, lần đầu về phía đường đi Vieux-Nançay, lần sau về phía đường Saint-Loup-des-Bois. Anh đưa bàn tay lên che mắt, thoáng hy vọng rằng đám người của chúng tôi mới vừa đi khỏi. Nhưng biết làm sao? Trên Quảng trường có tới cả chục vết bánh xe lộn xộn và mất hẳn khi ra tới đường đá cứng. Đành vô phương mà đứng đó.

Trong khi quay trở về, đi qua làng vào lúc bắt đầu buổi sáng một ngày thứ Năm thì chúng tôi thấy bốn viên cảnh binh, đêm hôm qua đã được Delouche đến báo, phóng ngựa tới công viên rồi tỏa ra các phố để ngăn hết mọi lối thoát, giống như một đoàn kỵ binh tới thám thính trong làng. Nhưng đã chậm quá rồi. Anh chàng ăn trộm gà Ganache đã cùng đồng bạn bỏ trốn mất. Cảnh binh chẳng kiếm được Ganache lẫn những người đã chất lên xe những con gà bị vụn cổ. Kịp thời được báo trước do câu nói khinh suất của Jasmin, Frantz chắc bỗng nhiên hiểu ra bằng cách nào mà đồng bạn và anh ta vẫn sống được vào những khi hòm tiền trong xe rỗng không; nên vừa xấu hổ vừa tức giận, anh liền quyết định một lộ trình và đào tẩu trước khi cảnh binh tới. Rồi không còn sợ có người sẽ kiếm cách bắt về trang viên, anh đã cho chúng tôi thấy bộ mặt không băng bó trước khi biến mất.

Chỉ còn một điểm vẫn tối mò: làm sao Ganache vừa vét sạch các sân nuôi gia cầm lại vừa đi mời được bà phước tới săn sóc cho bạn? Phải chăng đó là tất cả bộ mặt thật của con người đáng thương ấy? Một mặt chuyên môn lêu bêu trộm cắp, mặt kia lại là một người thánh thiện.

CHƯƠNG 9

ĐI TÌM CON ĐƯỜNG ĐÃ MẤT

Mặt trời đã đánh tan màn sương sớm, khi chúng tôi về tới nhà: các bà nội trợ đang đứng trên bậc thềm giữ thảm hay chuyện vãn; một buổi sáng mùa xuân rạng rỡ nhất còn lưu lại mãi trong ký ức tôi đang bắt đầu trải dài ở ngoài đồng và trong cánh rừng nơi đầu làng.

Buổi sáng thứ Năm hôm đó, tất cả các học trò lớn đều phải tới trường lúc tám giờ để lo sửa soạn, anh thì được cấp bằng Cao đẳng, anh khác nhận đơn thi vào trường Sư phạm. Khi hai chúng tôi về đến nhà, Meaulnes trong trạng thái xúc động mạnh vì luyện tiếc và bồn chồn thôi thúc, còn tôi rất là ủ rũ, ngôi trường đã vắng tanh... Những tia nắng mới chiếu lên chiếc ghế băng phủ bụi và trên lớp men đã rạn của quả địa cầu.

Làm sao có thể ngồi yên trước cuốn sách để nghiên ngẫm nỗi niềm thất vọng trong khi biết bao nhiêu thứ đang réo gọi bên ngoài: *chim chóc ríu rít bay nháy trên các cành cây bên cửa sổ, những học trò khác đã bỏ trốn vào rừng hay ra ngoài đồng, và nhất là ý muốn lập tức thử lộ trình thiếu sót mà anh chàng Bohemian đã soát lại - ván bài cuối cùng trong cái túi đã gần rỗng tuếch, chiếc chìa khóa còn lại duy nhất sau khi đã thử hết với mọi cái khác rồi...* Điều ấy quả thật vượt quá sức chịu đựng của chúng tôi! Meaulnes cứ bước tới bước lui, xong đến bên cửa sổ nhìn ra vườn rồi quay trở lại đứng ngó về phía làng như thể đang mong đợi người chắc chắn sẽ không tới.

Sau cùng anh bảo tôi:

“Tôi nghĩ có lẽ chẳng xa lắm như mình vẫn tưởng. Frantz đã xóa bỏ trên bản đồ cả một đoạn đường mà tôi đã vẽ. Như vậy có nghĩa là trong khi tôi chợp ngủ, con ngựa chắc đã đi một vòng vô ích.”

Tôi ngồi ghé vào một góc bàn lớn, một chân thả xuống đất, một chân du đưa, vể chán nản, rồi rãi, đầu cúi xuống, góp ý:

“Nhưng khi trở về trên chiếc xe có thùng kín anh cũng mất cả một đêm.”

Meaulnes vội đáp:

“Chúng tôi ra đi lúc đã khuya. Tới bốn giờ sáng người ta thả tôi xuống ở chỗ cách Sainte-Agathe chừng sáu cây số về phía tây, trong khi con đường đưa tới Nhà Ga mà tôi đã khởi hành thì lại hướng về phía đông. Vậy phải trừ bớt sáu cây số trên đường đưa từ Sainte-Agathe tới cái xứ xa lạ đó. Tôi gần như tin chắc rằng nếu đã ra khỏi rừng Communaux thì ta sẽ cách cái nơi muốn kiếm không quá hơn hai dặm đâu.”

“Thì chính hai dặm đường đó không có vẽ trên bản đồ.”

“Đúng thế. Từ đây tới chỗ ra khỏi rừng cách xa một dặm rưỡi, nhưng đối với một người cuộc bộ khỏe có thể trong một buổi sáng cũng đi đến được.”

Vừa lúc đó Moucheboeuf xuất hiện. Gã có cái thói rất khó chịu là lúc nào cũng cứ muốn tỏ ra mình là người học trò ngoan ngoãn, không phải vì gã chăm học hơn kẻ khác, mà chỉ bằng cách làm sao cho mình nổi bật lên trong những dịp như thế này.

Gã hân hoan nói:

“Tôi đã biết sẽ chỉ gặp có mỗi hai cậu. Tất cả bọn kia đều đã đi vào rừng Communaux hết. Cầm đầu là Jasmin Delouche, nó biết những nơi có tổ chim.”

Muốn tỏ ra là người kiêu mẫu, gã bắt đầu kể lại hết những lời bọn kia đã nói khi chúng tỏ ý vì muốn chọc tức cả trường - Thầy Seurel và hai chúng tôi - nên mới quyết định bỏ lớp kéo nhau đi như vậy.

Meaulnes nói:

“Nếu bọn họ ở trong rừng, có lẽ dọc đường tôi sẽ gặp vì tôi cũng sắp đi đây. Chừng mười hai giờ rưỡi tôi sẽ về.”

Moucheboeuf chưng hửng.

Meaulnes ngừng lại một giây trên bậc cửa đã hé mở và hỏi tôi:

“Cậu không đi sao?”

Một luồng gió ấm áp bởi ánh mặt trời thổi vào phòng theo cánh cửa mở cùng với tiếng riu rít, tiếng gọi nhau, tiếng chiêm chiếp, tiếng gàu nước chạy trên miệng giếng và tiếng một ngọn roi vút từ xa.

Tuy rất thèm đi, tôi vẫn đáp:

“Không. Tôi không đi được vì sợ Thầy Seurel mắng. Nhưng anh đi mau lên nhé, tôi mong anh về ghê lắm đấy.”

Anh khoát tay ra dấu vội vàng, vẻ hăm hở đầy hy vọng.



Khoảng mười giờ, khi đến lớp, Thầy Seurel đã thay cái áo ngoài màu đen vải *anpaga* bằng một chiếc áo rộng kiểu đi câu có những cái túi cài khuy rất to, đầu đội mũ rơm, chân mang đôi ghệt ngắn bằng da láng bóng. Tôi tin rằng ông không ngạc nhiên khi chẳng thấy ai trong lớp. Ông cũng không lắng nghe Moucheboeuf ba lần mách rằng bọn kia đã nói: “*Nếu ông ấy cần bọn tôi thì ông ấy tới đây mà kiếm.*”

Thầy Seurel ra lệnh:

“Xếp sách vở lại, lấy mũ đội vào, rồi mình đi kiếm bọn chúng. Con có thể đi bộ tới đó được không François?”

Tôi nói rằng được và chúng tôi cùng đi.

Chúng tôi thỏa thuận là Moucheboeuf sẽ dẫn đường và làm chim mồi cho Thầy Seurel. Tức là gã biết rõ những khu rừng mà bọn đi bắt chim đang trốn. Thịnh thoảng gã lớn tiếng hỏi:

“Hấp! Hấp! Giraudat! Delouche! Các người ở đâu thế? Có tìm được gì không? Bắt được nhiều chim không?”

Phần tôi, tâm trạng thích thú, lại được Thầy Seurel cử đi men theo cánh rừng để phòng trường hợp có đứa trốn học nào lên ra phía đó.

Trong bản đồ mà anh chàng Bohemian đã sửa lại và tôi cùng với Meaulnes nghiên cứu mãi, dường như có một con đường đất vẽ bằng một

gạch đen, đi từ bìa cánh rừng này về phía trang trại. A! Giá mà tôi khám phá ra nó sáng hôm nay!...

Tôi bắt đầu tin tưởng rằng trước mười hai giờ trưa tôi sẽ tìm ra lối đi tới tòa trang viên cổ.

Thật là một cuộc dạo chơi kỳ thú! Liền sau khi qua khu Bãi Phẳng và đi vòng quanh Nhà Cối Xay, tôi tách khỏi hai bạn đồng hành: Thầy Seurel với cái vẻ như đang đi tác chiến - tôi chắc thế nào ông cũng bỏ trong túi cây súng lục đã cũ - và gã Moucheboeuf tâm địa phản trắc.

Rẽ vào một con đường ngang, lát sau tôi tới ven rừng. Lần đầu tiên trong đời, tôi nhận ra mình đang ở một mình giữa đồng ruộng, giống như một anh lính đi do thám bị lạc mất đơn vị chỉ huy.

Tôi tưởng tượng mình đang sắp sửa đạt tới cái hạnh phúc mà Meaulnes đã có lần thấp thoáng gặp. Cả một buổi sáng là của riêng tôi, tha hồ thám hiểm ven rừng, nơi mát mẻ và kín đáo nhất trong vùng, trong khi người anh cao lớn của tôi cũng đang tìm kiếm. Nơi đây như thể là một dòng suối đã cạn. Tôi chui qua dưới những cành cây không biết tên nhưng đoán là cây trăn; nhảy qua một khúc chắn ở đầu đường mòn và đi vào một con đường mọc toàn cỏ xanh biêng biếc trải dài dưới tàng lá, thỉnh thoảng giẫm phải những bụi tầm gai hay đạp lên những bụi hoa nữ lang mọc cao.

Đôi khi chân tôi giẫm vài bước lên nền cát mịn. Trong tĩnh mịch, nghe có tiếng chim - có lẽ họa mi, nhưng cũng có thể tôi lầm vì họa mi chỉ hót vào buổi tối. Con chim cứ nhắc đi nhắc lại mãi một điệp khúc: *tiếng nói của ban mai, tiếng nói dưới bóng mát, xin mời đi dạo giữa những gốc trăn*. Không trông thấy nhưng luôn luôn có mặt, nó cứ theo sát bên tôi dưới tàng lá.

Lần đầu tiên, tôi đang trên con đường phiêu lưu. Không phải là những vỏ ốc mà tôi đang tìm kiếm dưới sự chỉ dẫn của Thầy Seurel, không phải những cây tương quân mà chính ông giáo cũng không biết; cũng không là cái giếng sâu đã cạn nước bên trên có phủ tấm phen và bị vùi lấp dưới đám cỏ rậm đến nỗi cứ mỗi lần đi qua lại càng thấy khó kiếm hơn nữa, như cái giếng chúng tôi vẫn thường gặp trong cánh đồng nhà ông Martin;... mà tôi đi tìm một cái gì còn bí mật hơn nhiều. Đó là con đường cũ đã mất dấu

trong sách thường nói đến mà vị hoàng tử đi đã mỗi như đôi chân vẫn chưa tìm thấy lối. Thế rồi vào cái giờ thong thả nhất của buổi sáng, mười một hay mười hai giờ không biết... bỗng nhiên, rẽ những cành lá um tùm, cử chỉ hờ hững, hai tay đưa lên ngang mặt, hốt nhiên người ta thấy lù lù hiện ra con đường u tối kéo dài đến tận mút xa bằng một khung sáng tròn nhỏ xíu.

Trong khi đang hy vọng và say sưa như vậy thì tôi chợt bước vào một khu rừng thưa, thật ra chỉ là một cánh đồng cỏ. Không dè đã tới bìa cánh rừng Communaux mà tôi vẫn tưởng hãy còn xa lắm. Bên tay mặt, giữa một đồng khúc cây, là nhà của ông gác rừng, có tiếng vang vang dưới bóng mát. Trên khung cửa sổ phơi hai đôi tất dài. Nhiều năm trước, mỗi khi đi tới ven rừng, bao giờ chúng tôi cũng chỉ tay về vùng ánh sáng ở cuối con đường đầy bóng tối mà nói; “*Đằng kia là nhà của ông gác rừng Baladier.*” Nhưng chưa bao giờ chúng tôi đi tới tận nơi ấy. Đôi khi nghe có người nói: “*Nó đã đi mãi tới nhà ông gác rừng đấy*” thì tưởng như kẻ nào đó đã làm một cuộc mạo hiểm ghê gớm.

Vậy mà lần này tôi đi tới tận nhà ông Baladier nhưng chẳng thấy gì hết.

Tôi bắt đầu thấy đau ở đôi chân mỏi và cảm thấy khó chịu vì trời nóng mà từ nãy đã không để ý. Đang e ngại sẽ phải một mình trở về thì nghe thấy tiếng “chim mời” của Thầy Seurel, tức là giọng của Moucheboeuf, rồi nhiều giọng khác nữa, gọi tôi...

Một bọn sáu gã con trai lớn - mà chỉ riêng gã phản phúc Moucheboeuf là ra vẻ tự đắc - Giraudat, Auberger, Delage và nhiều gã khác, đang đứng ở đó... Nhờ tiếng mời như nên bọn này đã bị bắt, kẻ thì đang một mình trên cây anh đào dại giữa khoảng rừng thưa, kẻ thì đang bắt những tổ chim gõ kiến. Anh chàng khùng Giraudat mắt lúc nào cũng híp, bận cái áo ngoài rất bẩn, giấu mấy con chim non trong áo ngay trước bụng. Thấy Thầy Seurel tới, hai gã trong bọn bỏ chạy mất: đích thị là Delouche và thằng nhỏ Coffin. Ban đầu bọn chúng còn đáp lời Moucheboeuf bằng cách la to cái tên anh ta thành ra “*Mouchevache!*”^[3] vang dội trong rừng. Anh này tin chắc là sẽ bắt được họ bèn tức giận đáp:

“Này, các cậu xuống hết đi, Thầy Seurel đã đến đó.”

Thế là mọi người bỗng im bật, rồi lặng lẽ lùi vào rừng. Bọn họ thuộc hết mọi lối đi, nên đừng mong nghĩ tới chuyện chạy theo lòng bắt lại. Mặt khác, không ai biết Meaulnes đi lối nào. Không ai nghe tiếng nói anh ở đâu; sau cùng mọi người thôi không tìm nữa.

Trời đã quá trưa khi chúng tôi trở về Sainte-Agathe, mệt mỏi, lấm lem những đất, đầu cúi xuống, bước đi chậm chạp. Nắng bắt đầu gắt sau khi chúng tôi đã ra khỏi rừng và giũ sạch trên mặt đường khô những bùn bám vào gót giày. Bây giờ không còn là buổi sáng mùa xuân mát mẻ, rực rỡ nữa. Những tiếng động buổi chiều đã vang lên. Xa xa về phía các nông trại chơ vơ bên đường, một con gà cất tiếng gáy đơn độc. Khi đi xuống chỗ Bãi Phẳng, chúng tôi ngừng lại một lát để trò chuyện với các nông phu đang bắt tay làm việc trở lại sau bữa nghỉ ăn trưa. Họ đứng tựa lưng vào hàng giậu trò chuyện, Thầy Seurel nói:

“Thật đúng là một bọn nhãi ranh! Này các chú thử trông thẳng Giraudat kia. Nó giấu chim non vào trong áo. Lũ chim tha hồ bĩnh ra bụng nó. Bẩn thỉu quá thể!”

Đám nông phu phì cười, tôi có cảm tưởng họ còn cười nhạo cả sự thất bại của tôi. Họ vừa cười vừa lắc đầu, ra vẻ như không hoàn toàn chê trách bọn trai trẻ mà họ đều quen biết.

Khi Thầy Seurel ra lệnh lên đường, họ còn cho chúng tôi biết:

“Có một cậu nữa mới đi qua, cái cậu cao lớn đó. Có lẽ khi trở về, cậu ta gặp xe nhà Granges ở dọc đường cho quá giang. Tối trước lối rẽ vào trại Des Grange, cậu mới leo xuống, quần áo rách bươm, bê bết những bùn. Tội tôi có nói cho cậu ta biết là ban sáng thấy ông giáo với các cậu đi qua, nhưng chưa quay lại. Thế là cậu ta tiếp tục thung thẳng đi về hướng Sainte-Agathe.”

Quả vậy, Meaulnes đang ngồi đợi chúng tôi ở một chân cột cầu gần chỗ Bãi Phẳng, dáng mệt rũ. Đáp câu hỏi của Thầy Seurel, anh nói chính anh cũng đi kiếm bọn học trò trốn học. Còn với câu hỏi nhỏ của tôi, anh thất vọng lắc đầu:

“Không, không gặp chỗ nào giống như vậy cả.”

Sau bữa trưa, trong khi bên ngoài chan hòa ánh nắng thì trong lớp học cửa đóng kín tối đen và trống trải, Meaulnes ngồi ở một chiếc bàn lớn, gục đầu trên hai cánh tay, ngủ một giấc dài, nặng nề và buồn nản. Đến chiều, sau một hồi suy nghĩ, anh viết thư cho mẹ, như vừa quyết định một điều gì hệ trọng lắm. Đó là tất cả những gì tôi còn nhớ lại về lúc gần tàn của một ngày tràn đầy thất vọng.

CHƯƠNG 10

VỤ GIẶT QUẦN ÁO

Chúng tôi ngỡ rằng mùa xuân đã đến nhưng thật là quá sớm và hão huyền.

Chiều thứ Hai, chúng tôi tính sẽ làm bài ngay sau lúc tan học bốn giờ như vào giữa mùa hè, nên để nhìn cho rõ hơn, chúng tôi khiêng hai cái bàn lớn ra sân. Trời bỗng tối sập ngay, một giọt mưa rơi xuống quyền vở bài tập, vì thế cả bọn tức tốc thu dọn vào trong lớp. Trong căn phòng mênh mông nay đã tối mò, qua khung cửa sổ rộng, ai nấy lặng lẽ nhìn những đám mây trôi trên nền trời xám.

Khi đó, Meaulnes, một tay cầm quả đấm cửa, cũng nhìn ra bên ngoài, thốt lên, coi bộ như đang cảm thấy trong lòng một nỗi xốn xang luyến tiếc:

“Chà! Mây có trôi như thế kia đâu khi tôi đang cười trên chiếc xe của trại La Belle-Etoile ở dọc đường.”

Jasmin hỏi:

“Dọc đường nào?”

Meaulnes không đáp. Tôi nói chen vào như để đánh lạc câu chuyện:

“Tôi lại thích đi trên xe lúc trời mưa to, ngồi dưới một cái dù lớn.”

Một anh khác tiếp:

“Cứ thế xem sách suốt dọc đường y như là ngồi trong nhà vậy.”

Meaulnes đáp:

“Khi đó trời không mưa, tôi không thấy muốn đọc sách, mà chỉ lo ngắm khung cảnh chung quanh.”

Đến lượt Giraudat hỏi nơi đó là nơi nào, Meaulnes lại nín thinh. Jasmin lên tiếng:

“Tôi biết... Vẫn cái vụ phiêu lưu kỳ lạ!...”

Hắn ta nói câu đó với giọng thân thiện và trịnh trọng như thể đã có dự phần trong vụ bí mật. Nhưng vô ích; những cố gắng làm thân của hắn cũng bị bỏ rơi; khi trời sập tối, ai nấy kéo áo lên che đầu, chạy vội về nhà trong cơn mưa lạnh.

Cho tới thứ Năm sau, trời vẫn mưa không dứt. Thứ Năm đó còn buồn hơn thứ Năm trước. Khắp làng đều bao trùm dưới một màn sương lạnh như trong những ngày u ám nhất của mùa đông.

Lầm tưởng trời sẽ nắng đẹp như tuần trước, Millie đem quần áo ra giặt, nhưng không thể phơi trên hàng giậu ngoài vườn hay trên dây căng trong kho thóc vì không khí vừa lạnh vừa ẩm ướt. Bàn với Thầy Seurel, mẹ tôi nảy ra ý đem phơi đồ trong các lớp học, đốt một lò lửa thật nóng vì bữa đó là thứ Năm. Để tiết kiệm củi đốt dưới bếp và trong buồng ăn, bà định sẽ nấu nướng ngay trên lò lửa. Vì thế, suốt buổi hôm ấy, Meaulnes và tôi lưu lại trong phòng học lớn.

Hồi đó còn nhỏ quá nên ban đầu tôi coi sự mới lạ ấy như một dịp hội.

Thật là một thứ hội quá buồn tẻ!... Bao nhiêu hơi nóng ở lò đều bị quần áo ướt hút hết nên không khí trở thành rất lạnh. Ngoài sân, lớp mưa phùn mùa đông rơi không dứt. Tuy vậy, ngay từ chín giờ sáng, đang buồn nản quá, tôi đã đến gần Meaulnes. Lặng lẽ tựa đầu vào cánh cửa nhìn qua những chấn song ở cổng lớn, chúng tôi thấy một đám ma từ trong làng xa đi tới đầu phố, ngay chỗ Công viên Ngã Tư. Chiếc áo quan đặt trên xe bò được nhấc xuống để trên một phiến đá dưới chân cây thập tự lớn, cái chỗ mà hôm trước ông hàng thịt bắt gặp hai tên thám thính của anh chàng Bohemian! *Ôi! Bây giờ anh đang ở đâu, viên chỉ huy khéo cầm đầu cuộc tấn công đêm ấy?*... Theo tục lệ, vị linh mục và ban hát tiến tới trước quan tài. Chúng tôi nghe tiếng hát buồn buồn vắng vắng vang lên. Cả tôi lẫn Meaulnes đều biết rõ đó là trò giải trí độc nhất trong ngày, một ngày trôi qua bình thường như dòng nước đục chảy trong khe. Bỗng dưng anh nói:

“Bây giờ tôi đi sửa soạn hành lý. François ạ, tôi cho cậu biết, thứ Năm tuần trước tôi đã viết thư cho mẹ tôi xin phép lên Paris tiếp tục học. Hôm nay tôi sẽ khởi hành.”

Hai tay anh vẫn tì vào chấn song đối diện, mắt ngó mãi về phía thị trấn. Tôi chẳng cần phải hỏi xem bà mẹ giàu có và ưa chiều theo mọi sở thích của con có đã nhận lời cầu xin của anh chưa. Cũng chẳng cần phải hỏi anh tại sao bỗng nảy ra ý muốn đi Paris ấy. Nhưng tôi tin chắc là trong tim anh đã có luyến tiếc và e ngại phải rời bỏ vùng Sainte-Agathe thân yêu này, nơi mà anh khởi sự đi vào cuộc phiêu lưu kỳ diệu.

Về phần tôi, tôi cảm thấy một nỗi cô quạnh mãnh liệt - thoát đầu không nhận ra - xâm chiếm tâm hồn.

Meaulnes thở dài, nói như để giải thích:

“Gần tới lễ Phục Sinh rồi.”

Tôi bảo:

“Nếu đến Paris mà gặp được cô ta, anh nhớ viết thư cho tôi nhé?”

“Đã đành. Tôi hứa sẽ viết. Không phải cậu vừa là bạn vừa là người anh em ruột của tôi sao?”

Anh đặt bàn tay lên vai tôi.

Dần dần tôi hiểu rõ thế là mọi chuyện đã chấm dứt. Meaulnes đi Paris học tiếp, tôi sẽ không bao giờ còn có được một người bạn lớn như anh nữa.

Để gặp lại, chúng tôi chỉ còn hy vọng vào căn nhà ở Paris, nơi anh sẽ tìm được vết tích của cuộc phiêu lưu đã tan biến... Nhưng cứ trông anh buồn rầu thế kia, tôi cũng thấy là mỗi hy vọng của tôi quả thật là mỏng mảnh.

Khi được báo, Thầy Seurel ngạc nhiên lắm, nhưng liền sau đó ông đã tin theo lời bày tỏ của Meaulnes. Phần mẹ tôi, với tư cách một người nội trợ, lại chỉ lấy làm ân hận theo sự bất thường lung củng của nhà cửa bữa đó... Thảm thương! Cái rương của anh chỉ một lát đã xếp xong mọi thứ! Chúng tôi kiểm ở dưới gầm cầu thang đôi giày anh vẫn mang những bữa Chủ nhật, một ít quần áo trong tủ, và những giấy tờ, sách vở - hết thấy những gì mà một chàng thanh niên mười tám vẫn có ở trên đời này.

Vào lúc trưa, mẹ của Meaulnes đi xe ngựa tới. Hai mẹ con ăn cơm ở hàng café Daniel, rồi gần như không giải thích lời nào, bà đón Meaulnes đi ngay sau khi ngựa đã được cho ăn uống và thả vào xe. Chúng tôi đứng trước thềm chào từ biệt, rồi chiếc xe khuất dạng sau khúc rẽ ở Ngã Tư.

Millie chùi chân trước cửa, bước vào phòng ẩn lạnh lẽo thu xếp lại những đồ vật đã bị xáo trộn. Còn tôi, lần đầu tiên sau bao tháng trường, đâm cô đơn trở lại trước một buổi tối thứ Năm dày đặc - với cảm tưởng tuổi niên thiếu của tôi đã vĩnh viễn ra đi trên chiếc xe kia rồi.

CHƯƠNG 11

TÔI PHẢN BỘI...

Biết làm gì bây giờ?

Không gian bắt đầu sáng sủa. Xem ra mặt trời sắp ló dạng. Có tiếng cửa đóng trong căn nhà rộng. Rồi trở lại im lặng như cũ. Thỉnh thoảng cha tôi đi ngang qua ngoài sân để lấy một thùng than đem vào đổ đầy lò sưởi. Tôi nhìn thấy những quần áo trắng phơi ở đây và chẳng chút nào muốn quay về lớp học đã được trưng dụng làm chỗ hong quần áo, tôi muốn một mình đối diện với kỳ thi cuối năm vào trường Sư phạm, mối lo duy nhất của tôi từ nay.

Lạ thay, xen lẫn với sự chán nản khiến tôi buồn khổ lại có chen vào một cảm giác tự do mới mẻ. Meaulnes đi rồi, cuộc phiêu lưu dở dang đã hoàn toàn chấm dứt. Ít ra điều ấy cũng giúp tôi thoát khỏi những mối bận tâm kỳ lạ và khác thường đã không cho phép tôi được hành động giống như mọi người. Anh đi rồi, tôi không còn là người bạn phiêu lưu của anh nữa, không còn là đứa em của con người lúc nào cũng lần dò theo những dấu vết; mà tôi trở lại là một đứa trẻ giống như mọi đứa khác trong làng, chuyện này thật dễ cho tôi vì tôi chỉ cần hành xử theo khuynh hướng tự nhiên nhất của mình là đủ.

Thằng con út của gia đình Roy đi qua ngoài phố lầy lội, tay cầm sợi dây gai có buộc ba hạt dẻ ở đầu, quay tít chúng rồi thả tung trên trời; ba hạt dẻ và sợi dây rơi vào trong sân nhà tôi. Tôi rồi rãi đến độ lấy làm thích thú theo hành động của nó, hai ba lần tung trả lại mấy hạt dẻ ra phía ngoài tường cho nó.

Bỗng dưng nó bỏ cuộc chơi trẻ con để chạy về phía một chiếc xe bò đang từ phía trại Vieille-Planche đi tới, rồi trèo tót lên phía sau trong khi xe vẫn chạy. Tôi nhận ra đó là chiếc xe nhà Delouche và con ngựa của hắn.

Jasmin đánh xe, còn anh chàng mập Boujardon đứng ở trên. Họ mới từ phía cánh đồng trở về.

Chắc hẳn biết rằng Meaulnes đã từ biệt, Jasmin la lớn với tôi:

“Tới chơi với bọn này đi, François!”

Thú thật, chẳng báo cho cha mẹ hay, tôi vội trèo lên chiếc xe đang lắc lư và cố đứng vững như mọi người, tay vịn vào thành gỗ. Jasmin đưa tất cả tới nhà bà quả phụ Delouche...

Bây giờ chúng tôi họp lại ở phía sau cửa tiệm, căn nhà vừa dùng làm chỗ bán hàng xén vừa mở quán trọ. Một chùm nắng nhạt len qua khe cửa sổ thấp, chiếu sáng trên những cái hộp thiếc và những thùng đựng dấm. Gã Boujardon mập ú đang ăn bánh bích qui vụn, ngồi trên bậc cửa quay lưng lại phía chúng tôi và cất tiếng cười khan. Gần đó, trên nắp một thùng rượu, có một hộp bánh đã mở, với hết một phần. Thằng nhãi Roy thích thú la lên từng tiếng nhỏ. Một nỗi thân mật không được chính đáng đang nảy ra giữa đám chúng tôi. Tôi cảm nhận, từ nay Jasmin và Boujardon sẽ là bạn của tôi. Cuộc đời tôi đột nhiên đổi hướng, tưởng như Meaulnes bỏ đi đã từ lâu lắm và cuộc phiêu lưu của anh trở thành một câu chuyện cũ, tuy buồn nhưng không còn gì để phải bận tâm.

Từ dưới một tấm ván, thằng nhãi Roy lôi ra một chai rượu ngọt đã uống dở. Delouche mời chúng tôi mỗi người một hớp, nhưng vì chỉ có một cái ly nên phải uống chung. Tôi là người được mời đầu tiên, lời mời pha chút hạ cố, làm như tôi chưa hề quen với những lễ thói của các tay thợ săn hoặc những bác nông phu như vậy... Tôi cũng đâm ngượng, cho nên khi mọi người vừa nhắc đến tên Meaulnes tôi liền tỏ ý cho bọn kia biết rằng mình thấu hiểu câu chuyện của anh, xong đem ra kể lại một phần để làm tan bớt sự ngượng ngập và tìm lại sự tự nhiên của mình. Tự nghĩ, làm như vậy đâu có hại gì cho anh vì ở đây cuộc phiêu lưu coi như đã hoàn toàn chấm dứt.

Không hiểu có phải vì cái cách kể chuyện của tôi quá dở nên chẳng hề có một phản ứng nào từ bọn kia như tôi mong đợi. Với bản chất nông dân không có gì đáng phải ngạc nhiên, đám Delouche không thấy sững sốt vì một chuyện còn con nít như vậy. Boujardon hỏi:

“Hắn là một đám cưới phải không?”

Phần Delouche cũng có dự một đám cưới ở Préveranges còn đáng lạ lùng hơn nữa.

Về tòa lâu đài? Chắc chắn là có thể kiếm được một người trong vùng đã từng nghe nói tới nó. Về cô con gái? Meaulnes sẽ cưới cô ta sau khi xong một năm quân dịch.

Một người trong bọn nói:

“Đáng lẽ hắn phải nói chuyện đó với bọn mình, đưa bản đồ cho bọn mình coi, còn hơn là giao phó cho một thằng Bohemian.”

Luống cuống trong thất bại, tôi muốn tranh thủ thời cơ để gọi sự tò mò của đám này nên định nói ra gốc tích và định mệnh lạ lùng của anh chàng Bohemian đó. Nhưng Boujardon và Delouche ra vẻ như chẳng thèm nghe:

“Chính thằng đó đã gây nên chuyện. Chính nó làm cho Meaulnes trở nên khó chịu, trong khi thật ra Meaulnes là một người bạn rất tốt. Chính nó đã tổ chức những vụ tấn công ngu dại vào ban đêm sau khi đã đưa bọn tôi vào kỷ luật y như một đội quân học sinh...”

Jasmin nhìn Boujardon, lúc lắc đầu, nói:

“Cậu biết không, việc tôi đi tố cáo nó với hiến binh là rất đúng đắn. Thằng đó đã làm hại cho cả vùng này và còn có thể làm hại nhiều hơn nữa.”

Thế là tôi gần như đồng ý với bọn họ. Mọi sự hấn đã xoay chiều nếu ban đầu Meaulnes và tôi không nhìn ra vụ đó bằng khía cạnh bí mật và bi thảm của nó. Đúng là vì ảnh hưởng của tên Frantz ấy mà tất cả đều hỏng bét...

Trong khi tôi đang mãi suy nghĩ như vậy, bỗng nhiên có tiếng động ở ngoài cửa tiệm. Jasmin Delouche vội giấu chai rượu ngọt phía sau một thùng rượu; gã mập Boujardon nhào từ trên cửa sổ xuống, đập nhằm một cái vỏ chai lớn; cái chai lăn đi khiến hắn hai lần suýt ngã nhoài ra đất. Thằng nhóc Roy vừa đẩy lưng bọn kia để tìm đường thoát vừa cất tiếng cười sặc sụa.

Chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, tôi cũng theo họ, ù chạy qua sân rồi trèo thang lên chỗ chứa rơm. Có tiếng đàn bà mắng bọn tôi là đồ vô dụng...

Jasmin nói nhỏ:

“Mình không dè bà ấy về sớm thế.”

Lúc bấy giờ mới hiểu là bọn chúng tôi đã lên vào nhà ăn vụng bánh và uống trộm rượu. Tôi đâm thất vọng không khác nào một kẻ bị đắm tàu, thoát lên bờ tưởng rằng đang nói chuyện với một con người, bất thần nhận ra đó chỉ là một chú khỉ. Tôi mãi nghĩ cách rời khỏi ổ rơm vì thứ phiêu lưu như vậy, tôi không thích. Trời cũng bắt đầu tối. Đám Delouche đưa tôi đi qua hai khoảnh vườn phía sau nhà, vòng một cái ao, tới đường cái lầy lội có ánh lửa ở hàng café Daniel phản chiếu.

Tâm trạng chẳng chút hân hoan gì về buổi chiều hôm đó, tới chỗ Ngã Tư, ở một khúc quẹo, bỗng nhiên tôi nhìn thấy một gương mặt răn rỏi và thân ái đang mỉm cười với tôi; đưa bàn tay lên vẫy - rồi chiếc xe khuất dạng.

Một cơn gió lạnh làm tà áo bật tung, giống như những cơn gió của mùa đông đẹp mà thê lương năm ngoái, tôi bắt đầu nhìn mọi sự chung quanh với tâm trạng không dễ dàng như trước. Trong phòng học lớn nơi cha mẹ đang chờ tôi về ăn bữa tối, những cơn gió lộng thỉnh thoảng lại thổi vào khu vực có đôi chút ấm áp chung quanh lò lửa. Tôi thấy rét run trong khi bị mắng vì tội bỏ đi chơi hoang cả buổi chiều. Để quay lại với cuộc sống bình thường xưa cũ, tôi cũng không có cả sự an ủi được ngồi vào cái chỗ quen thuộc của mình. Buổi tối mẹ tôi không dọn bàn ăn; thế vào đó, mỗi người kiếm một nơi trong căn phòng thiếu ánh sáng, đĩa thức ăn đặt trên đùi. Tôi lặng lẽ ăn miếng bánh ngọt nướng đáng lẽ là phần thưởng cho một ngày thứ Năm vẫn đi học, nhưng bánh đã cháy sém trong cái khuôn để lửa quá già.

Tối hôm đó, một mình trong phòng ngủ, tôi đi nằm sớm để nhấn chìm nỗi buồn dâng lên cao phát sinh từ lòng hối hận. Nhưng nửa đêm có đến hai lần tôi chợt thức giấc, lần đầu tưởng như nghe có tiếng cọt kẹt ở giường bên cạnh, nơi anh Meaulnes vẫn thường hay trở mình đột ngột; và lần thứ hai, tiếng chân anh lướt nhẹ từ phía mấy căn gác xép, y như tiếng chân của một người thợ săn đang nhón bước rình mồi...

CHƯƠNG 12

BA BỨC THƯ CỦA MEAULNES

Cả đời, tôi chỉ nhận được có ba bức thư của Meaulnes. Ba bức thư đó vẫn còn nằm trong một ngăn tủ ở nhà tôi. Mỗi lần đọc lại, tôi vẫn tìm thấy nỗi buồn man mác của thuở nào xưa cũ...

Thư thứ nhất gửi tôi sau ba ngày anh ra đi:

*François thân mến,
Hôm nay khi tới Paris, tôi đã đến trước ngôi nhà mà Frantz đã chỉ. Chẳng thấy gì. Và cũng không gặp ai. Sẽ chẳng bao giờ gặp được ai đâu.*

Đó là một ngôi nhà nhỏ có tầng lầu dùng để ở. Phòng của cô de Galais chắc phải ở tầng trên. Những cửa sổ lầu trên đều bị hàng cây che khuất. Nhưng đi dưới hè đường ta có thể nhìn thấy chúng rất rõ. Bao nhiêu rèm cửa đều được kéo kín, họa có điên mới hy vọng một ngày nào đó, qua những tấm rèm kia, khuôn mặt của Yvonne de Galais sẽ hiện ra.

Nơi đó là một đại lộ... Mưa rơi lất phất trên đám cây lá đã xanh tốt. Có tiếng chuông rung leng keng của những xe điện qua lại không ngớt.

Trong gần hai giờ đồng hồ, tôi đi qua lại dưới dãy cửa sổ. Gần đó có một quán rượu nên ghé vào uống để khỏi bị nghi là kẻ gian đang tính ra tay làm một mẻ. Rồi lại tiếp tục rình mò, nhưng vô hiệu.

Tối đến, ở khắp mọi nhà chung quanh, ánh đèn đều sáng lên nơi các cửa sổ, ngoại trừ căn nhà đó. Chắc

chẩn nơi đây chẳng có ai, tuy đã sắp tới lễ Phục Sinh rồi.

Lúc gần ra về, tôi thấy có một cô gái - hay một thiếu phụ, cũng không biết nữa - bận bộ đồ đen có cái cổ áo nhỏ màu trắng, tôi ngồi trên chiếc ghế dài ướt nước mưa. Khi tôi đi rồi, cô ta vẫn còn lặng lẽ ngồi ở đó mặc dầu trời càng về khuya càng lạnh, chẳng hiểu đợi gì, đợi ai. Cậu thấy đấy, Paris cũng có đầy những người điên như tôi.

Augustin.

Thời gian trôi...

Ngày thứ Hai sau lễ Phục Sinh và suốt những ngày kế tiếp - những ngày bình lặng sau dịp lễ lớn để chỉ gợi nhớ rằng mùa hè sắp đến - tôi mong thư Meaulnes mãi mà vẫn hoài công.

Rồi tháng Sáu đem tới những kỳ thi và một không khí oi nồng ngột ngạt, hơi nóng bốc lên bao trùm cả vùng đến như nghẹt thở mà không có lấy một ngọn gió nào thổi qua. Ban đêm trời vẫn không dịu đi chút nào; do đó vẫn phải chịu đựng cái cực hình ấy.

Chính trong khoảng tháng Sáu thật khó chịu này, tôi nhận được lá thư thứ hai của Meaulnes:

Tháng Sáu 189...

Bạn thân ơi, lần này bao nhiêu hy vọng đều tiêu tan. Tôi biết vậy từ hôm qua. Nỗi đau gần như không cảm thấy ngay khi đó, đang bắt đầu dâng lên trong hồn tôi. Chiều nào tôi cũng tới ngồi ở chiếc ghế trước nhà cô de Galais, rình đợi, suy nghĩ, hy vọng, bất kể mọi thứ. Hôm qua, lúc chạng vạng, trời tối đen và oi bức. Người ta trò chuyện đó đây trên vỉa hè, dưới gốc cây. Các tàng lá màu đen biến thành màu lục nhờ ánh đèn tỏa ra ở những lầu hai, lầu ba của các căn nhà. Rải rác có

những khung cửa sổ mở rộng... Tận cùng gian phòng, người ta trông thấy các ngọn đèn trên bàn đã đẩy ra xa đôi chút bóng tối nóng hổi của mùa hạ... Chao ời! Nếu khung cửa sổ tối đen của Yvonne de Galais cũng được thấp sáng thì tôi tin mình sẽ dám trèo cầu thang, tới gõ cửa bước vào phòng...

Cô gái mà tôi đã nói chuyện với cậu trong thư trước vẫn còn, cũng đang trông đợi như tôi. Tôi nghĩ rằng cô ta có quen biết với những người trong nhà đó nên tôi hỏi chuyện.

Cô ta đáp:

“Tôi biết trước kia vẫn có một cô gái và cậu em trai tới đây nghỉ lễ. Nhưng được tin rằng cậu em đã bỏ trốn khỏi tòa lâu đài của cha mẹ và không ai có thể tìm thấy, còn cô gái thì đã lấy chồng. Bởi vậy căn nhà bao giờ cũng đóng kín cửa.”

Tôi bỏ đi. Độ mười bước, bỗng vấp phải hè phố suýt ngã. Đến đêm hôm qua khi đám trẻ con và các phụ nữ dưới sân đã hết ồn ào để tôi có thể ngủ thì tôi lại bắt đầu nằm nghe tiếng xe ngựa ngoài phố. Thỉnh thoảng mới có một cái chạy qua. Nhưng khi cái này vừa đi khỏi, tôi lại chờ đón cái sắp tới: tiếng lục lạc, tiếng móng ngựa gõ trên mặt đường... cứ thế tiếp diễn: thành phố vắng bóng người, mối tình bị tan vỡ, đêm dài không hết, mùa hè, cơn sốt...

Seurel bạn ời, tôi đang trong một cơn khốn quẫn.

Augustin.

Tuy vậy trong thư không thấy bộc bạch chút nào tâm sự, Meaulnes chẳng cho tôi biết tại sao bấy lâu anh im lặng, cũng không nói cho hay nay anh tính làm gì. Tôi có cảm tưởng anh muốn cắt đứt liên lạc với tôi vì cuộc

phiêu lưu đã chấm dứt, giống như anh cắt đứt với quá khứ vậy. Tôi mặc sức viết thư cho anh nhưng không hề được hồi âm.

Khi tôi đậu Cao đẳng Tiểu học, anh có viết gửi tôi một câu chúc mừng.

Tối tháng Chín, tôi được một anh bạn học báo cho biết Meaulnes có về nghỉ hè ở nhà mẹ anh tại La Ferté-d'Angillon. Nhưng mùa hè năm đó gia đình tôi được ông chú Florentin mời về nghỉ ở Vieux-Nançay. Do đó tôi đã không kịp gặp trước khi anh trở lại Paris.

Cuối tháng Một tựu trường, trong khi tôi hăng hái một cách buồn nản sửa soạn thi nâng cao với hy vọng năm sau sẽ được bổ làm giáo viên mà khỏi phải học qua trường Sư phạm ở Bourges, thì nhận được bức thư cuối cùng trong số ba bức vồn vện Meaulnes đã gửi cho tôi:

“Tôi vẫn đi qua dưới khung cửa sổ. Và vẫn mong đợi, tuy không hy vọng gì, chỉ bởi điên khùng thôi. Lúc cuối thu, vào những ngày chủ nhật, khi trời sắp tối, tôi không sao trở về nhà để đóng chặt cửa sổ phòng mình lại mà không đi tới con đường lạnh giá đó trước, giống như người đàn bà điên ở Sainte-Agathe cứ từng phút lại ra đứng cửa ngóng trông về phía Nhà Ga, tay che trên mắt, xem cậu con trai đã chết có trở về hay không. Ngồi run rẩy, khố sờ trên ghế, tôi thả mình mơ tưởng sẽ có người bước tới nhẹ nhẹ nắm tay tôi... Tôi sẽ quay lại. Thì ra nàng. Nàng đơn sơ bày tỏ: “Em chậm mất một chút.” Thế là bao nhiêu đau khổ, điên dại trước kia đều tiêu tan hết. Chúng tôi cùng bước vào nhà. Chiếc áo lông của nàng lạnh giá; tấm voan che mặt ướt sũng; nàng đem theo mùi hương từ bên ngoài; khi nàng ghé gần lò sưởi, tôi thấy băng đọng cả trên mái tóc, khuôn mặt trông nghiêng với những đường nét tuyệt đẹp đang cúi gần ngọn lửa...”

Thảm thương thay! Khung kính vẫn trắng xóa vì tấm rèm che phía sau. Cho dù bây giờ cô gái ở tòa lâu đài bỏ hoang có mở cánh cửa ra thì tôi đâu còn lời lẽ nào để nói với nàng.

Cuộc phiêu lưu đã tan vỡ. Mùa đông năm đó đã khép hẳn như một năm mờ. Không chừng khi chúng ta chết đi, cái chết sẽ đem tới chiếc chìa khóa cùng với đoạn kế tiếp và là đoạn chót của cuộc phiêu lưu dang dở.

Seurel ời, trước kia tôi yêu cầu cậu hãy nhớ đến tôi. Bây giờ thì trái lại, tốt hơn hết là cậu hãy quên tôi đi. Quên tất cả đi thôi...

Augustin Meaulnes."

Rồi tới một mùa đông nữa, một mùa tang thương so với mùa đông năm trước sống động bao nhiêu nhờ một sự sống kỳ bí: Quảng trường Nhà Thờ vắng bóng những người Bohemian; sân trường mà lũ học trò đã bỏ trống ngay từ lúc bốn giờ chiều... căn phòng nơi tôi một mình ngồi học trong chán ngán...

Tới tháng Hai, lần đầu tiên trong mùa lạnh, tuyết bắt đầu rơi, hoàn toàn chôn vùi cuốn tiểu thuyết phiêu lưu năm trước của chúng tôi, xóa nhòa mọi vết tích, đảo lộn hết mọi lối đi. Như lời Meaulnes đã yêu cầu trong thư, tôi sẽ cố gắng quên hết.

TẬP III

CHƯƠNG 1

CUỘC BƠI LỘI

Hút thuốc lá, vuốt nước thơm lên đầu cho quăn tóc, hôn những cô gái lớp Dự bị bắt gặp ở dọc đường và núp sau hàng giậu la to: “Cướp cái mũ bà xơ đi!” để hù dọa các bà phước... là những trò vui của bọn trẻ mất dạy trong làng. Tuy nhiên, tới hai mươi tuổi, những đứa trẻ thuộc loại này cũng rất có thể sẽ tu tỉnh và trở thành những thanh niên giàu tình cảm. Đáng ngại chỉ là khi đứa trẻ đó có khuôn mặt sớm già héo, ưa quan tâm tới những chuyện mờ ám về phụ nữ quanh vùng, hoặc kể lại cả ngàn câu chuyện bậy bạ về cô Gilberte Poquelin để mọi người cười phá lên. Dù vậy, như thế cũng chưa đáng gọi là thất vọng hẳn...

Jasmin Delouche nằm trong trường hợp đó. Dù chắc chắn là không thích thú gì việc thi cử, không hiểu sao gã vẫn tiếp tục theo học lớp Cao đẳng mà mọi người đều muốn gã bỏ; đồng thời cũng theo ông cậu Dumas học nghề thợ hồ.

Dạo sau này chỉ còn Jasmin Delouche, Boujardon và Denis tính tình dễ dãi, con trai ông phó xã trưởng, là những học trò lớn mà tôi thích giao du, vì họ là “*những người thuộc thời của Meaulnes*”. Và lại chính Delouche cũng rất thành thực muốn làm bạn với tôi. Thật tình mà nói, trước kia thù nghịch với Meaulnes đại ca bao nhiêu thì nay gã lại muốn trở thành “*đại ca Meaulnes*” của cả trường bấy nhiêu: ít ra gã cũng hối tiếc đã không phải là kẻ đồng hành tương đắc của anh. Thân hình không nặng nề như Boujardon, tôi nghĩ có lẽ gã cũng cảm thấy Meaulnes là người từng đem lại trong cuộc đời chúng tôi một dấu ấn khác thường, kỳ lạ. Thỉnh thoảng tôi nghe gã nhắc: “Chính Meaulnes đại ca có nói...” hoặc: “Chà, đại ca Meaulnes đã bảo rằng...”

Ngoại trừ tính cách già trước tuổi khác hẳn chúng tôi, gã còn có cả một kho tàng những trò chơi chứng tỏ gã hơn chúng tôi một bậc: con chó lai giống màu trắng lông dài có cái tên Bécali khó nghe biết tha về những cục đá người ta liệng ra xa trước mặt nó, nhưng chỉ thế, ngoài ra nó chẳng biết làm trò gì khác; chiếc xe đạp cũ, đôi khi Jasmin cho chúng tôi đạp kè những chiều tan học dù gã vẫn thích dùng nó để tập cho đám con gái trong làng hơn; đặc biệt là con la trắng mù mắt có thể thẳng cương vào với bất cứ loại xe nào.

Con la đó là của ông cậu Dumas nhưng mỗi mùa hè khi chúng tôi tổ chức đi tắm tại sông Cher, Dumas lại cho Jasmin mượn. Vào những dịp như vậy, mẹ gã thường bọc theo cho gã một chai nước chanh, đặt dưới chỗ ngồi lẫn trong mớ quần tắm còn khô. Thế rồi dưới sự chỉ đạo của Thầy Seurel, một bọn tám hay mười học trò lớn cùng khởi hành. Kẻ cuốc bộ, người trèo lên xe có con la kéo. Trên đường đến sông Cher, đến đoạn có quá nhiều ổ gà ổ voi, chiếc xe sẽ được gửi lại ở trại Grand' Fons.

Tôi cần phải kể lại đây với đầy đủ mọi chi tiết nhỏ về cuộc cắm trại năm ấy như vậy. Chiếc xe của Jasmin chở Thầy Seurel cùng với những quần tắm, đồ đạc, chai nước chanh; còn tất cả đều đi bộ theo sau. dịp đó vào khoảng tháng Tám. Chúng tôi vừa thi xong, mọi lo lắng được rũ bỏ hết, nên suốt cả mùa hè với tất cả hạnh phúc đều nằm trong tay. Khởi đầu một chiều thứ Năm tươi đẹp, cả đám vừa đi vừa vu vơ ca hát bất kể là bài gì. Duy chỉ một vết đen điểm vào trong cảnh tượng trong sáng ấy: trên đường, bất thần chúng tôi trông thấy Gilberte Poquelin đi đằng trước. Cô gái có thân hình tròn lẳn, bận cái váy dài ngang gối, chân mang giày cao gót, vẻ hiền lành nhưng trông trâng tráo của một cô gái nhỏ đang trở thành thiếu nữ. Cô rời bỏ đường cái rẽ vào con ngõ tắt, có lẽ để mua sữa. Thằng nhãi Coffin lập tức bảo Jasmin đi theo. Gã kia huỳnh hoang đáp:

“Không phải lần đầu tiên tôi chạy theo hôn con bé đâu nhé.”

Trong khi tất cả đám chúng tôi vì hứng thú, cũng rẽ vào con ngõ tắt, để mặc Thầy Seurel cứ tiếp tục tiến lên ở đường cái trên chiếc xe có con la kéo, thì Jasmin bắt đầu kể rất nhiều chuyện thô tục về Gilberte và các cô gái khác trong làng. Tại đây, chúng tôi bắt đầu chia ra thành nhiều tốp. Có

mặt chúng tôi, xem ra Delouche cũng không thích tấn công cô gái đang bước đi rất nhanh phía trước, nên không tiến lại gần cô mà chỉ giữ một khoảng cách chừng năm chục thước. Có vài tiếng tục tục như gà trống hay tác tác như gà mái cùng với đôi ba tiếng còi khiêu khích vang lên. Rồi chúng tôi bỏ cuộc, quay trở lên đường cái, dáng bộ ngượng nghịu. Khi ấy trời đang nắng gắt nên phải chạy cho kịp. Không ai cất tiếng hát nữa.

Trong đám lau sậy mọc bên bờ sông Cher, chúng tôi cứ thay ra rồi lại mặc quần áo vào. Lau sậy che cho khỏi bị nhòm ngó, nhưng không che được ánh mặt trời nóng bức. Chân dậm trên cát hay trên lớp bùn khô, ai cũng nghĩ đến chai nước chanh của bà góa phụ Delouche đang ngâm cho lạnh ở vũng nước được đào ngay bên bờ sông Cher, trong trại Grand' Fonds. Dưới đáy vũng bao giờ cũng có những cây cỏ màu lục nhạt và những con bọ đất; nhưng nước lại rất trong, trong vắt, khiến cho các người đi câu lúc nào cũng sẵn sàng quỳ xuống, vục đầu vào vũng, hai tay chống trên bờ.

Ôi, bữa đó cũng y như mọi bữa khác...

Khi quần áo đã chỉnh tề, ngồi xếp bằng thành một vòng tròn, chúng tôi chia nhau chút nước chanh đã được ngâm lạnh. Sau khi đã mời Thầy Seurel uống phần của ông, thì phần của từng đứa chỉ còn một chút bọt khiến cổ họng càng thêm ngứa và khát càng thêm khát. Thế là ai nấy đều chê không uống nữa, thay vào đó, vục mặt xuống vũng nước trong.

Dù vậy, không phải ai trong bọn cũng quen với lối uống kiểu nông dân đó. Nhiều anh, chẳng hạn như tôi, không làm sao cho hết khát được bởi không thích uống nước kiểu đó, hoặc bởi sợ lỡ uống nhầm con bọ đất; có người lại bị làm vì không tính được đúng chỗ trên mặt nước phẳng lì nên cứ vục cả nửa mặt xuống uống đến nổi sặc, mũi cay sè; kẻ khác thì lại bởi tất cả những lý do vừa nói cộng lại. Dù sao chẳng nữa, chúng tôi có cảm tưởng bao nhiêu sự mát mẻ trên thế gian này đều chỉ thu gọn nơi đó. Mỗi tối bây giờ, ở bất kỳ đâu, hễ cứ nghe nói tới vũng nước là tôi nghĩ ngay tới cái vũng của mùa hè năm xưa...

Lúc trở về bao giờ cũng vào lúc hoàng hôn mà thoát đầu ai nấy đều vô tâm như lúc đi. Mùa đông, con đường lên trại Grand' Fonds và đưa tới

đường cái là một dòng suối; còn ở mùa hè, nơi đây biến thành cái khe có những hố và những rễ cây lớn chắn ngang nên xe cộ không qua lại được. Một số trong bọn tinh nghịch leo lên theo con đường dốc có hai hàng cổ thụ như hai hàng rào lớn. Còn tôi, Jasmin và nhiều đứa khác cùng với Thầy Seurel đi trên một lối cát mịn thoai thoải, men theo thửa đất kế bên, song song với con đường kia. Chúng tôi nghe tiếng bọn họ cười nói rất gần, ngay dưới chân chúng tôi, nhưng vì trời tối nên không nhìn thấy họ. Trong khi đó, Delouche ba hoa kể những chuyện “người lớn” của gã... Qua các kẽ lá của những cây cao, giống cơn trùng buổi tối đang cất tiếng hát vang. Thình thoảng một con bồ xuống, kêu vù vù nghe rõ mồn một.

Thật là một buổi chiều hè yên tĩnh và đẹp đẽ! Cuộc trở về, không có gì hy vọng mà cũng không còn thèm thuồng gì sau một cuộc đi chơi mộc mạc ngoài đồng... Nhưng lại chính Jasmin đã làm náo động thời khắc yên bình đó dù rằng gã chẳng chủ tâm...

Khi tới đầu dốc, nơi còn lại hai phiến đá lớn xưa cũ mà người ta cho là tàn tích của một tòa lâu đài cổ, gã nói tới chuyện những lãnh địa gã đã từng đặt chân tới, nhất là cái Lãnh địa Sablonnières hầu như bỏ hoang ở gần Vieux-Nançay. Với giọng nói vùng Allier có cái lối huênh hoang uốn lười kéo dài vài chữ hoặc cắt cụt vài chữ khác một cách phát lợm, gã kể lại, mấy năm trước đã trông thấy trong ngôi giáo đường bỏ hoang tại trang viên cổ xưa đó một tấm bia trên có khắc những hàng chữ:

“Nơi đây yên nghỉ chàng Hiệp sĩ Galois

Trung thành với Chúa, Nhà Vua, và Người Đẹp!”

Thầy Seurel nhún vai ậm ừ mấy tiếng như có vẻ khó chịu, nhưng cũng để mặc bọn tôi bô bô câu chuyện như những người đàn ông thực thụ.

Thế là Jasmin lại tiếp tục mô tả tòa lâu đài ra tuồng như gã đã từng trải qua ở đó cả đời.

Nhiều lần từ Vieux-Nançay trở về, cậu Dumas và gã đều lưu ý đến cái tháp cổ màu xám ló ra trên những ngọn thông. Ngay giữa rừng, có cả một dãy nhà đồ nát ai cũng có thể tự do tìm tới trong lúc vắng mặt chủ. Một lần, người trông coi trang viên còn tháp tùng theo xe hai chú cháu, đưa họ vào thăm tòa lâu đài kỳ dị. Nhưng về sau, theo lời người ta nói, tất cả dãy nhà

giữa rừng đều bị dỡ đi hết; chỉ còn lại khu nông trại và một ngôi nhà nhỏ có mái hiên nhô ra. Những người ở lại vẫn là gia đình chủ cũ, một viên sĩ quan hưu đã già, gần phá sản, và cô con gái.

Gã nói... nói mãi...

Tôi đang chú ý nghe, vô tình cảm thấy rằng đó là câu chuyện mà tôi rất quen thuộc... Bỗng dưng, giống như những chuyện bất ngờ thường xảy ra, Jasmin quay lại, thúc vào cánh tay tôi, vẻ như đang bị choáng váng vì một ý nghĩ chưa bao giờ gã có:

“Này, tôi cho rằng đó là nơi mà Meaulnes - Meaulnes đại ca ấy... đã đi tới.”

Khi thấy tôi không nói gì, gã tiếp:

“À, phải rồi, người trông coi ở đó cho tôi biết cậu con trai nhà ấy là một tên kỳ dị, có những tư tưởng khác thường.”

Tôi không nghe gã nữa, ngay từ đầu đã tin chắc rằng gã đoán trúng. Thế rồi, trước mắt tôi, khi không còn Meaulnes với chẳng chút hy vọng nào, một cách thật dễ dàng và quang đấng như mọi con đường ta vẫn đi, bỗng như thấy mở ra lối đưa tới trang viên có cái lâu đài cổ không tên.

CHƯƠNG 2

TẠI NHÀ FLORENTIN

Trước kia là đứa trẻ khổ sở, mơ mộng và lảm lì bao nhiêu, thì nay tôi trở nên vững vàng, “cả quyết” (như lối nói của người làng) bấy nhiêu, khi cảm thấy tự tôi sẽ định đoạt được phần kết cục của cuộc phiêu lưu nghiêm trọng.

Kể từ buổi chiều đó, tôi tin chắc, hai đầu gối tôi đã hoàn toàn hết đau.

Vieux-Nançay, vùng có khu trang viên Les Sablonnières, là trú quán của cả gia đình Thầy Seurel và nhất là của ông chú Florentin, một nhà buôn; nơi đôi khi chúng tôi tới ở vào dịp cuối tháng Chín. Khởi phải thi cử nữa, tôi không muốn đợi lâu hơn nên xin phép đến chơi ngay nhà ông chú. Tôi cũng định không nói cho Meaulnes hay điều gì trước khi tin chắc có thể báo cho anh một tin mừng. Tốt hơn hết là chẳng nên lôi anh ra khỏi nỗi thất vọng này để rồi lại chìm anh vào một nỗi thất vọng khác.

Trong một thời gian rất lâu, trên trái đất này, Vieux-Nançay, cái xứ được tôi ưa thích nhất những dịp gần tựu trường. Dù vậy, cũng ít khi chúng tôi đến đó, trừ những lần thuê được một cỗ xe riêng. Có lẽ thuở trước gia đình tôi với chi họ ở vùng này từng xảy ra một chuyện xích mích nào đó nên mỗi khi có dịp, mẹ tôi thường để phải nài nỉ mãi mới chịu ngồi lên xe. Riêng tôi thì chẳng hề quan tâm tới những vụ bất hòa như vậy... Mỗi lần ngay sau khi đến đó là tôi đã lẫn nhanh vào đám những anh chị em họ để tận hưởng những ngày nghỉ hè tràn đầy các trò chơi rất mê say.

Chúng tôi ngụ lại nhà chú Florentin và thím Julie, hai người có với nhau một cậu con trai tên Firmin bằng tuổi tôi và tám cô con gái, hai cô lớn nhất, Marie-Louise mười bảy tuổi, và Charlotte mười lăm tuổi. Gia đình chú tôi mở một cửa hàng bách hóa lớn ngay đầu làng thuộc xứ Sologne, đằng trước Nhà thờ chính. Nơi đây, tất cả các thợ săn hoặc chủ nhân các lâu

đài sống chơ vơ giữa vùng hoang vu, cách Nhà Ga hàng ba chục cây số thường tới mua sắm.

Khu bày bán hương liệu và vải vóc là gian có nhiều cửa sổ quay ra đường cái; về hướng Quảng trường Nhà Thờ là một cửa lớn ra vào có lắp khung kính. Một điều lạ (tuy rằng rất bình thường đối với vùng dân nghèo này) là sàn nhà trong cửa hàng chỉ được nện bằng đất chứ không lát ván.

Phía sau là sáu phòng, mỗi phòng chất đầy một loại hàng: phòng bày mũ nón, phòng bày các đồ làm vườn, phòng bày các loại đèn... kể ra không hết. Hồi còn nhỏ, mỗi khi đi ngang mê cung chứa đầy những thứ hàng kỳ lạ đó, tôi cứ có cảm tưởng sẽ không bao giờ ngắm chúng cho hết được. Mỗi tới bây giờ, tôi cũng vẫn còn cho rằng chỉ ở đó mới thật là nơi xứng đáng cho một cuộc nghỉ hè.

Gia đình chú tôi sống trong một căn nhà bếp rộng có cửa thông sang bên cửa hàng. Trong căn bếp vào dịp cuối tháng Chín có đốt một lò sưởi lớn, từ tảng sáng các thợ săn và những kẻ săn trộm thường đem tới bán các con thú đã săn bắt được, xong cùng nhau ngồi uống rượu; trong khi các cô em họ tôi cũng đã thức dậy, chạy đi chạy lại, í ới kêu la, bôi dầu thơm lên mái tóc chải mượt cho nhau. Trên tường có treo những bức hình đã cũ, chụp các toán học sinh, trong đó có cha tôi đứng giữa nhóm học sinh mặc đồng phục của trường Sư phạm mà tôi đã phải mất công lắm mới nhận ra được ông.

Những buổi sáng của chúng tôi đều trôi qua tại căn bếp đó; có khi ở ngoài sân, nơi chú Florentin trồng hoa thực dược và nuôi gà sao. Tại đây, người ta ngồi rang café trên những thùng đựng xà phòng đã rỗng; còn đám trẻ con thì lấy từ trong hòm ra đủ các thứ được gói bọc kỹ lưỡng, có những món không biết cả tên.

Suốt ngày cửa hàng đông nghẹt những nông dân và những chú đánh xe ở các lâu đài quanh vùng. Bên ngoài cửa ra vào, trong lớp sương mù tháng chín, các xe ngựa chở đồ từ các làng mạc xa tới đậu ở đó. Và trong nhà bếp, chúng tôi tò mò ngồi nghe các bà nhà quê kể đủ thứ chuyện...

Nhưng buổi tối, sau tám giờ, khi người nhà xách đèn mang rơm xuống cho bầy ngựa đang thở ra toàn hơi nước thì tất cả cửa hàng đều là của

chúng tôi!

Marie-Louise, chị cả, nhưng vóc người lại bé nhỏ nhất, đang thu dọn gần xong những tấm nỉ ngoài cửa hàng, cất tiếng rủ cả bọn cùng ra đó chơi cho vui. Thế là Firmin, tôi và đám con gái nhỏ ùa ra cửa hiệu rộng lớn được thấp sáng bởi những cây đèn lạ kiểu, loại đèn vốn hay được dùng ở các quán ăn. Chúng tôi quay những cối xay café, nhảy qua các quầy hàng; đôi khi Firmin lại leo lên tầng gác xép kiểm xuống cái đèn đầy những vết mốc xanh. Nền nhà bằng đất nện khiến tất cả bỗng muốn khiêu vũ...

Bây giờ tôi còn thấy đỏ mặt khi nghĩ rằng những năm trước, cô de Galais có thể xuất hiện ở cửa hàng vào giờ đó và bắt gặp chúng tôi đang nô giỡn các trò trẻ con kia...

Năm ấy, vào một chiều tháng Tám, lúc trời đã chạng vạng tối, trong khi đang bình thản trò chuyện với Marie-Louise và Firmin thì lần đầu tiên tôi được gặp cô Yvonne de Galas.

Ngay buổi tối tới Vieux-Nançay, tôi đã hỏi chú Florentin về Lãnh địa Les Sablonnières rồi. Chú đáp:

“Bây giờ nơi đó không còn là lãnh địa nữa. Đã bán hết cả; các chủ mới đều là thợ săn nên cho phá hết các ngôi nhà cổ để rộng đất săn bắn; sân chính bây giờ chỉ là một bãi lớn đầy những hoa thạch thảo và kim tước, chủ cũ giữ lại một căn nhà nhỏ có gác và khu nông trại. Rồi đây cháu sẽ có nhiều dịp gặp cô de Galais; cô vẫn tới mua hàng, khi cỡi ngựa, lúc đánh xe nhưng bao giờ cũng cùng một con ngựa già tên Bélisaire... Còn cái xe lại trông thật kỳ dị!”

Tôi thấy bối rối đến không biết hỏi thêm điều gì để rõ hơn mọi chuyện.

“Có phải trước kia gia đình đó rất giàu?”

“Đúng. Ông cụ de Galais vẫn mở hội để cho cậu con trai vui vẻ. Cậu bé tính nết kỳ cục lắm, trong đầu luôn mang nhiều tư tưởng khác lạ. Muốn làm vui cho con, ông cụ bày ra đủ thứ trò khác biệt. Có khi còn mời các thanh niên nam nữ ở Paris và các nơi khác về chơi nữa... Trang viên Les Sablonnières hoàn toàn đổ nát khi bà de Galais sắp chết và được mọi người trong nhà chiều theo tất cả những ý thích khác thường của bà, cố tìm hết

mọi cách làm cho bà vui. Mùa đông năm ngoái, không, năm trước nữa, ở đó có tổ chức một dạ hội hóa trang lớn lắm. Họ mời khách, một nửa từ Paris và một nửa ở các vùng quê đến. Họ mua và mượn rất nhiều quần áo đẹp sang trọng, bày ra các trò đua ngựa và đi du thuyền. Tất cả chỉ để mua vui cho Frantz de Galais. Người ta bảo Frantz sắp lấy vợ và buổi hội đó là để mừng lễ đính hôn của cậu ta. Nhưng Frantz còn nhỏ quá. Mọi sự bỗng tan vỡ, cậu ta bỏ đi mất, chẳng ai còn gặp lại... Sau đó bà chủ lãnh địa chết, cô de Galais bỗng dưng còn lại một mình với ông bố già trước kia là đại tá hải quân.”

Mãi lâu tôi mới hỏi được:

“Thế cô ta đã có chồng chưa?”

Chú tôi đáp:

“Chưa. Chú không hề nghe nói chuyện đó. Hay cháu muốn làm rể nhà ấy?”

Hết sức bối rối, tôi chỉ kể rất gọn và kín đáo rằng anh bạn Augustin Meaulnes thân nhất của tôi có lẽ muốn lấy cô ta làm vợ. Chú Florentin mỉm cười:

“À, nếu cậu ta không quan tâm tới của hồi môn thì đó thật là một đám tốt. Có cần để chú nói với ông de Galais cho không? Thịnh thoảng ông cụ vẫn tới đây mua ít đạn chì. Lần nào chú cũng mời ông cụ nếm thử rượu mạnh đã lâu năm.”

Nhưng tôi vội vàng dặn chú hãy gượng đừng nói chi hết. Ngay cả bản thân tôi cũng không muốn vội vàng cho Meaulnes biết. Bao nhiêu may mắn cùng lúc đưa đến làm cho tôi e ngại. Vì e ngại như vậy nên tôi thấy ít nhất cần phải gặp cô de Galais trước khi báo điều gì với anh.

Tôi không phải đợi lâu. Ngày hôm sau, trước bữa cơm chiều một chút, trời bắt đầu sấm tối trong một màn sương như thể đang ở vào tháng Chín hơn là tháng Tám. Firmin với tôi cho rằng cửa hàng sắp vắng khách nên cùng nhau ra chơi với Charlotte và Marie-Louise. Hai cô em họ đã được tôi kể cho nghe câu chuyện thúc đẩy tôi tìm tới Vieux-Nançay sớm hơn dự tính. Đang tì tay vào quầy hàng hay chống trên mặt quầy gỗ đánh xi để cùng nói cho nhau nghe những gì mình biết về cô gái bí mật đó - những

điều thật ra cũng rất hạn chế - thì bỗng nghe có tiếng bánh xe lăn trên đường cái, nên cả bốn người cùng quay đầu nhìn ra. Một người nói nhỏ:

“Cô de Galais đấy!”

Chỉ độ mấy giây, trước khung kính, một chiếc xe lạ kiểu đậu lại. Đó là thứ xe cổ xưa dùng ở nông trại; cạnh xe được gọt cho tròn trịa với những đường viền chạm nổi – điều không thấy có nơi các cỗ xe khác trong vùng. Một con ngựa trắng già vừa đi vừa cúi đầu sát đất như thể lúc nào cũng gặm cỏ bên đường. Và - tôi nói điều này với tất cả bản chất đơn giản nhưng hiểu rõ mỗi lời mình nói - trên ghế ngồi, đúng thật là một cô gái đẹp nhất trần đời.

Chưa bao giờ tôi được nhìn, thấy bao nhiêu duyên dáng hòa hợp cùng với nét đoan trang nhường đó trên một cô gái. Bộ y phục bó sát mình làm cho cô có vẻ yếu ớt quá. Chiếc áo choàng rộng màu hạt dẻ được khoác hờ trên vai khi cô bước vào nhà. Đó là cô gái nghiêm nghị nhất và mỏng mảnh nhất tôi từng gặp. Mái tóc dày rủ xuống vầng trán và khuôn mặt có những đường nét thanh tao như tranh vẽ, điểm đôi chấm tàn nhang trên làn da mơn mớn... Nơi sắc đẹp tuyệt vời này, tôi chỉ thấy có một chút khuyết điểm: những lúc thoáng buồn, chán nản hay mãi suy nghĩ, khuôn mặt thanh tú xiết bao, thấp thoáng nổi lên những mạch máu, giống như ở những người bị bệnh nặng mà không biết. Khi ấy bao nhiêu ngưỡng mộ của người ngắm đều nhường chỗ cho một sự thương cảm thật xót xa bất ngờ trỗi dậy trong tim.

Đó là tất cả những gì tôi khám phá ra, trong khi cô gái từ từ bước xuống xe và sau khi Marie-Louise, một cách rất tự nhiên, giới thiệu tôi với cô gái và bảo tôi tiếp chuyện cô.

Chiếc ghế có đánh xi được đưa ra mời cô ngồi, lưng ghế tựa vào quầy hàng, còn bọn chúng tôi thì đứng chung quanh. Xem ra cô gái quen thuộc và yêu thích cửa hàng này lắm. Thật nhanh, thím Julie nghe báo, cũng chạy ra chào cô. Thím thân mật tiếp chuyện; hai tay chấp trước bụng, cái đầu nửa thôn quê nửa nhà buôn có đội chiếc mũ trắng nhỏ lúc lắc, gật gù. Thành ra thời gian tôi được trò chuyện với cô de Galais phải bị chậm lại. Trong khi chờ đợi, tôi thấy trong lòng có đôi chút run run.

Câu chuyện rất nhẹ nhàng. Cô de Galais hỏi:

“Thế ra anh sắp đi dạy học?”

Thím tôi thắp lên ngọn đèn bằng sứ treo phía trên đầu chúng tôi, làm tỏa ra khắp cửa hàng một làn ánh sáng nhòa nhạt. Tôi ngấm khuôn mặt dịu hiền, ngây thơ của cô gái, đôi mắt xanh trông thật chất phác, và tôi cảm thấy ngạc nhiên theo giọng nói đoan trang và khúc chiết của cô. Khi ngừng nói, đôi mắt cô nhìn ra xa, bất động, đôi môi hơi cắn lại một chút.

“Nếu cha tôi cho phép”, cô nói, “tôi cũng thích đi dạy học. Tôi sẽ dạy những bé lớp Sơ học, giống như mẹ của anh...”

Rồi cô mỉm cười, để lộ ra rằng các cô em họ của tôi cũng đã từng nói chuyện về tôi cho cô nghe. Cô gái lại tiếp:

“Ấy bởi vì dân trong vùng bao giờ cũng lễ phép, tử tế và ân cần với tôi. Tôi quý họ, nhưng tự thấy mình không xứng đáng với lòng yêu quý đó... Trái lại... À này, có phải đối với một cô giáo họ sẽ hay kiếm chuyện, hoặc tỏ ra keo kiệt không? Luôn luôn sẽ có những chuyện mất mát, chuyện sách vở dặt dỏ, hoặc học trò không chăm học... nhưng không sao, tôi sẽ trao đổi với họ, và họ vẫn sẽ quý mến tôi. Như vậy khó khăn cho tôi nhiều hơn...”

Rồi, không mỉm cười nữa, cô gái ngồi yên suy nghĩ, vẻ ngây thơ, đôi mắt xanh không lay động.

Cả ba chúng tôi đều lúng túng trước sự thoải mái chuyện trò của cô khi đề cập những chuyện tế nhị, các điều thầm kín chỉ có thể nói rõ ra được ở trong sách. Im lặng trong giây lát rồi cuộc thảo luận lại được tiếp tục...

Cô nói, nhưng bây giờ trong giọng điệu cho thấy có vẻ gì như tiếc nuối và ác cảm đối với một nỗi bí mật nào đó trong đời mình:

“Với lại, tôi sẽ dạy cho lũ trẻ biết ngoan ngoãn, sự ngoan ngoãn mà tôi quá hiểu. Tôi sẽ không gợi trong lòng chúng nỗi ham thích phiêu lưu, điều chắc hẳn anh sẽ có, anh Seurel ạ, khi đã trở thành phụ giáo. Tôi sẽ dạy cho chúng tìm thấy hạnh phúc ở ngay gần chúng, thứ hạnh phúc mà bề ngoài tưởng rằng không phải...”

Marie-Louise và Firmin cũng bị sửng sờ như tôi nên cả ba cùng lặng người không biết đáp sao. Cô gái nhận thấy sự ngượng ngập đó nên ngừng

nói, cắn môi và cúi đầu xuống, rồi mỉm cười như muốn chế giễu:

“Thành ra có lẽ hiện đang có một chàng trai trẻ điên khùng nào đó đi tận đâu đâu để kiếm tôi, trong khi tôi ở đây, trong cửa hàng bà Florentin, dưới ngọn đèn kia, và con ngựa già của tôi thì đang đứng chờ ngoài cửa. Giá trông thấy tôi nơi này, chắc hẳn anh ấy sẽ không tin là thật nhỉ?”

Thấy cô mỉm cười, tôi đâm ra bạo dạn và nghĩ đã đến lúc nên nói. Nên cười cười, tôi lên tiếng:

“Và chắc là tôi có quen biết rõ với chàng trai điên khùng ấy, thưa cô.”

Cô gái chăm chú nhìn tôi.

Vừa lúc đó chuông cửa rung lên, có hai bà đứng tuổi xách giỏ bước vào cửa hàng.

“Cô vào chơi trong phòng ăn này này, yên tĩnh hơn”, thím tôi vừa đẩy cánh cửa căn bếp vừa nói.

Thấy cô de Galais từ chối muốn ra về ngay, thím tôi nói tiếp:

“Cụ de Galais cũng đang chuyện trò với Florentin bên lò sưởi.”

Bao giờ cũng vậy, kể cả tháng Tám, trong căn bếp rộng có một cây củi thông lớn luôn luôn cháy nổ lép lép. Tại đây cũng có thắp một ngọn đèn bằng sứ. Một ông già nét mặt hiền từ, nhiều vết nhăn, lúc nào trông cũng lặng lẽ như một người bị tuổi tác và kỷ niệm cũ đè nặng, đang ngồi gần chú Florentin với ly rượu mạnh trước mặt.

Chú Florentin đứng lên chào. “François à - chú tôi cất giọng ồ ồ của người chuyên rao bán ở các phiên chợ như thế giữa chú và chúng tôi bị ngăn cách bằng cả một con sông hay nhiều mẫu đất - chú vừa nảy ra ý định sẽ tổ chức một buổi chiều đi chơi trên sông Cher vào thứ Năm tuần tới. Ai muốn săn bắn, câu cá, hay khiêu vũ cũng đều được cả. Thưa cô de Galais, mời cô cùng đến nhé, tôi đã xin phép cụ ông rồi. Mọi việc đã thu xếp xong.”

Và chú tôi tiếp, như vừa nghĩ ra:

“Còn François, cháu có thể cùng đưa anh bạn cháu tới. Có phải anh ta tên Meaulnes không nhỉ?”

Cô de Galais đứng dậy, khuôn mặt bỗng trở nên tái mét. Đúng ngay giây lát đó, tôi mới chợt nhớ ra rằng, trước kia, nơi vùng lãnh địa lạ lùng,

cạnh bờ hồ, Meaulnes có xưng tên mình với cô...

Khi cô đưa tay cho tôi bắt để chào tạm biệt, giữa chúng tôi đã có một sự thông cảm còn rõ rệt hơn là đã trao đổi rất nhiều chuyện với nhau - sự thông cảm thầm kín mà chỉ có cái chết mới làm tan vỡ được - và một tình bạn còn thấm thiết hơn cả một tình yêu nồng nàn.

Bốn giờ sáng hôm sau, Firmin gõ cửa căn phòng nhỏ của tôi, trông ra sân nuôi gà. Trời còn tối, tôi mất công lắm mới thu thập được mọi vật dụng riêng trên chiếc bàn bày đầy những cây đèn bằng đồng và tượng chư thánh nhỏ còn mới nguyên được lựa từ cửa hàng trước cái hôm tôi tới. Ngoài sân có tiếng Firmin đang bơm xe đạp cho tôi và tiếng thổi lửa của thím Julie trong nhà bếp. Khi tôi già từ thì trời vừa rạng sáng.

Chỉ trong một ngày, tôi sẽ phải đi rất nhiều. Khởi đầu là phải về Sainte-Agathe ăn trưa với cha mẹ để giải thích sự vắng mặt lâu của tôi, sau đó, trước khi trời tối, phải đi tiếp tới nhà Meaulnes ở La-Ferté-d'Angillon.

CHƯƠNG 3

MỘT SỰ LINH HIỆN

Chưa bao giờ tôi đi đâu xa bằng xe đạp. Đây là chuyến đầu tiên. Nhưng từ lâu, mặc dù hai gối bị đau, Jasmin vẫn lén dạy tôi tập đi. Nếu xe đạp đối với một thanh niên bình thường là một vật dụng đáng thích thú thì nó còn thích thú biết bao với một tên con trai đáng tội nghiệp như tôi, vừa ngày nào còn khổ sở kéo lê đôi chân, mới đi bộ tới cây số thứ tư đã mướt mồ hôi nhễ nhại...

Từ đầu dốc đổ xuống, tôi như len sâu vào trong cảnh vật bên dưới và bay tới những khúc đường trông thấy từ xa nhưng khi tới gần lại càng mở rộng từng bừng hoa lá; xong vượt qua một làng mạc chỉ trong nháy mắt mà tưởng như có cảm giác bao trùm cả làng... Trước kia, chỉ trong giấc mơ tôi mới có được những cuộc đi chơi nhẹ nhõm và tốt đẹp như vậy. Bây giờ, ngay cả khi leo dốc cũng thấy hăng hái nữa. Điều duy nhất phải nói đó chính là con đường đưa tới nhà Meaulnes mới có thể tạo cho tôi cảm nghĩ hăng say ngẫu nhiên như hiện tại.

Trước đây khi mô tả làng anh, Meaulnes có nói với tôi: “Một quãng trước khi tới đầu làng sẽ thấy một cái guồng lớn với các cánh quạt quay theo gió...” Anh cũng không biết cái guồng đó dùng làm gì, hay tảng lờ không biết để cho tôi thêm tò mò muốn biết.

Mãi tới cái ngày gần tàn vào cuối tháng Tám năm ấy, trông thấy chiếc guồng lớn đang quay trước gió giữa cánh đồng rộng, tôi mới hiểu rằng nó dùng để kéo nước lên cho gia đình tá điền ở gần. Những ngôi nhà đầu tiên của vùng ngoại ô đã xuất hiện đằng sau những cây dương. Khi tôi vòng quanh một khúc dài trên con đường chạy dọc theo một dòng suối thì phong cảnh như mở rộng và bừng nở. Tới chân cầu lại trông thấy con đường chính trong làng.

Những con bò ăn cỏ thấp thoáng sau đám lau sậy ngoài đồng. Hai tay nắm càng xe, tôi đứng yên quan sát cái nơi đang sắp được mang tới một tin quan trọng. Các căn nhà xếp thành hàng dài dọc theo mương chạy quanh con phố; mỗi căn đều có một nhíp cầu nhỏ bằng gỗ bắc từ mặt đường tới cửa ra vào. Tất cả trông giống như những chiếc thuyền đã được hạ buồm và cột lại trong buổi chiều yên tĩnh. Đó là giờ mà trong các căn bếp đã có lửa nhóm trên lò.

Khi ấy, mỗi lo âu và niềm tiếc hận thầm kín rằng việc tôi tới đây sẽ làm xáo trộn bao nhiêu bình lặng của Meaulnes khiến cho mọi can đảm trong tôi như dường mất hết. Thêm vào nhiều hơn cho sự hèn yếu bất ngờ đó, tôi chợt nhớ ra bà Moinel, một trong các bà vợ của tôi cũng có một ngôi nhà trông ra công viên nhỏ tại La Ferté-d'Angillon.

Các con của vợ đều mất sớm, tôi có biết rõ người con nhỏ nhất tên Ernest hồi đó là một cậu trai đã lớn sắp sửa đi dạy học. Ông cậu Moinel là một viên lục sự già cũng chết theo con ít lâu sau đó. Bà vợ tôi sống một mình trong căn nhà nhỏ lạ kiểu, thảm dưới đất gồm toàn những mẫu vải nhiều màu ghép lại, trên các mặt bàn bày những mèo hay gà trống gà mái làm bằng giấy, còn trên tường treo đầy những văn bằng cũ, các bức ảnh người đã chết và những khung ảnh trái tim nhỏ kết bằng tóc của người đã khuất. Bao trùm quanh bằng những thương tiếc và tang tóc như vậy, bà vợ tôi lại là hiện thân của sự kỳ dị và vui tính.

Tìm ra nhà bà vợ nơi khu công viên nhỏ, tôi nhìn qua cánh cửa hé mở, cất tiếng gọi to. Tức thì từ sâu trong ba căn phòng nối dài có tiếng bà vang lên:

“Cái gì thế hả trời?”

Bà đánh đổ bình café trên bếp - vào giờ đó sao lại pha café nhỉ? - rồi bà xuất hiện... Hơi ưỡn người về đằng sau, mang trên đầu một thứ vừa là mũ đội mưa vừa là áo khoác, để lộ vầng trán rộng nhăn nheo trông giống như một phụ nữ Mông Cổ hay một bà người Hottentote, bà cười từng tiếng ngắn, nhô ra cả hàm răng rất xinh.

Trong khi tôi hôn bà, bà vội vã, vụng về nắm lấy tay tôi sau lưng. Với một vẻ bí mật hết sức vô ích, vì chúng tôi chỉ có hai người, bà nhét vào tay

tôi một đồng tiền nhỏ mà tôi không dám ngó, ý hẳn đồng một quan... Rồi trong khi tôi làm bộ muốn hỏi tại sao, hay cảm ơn bà, bà vỗ vai tôi, cười nói:

“Thôi đi! Mợ biết rồi!”

Bao giờ bà cũng nghèo, bao giờ cũng đi vay nhưng vẫn hào phóng. Bằng cái giọng khàn khàn, không một chút chua chát, bà nói:

“Bao giờ mợ cũng ngu, nên đời mợ nó mới khổ.”

Tin chắc rằng tôi luôn luôn bận tâm vì tiền cũng như bà, bà không đợi tôi nói đã vội nhét vào tay tôi món tiền nhỏ để dành được trong ngày. Sau đó lúc nào bà cũng đón tiếp tôi như vậy.

Buổi tối hôm đó cũng kỳ lạ - vừa buồn vừa kỳ lạ - như những lần đón tiếp dạo trước. Bao giờ bà cũng có một cây nến ở gần tay, lúc thì cầm lên để mặc tôi trong bóng tối, lúc thì lại đặt lên mặt chiếc bàn có bày đầy những đĩa và hũ sứ hay vỡ. Bà nói:

“Cái này hồi thập niên bảy mươi bị bọn người Phổ làm gãy mất quai vì bọn chúng không lấy mang đi được.”

Khi trông thấy chiếc bình với một lịch sử bị đất như vậy, tôi mới nhớ ra rằng xưa kia, có lần được cha tôi đưa tới quận Yonne kiếm một nhà chuyên môn chữa cho tôi cái đầu gối, tới đó phải đáp một chuyến xe lửa tốc hành đi qua đây lúc gần sáng, chúng tôi đã có ngủ lại và ăn bữa tối trong căn nhà cậu mợ tôi. Tôi nhớ lại bữa ăn buồn nản cùng những chuyện mà ông lục sự già ngồi kể, hai khuỷu tay chống trên bàn trước chai rượu màu hồng. Tôi cũng nhớ lại những nỗi kinh hãi đêm ấy của tôi... Sau bữa ăn, ngồi trước lò lửa, mợ Moinel kéo cha tôi quay lại để kể một chuyện ma: “Tôi trở mình lại... Chà! Anh Louis đáng thương ời, tôi trông thấy gì, tôi thấy một người đàn bà bé nhỏ màu xám...” Bà mợ tôi vốn có tiếng là trong đầu đầy những chuyện nhảm ghê rợn.

Tối hôm đó, sau bữa cơm chiều, mệt mỏi vì một ngày đạp xe, khi tôi đang nằm trong căn phòng lớn, bên chiếc áo ngủ kẻ ô vuông của ông cậu Moinel để lại, bà mợ tôi tới ngồi ở đầu giường, bắt đầu kể bằng cái giọng bí mật và the thé nhất của bà:

“François tội nghiệp ời, mợ cần phải kể cho cháu nghe câu chuyện mà mợ chưa hề kể ra với ai hết...”

Tôi nghĩ: *“Chán cho mình quá, thế là giống như mười năm trước, lại sắp sửa bị thất kinh cả đêm.”*

Tôi để ý nghe. Bà lắc đầu rồi nhìn thẳng trước mặt như tự kể câu chuyện với chính bà:

“Bữa đó mợ cùng ông Moinel đi dự một dạ hội về. Đó là đám cưới đầu tiên mà cả hai cậu mợ cùng đi từ ngày Ernest đáng thương không còn nữa. Tại đó mợ gặp chị Adèle đã bốn năm rồi chưa gặp lại. Một ông bạn già của Moinel, rất giàu có mời cậu mợ tới dự đám cưới cậu con trai ở trang viên Les Slabonnière. Cậu mợ mượn một cỗ xe. Mượn như thế tốn tiền lắm con ạ. Vào khoảng bảy giờ sáng giữa mùa đông giá rét, cậu mợ trở về. Mặt trời đã mọc. Trên đường tuyết nhiên không có một ai. Bỗng dừng mợ trông thấy có cái gì ở ngay trước mặt. Một chàng trai nhỏ bé, tươi đẹp như mặt trời, đứng sững tại đó mà nhìn xe của cậu mợ chạy tới. Càng lại gần, càng thấy một gương mặt rất xinh nhưng trắng bệch đến phát sợ. Nắm chặt tay ông Moinel, thân hình run như tàu lá mà tưởng đó là Đức Chúa Trời, mợ nói: ‘Mình coi kia, có sự hiển linh.’ Cậu Moinel cúi kính đáp rất nhỏ: ‘Tôi thấy rồi, bà già lắm miệng quá...’

Cả hai chưa biết xử sự ra sao bỗng thấy con ngựa đứng dừng lại. Nhìn gần thì thấy đó là một khuôn mặt xanh lợt, bận cái quần dài, trán đầm mồ hôi, đầu đội chiếc mũ nồi bắn thiêu. Mợ nghe thấy một tiếng nói nhỏ nhẹ: ‘Tôi không phải đàn ông, tôi là một thiếu nữ. Tôi bỏ trốn đi vì chịu không nổi nữa. Hai cụ làm ơn cho tôi đi nhờ xe.’ Lập tức cậu mợ mời cô ta lên. Vừa ngồi xuống, cô ta ngất đi. Thế con có thể tưởng tượng được đó là ai không? Chính là vị hôn thê của cậu bé ở trang viên Les Sablonnières, Frantz de Galais, nơi mà cậu mợ vừa mới dự tiệc cưới.”

Tôi nói:

“Nhưng làm gì có đám cưới vì cô vợ chưa cưới đã bỏ trốn mất.”

Bà mợ tiu ngiử nhìn tôi:

“Đúng là không có. Làm gì có đám cưới. Bao nhiêu tư tưởng rồ dại nhồi nhét trong cái đầu điên khùng đã được nó kể lại hết cho mợ nghe.

Nó là con gái một người thợ dệt nghèo khổ. Tin chắc rằng bao nhiêu hạnh phúc đó là không thể có được, cậu bé kia so với nó còn trẻ quá và bao nhiêu những sự kỳ lạ mà anh chàng mô tả cho nó nghe đều là tưởng tượng hết, cho nên khi nghe Frantz nói sẽ tới đón về cho buổi đám cưới, nó đâm hoảng sợ.

Bữa đón dâu, Frantz cùng với nó và cô chị gái đi dạo trong công viên tòa tổng giám mục ở Bourges mặc dù trời gió lạnh. Chắc chắn vì lịch sự và bởi vì yêu cô em nên cậu ta hết sức săn sóc cô chị. Thế là tưởng tượng ra bao nhiêu chuyện, con bé điên tìm cách xin về nhà lấy cái khăn quàng, rồi đi bộ bỏ trốn lên Paris, bận quần áo con trai cho khỏi có ai theo bắt lại. Vì hôn phu nhận được một bức thư trong ấy con bé tuyên bố sẽ đi kiếm chàng trai nó thật sự yêu. Điều đó không đúng... Nó nói với mẹ: ‘Cháu hy sinh như thế thấy sung sướng hơn là làm vợ cậu ta.’

Còn thằng bé ngu ngốc đó thì, trong khi chờ đợi, đâu có ý định lấy cô chị, đã tự bắn một phát súng vào đầu. Người ta có thấy máu của nó vương rắc trong rừng nhưng không sao kiếm ra được xác.”

Tôi hỏi:

“Thế còn cô bé đáng tội nghiệp đó thì mẹ đối xử ra sao?”

“Trước hết cậu mẹ cho nó uống một hợp rượu mạnh. Rồi cho nó ăn uống. Về tới nhà thì cho nó ngủ cạnh bên lò sưởi. Những hôm trời tạnh, suốt ngày nó may cắt áo dài, sửa lại mũ, cọ rửa sàn nhà hăng hái lắm. Chính nó đã dán lại hết những tấm rèm mà con thấy ở tường kia. Từ ngày có nó tới đây, chim én phải rời ra ngoài làm tổ hết. Nhưng mỗi tối, sau khi công việc hết, bao giờ nó cũng kiếm cơ để ra sân, ra vườn, hay đứng trước cửa, kể cả những ngày trời lạnh đến đá cũng phải nứt nẻ. Người ta thấy nó cứ đứng đó mà khóc suốt mướt.

‘Thế nào, con có chuyện gì thế?’, mẹ hỏi nó.

‘Thưa cụ Moinel, không ạ, nó đáp.

Rồi nó đi vào.

Hàng xóm bảo: ‘Cụ Moinel ơi, cụ kiếm đâu được một con bé đi ở xinh thế?’

Mặc dù mẹ đã nài nỉ mãi, tới tháng Ba nó nhất định đòi đi Paris; mẹ cho nó những áo dài mới may cắt lại, Moinel lấy vé xe lửa cho nó, rồi còn cho thêm ít tiền. Nó không quên cậu mẹ đâu; nó đi làm thợ may ở gần Nhà Thờ Đức Bà, có viết thư hỏi thăm cậu mẹ về tin tức ở trang viên Les Slabonnières. Có một lần để cho nó khỏi vương vấn về chuyện đó nữa, mẹ có viết thư trả lời nó rằng trang viên đó đã đem bán đi, nhà cửa dỡ sạch, cậu con trai thì mất tích và cô con gái đã đi lấy chồng. Mẹ cho rằng những chuyện đó đều đúng cả. Từ ngày đó, con bé Valentine cũng thưa viết thư cho mẹ...”

Đó không phải là một câu chuyện ma mà mẹ Moinel vẫn quen kể rất hợp bằng cái giọng kim the thé. Nhưng tôi lại thấy thật là khó chịu bởi chúng tôi đã thề với Frantz sẽ giúp đỡ hẳn như anh em ruột và nay cơ hội giúp đang đưa đến...

Dù vậy cũng đâu phải lúc để làm hư mất nỗi vui mà sáng mai tôi sẽ đem tới cho Meaulnes nếu đem nói lại với anh câu chuyện vừa được nghe từ bà mẹ. Tội vạ gì mà đẩy anh vào một công việc ngàn lần không thực hiện nổi? Nay đâu có sẵn địa chỉ cô gái, nhưng tìm đâu cho ra anh chàng Bohemian đang lưu lạc tứ phương?...

Tôi nghĩ cứ mặc kệ bọn điên đi với bọn điên. Delouche và Boujardon nói không sai. Anh chàng lãng mạn Frantz đã gây ra bao nhiêu tai hại cho chúng tôi rồi! Tôi nhất định không hờ môi trước khi chứng kiến cuộc hôn nhân của Augustin Meaulnes và Yvonne de Galais.

Đã quyết như vậy, trong tôi chỉ còn lại cảm giác khó chịu vì một điểm gở không hay nào đó, nhưng vội xua đuổi nó đi.

Ngọn nến cháy gần lụi; một con muỗi bay vo ve nhưng bà mẹ Moinel, đầu cúi xuống vẫn mang cái mũ bằng nhung không bao giờ bỏ ra khi đi ngủ, hai khuỷu tay chống vào đầu gối, tiếp tục kể lại câu chuyện... Đôi lúc bà chợt ngừng đầu ngó tôi để hỏi ý, hoặc giả như muốn nhìn xem tôi đã ngủ chưa. Sau hết, ngả đầu trên gối, tôi giả dò nhắm mắt.

Bà nói giọng khàn khàn, thất vọng:

“Ồ, con ngủ rồi ư?”

Tôi thấy tội nghiệp bà nên bảo:

“Không đâu mợ ạ, con nói thật với mợ là không ngủ đâu.”

Bà đáp:

“Ngủ chứ. Mợ cũng hiểu là những chuyện đó con đâu có quan tâm tới. Mợ kể cho nghe chuyện những người mà con đâu có quen biết...”

Lần này, tôi phải hèn nhát mà cố giữ không đáp lời bà.

CHƯƠNG 4

CÁI TIN MONG ĐỢI

Buổi sáng hôm sau đúng là một ngày hè đẹp trời hết sức yên tĩnh. Bao trùm khu làng có những tiếng động quen thuộc khiến tôi tìm lại được trọn vẹn sự vững tâm vui vẻ của một người đem tin mừng tới.

Hai mẹ con Augustin sống trong một ngôi nhà xưa kia được dùng làm trường học. Cha anh về hưu đã lâu và trở nên giàu có nhờ một món của hương hỏa. Khi ông chết đi, mẹ anh mua lại ngôi trường mà ông đã từng dạy học trong hai chục năm trời và cũng là nơi anh bắt đầu tập đọc.

Về bề ngoài dễ thương, ngôi nhà hình vuông hệt như một Tòa Thị Trưởng vì thực ra hồi trước thị sảnh đặt tại đó; các cửa sổ ở tầng sát đất mở ra phía đường cái và đều rất cao, không ai có thể ngó qua được; sân phía sau không có lấy một bóng cây, thêm một sân chơi có mái cao bí kín không nhìn thấy được phía bên ngoài. Thật đúng một sân trường bỏ hoang khô khan và lạnh lẽo tôi chưa từng biết...

Nơi hành lang quanh co thông với bốn phòng, tôi gặp mẹ Meaulnes từ ngoài vườn đi vào với một bó lớn đồ giặt, chắc bà đã đem ra phơi ngay từ sớm trong buổi sáng mùa hè này. Mái tóc xám của bà bị rối một phần; có những lọn xõa xuống trán; gương mặt đều đặn bên dưới kiểu tóc chải đã xưa trông sưng húp và mệt mỏi như vừa qua một đêm mất ngủ. Bà buồn bã cúi mặt xuống ra chiều suy nghĩ.

Vừa trông thấy tôi, bà nhận ra liền và mỉm cười:

“Cậu đến vừa đúng lúc. Cậu xem này, tôi lấy những quần áo phơi vào để sửa soạn cho Augustin ra đi. Cả đêm hôm qua tôi phải ngồi tính toán tiền nong và sắp đặt hành lý cho nó. Xe lửa khởi hành lúc năm giờ, nhưng mọi thứ cũng đã được thu xếp xong...”

Cứ nhìn thấy vẻ tự tin của bà, ai cũng tưởng quyết định ra đi của Meaulnes là do nơi bà. Mà thật thì có lẽ chính bà cũng chẳng biết Meaulnes định đi đâu nữa. Bà nói:

“Cậu lên gác đi. Augustin đang ngồi viết trong Tòa Thị Trưởng.”

Tôi vội vã leo thang, mở cánh cửa bên tay mặt hãy còn gắn tấm biển Tòa Thị Trưởng. Đó là một căn phòng rộng có bốn khung cửa sổ, hai cửa mở ra phía làng và hai cửa mở về phía đồng cỏ. Trên tường có trưng những tấm ảnh đã vàng của các tổng thống Grévy và Carnot. Trên cái bục dài kê suốt bề ngang ở tận cùng căn phòng vẫn còn chiếc bàn trải thảm màu lục với dây ghế của các hội đồng xã. Giữa bàn, ngồi trong chiếc ghế bành của ông thị trưởng, Meaulnes đang viết, chấm ngòi bút vào đáy lọ mực bằng sành kiểu cổ hình quả tim. Trong những dịp không đi thăm thú các vùng, kéo dài những ngày nghỉ hè, anh thường rút về đây giống như một nơi dành riêng cho một phú hộ ở làng.

Nhận ra tôi, anh đứng lên ngay, nhưng không có chút gì hấp tấp như tôi tưởng, vẻ hết sức ngạc nhiên, anh chỉ nói:

“Ơ kìa, François!”

Vẫn là anh chàng cao lớn, nét mặt xương xương, đầu tóc hớt ngắn. Bộ râu thưa bắt đầu mọc bên mép. Tán ánh nhìn thẳng thắn đó... Nhưng so với vẻ hăng hái của những năm trước thì nay thấy phảng phất một màn sương mà chỉ thỉnh thoảng mới bị đẩy lui đi bởi mối ham thích nồng nhiệt xưa kia.

Gặp tôi, anh coi bộ rất bối rối. Tôi nhảy một bước lên tới cái bục. Nhưng, thật là một sự lạ lùng nếu nói ra, anh chẳng buồn đưa tay cho tôi bắt, mà chỉ quay mặt lại phía tôi, hai tay chắp sau lưng, hết tựa người vào thành bàn lại ngả lên lưng ghế, vẻ hết sức ngượng ngập. Anh nhìn tôi mà không hẳn là nhìn, xem ra như đang bận lo nghĩ tới câu sắp nói với tôi. Giống như hồi xưa và như luôn luôn vẫn thế, anh vốn ít nói, như những con người sống đơn độc, những tay thợ săn hay những kẻ ưa thích phiêu lưu, vì vậy có khi quyết định việc gì xong rồi mà vẫn chưa tìm ra được lời để giải thích. Thì cũng thế, lúc bấy giờ thấy tôi đang đứng trước mặt, anh mới bắt đầu nghiền ngẫm một cách khó nhọc những lời cần nói.

Trong khi đó tôi vui vẻ kể hết cho anh nghe cuộc hành trình của tôi suốt từ nhà đi; lại cũng nói rằng tôi rất ngạc nhiên khi thấy mẹ anh lo sửa soạn hành lý cho cậu con ra đi...

“Mẹ tôi nói với cậu thế sao?”, anh hỏi.

“Ừ, nhưng chắc không phải là một chuyến đi xa chứ?”

“Xa, chuyến này đi xa lắm.”

Sững sờ một lát, lại cảm thấy rằng chốc nữa chỉ một lời thôi tôi cũng sẽ dẹp hẳn được ý định đó của anh - mà tôi chưa hiểu vì sao, nên tôi không dám nói thêm lời nào và cũng không biết bắt đầu câu chuyện từ đâu.

Nhưng rồi chính anh đã nói, nói như đang muốn giải bày với tôi điều gì đó:

“Seurel ạ, chắc cậu đã biết cuộc phiêu lưu kỳ lạ ở Sainte-Agathe có tầm quan trọng đối với tôi như thế nào. Đó là lẽ sống và niềm hy vọng của tôi. Nay hy vọng đó tan rồi, tôi còn là gì nữa? Làm sao tôi sống được như những người khác? Bởi vậy tôi đã thử tìm cách sống ở Paris khi nhận thấy mọi sự đều hết và chẳng nên đi tìm cái trang viên xa xôi đó nữa... Nhưng với một người đã có lần nhảy vọt tới thiên đường, về sau làm sao họ có thể tập sống như mọi người khác được? Những gì mà thiên hạ cho là hạnh phúc, tôi lại thấy thật đáng tức cười. Thế rồi cho đến một ngày khi quả quyết định làm giống như mọi người thì lại chính ngay ngày đó tôi đã làm chất chồng thêm trong tim biết bao hối hận khôn nguôi...”

Ngồi ở chiếc ghế kê trên bục, tôi không nhìn anh mà chỉ cúi đầu nghe anh nói, cũng chẳng biết nghĩ sao về những lời giải thích tối tăm đó. Sau cùng tôi bày tỏ:

“Xin anh giải thích rõ hơn đi. Sao có vụ đi xa này? Anh có lỗi gì phải cần sửa? Và có cần giữ một lời đã hứa?”

Anh đáp:

“Ừ đúng. Cậu còn nhớ lời tôi đã hứa với Frantz chứ?”

“À, nếu chỉ là thế!”, tôi khoan khoái đáp.

“Vụ đó. Có lẽ cũng còn một điều lầm lỗi nữa cần sửa lại. Cả hai vụ làm một...”

Giữa một quãng im lặng, tôi quyết định phải nói ra với anh... Nhưng đang sửa soạn câu sẽ nói thì nghe anh tiếp:

“Tôi chỉ tìm thấy được một lối giải thích. Quả tình tôi vẫn còn muốn gặp cô de Galais một lần, chỉ gặp mặt mà thôi. Thuở xưa khi khám phá ra lãnh địa không tên đó thì tâm hồn và con người tôi đang còn rất trong trắng; điều mà không bao giờ tôi còn có nữa. Nhưng bây giờ tôi chắc rằng, chỉ có, như tôi đã viết trong thư gửi cậu, chỉ có cái chết họa may mới tìm lại được cái đẹp của thuở trước kia...”

Anh đổi giọng, ghé lại gần tôi, hăng hái tiếp:

“Nhưng Seurel ạ, những tình tiết mới và cuộc viễn du này, tội lỗi mà tôi đã phạm và cần sửa chữa lại đây, tất cả thật ra cũng chỉ nằm trong cuộc phiêu lưu cũ tôi từng đeo đuổi.”

Im lặng, trong khi đó anh cực nhọc cố thu thập những kỷ niệm. Tôi đã bỏ lỡ cơ hội trước. Tôi nhất định không vì lẽ gì mà bỏ lỡ cơ hội này; và lần này thì tôi nói - tôi vội nói quá, về sau cay đắng tiếc sao không để cho anh thú thật ra hết cả.

Định thốt ra câu đã sửa soạn khi nãy, nhưng tới bây giờ lại thấy không còn hợp cảnh nữa nên tôi bỏ. Thân hình bất động, đầu hơi lắc lư một chút, tôi nói:

“Nếu tôi tới cho biết hy vọng của anh chưa hề mất thì sao?”

Anh ngó tôi, rồi, bỗng quay nhìn chỗ khác, mặt đỏ bừng, máu kéo dồn lên hai bên thái dương... Mãi sau mới hỏi, tiếng nói không nghe rõ nữa:

“Cậu bảo gì cơ?”

Thế là tôi kể hết một hơi những điều đã biết, những gì tôi đã làm và mọi sự nay đã thay đổi, gần như Yvonne de Galais đã bảo tôi đi tìm anh.

Lúc đó da mặt anh tái xanh một cách dễ sợ.

Trong khi tôi kể, anh chỉ lặng lẽ nghe, cái đầu rụt lại trông giống như một người phạm tội vừa bị bắt gặp mà không biết xử sự ra sao, phải nên lẩn trốn hay chạy đi. Tôi nhớ anh chỉ ngắt lời tôi có mỗi một lần. Tôi cũng báo rằng Lãnh địa Les Sablonnières đã bị san bằng hết, trang viên thời xưa nay không còn nữa. Anh nói:

“Đấy, cậu thấy chưa? (Ra tuồng như chỉ đợi lúc này để chứng minh hành vi của mình và sự thất vọng anh từng lặn ngụp trong đó). Cậu thấy chưa, còn gì nữa đâu?”

Sau hết, tin chắc bấy nhiêu thuận tiện sẽ đánh tan hết nỗi đau khổ của anh, và để kết thúc, tôi trình bày về chuyện chú Florentin có tổ chức một buổi đi chơi dã ngoại, cô de Galais sẽ đánh xe ngựa tới dự và cả anh cũng được mời nữa. Nhưng xem ra anh hết sức luống cuống, cứ trầm ngâm im lặng.

Tôi nóng nảy:

“Phải lập tức hoãn cuộc ra đi này lại. chúng mình xuống thông báo cho bác biết đi...”

Khi cả hai cùng xuống lầu, anh hỏi tôi, điệu ngằn ngại:

“Nhất định là tôi phải dự cuộc đi chơi dã ngoại sao?”

“Ô kìa, còn phải bàn!” Tôi đáp.

Trông anh có vẻ như người đang bị kẻ nào đùn vai đẩy đi.

Tới nhà dưới, Meaulnes báo với mẹ rằng tôi sẽ cùng dùng cơm bữa trưa, bữa tối ngủ ở đây và ngày hôm sau anh sẽ mượn một chiếc xe đạp để theo tôi đi Vieux-Nançay. Bà mẹ gật đầu:

“Tốt lắm!” (Như thế những tin mới đưa ra đó đã được bà dự đoán từ trước rồi.)

Tôi ngồi trong phòng ăn nhỏ, dưới những tấm lịch hình màu, những con dao găm chạm trổ và những bầu rượu bằng da kiểu Sudan mà người chú của anh, một cựu binh thủy quân lục chiến đã đem về sau những chuyến đi xa.

Augustin để tôi lại đó một lát. Phòng bên cạnh, nơi bà mẹ đang sửa soạn hành lý cho anh, tôi nghe thấy anh nói nhỏ rằng đừng dờ rường ra vội vì chuyến đi có lẽ chỉ chậm lại thôi.

CHƯƠNG 5

MỘT CUỘC ĐI CHƠI

Trên đường đi Vieux-Nançay, tôi khó nhọc lắm mới theo nổi Meaulnes. Anh đạp xe như một tay đua. Tới dốc cũng không chịu xuống. Tiếp theo sự ngập ngừng khó hiểu hôm trước, nay là cả một cơn sốt, một mối nóng nảy, một sự thèm khát mau mau tới nơi. Điều này khiến cho tôi không khỏi lo sợ đôi chút.

Đến nhà chú Florentin, anh vẫn tỏ ra nóng nảy như vậy, xem ra không thể lưu tâm tới việc gì cho mãi đến sáng hôm sau, khoảng mười giờ, chúng tôi lên xe ra bờ sông.

Khi đó đang cuối tháng Tám, mùa hè sắp dứt. Vỏ quả dẻ rồng ruột úa vàng đã bắt đầu rụng trên mặt đường trắng. Chuyển đi không xa, trại Les Aubiers bên bờ sông Cher, nơi chúng tôi định tới, chỉ cách trang viên Les Slabonnières có hai cây số. Dọc đường, thỉnh thoảng chúng tôi gặp các du khách khác đi xe tới, có cả những chàng trai trẻ cưỡi ngựa mà chú Florentin đã tự tiện nhân danh ông de Galais mà mời. Cũng như ngày xưa, người ta cố ý hòa trộn người giàu với người nghèo, chủ lâu đài với nông dân. Vì vậy chúng tôi thấy Jasmin Delouche cũng có mặt qua sự trung gian của ông gác rừng Baladier trước kia có quen biết với chú tôi.

Meaulnes nhìn thấy gã thì nói:

“Kìa, tên đó nắm được chìa khóa của mọi chuyện trong khi chúng mình mất công đi kiếm tận Paris. Nghĩ mà đáng thất vọng!”

Mỗi lần trông thấy gã, mối hờn ghét của anh lại tăng gấp bội. Gã kia lại tưởng có quyền được hưởng sự biết ơn của bọn tôi nên bám sát theo xe chúng tôi cho đến khi tới nơi. Xem ra gã cố gắng một cách vô ích và thậm hại, để lo quần áo và trang điểm, hai cái đuôi đã mòn của chiếc áo đuôi tôm đập phành phạch vào cái chắn bùn sau xe...

Mặc dầu cố gắng tỏ ra dễ thương, khuôn mặt già trước tuổi đó cũng không làm cho ai ưa thích. Còn tôi chỉ thấy là gã đáng tội nghiệp. Nhưng trong ngày đó ai mà chẳng để cho tôi thấy đáng tội nghiệp.

Bất cứ lần nào hồi tưởng lại cuộc đi chơi này, tôi đều cảm thấy trong lòng dậy lên một sự luyến tiếc thầm kín đến như muốn nghẹt thở. Từ trước tôi đã dành cho buổi hôm nay bao nhiêu là vui vẻ. Tất cả mọi sự đều như quy tụ đem theo niềm hạnh phúc. Ấy thế mà niềm vui ngắn chẳng tày gang!...

Tuy nhiên, bữa đó bờ sông Cher mới đẹp làm sao! Mọi người ghé lại triển đồi xuôi thoải thoải, chia thành những đồng cỏ xanh rờn và những khu trồng cây dương có hàng giậu ngăn cách y hệt như những thửa vườn nhỏ. Phía bên kia bờ sông gồm toàn những quả đồi màu xám dốc thẳng, trơ đá. Trên những ngọn đồi xa xa, giữa các lùm thông, thấp thoáng thấy các tòa lâu đài thơ mộng với những cây tháp nhọn. Xa nữa, thỉnh thoảng lại nghe tiếng bầy chó săn của Lãnh địa nhà Préveranges sủa vang.

Chúng tôi tới đây qua những lối đi chằng chịt lúc thì trơ những đá sỏi trắng, lúc thì đầy những cát, gần tới mé sông lại biến thành những dòng suối do mạch nước từ dưới đất rỉ lên. Khi đi ngang đó, những cành phúc bồn tử đại vương cả vào tay áo chúng tôi. Cũng có khi chúng tôi bước vào vùng âm u tươi mát trong những khe sâu, có lúc ngược lại, đi qua hết những hàng giậu rồi ra giữa ánh nắng chan hòa của cả vùng thung lũng. Xa xa, bên bờ đối diện, tới gần lại thấy có một người đang bầu vào vách đá, chậm rãi tung ra những sợi dây câu. Trời ơi! Phong cảnh mới đẹp làm sao!

Chúng tôi dựng trại trên một bãi cỏ, trong khoảng yên tĩnh của rừng thông thưa thớt. Đó là một khu cỏ mọc thấp, nhiều chỗ để mọi người có thể tha hồ ngao du.

Ngựa được tháo khỏi xe rồi dẫn tới trại Les Aubiers. Trong rừng mọi người bắt đầu bày các thức ăn, những chiếc bàn xếp nhỏ được chú tôi đem theo, đặt trên bãi cỏ.

Lúc ấy cần có ai sốt sắng tự nguyện đi đến chỗ đầu đường lớn gần đó để đợi những người tới sau và chỉ cho họ lối vào đây. Tức thì tôi xin nhận; Meaulnes cũng cùng theo. Đứng ở cầu treo, chỗ giao nhau của nhiều con

đường nhỏ từ trang viên Les Sablonnières đưa tới, cùng gọi lại chuyện quá khứ, cả hai như tìm đủ cách để tự giải trí trong khi chờ đợi. Một chiếc xe từ Vieux-Nançay đi đến, trên có những nông dân không quen biết và một cô gái khoác lên mình những sợi ruy băng lụa. Rồi chẳng còn ai nữa. À, thêm chiếc xe do lừa kéo, trên có ba chú bé con của ông làm vườn ở trang viên Les Slabonnières thuở xưa.

Meaulnes nói:

“Dường như tôi nhớ mặt họ. Hồi xưa, chính mấy cậu bé đó đã dắt tay tôi đưa tới chỗ dự tiệc trong buổi dạ hội đầu tiên...”

Lúc ấy con lừa không chịu bước nữa nên bọn trẻ xuống xe ra sức chọc kéo con vật. Meaulnes thất vọng, bảo rằng anh đã nhìn lầm. Tôi hỏi bọn trẻ xem dọc đường có gặp ông cụ và cô de Galais không. Một đứa trả lời không biết, đứa khác đáp:

“Thưa anh, hình như có.”

Và chẳng cho biết thêm gì nữa. Rồi bọn trẻ đi xuống chỗ bãi cỏ, đưa thì nắm dây cương kéo lừa, đưa đẩy phía sau xe.

Chúng tôi lại đứng đợi. Meaulnes chăm chú ngó khúc quanh rẽ vào con đường về trang viên Les Slabonnières, vẻ lo lắng ngóng đợi cô gái mà trước kia anh đã nhọc công tìm kiếm. Một sự bức bối kì cục gần như đáng tức cười bỗng xâm chiếm anh để rồi đổ lên đầu Jasmin. Chúng tôi leo lên cái gò cao để nhìn ra xa trên đường, thấy nơi bãi cỏ phía dưới có một đám du khách trong đó Jasmin Delouche đang tìm cách làm cho mình nổi bật. Meaulnes nói:

“Coi hắn đang ba hoa nổ miệng kìa. Thật là một thằng tồi bại!”

“Cứ mặc kệ gã. Gã làm gì được thì làm, tội nghiệp gã quá!” tôi đáp.

Augustin vẫn không ngừng. Nhìn thấy đàn ông kia có con thỏ hay con sóc vừa nhảy vào bụi rậm, Jasmin thể hiện bằng cách vờ đuổi theo con vật. Meaulnes lên tiếng mỉa mai sự bạo gan của Delouche:

“Ô hay quá, bây giờ hắn lại chạy cơ đấy?”

Lần này tôi không thể không bật cười. Meaulnes cũng vậy, nhưng chỉ trong nháy mắt.

Một khắc đồng hồ nữa qua đi. Anh nói:

“Hay cô ta không tới?”

“Cô ấy đã hẹn”, tôi đáp. “Anh chịu khó chờ một chút đi.”

Anh lại tiếp tục ngóng trông. Nhưng lát sau, không thể nào chịu nổi, anh nói:

“Này cậu, tôi đi xuống với bọn họ đây. Không hiểu có cái gì cứ ám ảnh để tôi phải nghĩ, nếu cứ đứng đây thì chắc cô ấy sẽ không tới. Không thể nào trong chốc lát mà từ chỗ đầu đường kia lại thấy cô ấy xuất hiện cho được.”

Rồi anh đi xuống bãi cỏ, để mặc tôi đứng đợi một mình. Tôi tản bộ vài trăm mét trên con đường nhỏ cho qua thì giờ; vừa tới khúc quanh đầu tiên, chợt trông thấy Yvonne de Galais cỡi trên lưng con ngựa trắng. Sáng hôm đó con ngựa coi bộ hăng hái lắm khiến cô gái phải kéo mạnh dây cương ngăn không cho đi nước kiệu. Ông de Galais, nhọc mệt, lẳng lặng bước cạnh. Ý hẳn hai cha con đã phải thay phiên nhau mỗi người cỡi con ngựa già một đoạn ở dọc đường.

Khi cô gái trông thấy tôi có một mình liền mỉm cười, lẹ làng nhảy xuống đất, đưa dây cương cho ông bố và tiến lại phía tôi trong khi tôi cũng chạy lại phía cô. Cô nói:

“Tôi rất sung sướng thấy anh có một mình, vì không muốn để ai, ngoài anh ra, thấy con ngựa già Bélisaire của tôi, tôi cũng không muốn cột nó lẫn với đám ngựa khác. Trước hết vì nó già xấu quá; thứ nữa, chỉ e nó bị đám kia đụng què cẳng thôi, chỉ duy một mình nó tôi mới dám cỡi. Chừng nào nó chết, tôi sẽ không cỡi ngựa nữa.”

Ở cô de Galais, cũng như ở Meaulnes, tôi nhận thấy đằng sau sự sốt sắng dễ thương, nét duyên dáng bề ngoài xem ra bình thản đó, có một vẻ bồn chồn gần như lo sợ. Cô nói mau hơn lúc thường. Dù đôi gò má ửng hồng, nhưng quanh mắt và trên vầng trán thấy có những vết xanh tỏ rõ sự bối rối.

Chúng tôi thỏa thuận buộc con Bélisaire vào một gốc cây trong khu rừng nhỏ, ngay gần lộ. Ông già de Galais vẫn như mọi khi, lặng im lấy sợi dây trong túi da bên yên ngựa ra cột con vật. Nhìn cách cột của ông, tôi

nghĩ có lẽ là hơi thấp, nhưng hứa rằng lát nữa sẽ bảo người mang cỏ và rơm trong trại ra cho ngựa.

Trong óc, tôi tưởng tượng, cũng như buổi nào thuở xưa, cô de Galais đi ra chỗ bãi cỏ xuống ven bờ đầm khi Meaulnes được gặp cô lần đầu.

Đưa một tay cho cha dẫn, tay còn lại kéo chiếc áo choàng rộng trùm kín cả người, cô gái bước về phía đám đông, vẻ vừa nghiêm trang vừa thơ trẻ. Hết thấy mọi du khách đang tản mát hay chơi đùa ở xa đều đứng lên và tụ lại để đón cô gái; có một khoảnh khắc im lặng trong khi mọi người chờ đợi cô đi tới.

Meaulnes đứng lẫn trong đám thanh niên, ngoại trừ tầm vóc cao cao, còn thì không có gì phân biệt giữa anh với họ: trong đám có những chàng trai cũng cao không kém. Anh không tỏ điệu bộ gì để được cô de Galais chú ý, chẳng một cử chỉ, không một bước tiến lại gần. Tôi thấy anh, quần áo màu xám, đứng yên lặng giống như mọi người, đưa mắt nhìn thẳng vào cô gái đang đi tới. Tuy nhiên, một hồi, bằng cử chỉ ngượng ngùng vô thức, anh bỗng đưa tay lên đầu để trần như muốn che giấu bớt cái vẻ nông dân mộc mạc của mình giữa một đám thanh niên tóc chải mượt mà.

Đám đông bao quanh cô de Galais, giới thiệu với cô những thiếu niên và thiếu nữ chưa quen... Sắp tới lượt bạn tôi, tôi cũng cảm thấy hồi hộp không kém. Tôi định tự mình lo việc giới thiệu ấy; nhưng trước khi kịp mở lời thì cô gái đã tiến lại gần anh với vẻ cương quyết và nghiêm trang kỳ lạ, nói:

“Tôi đã nhận ra anh Augustin Meaulnes rồi.”

Xong đưa tay cho anh bắt.

CHƯƠNG 6

MỘT CUỘC ĐI CHƠI (Hết)

Nhiều người mới tới khác tiến lại gần để chào cô de Galais nên hai người trẻ tuổi phải rời xa nhau. Một sự tình cờ đáng buồn khiến cho cả hai không được ngồi cùng bên cái bàn nhỏ để ăn bữa trưa. Nhưng Meaulnes xem ra đã lấy lại được sự tự tin và can đảm. Nhiều lần, khi đứng một mình giữa Delouche và ông de Galais, tôi thấy anh bạn từ xa đưa tay lên vẫy.

Mãi tới chiều, khi những cuộc dạo chơi, bơi lội, trò chuyện theo từng nhóm hay đáp thuyền trên mặt đầm... được tổ chức hân hoan ở khắp nơi, Meaulnes mới có dịp tới trước mặt cô gái. Khi ấy chúng tôi đang trò chuyện với Delouche, mỗi người ngồi trên một chiếc ghế dùng ngoài vườn từ nhà chú tôi đem đến, thì thấy cô de Galais rời khỏi một đám đông thanh niên và tiến lại phía chúng tôi. Cô hỏi:

“Sao các anh không cùng mọi người bơi thuyền trên đầm Les Aubiers?”

“Hồi trưa chúng tôi đã đi mấy vòng rồi, nhưng chán ngay vì không thích thú mấy,” tôi đáp.

Cô lại hỏi:

“Sao các anh không bơi hân ra sông?”

“Dòng nước mạnh quá, sợ bị cuốn trôi đi mất.”

Meaulnes nói:

“Cần phải có một cái ca nô chạy bằng dầu hay một chiếc du thuyền chạy bằng hơi nước như xưa kia.”

Cô gái đáp rất nhỏ:

“Bây giờ không còn nữa, đã bán mất rồi.”

Tiếp theo là một khoảng im lặng ngượng nghịu.

Jasmin mượn dịp đó để tạ từ chạy đi trò chuyện với ông de Galais. Gã nói:

“Tôi biết chỗ kiếm được cụ.”

Quả là một sự tình cờ lạ lùng! Hai con người thật khác biệt lại hợp với nhau, từ sáng nay không rời nhau nữa. Lúc chiều ông de Galais có kéo tôi riêng ra một chỗ để bảo cho biết tôi có người bạn khéo léo, khiêm nhường và nhiều đức tính lắm. Không chừng ông cụ đã đi tới chỗ nói cho gã biết bí mật về con Bélisaire và chỗ giấu con vật.

Riêng tôi cũng nghĩ nên rút lui, nhưng cảm thấy hai người trẻ tuổi đang ngượng ngùng, lo ngại trước mặt nhau. Vì vậy tôi thấy tốt hơn hết là tôi ở lại...

Bấy nhiêu kín đáo về phần Jasmin, cũng như bấy nhiêu thận trọng về phần tôi cũng không giúp ích được bao nhiêu. Hai người trò chuyện; nhưng với một vẻ ngoan cố mà chắc là không lưu ý tới, Meaulnes luôn luôn nhắc lại những kỷ niệm kỳ diệu hồi xưa. Mỗi lần như thế là cô gái phải miễn cưỡng trả lời rằng bao nhiêu chuyện đó đều đã tan biến hết: *ngôi nhà cổ kỳ lạ nay đã được dỡ đi; đầm nước rộng lớn nay đã bị tát cạn và lấp đầy đất; những chú bé con với những quần áo dễ thương nay đã phân tán cả...*

Meaulnes chỉ à một tiếng thất vọng, dường như mỗi sự tan biến như vậy lại thêm một lý do cho anh thấy trái nghịch lại với cô gái và với tôi.

Sánh bước bên nhau, tôi mãi cố gắng để làm cho tiêu tan hết nỗi buồn đang nhấn chìm cả ba người. Rồi Meaulnes lại đưa ra một câu hỏi đột ngột, hỏi thăm về những thứ mà trước kia từng gặp: *những cô gái nhỏ, người đánh chiếc xe hòem cổ, bầy ngựa đua.*

“Cả bầy ngựa cũng bán đi rồi sao? Không còn con ngựa nào ở trang viên nữa?”

Cô gái trả lời rằng không còn nữa. Cô tránh không nói tới con Bélisaire.

Meaulnes nhắc lại những đồ vật trong căn phòng anh ngủ: những cây đèn, tấm gương lớn, cây đàn lute bị gãy... hỏi thăm về tất cả những thứ đó với một vẻ say mê khác lạ như tuồng muốn tự thuyết phục chính mình rằng chẳng có gì trong cuộc phiêu lưu tuyệt diệu kia còn lưu lại; rằng cô gái

không đem được cho anh chút vết tích nào có thể chứng minh rằng cả hai hồi đó hiện hữu thật sự chứ không phải là trong một giấc mơ, khác nào người thợ lặn chỉ đem từ đáy nước lên một mớ rong hay vài hòn sỏi...

Cả cô de Galais và tôi đều không thể nén nổi một cái mỉm cười rất buồn. Cô quyết định giải thích cho anh hiểu:

“Anh không bao giờ còn tìm thấy được tòa lâu đài tráng lệ mà cha tôi và tôi đã sắp đặt cho em Frantz đáng thương. Cả đời chúng tôi chỉ lo củng cố nó. Thật là một con người lạ lùng nhưng cũng đáng yêu dường ấy! Nhưng rồi tất cả đều cùng với nó tan biến hết trong đêm đám cưới bị lỡ dở. Cha tôi đã bị tán gia bại sản mà chúng tôi đâu có biết. Frantz có vay nợ nhiều, tới khi hay tin nó bỏ trốn, các bạn nó đều tới đòi chúng tôi. Chúng tôi đã phá sản hoàn toàn. Rồi mẹ tôi mất. Vậy là chỉ trong có mấy ngày mà bao nhiêu bè bạn chúng tôi đều bỏ đi hết. Nếu chưa chết, Frantz nên trở về nhà. Nó sẽ gặp lại các bạn cũ và vị hôn thê; tiệc cưới bị gián đoạn sẽ tiếp tục, biết đâu mọi sự sẽ chẳng trở lại giống như cũ. Nhưng dĩ vãng có bao giờ sống lại được đâu!”

Meaulnes trầm ngâm:

“Biết đâu đó!”

Rồi anh không hỏi gì nữa.

Trên bãi cỏ thấp đã bắt đầu úa vàng, chúng tôi ba người bước đi không tiếng động. Augustin đi bên tay phải cô gái mà anh đã tưởng không bao giờ gặp lại. Mỗi khi anh hỏi một câu đau đớn nào, cô gái chậm rãi quay khuôn mặt lo lắng để thương lại phía anh để đáp lời. Có một lần khi nói với anh, cô gái nhẹ nhàng đặt bàn tay lên cánh tay anh, một cử chỉ đầy tin cậy và yếu đuối. Tôi không hiểu tại sao Meaulnes lại cứ tỏ ra như một người khách lạ; một người không tìm thấy vật muốn tìm để không còn gì khác làm cho lưu ý tới nữa? Hạnh phúc này, ba năm trước bắt gặp, có lẽ anh không thể chịu đựng nổi mà không kinh hoàng hay phát điên lên. Nguyên do từ đâu đưa đến khoảng trống rỗng, sự xa cách, vẻ hèn yếu không kham nổi sung sướng hạnh phúc mà anh đang có lúc ấy?

Chúng tôi đi tới gần khu rừng nhỏ ban sáng ông de Galais đã cột con ngựa. Mặt trời sắp lặn, trải dài những cái bóng của chúng tôi trên mặt cỏ. Ở

đầu bãi, có tiếng nói của đám người đang chơi đùa và tiếng những cô gái nhỏ ã ã văng vẳng giống như một bầu ong.

Cả ba đang trong sự trầm lặng lạ lùng, bỗng nghe có tiếng hát của ai đó đang dẫn bầu thú đi uống nước, cất lên sau cánh rừng, theo hướng trại Les Aubiers cạnh bờ sông. Tiếng hát trong trẻo xa xôi; nhịp nhàng đều đặn, nhưng giọng hát đàn ông lại kéo dài lả lướt theo điệu một bài ballade cổ và buồn:

*Đôi giầy của ta màu đỏ
Thôi từ biệt các bạn tình
Đôi giày của ta màu đỏ
Thôi từ biệt, không ngày trở lại...*

Meaulnes ngược đầu lắng nghe. Đó chính là bài hát mà đêm hội cuối cùng nơi trang viên không tên, những nông dân còn nán lại đã hát sau khi bao nhiêu chuyện đã đổ vỡ hết... Đó chỉ còn là một kỷ niệm rất thảm thương của quãng thời gian không trở lại bao giờ.

Anh nói nhỏ:

“Cô có nghe thấy không? Ồ, tôi phải đi coi thế nào.”

Rồi lập tức chạy vào cánh rừng nhỏ.

Đột nhiên giọng hát im bật; có tiếng đàn ông thứ hai huýt sáo gọi bầu thú, âm thanh xa dần rồi mất hút...

Tôi nhìn cô gái. Vẻ buồn rầu và suy nghĩ, cô còn để mắt đôi theo ngôi rừng thưa nơi Meaulnes vừa khuất dạng. Về sau, biết bao lần, cô cũng băn khoăn hướng về cái nơi Meaulnes sẽ mãi mãi bỏ đi.

Cô gái quay lại phía tôi, giọng đau đớn:

“Anh ấy không hạnh phúc.”

Rồi cô tiếp:

“Xem chừng tôi cũng chẳng thể làm cho anh ấy hạnh phúc hơn được.”

Tôi ngần ngại không đáp vì e rằng sau khi qua tới trại và băng qua rừng để quay trở lại, Meaulnes sẽ bắt gặp bọn tôi đang nói chuyện về anh. Tôi định khích lệ cô gái rằng đừng nên ngại ngần trong việc khơi cho anh

nói ra điều bí ẩn nào đó đang làm anh thất vọng mà tự anh sẽ không bao giờ nói cho ai biết thì bỗng dừng nghe một tiếng kêu phát ra từ phía rừng bên kia; rồi tiếng con ngựa đang vùng vẫy đập chân sau và tiếng người cãi lộn... Lập tức tôi hiểu là có tai nạn gì đang xảy ra cho con ngựa già Bélisaire nên vội chạy tới chỗ phát ra tiếng ồn. Cô de Galais đi theo sau tôi từ xa. Bên khu bãi cỏ, mọi người dường như nhận ra hành tung của bọn tôi vì lúc đi vào rừng tôi nhận biết nhiều người cũng đang chạy tới.

Con ngựa già bị cột thấp quá nên đã vướng một chân vào dây cương. Nó vẫn đứng yên cho tới khi ông de Galais và Delouche đi dạo tiến lại gần. Hoảng sợ và bị kích thích vì mớ lúa mạch bất ngờ đem tới cho nó nên nó vùng vẫy như điên. Ông de Galais và Delouche cố gắng gỡ chân nó ra nhưng hành động của họ vụng về đến nỗi càng làm nó bị vướng thêm mãi, lại cũng có thể bị nhận những cú đá nguy hiểm của nó. Ngay lúc đó Meaulnes tình cờ từ trại Les Aubiers trở về gặp cảnh này. Cáo tiết vì thấy họ quá sức vụng về, anh hất hai người ra đến suýt ngã nhào vào bụi rậm. Thật thận trọng, trong nháy mắt anh gỡ được chân cho con Bélisaire. Nhưng đã quá muộn. Con ngựa có lẽ bị bong gân, luôn cả gãy xương nữa vì thấy nó đứng rũ đầu xuống một cách thảm hại, cái yên tuột ra giữa chừng ở trên lưng, một chân co lên bụng, run lẩy bẩy. Meaulnes cúi xuống nắn chân nó, ngẫm con vật, chẳng nói năng gì.

Khi anh ngẩng đầu lên thì hầu hết mọi người đã tụ tập tại đó, nhưng anh chẳng thèm nhìn ai, mặt đỏ lên vì cáo tiết, rồi bật la lớn:

“Không hiểu ai lại buộc con ngựa như vậy chứ? Lại để nguyên cái yên trên lưng nó suốt một ngày. Mà ai lại dám thả yên cương để cỡi một con ngựa giỏi lắm chỉ kéo nổi cái xe!”

Delouche toan nói câu gì - tự nhận hết mọi tội lỗi.

“Thôi chú mày câm miệng, cũng tại chú mày nữa. Rõ ràng ta trông thấy chú mày đang ngu xuẩn kéo mãi dây cương để gỡ cho nó.”

Anh lại cúi xuống tiếp tục lấy lòng bàn tay xoa bóp chân con ngựa. Ông de Galais từ nãy chưa nói gì, bỗng dưng lên tiếng. Ông cụ ấp úng:

“Các sĩ quan hải quân vẫn có thói quen... Con ngựa của tôi...”

Meaulnes đã nguôi đôi chút, giờ mặt lại đỏ gay, quay đầu về phía ông cụ nói:

“À ra là ngựa của cụ?”

Tôi tưởng anh sẽ đổi giọng, cất lời xin lỗi, nhưng anh chỉ đứng thờ một lát. Và tôi thấy anh như tìm ra cái thú chua chát thất vọng muốn phá đổ hẳn tất cả, làm tình hình thêm xấu đi khi thốt ra một cách xác xược:

“Nếu vậy cụ chẳng đáng được khen đâu!”

Có người bàn:

“Nên lấy nước lạnh... Dem ngâm chân nó xuống chỗ sông cạn...”

Meaulnes không đáp, chỉ nói:

“Phải đem ngay con ngựa già này về trong khi nó còn đi được. Không thể trì hoãn. Rồi cho nó vào chuồng và đừng bao giờ lôi nó ra nữa.”

Mấy chàng trai trẻ xin lo vụ đó, nhưng cô de Galais vội cảm ơn họ. Khuôn mặt đỏ như lửa, nước mắt sắp trào ra khỏi khóe, cô cáo biệt mọi người, kể cả Meaulnes đang lúng túng không dám ngó mặt cô. Năm sợi dây cương, trông cô như đang cầm tay một người để xích tới gần hơn là dẫn con vật đi. Buổi chiều cuối mùa hạ trên đường về Les Sablonnières, gió mang hơi nóng ẩm khiến mọi người cứ ngỡ như còn là tháng Năm. Lá trên cây ở các hàng giậu rung rung theo ngọn gió nam. Chúng tôi nhìn theo cô de Galais, cánh tay thò một chút ra khỏi áo choàng, bàn tay nhỏ bé nắm sợi dây cương lớn bằng da. Ông cụ trầy trật bước đi bên cạnh...

Thật là một buổi chiều tàn rất buồn. Ai nấy thu nhặt các gói đồ dùng dao nĩa của mình; ghế được gấp lại, bàn được tháo rời ra; những chiếc xe chất đầy người và đồ đạc bắt đầu chuyển bánh, các cái mũ được giơ cao và khăn mùi soa vẫy vẫy. Meaulnes và tôi cùng với chú Florentin là những người cuối cùng còn lại trên bãi cỏ và cùng đang nghiền ngẫm những nỗi hối tiếc và thất vọng ê chề như nhau.

Đến lượt chúng tôi cũng ra về trên chiếc xe êm ái, được con ngựa hồng kéo chạy phẳng phẳng. Tới chỗ ngoặt, bánh xe nghiêng trên cát. Meaulnes và tôi ngồi ở hàng ghế sau thấy chiếc xe vút qua khúc đường hẹp nối liền với con ngõ tắt mà con ngựa già Bélisaire cùng với hai người chủ vừa rẽ vào khi nãy...

Lúc đó bạn tôi - con người mà tôi biết chắc rằng khó bao giờ để rơi một giọt lệ - bỗng đưa ra về phía tôi một bộ mặt nhăn nhúm vì không thể cưỡng lại nổi một trận nước mắt. Anh đặt tay lên vai chú Florentin nói:

“Chú làm ơn dừng lại hộ cháu. Xin đừng quan tâm tới cháu. Cháu sẽ đi bộ về một mình.”

Rồi một tay chống lên cái chần bùn, anh nhảy xuống đất. Tất cả chúng tôi đều sửng sốt khi thấy anh chạy lộn ngược trở lại cho đến con đường hẹp vừa đi qua, có con ngõ tắt dẫn về trang viên Les Slabonnières. Chắc hẳn anh đang đi tới tòa lâu đài cũ bằng con đường có trồng thông mà hồi trước anh chàng lang thang ngồi núp mình trong bụi rậm lén nghe câu chuyện giữa những đứa trẻ nhỏ xinh xắn không quen biết... đã đi qua.

Tối hôm đó, cùng với những nhịp thốn thức, anh cầu hôn cô de Galais.

CHƯƠNG 7

NGÀY ĐÁM CƯỚI

Đó là một ngày thứ Năm đầu tháng Hai, một buổi chiều thứ Năm lạnh giá, gió thổi mạnh. Vào khoảng ba giờ rưỡi hay bốn giờ... Trên các hàng giậu, ở các thôn xóm, quần áo giặt được đem phơi từ trưa đang khô dần dưới những cơn gió lộng. Trong nhà, lửa lò sưởi ở phòng ăn làm lóe sáng cả một bàn những đồ chơi bóng lộn của trẻ em. Chơi đã mệt, đứa trẻ tới ngồi gần mẹ, đòi mẹ kể cho nghe chuyện ngày đám cưới của mẹ nó...

Nếu ai không vui vẻ thì chỉ cần leo lên tầng gác xép mà ngồi đó cho đến chiều tối để nghe tiếng gió gào thét rên rỉ như những tiếng khóc than cho các linh hồn phiêu bạt; hoặc đi ra ngoài đường cái, mặc cho gió tạt mạnh vạt khăn quàng vào miệng như một cái hôn nóng hổi khiến phải òa khóc. Nhưng nếu ai yêu hạnh phúc thì ghé qua con đường lầy lội, căn nhà ở Les Sablonnières mà Meaulnes đại ca của tôi đã đưa Yvonne de Galais mới thành vợ anh từ ban trưa, trở về.

Thời kỳ đính hôn kéo dài trong năm tháng nhưng rất bình lặng, hết sức bình lặng nếu so với buổi gặp gỡ náo động đầu tiên. Meaulnes thường tới Les Sablonnières luôn bằng xe ngựa hoặc xe đạp. Ít nhất mỗi tuần hai lần, cô de Galais đang ngồi may hay đọc sách bên cửa sổ mở ra rừng thông, bỗng trông thấy cái bóng cao lớn vụt qua rất mau phía sau rèm (bao giờ anh cũng tới bằng con đường tắt mà xưa kia đã tới). Đó là sự gợi nhớ duy nhất mặc nhiên anh còn giữ đối với dĩ vãng. Hạnh phúc hiện tại dường như đã đẹp yên được nỗi băn khoăn kỳ dị của anh.

Trong vòng năm tháng bình lặng đó, có những sự việc đáng ghi nhớ xảy ra. Tôi được bổ làm giáo viên tại Saint-Benoist-des-Champs. Saint-Benoist không phải là một xã, mà là bao gồm những nông trại rải rác trong một vùng đồng quê; ngôi trường đứng biệt lập trên một ngọn đồi gần

đường cái, nơi tôi kéo dài một cuộc đời rất đơn độc. Nhưng nếu băng tắt qua cánh đồng thì chỉ phải đi bộ mất có bốn năm phút đồng hồ là tới lãnh địa Les Sablonnières.

Delouche bây giờ ở nhà ông chú làm nghề thầu khoán tại Vieux-Nançay. Sau này gã sẽ được lên làm chủ. Gã hay tới chơi với tôi. Do sự nài nỉ của cô de Galais, giờ đây anh Meaulnes tỏ ra rất nhã nhặn với gã. Những việc đó giải thích tại sao vào lúc bốn giờ chiều, khi mọi khách dự lễ cưới đã ra về hết, Jasmin và tôi vẫn còn lang thang ở ngoài.

Hôn lễ cử hành lúc giữa trưa một cách hết sức lặng lẽ trong ngôi nhà thờ nhỏ tại Les Sablonnières. Nơi này không bị dỡ, ẩn khuất sau những lùm thông trên ngọn đồi gần đó. Sau bữa trưa ăn vội vàng, mẹ anh Meaulnes, Thầy Seurel và Millie, chú Florentin cùng mọi người đều lên xe ra về hết. Chỉ còn lại mỗi Jasmin và tôi lang thang ở ven rừng phía sau nhà, kế bên một khu đất hoang nơi tọa lạc của tòa lâu đài ngày xưa (nay đã bị phá đổ). Tuy không nói ra và cũng chẳng hiểu tại sao, chúng tôi đều cảm thấy rất lo lắng. Cố gắng một cách vô hiệu để khuây khỏa đầu óc và đánh lạc sự lo lắng, trong cuộc dạo chơi chúng tôi cố tìm những ổ thỏ rừng hay những vết dài trên cát mà lũ thỏ mới đào... một cái bẫy mới đặt,... hoặc vết tích của một chú thỏ săn. Nhưng luôn luôn cả hai đều quay lại ven rừng thưa, nơi có thể trông thấy ngôi nhà yên tĩnh cửa đóng.

Bên dưới khung cửa sổ lớn mở ra rừng thông có một cái bao lơn bằng gỗ bị cỏ dại trùm kín và thỉnh thoảng gió lại thổi rạp những cây cỏ xuống. Trên những tấm kính thấy thấp thoáng ánh sáng một ngọn lửa đốt trong lò. Đôi khi có một bóng người đi ngang. Khắp xung quanh, (trên cánh đồng lân cận, trong vườn rau, nơi căn nhà duy nhất còn sót lại trong khu nhà phụ), chỉ là sự im lặng và cô liêu. Các tá điền đều ra ngoài ăn uống mừng ông bà chủ mới.

Thỉnh thoảng gió lại mang tới thứ sương mù tựa như mưa ướt phà vào mặt chúng tôi; hoặc đưa tới tai những âm thanh xa vắng. Về phía đó, trong ngôi nhà đóng kín cửa, có ai đang dạo dương cầm. Tôi dừng lại chốc lát để lắng nghe. Thoạt tiên như có một giọng run rẩy vắng vắng từ xa của một người đang ngại ngùng không dám cất tiếng ca ngợi niềm vui của mình...

Cũng là tiếng cười của một cô gái nhỏ, nơi phòng riêng đang thu nhặt bao nhiêu món đồ chơi cũ bày hết trước mắt bạn tình... Tôi cũng nghĩ tới sự sung sướng e dè của một thiếu phụ đã mặc vào người bộ áo mới để đem khoe nhưng không biết áo có làm vừa ý ai chăng?

Điều nhạc mà tôi không biết đó thật chẳng khác nào một khúc nguyện cầu, một câu van nài hạnh phúc đừng quá cay nghiệt, một lời khẩn nguyện, cũng như một sự quỳ mọp trước hạnh phúc...

Tôi nghĩ: *“Thế là họ đã đạt hạnh phúc. Nay Meaulnes đã ở bên nàng...”*

Biết như vậy, tin chắc như vậy, điều đã đủ khiến cho một chàng trai trẻ tốt bụng như tôi phải lấy làm hài lòng.

Đang mãi suy nghĩ, mặt đắm ướt bởi luồng gió nơi đồng bằng mà tựa như bụi nước ngoài biển, tôi cảm thấy có ai đụng vào vai tôi, Jasmin nói rất nhỏ:

“Nghe kìa!”

Tôi nhìn gã. Gã ra dấu bảo đừng động đậy và chính gã cũng cúi đầu, chau mày lắng nghe...

CHƯƠNG 8

TIẾNG GỌI CỦA FRANTZ

“Hú u!”

Lần này thì tôi nhận biết. Đó là một ám hiệu, một tiếng gọi hai giọng cao thấp mà hồi xưa tôi đã từng nghe. A, tôi nhớ ra rồi: *tiếng kêu của gã kịch sĩ cao lớn khi đứng ở cổng trường gọi đồng bạn. Đó là tiếng mà Frantz đã bắt chúng tôi phải thề rằng khi nghe thấy thì dù ở đâu, vào lúc nào, cũng phải tìm đến.*

Nhưng bữa nay anh muốn gì?

Tôi nói nhỏ:

“Tiếng kêu từ cánh rừng thông phía trái. Chắc là do một bác thợ săn nào.”

Jasmin lắc đầu:

“Nhất định không phải.”

Rồi thấp giọng tiếp:

“Cả hai đứa đã tới đây hồi sáng. Lúc mười một giờ tôi bắt gặp Ganache đang rình mò chỗ cánh đồng gần nhà thờ. Thấy tôi, nó vội bỏ chạy. Có lẽ bọn chúng từ xa tới bằng xe đạp vì thấy Ganache bị bùn bắn lên đến nửa lưng.”

“Bọn chúng muốn kiếm gì chứ?”

“Sao biết được. Nhưng chắc chắn là tội mình phải đuổi chúng đi khỏi đây. Không thể để cho chúng bén mảng quanh vùng. Nếu không thì bao nhiêu chuyện điên rồ có thể sẽ tái diễn...”

Tôi cũng nghĩ thế nhưng không nói ra. Tôi bảo Jasmin:

“Tốt hơn hết là đi tìm bọn họ, hỏi xem họ muốn gì và ngăn cản họ...”

Từ từ, lặng lẽ, chúng tôi cứ lén đi ngang khu rừng thưa tới cánh rừng thông, nơi mà, từng chập đều đặn, phát ra tiếng kêu ngân dài mà tự nó

không nghe buồn cho lắm nhưng cả hai chúng tôi đều có cảm tưởng đó là một điềm rất xấu.

Khu rừng này, những gốc cây trồng thẳng hàng ngó xuyên qua được nên khó lòng để bắt chộp người nào, và cũng khó tiến lên mà không bị bắt chộp. Vậy không nên tính đến chuyện liều mạng. Tôi đứng ở một góc rừng, Jasmin tới đứng ở góc đối diện để cũng như tôi, có thể từ ngoài kiểm soát được hai cạnh của khoảng đất hình chữ nhật, không cho một người nào trong đám Bohemian ở trong thoát ra được.

Sắp đặt như vậy xong, tôi bèn đóng vai một người mở đường không có ác ý, cất tiếng gọi:

“Frantz!”

“Frantz à! Đừng sợ gì hết. Tôi, Seurel đây, tôi muốn nói chuyện với anh.”

Im lặng một lát. Khi tôi toan cất tiếng gọi nữa thì từ giữa rừng, nơi mắt nhìn không thấu, có tiếng ra lệnh:

“Cứ đứng yên ở đó, Frantz sẽ tới gặp.”

Lần lần giữa những cây thông lớn trông như liên khít nhau khi nhìn từ xa, tôi nhận ra bóng dáng chàng trẻ tuổi đang đi tới. Trông anh ăn bận lôi thôi, người lem lấm bùn đất; hai ống quần bó sát; trên mái tóc quá dài, một chiếc mũ kết đã cũ tàng có thêu hình cái neo thuyền bị đội bẹp xuống; khuôn mặt gầy ốm rõ rệt. Dường như anh vừa mới khóc.

Cương quyết tiến lại phía tôi, anh ngạo nghễ hỏi:

“Anh muốn gì?”

“Còn anh, Frantz, anh làm gì ở đây? Tại sao anh phá rối những người đang hạnh phúc? Anh cần gì, cứ nói.”

Bị hỏi thẳng như vậy, chàng hơi đỏ mặt, chỉ ấp úng đáp:

“Tôi khổ quá, tôi khổ quá!”

Rồi, gục đầu vào cánh tay, tựa mình nơi một gốc cây, anh khóc thảm thiết, chúng tôi bước đi vài bước giữa khu rừng hoàn toàn tịch mịch. Không nghe thấy cả tiếng gió mà những ngọn thông lớn ngoài ven đã chặn lại. Giữa những thân cây đều đặn, chỉ thấy vang lên rồi lại hạ xuống những tiếng thốn thức nghẹn ngào của Frantz de Galais.

Đợi cho cơn xúc động dịu bớt, tôi đặt tay lên vai anh:

“Frantz, anh về với tôi đi. Tôi sẽ đưa anh đến với họ. Họ sẽ tiếp đón anh như một đứa trẻ bị lạc mới tìm lại được và mọi sự sẽ được xóa bỏ hết.”

Nhưng Frantz không chịu nghe. Với một giọng nói bị nước mắt làm lấp đi, khổ sở, ương ngạnh pha lẫn cái kinh, anh tiếp:

“Thế ra Meaulnes không lo lắng gì cho tôi nữa sao? Tại sao hắn không đáp khi nghe tiếng tôi gọi? Sao hắn không giữ lời hứa?”

Tôi trả lời:

“Ô kìa Frantz, cái thời của những huyền tượng và những trò trẻ con đã đi qua rồi. Anh đừng đem những thứ điên rồ tới làm xáo trộn hạnh phúc của những người anh yêu thương như chị Yvonne với Meaulnes nữa.”

“Nhưng anh cũng biết rõ chỉ riêng hắn ta mới cứu tôi nổi. Chỉ có hắn mới có thể tìm được tung tích người mà tôi đang tìm. Đã ba Năm nay Ganache và tôi sục sạo suốt cả nước Pháp mà vẫn vô hiệu. Bây giờ tôi chỉ còn hy vọng ở người bạn anh. Thế mà hắn không đáp lại cả lời của tôi. Hắn đã kiếm được mối tình của hắn. Tại sao bây giờ hắn không nghĩ tới tôi chứ? Hắn phải lên đường. Yvonne thế nào cũng để cho hắn đi. Chị ấy có bao giờ từ chối tôi điều gì đâu.”

Anh chàng đưa ra trước mặt tôi một khuôn mặt lem luốc bụi đường, trên đó, nước mắt đã vạch thành những đường dài bẩn thỉu. Khuôn mặt của một thằng nhãi lớn tuổi, mệt lử, thiếu não, đôi mắt thâm quầng, đầy vết tàn nhang; cằm không cạo; mái tóc quá dài xõa xuống cái cổ cẩu bẩn.

Hai tay trong túi, cả thân hình Frantz rét run.

Không còn là chàng trai trẻ bảnh bao ăn vận rách rưới hồi mấy năm trước nữa. Trong tâm anh có lẽ vẫn còn trẻ thơ như dạo ấy: *hách dịch, ngông nghênh nhưng cũng mau thất vọng*.

Tuy nhiên, cái vẻ con nít đó lại đâm thành khó chịu ở con người sớm già trước tuổi hiện tại... Hồi nào ở anh có tràn đầy kiêu hãnh của tuổi trẻ cho nên bao nhiêu ngông cuồng đều có thể chịu được. Bây giờ, trước hết chỉ thấy thương hại cho một con người không thành công trong cuộc sống; sau, lại muốn trách cứ anh sao cứ cố giữ mãi vai một nhân vật lãng mạn thuở xưa.

Cuối cùng, dù không muốn, tôi cũng bắt buộc tự nghĩ rằng anh chàng Frantz với mối tình cao đẹp ngày nào, nay cũng phải đi ăn trộm mà sống, như gã đồng bọn Ganache. Bao nhiêu kiêu hãnh để rồi cuộc đến như thế ư?

Tôi nói, sau khi đã suy nghĩ:

“Nếu tôi hứa với anh rằng ít ngày nữa Meaulnes sẽ đi tìm cho anh, cho riêng anh...”

Frantz hỏi tôi mà răng đánh lập cập:

“Hắn sẽ thành công chứ? Anh có chắc vậy không?”

“Tôi cho rằng được. Đối với Meaulnes, việc gì cũng sẽ hoàn tất.”

“Nhưng làm sao tôi biết? Ai sẽ cho tôi hay tin?”

“Đúng một năm nữa, cũng giờ này, anh trở lại đây: *khi ấy anh sẽ gặp ngay tại chốn này cô gái mà anh đã yêu.*”

Nói như vậy, tôi không nghĩ rằng sẽ làm phiền đến cặp vợ chồng mới cưới, mà chính tôi sẽ tới hỏi bà mợ Moinel rồi tự lo vụ kiếm cô gái đó.

Anh chàng Bohemian nhìn thẳng mắt tôi với một ý chí tin tưởng hết sức đáng phục. Mười lăm tuổi, thật vậy, cậu chàng chỉ mới mười lăm, vẫn cái tuổi của chúng tôi thời Sainte-Agathe bữa chiều quét lớp rồi sau đó cả ba đã thốt ra lời thề ghê gớm mà trẻ con đó!

Thất vọng lại xâm chiếm Frantz khi anh đành phải nói:

“Vậy bây giờ chúng tôi đi.”

Frantz nhìn một lượt, chắc chắn trong lòng đang thắt lại, những cánh rừng ở quanh đây mà anh sắp phải từ giã lần nữa. Anh nói:

“Trong ba ngày tiếp, bọn tôi sẽ lang thang trên các nẻo đường ở Đức, để xe lại một nơi xa. Từ ba mươi giờ nay, bọn tôi đi không ngừng, chúng tôi tính sẽ về kịp trước đám cưới để lôi Meaulnes cùng đi tìm vị hôn thê của tôi, cũng như hắn đã đi tìm cái trang viên Les Sablonnières thuở trước.”

Rồi vẫn cái thói trẻ con ghê gớm, lúc chia tay anh nói:

“Anh gọi thẳng cha Delouche của anh lại đi, nếu tôi gặp mặt nó chắc sẽ có chuyện.”

Lần lần, giữa những gốc thông, tôi thấy bóng dáng xám xịt của anh biến mất.

Tôi gọi Jasmin lại rồi cả hai cùng đứng gác.

Nhưng ngay khi đó, ở đằng kia, nơi nhà anh, tôi thay Augustin đi ra đóng cửa sổ. Cái vẻ kỳ lạ khi đó của anh đã khiến chúng tôi thật sự băn khoăn.

CHƯƠNG 9

NHỮNG CON NGƯỜI HẠNH PHÚC

Sau đó, tôi được biết rõ chi tiết về các việc đã xảy ra.

Từ đầu buổi chiều, trong phòng khách tại Les Sablonnières chỉ còn Meaulnes và vợ - mà tôi vẫn gọi là cô de Galais - sát cánh bên nhau. Khách khứa đã ra về hết, ông de Galais mở cánh cửa lớn để trong một giây cho gió thổi rít vào tận trong nhà; rồi ông đi về phía Vieux-Nançay, hẹn tới giờ ăn tối mới trở lại để khóa hết mọi cửa nẻo và dặn dò công việc cho các tá điền. Không một tiếng động nào từ ngoài lọt tới tai đôi người trẻ tuổi. Có chăng là một cành hoa hồng trĩu lá đập nhẹ vào khung cửa kính mở về phía bãi. Y hệt hai du khách trên một chiếc thuyền được thả trôi trong gió lộng mùa đông, họ là hai kẻ tình nhân bị nhốt chung trong cùng một hạnh phúc.

“Lò lửa sắp tàn,” cô de Galais nói và toan lấy một khúc củi trong thùng. Nhưng Meaulnes vội đứng lên, tự mình chất thêm củi vào lò.

Rồi anh cầm tay nàng. Cả hai đứng đối diện, lặng người đi như thể có một cái tin quan trọng không thể nói ra với nhau.

Gió thổi ào ào hệt như tiếng dội vang của một con sông lớn. Thịnh thoảng một giọt nước vạch chéo trên mặt kính như mưa đang phủ vào cửa kính một toa tàu.

Lúc đó cô de Galais mở cửa hành lang rồi biến mất sau một nụ cười bí mật. Trong khoảnh khắc, Augustin đứng một mình trong vùng tranh tối tranh sáng. Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ con làm anh nhớ lại căn phòng ăn ở Sainte-Agathe... Có lẽ anh đang nghĩ: *“Thế ra đây là ngôi nhà bấy lâu ta mất công tìm kiếm mãi; nơi hành lang kia, thuở xưa đã có đầy những tiếng thì thào và những bóng người kỳ lạ ra vào.”*

Đúng vào lúc ấy, sát ngay hông nhà, anh nghe tiếng gọi thứ nhất của Frantz. (Về sau cô de Galais nói với tôi là cũng có nghe thấy tiếng kêu đó.)

Cô vợ mới cưới mặc sức phô bày cho vị tân lang xem những món kỳ diệu của riêng mình: *những đồ chơi hồi nhỏ; tập ảnh thời niên thiếu, trong đó nàng trang phục theo kiểu các cô bán quán; cùng với Frantz, cả hai ngồi trên đùi bà mẹ xưa kia rất đẹp...* Lại còn những áo quần trong số những bộ rất đứng đắn nàng thường mặc: “*Cả cái này em bận vào hồi anh sắp sửa quen biết em, thời kỳ anh bắt đầu tới trọ học ở Sainte-Agathe thì phải...*”

Nhưng Meaulnes chẳng còn nghe gì hết, chẳng còn thấy gì hết. Có một lúc dường như anh chợt ý thức lại được nỗi hạnh phúc lạ lùng, không thể tưởng tượng của mình. Anh nói thầm thì, tưởng như lời vừa ra khỏi miệng là đã thấy choáng váng:

“Em đây ư, hãy lại gần cái bàn, đặt tay lên đó giây lát...”

Hoặc:

“Mẹ anh khi còn trẻ cũng thường cúi xuống như vậy mỗi khi trò chuyện với anh. Và những khi mẹ ngồi vào trước cây dương cầm...”

Yvonne de Galais liền đề nghị chơi đàn trước khi trời tối. Nhưng cái góc trong phòng khách cũng đã tối nên cần phải thắp lên một ngọn nến.

Cái chụp đèn màu hồng làm tăng thêm sắc đỏ trên gò má Yvonne và như ngầm nói lên một nỗi xao xuyến lạ trong tâm tư nàng.

Ngoài kia, chúng tôi bắt đầu nghe thấy bài ca run rẩy của gió bạt tới , và chỉ một lát sau lại bị cắt ngang do tiếng kêu thứ nhì của hai gã điên khi đó đã lại gần chúng tôi, trong cánh rừng thông.

Rất lâu, Meaulnes ngồi nghe đàn, yên lặng ngó ra ngoài khung cửa sổ. Nhiều lần anh quay lại nhìn khuôn mặt hiền hậu chứa đựng bao nhiêu ưu tư và yếu đuối. Rồi tiến lại gần Yvonne và hết sức dịu dàng, anh đặt một tay lên vai nàng. Nàng cảm thấy phía sau gáy có năm ngón đang nhẹ nhàng ve vuốt mà lẽ ra nàng phải biết đáp ứng lại.

Sau cùng anh nói:

“Đã tối rồi, anh đi đóng cửa. Nhưng em cứ tiếp tục đàn đi...”

Những gì xảy ra lúc bấy giờ trong trái tim u uẩn và cô tịch ấy? Nỗi ân hận thầm kín nào? Những tiếc thương không thể biểu lộ? Có phải anh sợ nguồn hạnh phúc phi thường vừa nắm được chẳng bao lâu sẽ trôi tuột qua

tay? Hoặc, do bởi sức dục dõ ghê gớm buộc anh phải hất đổ ngay tức thì món bảo vật trân quý mà anh vừa chiếm được kia?

Đó là những câu tôi hỏi vẫn thường tự đặt nhưng chỉ được trả lời khi tất cả đã trở thành quá muộn.

Anh lặng lẽ, chậm rãi đi ra ngoài, sau khi nhìn người vợ trẻ lần nữa. Từ ven rừng, chúng tôi nhìn thấy, thoát tiên anh do dự giơ tay đóng cửa, rồi mơ hồ ngó về phía chúng tôi, xong lại đóng một cánh cửa khác nữa, và bất chợt phóng chạy vào rừng. Anh chạy tới gần chúng tôi trước khi Jasmin và tôi kịp nghĩ đến chuyện núp kín. Nhìn thấy chúng tôi khi sắp sửa bước qua một hàng rào thấp mới trồng để ngăn ranh giới một cánh đồng cỏ, nhưng anh tăng tốc lảng tránh ra. Tôi còn nhớ rõ cái vẻ ngơ ngác như con vật bị săn đuổi của anh... Anh làm bộ như quay trở lại để vượt qua hàng rào phía dòng suối nhỏ.

Tôi cất tiếng gọi:

“Meaulnes! Augustin!”

Nhưng anh chẳng quay đầu lại. Khi đó tin chắc nói ra như vậy mới kéo anh lại được, tôi la lên:

“Frantz ở đây. Hãy đứng lại!”

Anh đứng lại thật. Thở hổn hển, chẳng để tôi có thì giờ sửa soạn câu nói, anh hỏi:

“Cậu ấy ở đây à? Thế cậu ấy muốn gì?”

“Hắn khổ lắm,” tôi đáp. “Muốn nhờ anh giúp, nhờ anh đi kiếm cái mà hắn đã mất.”

Anh cúi mặt nói:

“Chà, tôi cũng nghi vậy. Tôi cứ cố tìm chết mãi ý tưởng đó. Nhưng cậu ta ở đâu? Kể mau cho tôi nghe đi!”

Tôi đáp Frantz vừa ra đi và chắc chắn bây giờ nếu chạy theo thì cũng không còn kịp nữa. Nghe thế, Meaulnes trông thật chán chường và thất vọng. Lưỡng lự, anh bước hai ba bước, rồi dừng lại, vẻ thật vô cùng đắn đo và rầu rĩ. Tôi kể lại với anh nghe những điều tôi đã thay mặt anh mà hứa với anh chàng trẻ tuổi nọ. Tôi nói tôi đã hẹn với hắn trong vòng một năm nữa, cũng ở nơi này.

Thường, Augustin vốn rất bình tĩnh, bây giờ bỗng trở nên nóng nảy bồn chồn lạ lùng. Anh nói:

“Trời ơi, sao lại làm vậy chứ? Thôi, không chừng tôi có thể cứu được cậu ta. Nhưng cần phải làm ngay lập tức. Tôi cần phải gặp mặt để nói chuyện với cậu ấy. Frantz phải tha thứ cho tôi và tôi phải đền bù lại hết cho cậu ấy. Nếu không, tôi sẽ không thể quay về đảng kia được nữa.”

Vừa nói, anh vừa hất đầu về phía Les Sablonnières.

Tôi bày tỏ:

“Thế ra chỉ vì một lời hứa thời thơ ấu đại mà anh tính phá tan cả hạnh phúc của đời mình sao?”

Anh đáp:

“Trời, giá chỉ mỗi lời hứa đó mà thôi!...”

Từ câu nói trên mà tôi mới biết đã có chuyện gì đó ràng buộc hai người trẻ tuổi, nhưng không làm sao đoán ra được. Tôi đề nghị:

“Dù sao đi nữa bây giờ không còn là lúc để anh đuổi theo họ. Bọn họ hiện đang trên đường sang Đức.”

Anh sắp sửa đáp, bỗng khuôn mặt bơ phờ, thiếu não, ngơ ngác hiện ra giữa ba chúng tôi. Đó là Yvonne de Galais. Chắc hẳn nàng vừa mới chạy một hơi vì gương mặt thấy đầm mồ hôi; có lẽ còn vấp ngã và bị xây xát trên trán, nơi mắt phải thấy một vết thương, máu đọng cả nơi mái tóc.

Tại những khu phố nghèo ở Paris, tôi thường bất ngờ chứng kiến cảnh một cặp vợ chồng trước kia tưởng là hạnh phúc thuận hòa lương thiện, bước ra khỏi nhà giữa mấy người cảnh binh vừa tới can thiệp cuộc loạn đả của họ. Các vụ xô xát như vậy có thể xảy ra bất cứ lúc nào, lúc sắp ngồi vào bàn ăn, ngày Chủ nhật trước khi ra phố, hay đúng lúc sắp mừng sinh nhật thằng con nhỏ... - bây giờ mọi sự đều bị phui đi hết, tan hoang hết thảy. Hai vợ chồng giữa cảnh ồn ào chỉ còn là hai con quỷ đáng thương và lũ trẻ con khóc sướt mướt nhảy vào giữa đám loạn đả ôm lấy cha mẹ mà hôn, mà van xin cha mẹ đừng nói nữa, đừng đánh nhau nữa.

Yvonne de Galais khi chạy tới gần Meaulnes đã khiến cho tôi nghĩ tới một trong số những đứa trẻ con khốn khổ hốt hoảng ấy. Tôi tin rằng cho dù tất cả bạn bè, làng xóm, tất cả mọi đám đông có ở đó mà nhìn nàng thì

Yvonne cũng vẫn cứ chạy tới, cũng vấp ngã cho bị thương như vậy, đầu tóc rối bời, khóc lóc lem luốc.

Nhưng khi biết Meaulnes vẫn còn đây, lần này ít nhất anh cũng không bỏ nàng bơ vơ trơ trọi, thế là Yvonne khoác tay anh và vừa khóc vừa cười như đứa trẻ thơ. Cả hai không nói với nhau một lời. Nhưng khi cô gái rút khăn tay ra, Meaulnes dịu dàng cầm lấy. Cẩn thận chăm chú, anh chùi những vệt lem trên mặt cô gái.

Anh nói:

“Nào mình đi về thôi.”

Tôi nhìn hai người ra về với nhau trong cơn gió lộng buổi chiều tạt mạnh vào mặt. Anh đưa tay cho cô vịn khi gặp những quãng khó đi; cô tươi cười vội vã. Hai người quay về căn nhà riêng vừa bỏ vắng trong chốc lát.

CHƯƠNG 10

NHÀ CỦA FRANTZ

Buổi tối, bị ám ảnh bởi một mối lo ngấm ngầm mà kết quả đáng phần khởi của cuộc xáo trộn ngày hôm qua không đẹp tan nổi, trọn ngày hôm sau tôi phải tự giam mình trong lớp. Liên sau khi tan giờ “ôn bài” tiếp theo sau giờ học buổi chiều, tôi đi sang trang viên Les Sablonnières.

Khi tới chỗ rặng thông có lối đi vào nhà Meaulnes thì trời sắp tối. Các cửa ngoài đều đã đóng kín. Tôi sợ giờ này tới chơi, lại vào bữa sau đám cưới, không biết có làm phiền họ không, nên cứ lưu lại đó mãi tới khuya, lảng vảng ngoài vườn và trên những khu đất ở gần, lòng thầm mong có ai trong nhà bước ra sân... Nhưng tôi hy vọng vô ích. Cả nông trại lân cận cũng chẳng thấy có ai. Nên đành phải quay về, trong lòng vương vấn bao nhiêu giả tưởng đen tối.

Hôm sau là thứ Bảy, tôi vẫn phân vân không kém. Đến chiều, vội vàng lấy áo khoác, cây gậy và một mẩu bánh mì đem theo ăn dọc đường. Khi trời sẫm tối, tôi tới Les Sablonnières thì thấy cũng như hôm trước, cửa ngõ đều đóng kín. Trên lầu có chút ánh đèn nhưng không một tiếng động, không một dáng người đi qua.

Tuy nhiên, lần này đứng ngoài sân tôi trông thấy khung cửa ra vào khu nông trại mở, trong căn bếp rộng có đốt lửa và có tiếng người cùng tiếng bước chân như thường lệ vào giờ ăn tối. Thấy như vậy tôi vững bụng hơn nhưng không biết rõ mọi việc đã xảy ra. Không thể hỏi han hay nói chuyện gì với mọi người ở đây được, tôi quay trở lại ngóng đợi nữa, nhưng vô ích, những mong cửa sẽ mở và hiện ra bóng dáng cao lớn của Meaulnes.

Mãi chiều Chủ nhật tôi mới quyết định tới gọi cửa nhà vợ chồng anh. Trong khi leo lên ngọn đồi trọc, nghe văng vẳng tiếng chuông chiều ngày chủ nhật mùa đông, lòng cảm thấy vô cùng trơ trọi và buồn nản, không hiểu

đã có linh tính xấu nào đang xâm chiếm lấy tôi. Tôi chỉ ngạc nhiên đôi chút sau tiếng chuông gọi thấy ông de Galais một mình hiện ra cửa và gần như thì thầm câu nói:

“Yvonne phải nằm nghỉ vì một cơn sốt nặng; Meaulnes có việc phải đi xa từ sáng thứ Sáu; không ai biết tới chừng nào mới trở về...”

Thấy ông cụ tỏ ra lúng túng, quá buồn rầu và không ngỏ lời mời tôi vào nhà, tôi liền cáo từ. Cánh cửa đã đóng rồi mà tôi còn đứng một lát trên thềm, tim thắt lại, tâm trạng vô cùng xao xuyến. Chẳng biết tại sao tôi đứng im mà ngắm một cành hoa tử đằng đã héo bị gió lay động rất buồn dưới một tia nắng le lói.

Thế ra mối tiếc hận thầm kín mà Meaulnes mang nặng từ hồi ở Paris đã thắng thế. Anh bạn cao lớn của tôi sau cùng đành phải dứt bỏ hạnh phúc bền chặt...

Mỗi thứ Năm và Chủ nhật, tôi đều tới thăm Yvonne de Galais. Mỗi cho tới một buổi chiều Yvonne bắt đầu lành bệnh, tôi mới được mời vào. Nàng ngồi bên lò sưởi, trong căn phòng khách có khung cửa sổ rộng mở ra phía rừng thông và cánh đồng. Yvonne không xanh xao như tôi tưởng, nhưng lại đang sốt, dưới mắt có những vết đỏ tươi. Dường như nàng đang ở trong trạng thái bồn chồn, run rẩy tới cực độ. Tuy trông còn yếu lắm, nhưng cách phục sức lại như sắp sửa đi đâu. Nàng ít nói, dù vậy câu chuyện nào nói ra cũng sốt sắng lạ lùng, tưởng như muốn làm cho chính mình phải tin rằng hạnh phúc chưa tan vỡ hẳn. Tôi không nhớ hết những lời trao đổi. Chỉ nhớ có lúc đã lưỡng lự hỏi xem chừng nào Meaulnes sẽ về. Yvonne vội đáp:

“Tôi cũng không biết bao giờ anh ấy về nữa.

Trong mắt nàng như tỏ ý van lơn, nên tôi không dám hỏi tiếp.

Thường thường tôi hay trở lại thăm nàng và có nhiều dịp ngồi trò chuyện với Yvonne bên lò sưởi, trong căn phòng khách trần thấp, nơi mà trời tối mau hơn bất cứ đâu. Không bao giờ Yvonne nói tới mình hoặc nỗi buồn kín đáo riêng, nhưng lại không chán nghe tôi kể từng chi tiết cuộc đời học sinh của chúng tôi ở Sainte-Agathe.

Nghiêm trang, dịu dàng, nàng lắng nghe, vẻ chăm chú như bà mẹ ngồi nghe thuật lại những nỗi buồn của bọn trẻ đã lớn. Không bao giờ Yvonne tỏ ra ngạc nhiên, kể cả những trò trẻ con táo bạo, nguy hiểm nhất. Sự chú ý trù mẫn đó, nàng thừa hưởng từ ông de Galais; và vẫn chưa hề thấy ngán những vụ phiêu lưu đáng chê trách của cậu em mình. Điều duy nhất khiến nàng tiếc nuối chính là đã không phải là một người bạn tâm tình đáng tin cậy cho cậu em, bằng chứng là vào thời điểm bị thất vọng ê chề, cậu ấy cũng không dám thổ lộ với chị hay với một ai, mà chỉ tự coi mọi sự như là vô phương cứu vãn.

Cứ mỗi lần nghĩ tới điều vừa nói, tôi lại cho rằng đó là trách nhiệm nặng nề đè lên trái tim người thiếu phụ - cái trách nhiệm dò hỏi một tâm hồn đầy huyền mộng đến độ điên rồ như của cậu em nhỏ; cái trách nhiệm có thể đè bẹp chính nàng khi muốn cảm thông với một tâm hồn ham thích phiêu lưu như của Meaulnes.

Một hôm, Yvonne de Galais đưa ra cho tôi thấy một bằng chứng đáng cảm động nhất - tôi nghĩ gần như cũng bí hiểm nhất - về sự tin tưởng mà nàng còn lưu giữ đối với những ảo vọng trẻ con của cậu em, về việc nàng chăm chút bảo tồn những gì còn sót lại trong thế giới mộng mơ mà Frantz đã sống cho đến năm hai mươi tuổi.

Đó là một đêm tháng Tư hiu quạnh như một buổi tàn thu. Từ một tháng qua chúng tôi sống trong một mùa xuân đến sớm thật dịu và cô bạn vẫn thường cùng với cha đi dạo rất lâu. Hôm đó ông cụ bị mệt, còn tôi lại rảnh nên Yvonne xin tôi đưa đi dạo mặc dầu xem chừng thời tiết rất xấu. tới chỗ cách Les Sablonnières chừng hơn nửa dặm, dọc theo dòng suối, chúng tôi bất chợt gặp cơn giông và mưa đá. Dưới căn lều đang tới trú cho qua cơn mưa không dứt, gió thổi làm lạnh buốt, chúng tôi đứng cạnh nhau, tư lự trước cảnh sắc âm u. Tôi còn nhớ da mặt nàng tái xanh, vẻ thật xao xuyến trong bộ áo dịu dàng trang nhã. Yvonne nói:

“Phải về thôi. Chúng ta đi đã lâu rồi. Ở nhà sợ có chuyện gì xảy ra chẳng?”

Thật ngạc nhiên xiết bao! Thay vì trở về Les Sablonnières, thiếu phụ lại tiếp tục dẫn bước và xin tôi theo cùng. Sau khi đi bộ lúc lâu, cả hai tới

trước một ngôi nhà tôi chưa hề biết, nằm lơ lửng bên một con đường có đá lờm chờm đưa tới Préveranges. Đó là loại nhà nhỏ, mái lợp đá đen, trông chẳng khác những ngôi nhà thường gặp, ngoại trừ sự biệt lập xa hẻo lánh một nơi của nó.

Cứ nhìn thái độ Yvonne de Galais thì người ta có thể lầm tưởng ngôi nhà là của chúng tôi, bỏ đó lâu ngày mà du lịch. Yvonne cúi xuống mở một cánh cổng nhỏ và nhanh nhẹn xem xét căn nhà lơ lửng. Một cái sân rộng đầy cỏ mọc bị trận bão làm xói lở, nơi lũ trẻ con thường hay tới chơi trong những buổi chiều dài vắng vẻ cuối mùa đông. Trong vũng nước có ngâm một cái vòng. Trên mấy thửa đất nhỏ đám trẻ con trồng hoa và gieo đậu, nay chỉ còn những cái rãnh nhỏ lơ lửng cát trắng.

Sau cùng chúng tôi khám phá thấy cả một bầy gà con bị đắm nước mưa đang núp trên bậc một khung cửa ướn. Hầu hết đều chết rét dưới đôi cánh cứng đờ và bộ lông xơ xác của gà mẹ.

Trước cảnh đáng tội nghiệp đó, người thiếu phụ bật lên một tiếng nghẹn ngào. Nàng cúi xuống, không nề hà bùn bẩn nước dơ, lựa những con gà còn sống ra ủ trong vạt áo; rồi đưa tôi vào căn nhà bằng chìa khóa riêng.

Bốn cửa mở ra một khúc hành lang gió lùa kêu rít. Yvonne mở cánh đầu tiên bên tay mặt, dẫn tôi vào một căn phòng tối om. Sau một lát tôi mới nhận ra một tấm gương lớn và một cái giường nhỏ trên có khăn phủ theo kiểu thôn quê, một tấm mền bằng lụa đỏ. Còn cô bạn, sau khi tìm kiếm một lát trong các phòng khác, trở lại tay xách đàn gà ốm trong cái giỏ có trái lông, thận trọng đem tới đặt bên dưới tấm mền. Tia nắng yếu ớt thứ nhất và cuối cùng trong ngày chiếu sáng làm cho gương mặt chúng tôi thêm xanh tái và buổi chiều thêm u tối. Chúng tôi đứng đó, lạnh giá và bối rối, trong căn nhà kỳ lạ! Đôi lúc Yvonne chạy lại ngó trong cái ổ, bắt ra một con gà mới chết để khỏi lây bệnh sang những con khác. Mỗi lần làm vậy, chúng tôi lại tưởng như tiếng gió luồn qua những ô kính cửa đã vỡ trên tầng gác xép đang thổi dài lạnh lẽo, hết như mỗi buồn kỳ bí của bọn trẻ nhỏ không quen nào đó đang ở quanh đây.

Mãi sau cô bạn mới nói với tôi:

“Đây là nhà của Frantz hồi nó còn nhỏ. Nó muốn có riêng một căn nhà; xa hết mọi người, tại đó nó có thể sống một mình và tùy thích chơi đùa. Cha tôi thấy cái trò kỳ dị đáng tức cười quá nên cũng không từ chối. Thế là mỗi khi nó muốn, một bữa thứ Năm hay Chủ nhật, Frantz lại một mình tới sống trong căn nhà của nó y như một người lớn vậy. Bọn trẻ con ở các trại gần đó kéo tới chơi với nó, giúp nó thu dọn bên trong, trồng cây bên ngoài. Thật là một trò chơi kỳ lạ. Tối đến nó không sợ phải ngủ một mình. Chúng tôi thấy phục nó quá nên cũng chẳng lấy làm lo ngại.”

Cô bạn thở dài, tiếp:

“Giờ đây căn nhà bỏ không đã lâu. Cha tôi vì cao tuổi lại gặp cảnh đau buồn nên chẳng kiếm cách gì để tìm hay gọi em tôi về nữa. Với lại có muốn cũng chẳng thể làm được. Tôi thường ghé đến đây luôn. Bọn trẻ nhà nông chung quanh vẫn vào chơi trong vườn như hồi trước. Tôi rất thích nghĩ rằng đó là những bạn cũ của Frantz; rằng chính em tôi vẫn còn là một đứa trẻ và sắp trở về với vị hôn thê nó đã chọn lựa. Bọn trẻ đó quen với tôi lắm. Tôi cũng chơi với chúng. Đàn gà con này là của chúng tôi....”

Tất cả mọi đau khổ mà trước kia cô bạn không hề nói ra, mỗi ân hận lớn vì đã mất cậu em trai thật điên rồ, thật dễ thương và cũng thật đáng nể, phải nhờ cơn mưa này mới được thổ lộ với tôi. Tôi nghe kể mà không đáp một lời, trong lòng dạt dào thổn thức...

Sau khi đã đóng các cánh cửa và cánh cổng, sau khi đã đem bày gà vào trong căn lều gỗ dựng phía sau nhà, nàng buồn rầu vịn tay tôi để tôi đưa trở về.



Nhiều tuần lễ, nhiều tháng trường trôi đi. Thời gian qua. Hạnh phúc lỡ dở! Con người trước kia là nàng tiên, là vị công chúa và là mối tình kỳ bí của cả thời tuổi trẻ chúng tôi, nay chính tôi lại phải dẫn tay và thốt ra những lời cần thiết cho dịp bớt nỗi khổ đau, trong khi anh bạn tôi đã bôn tẩu giang

hồ. Bây giờ tôi còn biết nói chi nữa về thời gian đó, những câu chuyện trao đổi vào buổi tối sau giờ dạy bên đồi Saint-Benoist, về những cuộc dạo chơi mà trong đó, câu chuyện đáng nói nhất lại đúng là chuyện mà chúng tôi âm thầm quyết định không nói tới. Bây giờ tôi không còn giữ lại một kỷ niệm nào khác ngoài hình ảnh nhợt nhòa đôi chút của khuôn mặt xinh đẹp nhưng đã gầy đi nhiều, của đôi mắt cứ mỗi khi nhìn tôi thì hai mí lại từ từ khép nhẹ tưởng như không còn nhìn nữa thế giới bên ngoài để quay hẳn vào nội tâm riêng.

Suốt cả mùa xuân, rồi một mùa hè không bao giờ còn trở lại, tôi vẫn cứ là người bạn trung thành của Yvonne de Galais - người bạn trong một cuộc trông ngóng mà cả tôi và nàng đều không đã động tới. Nhiều buổi chiều chúng tôi quay trở lại ngôi nhà nhỏ của Frantz. Yvonne mở các cửa cho thoáng khí để khỏi bị meo mốc khi cặp vợ chồng trẻ tuổi trở về. Nàng chăm lo đàn gà gần như thả hoang ở dưới sân sau. Thứ Năm hay Chủ nhật chúng tôi gọi bọn trẻ quanh vùng tới chơi, tiếng cười đùa của chúng giữa khung cảnh trơ trọi này càng làm cho căn nhà nhỏ bỏ hoang càng thêm cô tịch và trống trải.

CHƯƠNG 11

CUỘC TRÒ CHUYỆN DƯỚI MƯA

Tháng Tám, tôi phải xa Les Sablonnières và người thiếu phụ trẻ để về Sainte-Agathe nghỉ hai tháng hè. Cái sân trường rộng khô ráo, chỗ sân chơi có mái, lớp học không có người... tất cả đều nhắc nhớ tới Meaulnes, khắp nơi tràn đầy những kỷ niệm của tuổi hoa niên không bao giờ còn trở lại.

Trong những ngày dài nắng vàng óng ả đó, như hồi xưa, trước khi Meaulnes xuất hiện, tôi lại chui vào phòng văn thư hay một mình ngồi trong lớp học trống trải để đọc, để viết, để hồi tưởng lại kỷ niệm cũ... Cha tôi đi câu ở xa. Millie ngồi trong phòng khách chơi dương cầm hay may vá như dạo ấy. Trong sự cô tịch tuyệt đối của lớp học - nơi mà những vòng giấy màu lục bao các sách phần thưởng đã rách, những tấm bảng đen được lau sạch, mọi thứ tỏ rõ cho thấy là năm học đã qua, phần thưởng đã phát, hết thảy đều chờ đợi mùa thu, ngày tựu trường tháng Mười và những cố gắng mới - tôi lại nghĩ rằng thuở thiếu thời của chúng tôi đã hết và hạnh phúc đã dở dang. Riêng tôi cũng mong đợi ngày trở lại Les Sablonnières và ngày Augustin quay về, mặc dù có thể không chừng anh không bao giờ về nữa...

Tuy vậy vẫn có một tin mừng báo với Millie khi bà quyết tâm hỏi chuyện về cô dâu mới. (Tôi rất ngại những câu hỏi của bà, ngại cái cách vừa như vô tình vừa như ranh mãnh rồi đột nhiên làm tôi lúng túng bằng cách đụng ngay vào ý nghĩ thầm kín nhất của tôi.) Để ngăn chặn hết những điều như vậy, tôi kể cho Millie nghe cô vợ trẻ của Meaulnes sẽ sinh con vào tháng Mười sắp tới.

Riêng tôi thì vẫn nhớ cái ngày Yvonne de Galais cho tôi biết cái tin quan trọng đó. Một khoảng im lặng giữa hai người; về phần tôi có đôi chút

lúng túng tự nhiên của một thanh niên chưa vợ. Để giấu đi điều đó, tôi đã ngu dại nói:

“Chị thật là sung sướng!” Nhưng mãi lâu về sau mới nghĩ ra cả một thảm kịch vẫn ám ảnh tôi cho đến tận lúc này.

Tuy nhiên với không chút ảm ý, hối tiếc, hay chẳng giận hờn, ân hận, Yvonne chỉ đáp cùng với một cái cười hạnh phúc:

“Vâng, vô ngần sung sướng!”

Thường, trong tuần lễ cuối kỳ nghỉ hè bao giờ cũng rất đẹp và nên thơ, tuần lễ có mưa lớn và mọi nhà bắt đầu đốt lò sưởi thì tôi vẫn có thói quen đi săn trong rừng thông ẩm ướt đen sì ở Vieux-Nançay. Lần này nghĩ rằng Firmin, thím Julie và các cô em họ ở Vieux-Nançay có thể đặt ra với tôi những câu hỏi mà tôi không muốn trả lời nên tôi đành bỏ tám ngày với cái thú đi săn để về thẳng Saint-Benoist, bốn ngày trước hôm khai giảng.

Trời gần tối khi tôi tới sân trường đã thấy phủ đầy những chiếc lá vàng úa. Người đánh xe đi khuất, tôi buồn rầu lưu lại trong căn phòng có mùi ẩm mốc, mở gói đồ ăn Millie đã gói cho mang theo... Sau một bữa ăn qua loa trong tâm trạng bồn chồn lo lắng, tôi khoác áo mưa, hối hả đi thẳng tới trang viên Les Sablonnières.

Tình thật, tôi không muốn là kẻ mà ngay bữa đầu tiên trở về trường lại đã xuất hiện ở Les Sablonnières như vì khách không mời vẫn đến. Nhưng đã mạnh dạn hơn hồi tháng Hai, sau khi đi một vòng quanh trang trại chỉ thấy có ánh đèn nơi cửa sổ phòng người thiếu phụ, tôi bèn trèo qua rào ở phía sau, tới ngồi trên cái ghế dài bắc sát vào hàng giậu. Trong bóng tối đã bắt đầu bao trùm vạn vật, tôi ngồi đó với tâm trạng sung sướng được ở gần những gì khiến tôi ham mê nhưng cũng khiến tôi lo ngại nhất đời.

Đêm đến. Một trận mưa nhỏ bắt đầu rơi. Đầu cúi xuống, tôi ơ thờ ngó đôi giày sũng nước lấp loáng. Bóng tối từ từ phủ xuống chung quanh cùng với làn khí lạnh thấm nhẹ vào người cũng không kéo nổi tôi ra khỏi cơn mơ đang chìm đắm. Triu mến, buồn rầu, tôi nghĩ tới những con đường bùn lầy ở Sainte-Agathe cũng một ngày trong tháng Chín; tưởng tượng đến cái công viên mờ sương khói có chú phụ đồ tể vừa đi ra chỗ máy nước vừa huýt sáo nho nhỏ; hình dung quán café Daniel trưng đèn sáng; và nghĩ đến

một chuyến xe có cái vỏ ngoài làm bằng những chiếc dù mở rộng, một ngày cuối hè chạy tới nhà chú Florentin, trên xe mọi người đang vui vẻ chuyện trò...

Rồi tôi buồn rầu tự nhủ: *“Bấy nhiêu hạnh phúc có nghĩa gì nếu anh bạn tôi và cô vợ trẻ không được tham dự...”*

Chính lúc đó ngẩng đầu lên, tôi trông thấy Yvonne de Galais đứng cách tôi hai bước. Tiếng giày của nàng nhẹ nhàng trên cát khiến tôi lằm với tiếng nước nhỏ xuống ở hàng giậu. Trùm kín từ đầu xuống vai bằng một tấm khăn choàng lớn, những lọn tóc trước trán thấy lấm tấm ướt, có lẽ từ trên cửa sổ mở ra sân trông thấy tôi nên nàng xuống đón tôi. Giống như Millie ngày xưa thường lo lắng đi kiếm tôi để bảo: “Vào nhà đi” thì đằng này, đã quen với cái thú đi dạo dưới mưa trong đêm tối của tôi, nàng chỉ dịu dàng nói: “Coi chừng anh bị lạnh đấy” và cứ ngồi đó trò chuyện mãi với tôi...

Bàn tay đưa ra nóng hổi, nàng không mời tôi vào trong nhà mà tự ngồi xuống chỗ ít ẩm nước mưa nhất trên mặt ghế phủ rêu xanh mốc, trong khi tôi đứng, một đầu gối quỳ lên ghế, cúi gần bên bạn.

Yvonne thân mật trách tôi sao bỏ lỡ mấy ngày trong dịp hè như vậy. Tôi đáp:

“Tôi cũng cần phải mau trở về đây để chuyện trò với chị.”

Thiếu phụ đáp qua một tiếng thở dài nhè nhẹ:

“Đúng thế. Tôi vẫn chỉ có một mình. Augustin chưa về.”

Nhận tiếng thở dài đó như một mối hận, một ý trách móc được đè nén, tôi chậm rãi bày tỏ:

“Bao nhiêu điên rồ trong một đầu óc cao cả. Có lẽ sự ham thích phiêu lưu mạnh hơn hết...”

Nhưng thiếu phụ ngắt lời tôi. Và tại đó, tối hôm ấy, lần đầu tiên và cũng là lần cuối, Yvonne nói với tôi về Meaulnes. Giọng nhẹ nhàng, nàng khẽ bảo:

“Anh đừng nói thế, François ạ. Chỉ chúng ta - chỉ mỗi riêng tôi là có tội. Anh hãy nghĩ tới những việc ta đã làm xem... Chúng ta đã bảo với anh ấy: *“Đây là hạnh phúc, là những gì mà anh đã bỏ tất cả tuổi trẻ để tìm*

kiếm, là cô gái đem lại thành tựu cho những gì anh hằng mơ ước...” Làm sao con người mà chúng ta xô đẩy như vậy lại không cảm thấy ngập ngừng, rồi lo ngại, hoảng sợ, và nhượng bộ sự cám dỗ bỏ trốn?”

“Yvonne ạ,” tôi nói nhỏ “chị cũng thừa biết chính chị là niềm hạnh phúc đó, là cô gái đó.”

Cô bạn thở dài:

“Chao ời! Làm sao mà lại có lúc tôi dám cửu mang ý nghĩ kiêu hãnh ấy chứ? Chính nó là nguyên nhân của bao nhiêu chuyện. Khi tôi nói với anh: *“Có lẽ tôi chẳng thể làm cho anh Meaulnes hạnh phúc được”* thì trong thâm tâm, tôi lại nghĩ: *“Nếu Meaulnes mất công tìm kiếm ta và nếu chính ta cũng yêu Meaulnes, vậy ta cần phải đem hạnh phúc lại cho Meaulnes chứ”*. Cho tới khi gặp anh Meaulnes với trọn sự háo hức bắn khoăn và hồi hận bí mật của anh ấy, tôi mới chợt hiểu rằng tôi chỉ là một người đàn bà đáng thương như mọi người khác thôi... Sau đêm tân hôn, khi trời gần sáng, tôi cứ nghe Meaulnes nhắc mãi một câu: *“Anh không xứng đáng với em”*. Tôi cố gắng an ủi, làm cho Meaulnes vững lòng, nhưng không cách nào dẹp tan được nỗi băn khoăn ấy. Khi đó tôi mới nói: *“Nếu anh cần ra đi, nếu em đến với anh vừa đúng lúc không làm cho anh được sung sướng, nếu anh cần xa em trong một thời gian để sau trở về với em sẽ được bình an, thì chính em sẽ van xin anh nên ra đi.”*

Trong bóng tối, tôi thấy cô bạn ngược mắt lên ngó tôi. Đó là một lời thú tội mà cô vừa bày tỏ, và cô lo lắng chờ xem tôi chấp thuận hay phủ nhận việc cô đã làm.

Tôi còn biết nói gì hơn? Trong thâm tâm, tôi nhận ra được Meaulnes của thời xa cũ, vụng về, cô độc, thà chịu bị phạt hơn là xin lỗi hay xin phép tuy biết rằng sẽ được phép... Không chừng nếu Yvonne làm dữ, hai tay ôm lấy đầu anh mà bảo: *“Thầy kể những chuyện anh đã làm, em yêu anh; tất cả mọi người đàn ông đều có tội”*, không chừng nếu làm vậy, thiếu phụ đã có thể giữ được anh. Đàng này bởi quá vụng dại, vì lòng cao thượng, vì biết hy sinh cho kẻ khác, Yvonne đã đẩy anh lên con đường phiêu lưu tăm tối...

Dù vậy, làm sao tôi có thể không chấp nhận một lòng tốt và một tấm chân tình tràn đầy thế kia?

Im lặng một lúc lâu, trong khi đó, xúc động tới tận đáy lòng, chúng tôi lặng nghe những giọt mưa lạnh nhỏ từng giọt trên hàng giậu và dưới những lùm cây.

“Thế là sáng hôm đó Meaulnes ra đi.” Yvonne kể tiếp. “Không còn có điều gì ngăn cách chúng tôi nữa. Meaulnes bình thản hôn tôi như người chồng từ biệt người vợ lúc phải vắng xa một quãng thời gian dài.”

Cô bạn đứng lên. Tôi cầm bàn tay nóng hổi của Yvonne, khoác cánh tay cô, và hai chúng tôi đi vào trong bóng đen thăm thẳm.

“Anh ấy không hề viết thư cho chị?” tôi hỏi.

“Chẳng bao giờ.”

Thế rồi cùng nghĩ tới cuộc phiêu lưu mà Meaulnes đang trải qua trên những nẻo đường nước Pháp hay nước Đức, chúng tôi bắt đầu nói tới anh như chưa bao giờ từng nói. Những chi tiết cũ, những cảm tưởng xưa trở lại trong trí nhớ, trong khi chậm rãi nhìn căn nhà, rồi mỗi bước lại ngừng để trao đổi thêm bao kỷ niệm...

Lâu lắm - cho tới khi đi đến cái hàng rào thấp cuối vườn - trong bóng tối, tôi vẫn lắng nghe giọng nói quý báu trầm ấm của thiếu phụ; và cả chính mình, lấy lại được sự sốt sắng hồi xưa, bằng giọng thân mật sâu xa, tôi đã không ngớt nói với bạn về con người đã bỏ chúng tôi mà đi đó.

CHƯƠNG 12

GÁNH NẶNG

Trường khai giảng ngày thứ Hai. Chiều thứ Bảy, khoảng năm giờ, một người đàn bà bên trang viên bước vào sân chơi trong khi tôi đang bận chẻ củi để dùng cho mùa đông tới. Bà đến báo tin một bé gái mới được hạ sinh tại Les Sablonnières. Sinh nở gặp khó khăn: *Chín giờ đêm đi mời bà mụ ở Préveranges, nửa đêm lại phải thắng xe đi Vierzon tìm ông y sĩ. Ông ta phải dùng kẹp lôi thai nhi ra. Vì thế, cái đầu đứa nhỏ bị óp nên la gào rất dữ, dù vậy xem ra vẫn sống được. Yvonne de Galais bây giờ yếu lắm, nhưng tỏ ra can đảm lạ thường để chịu đựng và cầm cự với cơn đau.*

Tôi bỏ ngay công việc, khoác vội chiếc áo dạ, đồng thời cảm thấy vui về cái tin mới nhận, đi theo người đàn bà nhà quê tới Les Sablonnières. Sợ làm kinh động hai người đau không chừng đang ngủ, tôi thận trọng trên mỗi bước lên cầu thang bằng gỗ dẫn lên lầu một. Tại đó, ông de Galais, khuôn mặt mệt mỏi nhưng hớn hở, đưa tôi vào căn phòng tạm thời đặt chiếc nôi có rèm bao quanh.

Tôi chưa từng bao giờ bước vào một căn nhà đúng ngày mới sinh một đứa trẻ. Việc này đối với tôi thật bí ẩn, lạ lùng và thật êm đềm! Chiều hôm đó rất đẹp - y hết một buổi chiều vào giữa hè - nên ông de Galais không ngại mở ra cánh cửa sổ hướng về phía sân. Đứng cạnh tôi, chống tay nơi khung cửa, ông cụ kể bằng cái giọng vừa muốn dứt hơi lại vừa sung sướng, về tấn bị kịch đã xảy ra đêm trước. Còn tôi đứng nghe, am thầm cảm thấy trong căn phòng này đã có thêm một người lạ.

Bên trong tấm màn, đứa nhỏ bỗng la lên một tiếng ngân dài the thé. Ông de Galais nói nhỏ:

“Nó la vì vết đau trên đầu.”

Như cái máy, ông giơ tay đu đưa cái mớ mùng màn nhỏ bé. Nhìn ông, tôi có cảm tưởng rằng làm công việc ấy từ sáng nên giờ ông đã thấy quen.

Ông nói:

“Nó đã biết cười, lại biết ngậm ngón tay nữa. Cậu chưa trông thấy cháu đúng không?”

Ông già mở màn cho tôi nhìn một khuôn mặt phì phi, bé bỏng và đỏ hồng, cái đầu bị kẹp dài ra, méo mó. Rồi ông tiếp:

“Không sao hết, bác sĩ bảo tự nhiên nó sẽ tròn lại. Cậu thử đưa ngón tay ra cháu sẽ níu lấy ngay.”

Tôi khám phá thấy cả một thế giới chưa hề biết. Nghe trong tim nao nức một niềm vui lạ lùng mà trước kia tôi chưa từng cảm nhận.

Ông de Galais nhẹ nhàng hé mở cửa phòng thiếu phụ. Cô bạn không ngủ, nói:

“Anh vào chơi.”

Yvonne nằm trên giường, khuôn mặt hừng sốt giữa những lọn tóc vàng bơ phờ, đưa tay ra cho tôi, điệu mỗi mệ. Tôi ngỏ lời khen cô cháu gái. Nàng mỉm cười đáp bằng giọng khàn đục, khác thường cứng cỏi - sự cứng cỏi của một người vừa dự xong một cuộc đấu:

“Vâng, nhưng người ta đã làm cháu bị thương.”

Lát sau tôi vội cáo từ để khỏi làm mệt thiếu phụ.

Hôm sau là Chủ nhật, buổi chiều tôi vội vã hăng hái tới Les Sablonnière. Trên cửa có ghim tấm bảng nhỏ với hàng chữ “*Xin đừng kéo chuông*” khiến tôi kịp giữ lại cử chỉ vừa phác.

Không đoán ra chuyện gì, tôi đập cửa khá mạnh. Bên trong nghe tiếng chân nhẹ bước đi mau. Một người tôi không quen - viên y sĩ ở Vierzon - ra mở cửa.

Tôi vội hỏi:

“Thưa ông, có chuyện gì vậy?”

Viên y sĩ vẻ khó chịu, đáp rất nhỏ:

“Suyt! Suyt! Con bé đêm qua suýt chết. Bà mẹ cũng khó sống lắm.”

Hoàn toàn kinh ngạc, tôi rón rén đi sau ông ta lên gác. Con bé nằm ngủ trong nôi, da tái xanh, mặt trắng nhợt trông như đã chết. Viên y sĩ cho

rằng có thể cứu sống được nó. Còn về phần người mẹ thì ông không dám quả quyết.

Ông giải thích rất lâu cho tôi nghe mọi sự, như đối với người bạn được tin cậy nhất trong gia đình, cho biết là thiếu phụ bị xung huyết ở phổi và bị nghẽn mạch. Ông do dự không dám chắc...

Khi đó, ông de Galais bước vào; mới có hai ngày mà trông đã già ghê gớm, ngơ ngác, run rẩy...

Đưa tôi sang phòng bên không biết để làm gì, ông cụ nói thầm vào tai tôi:

“Cần phải giữ cho con bé đừng sợ; bác sĩ bảo phải cố nói cho Yvonne tin rằng mọi sự đều tốt đẹp.”

Yvonne de Galais vẫn nằm trên giường như hôm qua, đầu ngả về phía sau, máu dồn hết lên mặt. Đôi má và vầng trán đỏ ửng, hai mắt đôi lúc đảo lộn lên như người bị nghẹt thở. Thiếu phụ cầm cự với cái chết trong tư thế can đảm và dịu dàng lạ thường.

Nàng nói không được nhưng đưa cho tôi bàn tay nóng như lửa, đáng điệu thân mật đến độ khiến tôi muốn phát khóc.

Còn ông de Galais thì lại to tiếng, điệu vui vẻ một cách khó chịu, tưởng như điên dại:

“Này này, đau mà như vậy trông tươi tỉnh lắm đấy chứ!”

Tôi chẳng biết đáp lại ra sao, chỉ đứng yên nắm chặt bàn tay nóng ghê gớm của người thiếu phụ sắp chết...

Yvonne muốn cố gắng nói với tôi một câu gì đó, yêu cầu tôi một việc gì đó. Nàng đưa mắt nhìn tôi, rồi nhìn về phía cửa sổ như ngẫm bảo tôi hãy đi ra ngoài kiểm người nào đó giùm nàng... Ngay lúc ấy, một cơn uất nghẹn dâng lên; đôi mắt xanh rất đẹp mới vừa kêu gọi tôi thật lâm ly nay bỗng đảo ngược; hai má và vầng trán xám đen; nàng nhẹ nhàng cố gắng kháng cự, tìm cách ngăn giữ tới cùng sự kinh hoàng pha lẫn thất vọng của mình.

Mọi người chạy bổ tới - viên y sĩ và mấy phụ nữ, người mang bình dưỡng khí, kẻ mang khăn tay và những lọ thuốc; trong khi đó ông cụ ghé gần Yvonne mà la lớn. Cụ la với cái giọng cứng cỏi mà run rẩy, tưởng như con gái đã đi xa lắm rồi:

“Yvonne đừng sợ! Không có gì đâu! Con không cần phải sợ!”

Rồi cơn đau dịu lại. Yvonne đã thở được đôi chút nhưng vẫn còn bị nghẹn, hai mắt toàn tròn trắng, đầu ngã ra phía sau. Tuy cố gắng kháng cự nhưng nàng vẫn không thể, dù trong giây lát, nhìn tôi và trò chuyện để vượt ra khỏi cái hố sâu mà nàng đang chìm xuống dần dần...

Thấy ở lại cũng không được việc gì, tôi đành phải từ giả.

“Lẽ ra mình nên ở lại lát nữa”, đó là ý nghĩ mà về sau cứ làm cho tôi bị bóp nghẹn mãi bởi một niềm hối tiếc ghê gớm. Nhưng tại sao vậy? Khi ấy tôi vẫn còn hy vọng mà; cố thuyết phục chính mình rằng chưa tới lúc hết.

Ra đến ven rừng phía sau, nghĩ tới ánh mắt Yvonne khi ngược về cửa sổ, một cách chăm chú soi mói như một người lính canh hay một kẻ đi lòng tìm ai đó, tôi nhìn vào cánh rừng sâu mà xưa kia Augustin đã từ đây mà tới và cũng tại nơi đây, mùa đông năm ngoái anh lại bỏ đi.

Khốn nạn, tôi chẳng thấy gì hết. Không có lấy một cái bóng khả nghi, không một cành cây lay động. Nhưng, lắng tai mãi, tôi nghe thấy từ xa về phía đường đi Préveranges, có tiếng chuông rung trong trẻo; liền đó, từ một khúc quanh hiện ra một đứa nhỏ đội chiếc mũ nồi đỏ và bận cái áo khoác ngoài của học trò, theo sau là một linh mục...

Tôi bước đi, nước mắt nuốt vào tim.

Ngày hôm sau khai trường. Bảy giờ sáng đã có ba đứa trẻ tới sân chơi. Tôi cứ do dự mãi không muốn xuất hiện... Nhưng rồi khi tra chùm chìa khóa vào ổ cửa lớp ấm mốc được đóng kín từ hai tháng qua, cái điều mà tôi ghê sợ nhất đã xảy ra: *tôi thấy đứa trẻ lớn nhất trong đám học trò tách khỏi bọn đang chơi dưới sân có mái, tiến lại gần tôi. Nó nói cho tôi biết: “Thiếu phụ ở Les Sablonnières đã chết lúc trời sẩm tối hôm qua.”*

Ngay tức thì, mọi sự chung quanh như đều đảo lộn, trộn lẫn trong nỗi đau này của tôi. Tôi cảm tưởng không bao giờ có thể dạy học được nữa. Riêng mỗi việc đi ngang qua sân trường căn cỗi cũng là một sự cực hình khiến cho tôi muốn gãy đầu gối. Tất cả đều nặng nề, cay đắng theo cái chết của cô bạn.

Thôi, thế là hết những cuộc nhắm mắt lao mình ra đi bằng xe ngựa; hết cuộc dạ hội kỳ lạ... Còn lại chỉ là nỗi đau ghê gớm đè nặng tâm hồn.

Tôi bảo cho học trò biết là sáng nay không học. chúng từng tốp nhỏ ra về, đem cái tin chẳng lành đi khắp mọi nơi. Về phần tôi, chụp lấy cái mũ đen và bận cái áo đuôi tôm có viền, tôi thất thểu, buồn rầu đi về phía Les Sablonnières.

Tối trước ngôi nhà mà ba năm trước chúng tôi đã mất bao công tìm kiếm, tôi thấy lòng ngậm ngùi thổn thức! Chính trong căn nhà đó, Yvonne de Galais, vợ của Augustin Meaulnes đã chết hôm qua. Một kẻ lạ có thể sẽ cho đây là một giáo đường vì tại cái chốn chơ vơ trơ trọi ấy, sự im lặng đã tràn ngập từ đêm trước.

Trong cái buổi sáng khác biệt này, một tia nắng rớt của mùa thu đang len lỏi qua các cành cây đã chứng kiến sự đau đớn trong tôi như vậy đó. Làm sao tôi có thể kháng cự được với nỗi phẫn nộ ghê gớm và nguồn nước mắt đang làm cho tôi muốn nghẹn thở. Chúng tôi đã tìm ra được cô gái xinh đẹp. Chúng tôi đã chinh phục được nàng. Nàng đã trở thành vợ của bạn tôi và tôi cũng yêu nàng bằng thứ tình bạn sâu xa và âm thầm kín đáo. Mỗi lúc nhìn nàng, tôi thấy vui thích như tâm trạng của một đứa trẻ. Một ngày kia nếu cưới vợ, đáng lẽ nàng phải là người đầu tiên để tôi gửi gắm cái tin bí mật và quan trọng kia.

Bên đây chuông ở góc khung cửa người ta đã tháo bỏ tấm bảng nhỏ hôm qua. Chiếc quan tài đã được đem tới tiền phòng nơi tầng dưới. Trong phòng trên lầu nhất, tôi được chị vú nuôi chào đón và kể cho nghe về cái lúc hấp hối của thiếu phụ; xong chị khẽ mở cánh cửa phòng...

Yvonne nằm đấy. Không còn sốt, không còn cầm cự, không còn nước da đỏ ửng, không còn mong đợi chi nữa... Nay chỉ còn lại sự im lặng trên khuôn mặt vô tri và trắng bệch có bông gòn bao quanh. Nơi vùng trán của người chết thấy lơ thơ những sợi tóc đã khô cứng.

Ông de Galais ngồi thụp trong góc nhà, quay lưng lại phía chúng tôi, chân mang bít tất không mang giày, đang hồi hải lực tung những ngấn kéo lộn xộn. Thỉnh thoảng cụ lúi ra một tấm hình đã ố vàng của cô gái, kèm theo một tràng nước nở lay động hai vai như một trận cười.

Đám tang định vào buổi trưa. Viên y sĩ sợ rằng xác chết sẽ sinh trường mau khi bệnh nhân bị chứng xung huyết, vì vậy trên mặt và trong người thiếu phụ có bao quanh những miếng gòn có tẩm chất thạch tán.

Yvonne được mặc chiếc áo bằng nhung màu xanh đậm có những ngôi sao bạc, nhưng hai cái vai áo phồng rất đẹp nay đã lỗi thời phải bị làm bẹp và vò nát đi.

Khi đem chiếc quan tài lên, người ta mới nhận thấy là không thể khiêng vòng quanh cầu thang quá hẹp. Như vậy cần phải dùng dây thừng kéo qua cửa sổ và sau lại hạ xuống sân cũng bằng lối đó...

Ông de Galais lúc ấy vẫn cầm cúi trong đám những kỷ vật cũ để tìm kiếm không hiểu món kỷ niệm nào đã thất lạc, bấy giờ phản đối rất hăng hái, giọng nghẹn ngào với nước mắt và giận dữ:

“Thay vì làm một việc đáng ghê tởm thì hãy cứ để mặc tôi bỗng con tôi đưa xuống nhà...”

Và ông cụ định làm đúng như vậy bất chấp tuổi già sức yếu có thể nửa đường vấp ngã cùng xác của con.

Tôi bèn đứng ra làm cái việc duy nhất có thể làm: *Với sự giúp sức của viên y sĩ và một phụ nữ, một tay đỡ lưng người chết, tay kia đỡ đôi chân, tôi nâng Yvonne ngang ngực và ôm chặt lấy nàng. Tựa như đang ngồi trên cánh tay tôi, vai dựa vào tay trái, đầu rủ xuống dưới cằm, Yvonne đè nặng ghê gớm trên ngực tôi. Tôi chậm rãi bước từng bậc trên cái cầu thang dốc ngược; trong khi bên dưới mọi người lo sắp đặt quan tài.*

Mới mấy bước tôi đã thấy hai cánh tay mỏi nhừ. Cứ thêm một bậc thang với cả một sức nặng như vậy trên ngực, tôi càng thở mạnh. Ôm chặt cái xác vô tri và nặng trĩu, tôi cúi gần đầu người chết, những sợi tóc vàng bay cả vào miệng tôi - những sợi tóc chết có mùi như mùi đất.

Mùi đất, mùi tử vong và sức nặng đè trên ngực: đó là trọn vẹn những gì còn lại cho tôi trong cuộc phiêu lưu đáng ghi nhớ và của Yvonne de Galais, người thiếu phụ được dò tìm mất bao công phu và cũng được yêu không biết chừng nào...

CHƯƠNG 13

CUỐN VỞ LÀM BÀI HÀNG THÁNG

Trong căn nhà đầy những kỷ niệm buồn, nơi mà hằng ngày có những phụ nữ tới lo nuôi nấng, cưng chiều đứa nhỏ bệnh tật, ông de Galais chẳng bao lâu cũng nằm liệt, rồi bắt đầu mùa đông, cụ qua đời êm ả. Tôi âm thầm đứng khóc bên giường ông cụ dễ thương mà những tư tưởng rộng rãi, khác đời, cộng với tính khí của cậu con trai, đã là đầu mối cho tất cả cuộc phiêu lưu của chúng tôi. May mắn thay cụ mất đi trong một sự im lặng gần như tuyệt đối mà không hay biết chút nào về những chuyện đã xảy ra. Vì đã từ lâu không có một người bà con hay bạn hữu nào của gia đình còn ở trong vùng nên cụ để lại chúc thư nhờ tôi kế thừa quản lý toàn thể tài sản cho cụ chờ khi Meaulnes về. Một mai nếu anh có trở về thật, tôi sẽ giao lại tất cả cho anh.

Từ nay tôi sẽ ở luôn tại Les Sablonnières. Tôi chỉ sang Saint-Benoist để dạy học, sáng ra đi từ sớm. Trưa ăn tại trường mấy món nấu sẵn từ trang viên mang theo được hâm nóng trên mặt lò sưởi. Buổi chiều ngay sau khi tan lớp, tôi trở về Les Sablonnières. Làm như vậy, tôi có thể trông nom con bé cháu vào ban đêm; ban ngày nó được các phụ nữ ở nông trại săn sóc. Hơn nữa, làm vậy, tôi có nhiều hy vọng gặp Meaulnes nếu một ngày nào anh trở về Les Sablonnières.

Ngoài ra tôi hy vọng rằng lâu dần sẽ kiếm ra trong các tủ, các rương hoặc những ô kéo tại Les Sablonnières một mảnh giấy, chứng tích gì khả dĩ giúp tôi biết được anh đã làm gì trong những năm xa cách; hay có lẽ cũng nắm được lý do nào đã khiến anh bỏ Yvonne ra đi ngay sau ngày cưới; hoặc cùng lắm là dò la được tung tích của anh hiện nay... Tôi đã mất bao nhiêu công kiểm soát những ngăn tủ, mở ra biết bao nhiêu hộp giấy đủ mọi kiểu trên căn gác xép, cái thì đầy những tấm hình cũ của gia đình de Galais, cái

thì đầy những hoa giả, lông chim xác chim nhồi rơm đã lỗi thời. Từ những chiếc hộp bay ra mùi nhát thếch, những hương thơm đã tàn bồng dừng trong trọn một ngày khơi dậy cho tôi những kỷ niệm, những tiếc thương đến độ phải tạm ngưng cuộc dò tìm...

Sau cùng, nhân một ngày nghỉ, tôi kiếm được trên căn gác xép một chiếc rương dài và thấp có bọc da, lớp lông ở mặt trên đã bị sờn hết một nửa. Tôi nhận ra là chiếc rương của Augustin dùng hồi đi trọ học; và tự trách sao không bắt đầu cuộc khám xét tự chỗ này. Cái khóa bị han rỉ được nạy rất dễ. Rương đầy những sách vở dùng ở Sainte-Agathe, các sách toán, sách văn, vở làm bài... Trừu mến hơn là tò mò, tôi lôi ra từng cuốn mà ngẫm, đọc lại những bài chính tả còn thuộc lâu vì đã phải chép đi chép lại biết bao lần! Bài “*Cái máng nước*” của Rousseau, bài “*Một cuộc phiêu lưu tại Calabre*” của Paul-Louis Courier, bài “*Lá thư của Geoge Sand gửi con trai*”... Trong cái rương đó còn có một cuốn vở “*Bài làm hàng tháng*”. Tôi rất ngạc nhiên theo điều khám phá ấy bởi vì những cuốn này luôn luôn được giữ lại trường, không bao giờ cho học trò đem ra ngoài. Đó là một cuốn tập màu xanh, mép ngoài đã trở nên vàng úa. Tên học trò là “Augustin Meaulnes” được viết thành hình tròn trông rất đẹp.

Tôi mở ra. Theo ngày làm bài đề trên sách, tháng Tư 189..., tôi nhận ra rằng Meaulnes bắt đầu viết cuốn vở này vài ngày trước khi rời khỏi Sainte-Agathe. Những trang đầu được giữ gìn hết sức cẩn thận đúng với lệ đã quen đối với loại vở làm bài tập. Nhưng chỉ không quá ba trang có bài, còn những trang sau để trống. Đó là lý do tại sao Meaulnes lại đem cuốn vở ấy đi.

Trong khi quỳ gối dưới đất suy nghĩ tới những quy định, những lễ thói trẻ con đã chiếm bao nhiêu chỗ trong thời tuổi nhỏ chúng tôi, tôi lấy tay lật mép từng trang trên cuốn vở bỏ dở. Vì vậy mà khám phá ra rằng sau bốn trang bỏ trắng, ở những trang kế tiếp lại có chữ viết. Vẫn là tuồng chữ của Meaulnes, nhưng viết vội, lem nhem, khó đọc. Có những đoạn dài ngắn không đều, được phân biệt bằng một hàng bỏ trống. Đôi khi chỉ là một câu viết dở. Có lúc chỉ ghi mỗi ngày.

Ngay từ dòng đầu, tôi đã đoán ra rằng trong đó chứa đựng những chi tiết về cuộc sống đã qua của anh ở Paris, những chứng tích về hành tung mà tôi đang muốn kiếm tìm.

Tôi đi xuống phòng ăn để thanh thoi đọc tập tài liệu kỳ lạ này dưới ánh mặt trời buổi sáng. Bữa mùa đông hôm đó, thời tiết trong trẻo và náo động. Lúc thì ánh nắng chói chang vẽ những hình thập tự vương lên trên tấm rèm trắng nơi cửa sổ, lúc thì một cơn gió bất chợt nổi lên, ném vào làn kính lạnh những sợi mưa rào. Trước khung cửa sổ đó, cạnh bên lò sưởi, tôi ngồi đọc những dòng chữ giải thích cho tôi biết bao nhiêu chuyện kỳ lạ. Dưới đây là nguyên văn, tôi chép lại không sai một chữ...

CHƯƠNG 14

BÍ MẬT

Một lần nữa tôi đi ngang qua dưới cửa sổ nhà nàng. Khung kính vẫn bám đầy bụi và trông trắng xóa do tấm rèm được treo ở bên trong Dù Yvonne de Galais cố mở cánh cửa ra chẳng nữa, tôi cũng không biết nói gì với nàng vì nàng đã lập gia đình. Làm sao bây giờ? Sống sao cho nổi?

Thứ bảy 13/2. Tôi gặp bên bờ sông Seine cô gái hồi tháng Sáu đã cho tôi biết rằng, cũng như tôi, cô có tới đợi trước căn nhà đóng kín cửa. Trò chuyện, bước đi bên cạnh, tôi ngó nghiêng và nhận ra những khuyết điểm trên mặt cô ta: bên mép có một vết nhăn nhỏ, hai má hơi trể xuống, phần động nhiều nơi hai cánh mũi. Cô gái chợt quay lại, nhìn thẳng vào mặt tôi (có lẽ nghĩ rằng nhìn thẳng trông cô sẽ được đẹp hơn), nói cộc lốc:

“Anh làm cho tôi rất vui, khiến tôi nhớ lại một chàng trẻ tuổi ở Bourges trước kia vẫn hay tán tỉnh tối và đã gần như là vị hôn phu của tôi...”

Tuy nhiên, khi trời tối hẳn, trên mặt hè vắng loang loáng nước mưa có ánh lên ánh sáng ngọn đèn hơi ở bờ đường, cô gái bỗng tiến sát lại gần, đòi tôi đưa hai chị em cô đi coi hát ngay đêm đó. Lần đầu tiên tôi nhận thấy cô bạn đồ tang, tay cầm cái dù dài giống như cây gậy, đầu đội chiếc mũ kiểu đàn bà lớn tuổi nên trông già quá so với khuôn mặt còn trẻ của cô. Vì đứng gần, mỗi khi làm một cử chỉ nào, móng tay tôi lại vướng phải lần lụa mỏng trên áo cô...

Tôi cố gắng gỡ rối. Bực mình, cô gái muốn bỏ đi ngay. Tối lượt tôi nài nỉ giữ cô lại. Khi đó một bác thợ đi ngang trong bóng tối, thấp giọng bông lơn câu nói:

“Cô bé đừng đi, hẳn sẽ làm cô tổn thương mà thôi.”

Cả tôi và cô đều sửng sốt nghe câu nói ấy.

Tại rạp hát, Valentine Blondeau và cô chị choàng lên vai hai tấm khăn rất cũ. Ngồi phía trước tôi, Valentine chốc chốc quay lại, vẻ lo ngại, ý muốn hỏi xem tôi có cần việc gì không. Gần cô, tôi cảm thấy khá vui; nên mỗi khi Valentine xoay người nhìn, tôi liền đáp lại bằng một nụ cười.

Chung quanh có các bà các cô ăn bận hở cổ quả rộng. Chúng tôi nói đùa với nhau về điều ấy. Ban đầu cô ta cười góp, sau mới nói: “Lẽ ra em không được cười. Cổ áo em cũng trẻ quá” Và thu mình lại trong tấm khăn quàng. Quả vậy, bên dưới tấm khăn ten màu đen, tôi nhận thấy, vì vội vàng thay áo, cô vẫn còn bận cái áo lót lúc ban ngày.

Ở cô có cái vẻ vừa nghèo nàn vừa ngây thơ, trong khóe mắt ẩn chứa một niềm đau khổ và liều lĩnh làm tôi bị lôi cuốn. Gần cô, con người duy nhất trên đời này có thể cho tôi biết về những người ở trang viên kia, tôi không ngớt nghĩ đến cuộc phiêu lưu kỳ lạ hồi xưa...

Đang muốn dò thêm cô gái về ngôi nhà ở Paris thì cô lại hỏi tôi những câu rất khó chịu mà tôi chẳng biết trả lời sao. Tôi cảm thấy rằng từ nay cả hai chúng tôi sẽ cũng nín lặng về chuyện ấy. Tuy nhiên, cũng biết rằng sẽ gặp lại cô. Gặp để làm gì? Tại sao? Liệu từ nay tôi có bị buộc phải theo đuổi hết thảy những gì có mang đôi chút di tích rất mơ hồ xa xôi của cuộc phiêu lưu lỡ dở?

Nửa đêm, ngồi một mình ngoài phố vắng, tôi tự hỏi không biết câu chuyện mới lạ này sẽ ảnh hưởng tới tôi ra sao? Tôi đi ngang những căn nhà giống như những cái hộp bằng giấy bồi xếp thành hàng dài, trong đó có bao nhiêu người đang ngủ. Và đột nhiên nhớ lại một quyết định từ tháng trước: nửa đêm phải tới đó, vòng ra phía sau, mở cánh cửa vườn, lén vào trong nhà như một tên trộm, và kiểm xem có hình tích nào giúp tôi tìm lại được nơi trang viên bí mật cho tôi tới ngó lại, chỉ ngó lại nơi đó mà thôi... Nhưng tôi đang mệt, lại đói, trước khi tới rạp hát chỉ vội thay áo và không kịp ăn... Bồn chồn, lo lắng, tôi ngồi rất lâu bên thành giường trước khi ngủ, bị xâm chiếm bởi một sự hối tiếc mơ hồ. Tại sao?

Tôi phải ghi thêm câu này: Dù hai cô gái không muốn tôi đưa về tôi nhà, hoặc nói cho tôi biết họ ở đâu, thì tôi cũng cố sức đi theo sát tới cùng. Thấy được họ sống tại một phố rẽ về phía Nhà thờ Đức Bà, nhưng chẳng biết số mấy... tôi đoán chừng hai cô làm nghề thợ may hay thợ làm mũ gì đấy.

Lén giấu chị, Valentine hẹn với tôi thứ Năm, lúc bốn giờ, trước rạp hát cũ. Cô nói:

“Nếu mai em không ra đó thì thứ Sáu cũng giờ ấy, hay thứ Bảy, và cứ thế, tất cả mọi ngày.”

Thứ Năm 18/2. Tôi đến điểm hẹn trong cơn gió lộng, lòng thầm nhủ: Trời sắp mưa rồi... Bước đi giữa bóng tối hoàng hôn, tôi cảm thấy trong lòng như có một vật gì đè nặng. Một giọt mưa rơi. Tôi sợ trận mưa lớn sẽ khiến cô ta không thể tới, Gió tiếp tục thổi nhưng vẫn chưa đổ mưa. Buổi chiều, lúc sẩm sì lúc trong trẻo, trên bầu trời thấy có một đám mây lớn bị gió thổi làm cho tan đi. Còn tôi thì ngồi đây thu mình trong sự ngóng trông thăm hại...

Trước rạp hát.

Một khắc đồng hồ sau, tôi tin chắc rằng cô ta không có mặt. Đứng trên bờ sông nhìn được từ xa những đám người qua lại trên cây cầu mà khi tới đây cô sẽ phải ngang qua. Tôi đưa mắt dõi theo hết thấy những phụ nữ bận đồ tang sắp đi tới và gần như biết ơn những bà những cô hao hao giống cô ta xuất hiện từ quãng xa hay rất gần, khiến cho tôi thêm hy vọng...

Một giờ mong đợi. Tôi thấy chán nản quá. Khi trời tối, một ông cảnh binh lôi về trụ sở gần đó một thằng nhãi ranh đang xối xả tuôn vào mặt ông những câu chửi, những lời tục tằn bằng một giọng bị bóp nghẹt. Ông cảnh binh cúi tiết, mặt tái xanh, nhưng nín lặng... Vừa tới hành lang trụ sở là ông ta bắt đầu đánh, rồi đóng cửa lại để mặc sức đánh đập thằng bé khốn khổ.... Tôi chợt nảy ra ý nghĩ ghê gớm rằng tôi đã từ bỏ thiên đường và đang đứng trước cửa địa ngục.

Chán ngán, tôi quay lưng đi trên con đường thấp và hẹp nằm giữa sông Seine và Nhà thờ Đức Bà, nơi xem chừng có thể biết được nhà cô

Valentine ở vào khoảng nào. Chỉ mỗi mình tôi bách bộ, thỉnh thoảng mới thấy một chị ở hay một bà nội trợ đi ra ngoài mua sắm vài món cần dùng trước khi trời tối... Ở đây chẳng có gì hết nên tôi lại bỏ đi... Trong cơn mưa lất phất khi trời còn sáng, tôi quay trở lại điểm hẹn cũ lúc bấy giờ đông người qua lại hơn khi nãy - một đám đông đen nghịt.

Ảo tưởng, thất vọng pha lẫn nhọc mệt, tôi nín lấy ý nghĩ: Đợi đến mai. Đến mai, cũng giờ này, vẫn nơi đây, tôi sẽ quay lại đợi. Và tôi nao nức muốn ngày mai chóng tới. Buồn nản, tôi tưởng tượng tối hôm nay, rồi buổi sáng ngày mai sẽ chẳng có công việc gì làm. Nhưng buổi hôm nay cũng đã gần tàn rồi. Trở về nhà, bên lò sưởi, tôi nghe tiếng trẻ con rao bán báo buổi chiều. Có lẽ, ở một ăn nhà tại nơi nào đó trong thành phố, gần Đại giáo đường, cô ta cũng nghe tiếng rao đó.

Cô... tôi muốn nói: “Valentine”.

Cái buổi tối mà tôi muốn lẫn tránh này lại cứ đè nặng trong tim một cách lạ lùng. Một ngày sắp tàn và chính tôi cũng muốn cho mau tàn đi thì lại có những người gửi vào đó trọn vẹn những hy vọng, tâm tình và tất cả năng lực cuối cùng của họ. Có những người đang sắp chết, có những người chờ tôi lượt hấp hối của mình, có những người muốn rằng ngày mai không bao giờ tới. Lại có những người mà đối với họ ngày mai sẽ ló ra như một niềm tiếc hận. Nhiều người khác nhọc mệt, đêm nay thấy không đủ dài như ý mong được nghỉ ngơi. Còn tôi, tôi đã bỏ lỡ mất ngày hôm nay thì có quyền gì để kêu gọi ngày mai?

Chiều thứ Sáu. Tôi toan viết tiếp: “Tôi vẫn chưa gặp lại cô ta”. Và mọi sự thế là hết.

Nhưng lúc bốn giờ chiều, khi tới góc rạp hát, bỗng nhìn thấy cô. Mạnh khảnh và trang nghiêm, bận bộ áo đen, chút phấn thoa trên mặt và chiếc cô ảo làm cho cô trông giống như một chang he tội lỗi. Một kẻ vừa đau đớn vừa hóm hỉnh.

Cô tới cho biết rằng muốn đi ngay và sẽ không bao giờ gặp lại tôi nữa.



Tuy nhiên, khi trời đổ tối, chúng tôi vẫn còn chậm bước dạo bên nhau trên lớp sỏi trong vườn Tuileries. Cô kể chuyện riêng cho tôi nghe bằng cái cách kín đáo bí ẩn khiến tôi rất khó hiểu. Cô nói “người yêu của tôi” khi nhắc tới vị hôn phu mà cô không nhận. Tôi cho rằng cô cố tình nói vậy để tôi phải bực và đừng lưu tâm tới cô nữa.

Có những lời mà tôi rất khó chịu phải ghi lại đây:

Cô nói: “Anh đừng đặt lòng tin nơi em, em luôn luôn có những hành động điên rồ.”

“Em một mình đi phiêu lưu ”

“Em đã làm cho vị hôn phu phải thất vọng. Em đã bỏ anh ta vì anh ta ngưỡng mộ em quá. Anh ta chỉ nhìn em bằng tưởng tượng chứ không bằng thực tế, trong khi em là đứa con gái đầy những tật xấu. Nếu lấy nhau, chúng em chắc sẽ khổ sở lắm.”

Luôn luôn bắt gặp cô đang muốn tỏ ra tồi tệ hơn sự thật. Tôi cho rằng cô muốn tự nhủ với chính mình rằng hồi xưa cô có lý khi quyết định làm việc ngu dại vừa kể; rằng cô không có điều gì đáng than tiếc và không xứng đáng với mỗi hạnh phúc đã gặp.

Một lần khác:

Cô nói tôi rất lâu rồi nói: “Không hiểu tại sao, nhưng điều mà em thích ở anh thì rất đúng với những kỷ niệm mà em đã gặp.”

Một lần nữa, lại nói:

“Em vẫn yêu người ấy, yêu hơn là anh tưởng”

Rồi đột nhiên đổi giọng buồn rầu, tàn nhẫn:

“Tóm lại, anh muốn gì? Có phải rằng anh cũng yêu em chứ? Anh có sắp hỏi em làm vợ không?...”

Tôi trả lời ấp úng. Thật tình tôi chưa biết đáp sao. Có lẽ tôi sẽ nói có.

Tập gọi là nhật ký đó ngưng tại đây. Tiếp theo là những bản nháp các lá thư đọc không được, dị hình, xóa gạch lung tung. Thật là một sự đĩnh

hôn quá lỏng lẻo! Theo lời yêu cầu của Meaulnes, cô gái đã bỏ nghề. Anh lo thu xếp đám cưới với cô. Tuy nhiên đầu óc cứ mãi bị ám ảnh bởi ý muốn dò tìm thêm nữa, dõi theo hơn nữa những dấu tích của mối tình cô độc, nên nhiều lần anh biến đi, để lại cho Valentine những lá thư với lời lẽ biện bạch và lúng túng đến khổ sở.

CHƯƠNG 15

BÍ MẬT (Tiếp theo)

Rồi tập nhật ký được tiếp tục, ghi lại những kỷ niệm một dịp cả hai cùng đi về vùng quê, tôi không rõ ở đâu. Nhưng lạ lùng thay, kể từ thời kỳ này, có lẽ vì bị một nỗi hổ thẹn âm thầm xâm chiếm tâm tư mà những câu viết không được mạch lạc suôn sẻ và luôn bị ngắt đoạn; những lời ghi rất vụn vặt, lem nhem vội vã đến khó đọc. Vì vậy tôi phải tự ý viết lại, sắp xếp hẳn phần này của câu chuyện.

14 tháng 6. Buổi sáng tại nhà trọ, khi anh thức dậy thì mặt trời đã soi tỏ những hình vẽ màu đỏ trên tấm rèm đen. Các công nhân ở phòng dưới đang uống café, oang oang chuyện trò. Bằng những lời lẽ thô kệch mà từ tốn, họ phàn nàn về ông chủ của họ. Chắc hẳn trong khi còn ngủ, Meaulnes đã nghe được những tiếng động trầm tĩnh mà lúc thoát đầu anh không lưu ý. Tấm rèm có điểm những chùm nho biến thành màu đỏ rực dưới những tia nắng; tiếng chuyện trò buổi sớm vọng tới tận căn phòng lặng lẽ; tất cả đều hòa nhập trong cảm tưởng duy nhất về một lần thức dậy ở thôn quê, thời gian bắt đầu những ngày hè thích thú vui tươi.

Anh trở dậy, gõ nhẹ cánh cửa phòng bên nhưng không thấy tiếng đáp, nên khẽ mở nó ra. Trông thấy Valentine, anh mới chợt hiểu mỗi hạnh phúc êm đềm từ đâu tới. Cô đang ngủ, hoàn toàn bất động, không nghe cả tiếng thờ, y như một con chim đang ngủ. Anh đứng ngắm rất lâu khuôn mặt trẻ thơ đang nhắm mắt kia, vẻ bình lặng đến khiến kẻ khác không nỡ đánh thức hay xáo trộn giấc ngủ của cô.

Muốn tỏ ra rằng đã tỉnh dậy, Valentine chỉ làm cái việc đơn giản là mở mắt và nhìn anh.

Khi cô trang phục vừa xong, Meaulnes đã trở lại. Cô gái nói:

“Mình dậy trễ quá”

Xong, lập tức bắt tay vào những công việc của một người nội trợ. Trước hết, cô xếp dọn trong hai phòng, rồi chải những quần áo Meaulnes bận hôm qua. Khi chải tới cái quần đầy bùn dính chặt dưới gấu, cô tỏ ra bức mình lắm, vẻ do dự, cẩn thận, kỹ lưỡng; trước khi chải lại lấy con dao cạo bớt lớp bùn đi.

Meaulnes nói:

“Trẻ con ở Sainte-Agathe sau mỗi khi nhảy vào vũng bùn cũng làm như vậy.”

Valentine đáp:

“Còn em thì được mẹ dạy”

Đó là người con gái mà trước thời kỳ xảy ra cuộc phiêu lưu kỳ lạ, già-thợ-săn-kiếm-anh-nông-dân Meaulnes ao ước được lấy làm vợ.

15 tháng Sáu. Có người quen giới thiệu họ là một cặp vợ chồng nên Meaulnes và Valentine được mời tới dự tiệc ở một nông trại mà cả hai đều cảm thấy rất chán ngán. Valentine tỏ ra e thẹn đúng như một cô dâu mới.

Nến được thắp trên hai cái chân đèn đặt ở hai đầu bàn có trải khăn màu trắng, y hệt một tiệc cưới ở thôn quê. Dưới luồng sáng yếu ớt, các khuôn mặt mỗi khi cúi xuống thì lại chìm trong bóng tối.

Cùng Valentine ngồi bên tay phải Patrice (con trai ông chủ trại), Meaulnes chẳng nói một lời suốt từ đầu đến cuối bữa tiệc, tuy rằng mọi người luôn luôn gọi chuyện với riêng anh. Từ ngày đến ngụ tại thôn xóm hẻo lánh này, anh quyết định tỏ cho cư dân nơi đó biết rằng Valentine là vợ để tránh sự đàm tiếu. Cũng vì như vậy mà luôn luôn anh bị khổ sở vì hồi hận, luyến tiếc.

Trong khi Patrice ra vẻ một điền chủ ở thôn quê đang điều khiển bữa tiệc, thì Meaulnes ngẫm nghĩ:

“Đáng lẽ tối nay, trong một căn phòng trần thấp như căn phòng này - mà ta vẫn chưa quên - chính ta phải là người điều khiển tiệc cưới của riêng mình ”

Ngồi bên cạnh, Valentine e thẹn từ chối hết mọi món thức ăn người ta đưa đến, trông đúng là một cô gái quê. Cứ mỗi khi được mời, cô lại ngó

người bạn mình và như muốn nép vào bên anh vậy. Từ này thấy Patrice cố nài cô uống cạn ly rượu, Meaulnes bỗng ghé lại gần cô, dịu dàng nói:

“Valentine, em uống đi.”

Thế là cô vâng lời. Patrice cả cười, khen anh có người vợ ngoan. Nhưng cả Valentine lẫn Meaulnes đều ngồi yên ra vẻ suy nghĩ. Trước hết, họ mệt quá, hai chân bị ướt vì đạp mãi trong bùn khi đi dạo ngoài đồng, nay bước trên nền gạch nhà bếp đã cọ rửa sạch thì họ càng thêm lạnh giá. Với lại thỉnh thoảng anh bắt buộc phải nói: “Vợ tôi, Valentine, vợ tôi...” trước những nông dân không quen biết, và mỗi lần như thế, trong căn phòng tối, anh có cảm tưởng như đã phạm lỗi...

17 tháng Sáu. Buổi chiều cuối cùng đó khởi sự không được êm đẹp.

Hai vợ chồng Patrice đi dạo cùng với hai người. Lát sau, trên sườn đồi mọc đầy hoa thạch thảo, hai cặp lạc nhau. Meaulnes và Valentine ngồi giữa những cây tùng trong một khu rừng thưa. Những giọt mưa được gió mang tới những bầu trời mây giăng thấp. Dường như trong buổi chiều có nhuốm vẻ gì chua chát, thứ hương vị chán ngán mà ngay tới tình yêu cũng không thể xua tan.

Hai người ngồi đó rất lâu, núp dưới những tán lá, im lặng. Bầu trời trở nên quang đãng. Và họ tin rằng mọi sự sẽ tốt đẹp hơn.

Câu chuyện yêu đương được đưa ra... Valentine nói mãi, nói mãi. Nàng nói:

“Đây là những hứa hẹn của vị hôn phu em, anh ta trẻ con lắm: Chúng em sẽ có ngay một ngôi nhà, như một túp lều tranh ẩn kín giữa đồng quê. Anh ấy bảo nhà đã có sẵn. Chiều hôm cưới, khoảng giờ này, trước khi trời tối, chúng em sẽ về đó như sau một cuộc viễn du... Dọc đường, trong sân, núp trong các lùm cây, sẽ có bọn trẻ con lạ chào mừng và la lên: ‘Cô dâu muôn năm!’ Anh thấy thật điên rồ có phải không?”

Meaulnes ngồi nghe, vẻ sững sờ, lo lắng. Qua câu chuyện kể, anh nghe thấy tiếng vang của một giọng nói quen thuộc. Đồng thời, cũng cảm nhận sự luyến tiếc vương vấn trong các lời lẽ của cô.

Về phần Valentine thì lại sợ đã làm phật lòng anh, nên vội quay lại, nhẹ nhàng nói:

“Với anh, em muốn cho hết những gì em có: cả cái món này đối với em rất quý giá... anh hãy đem đốt đi.”

Thế rồi, nhìn thẳng vào mắt anh, điệu bồn chồn, cô lôi từ trong bọc một xấp thư đưa cho anh. Đó là thư của vị hôn phu trước.

Lập tức, Meaulnes nhận ngay ra nét chữ nhỏ nhắn thanh nhã (tại sao anh không nghĩ sớm hơn nhỉ?) của Frantz, anh chàng Bohemian; tuồng chữ mà anh đã nhìn thấy trên tờ thư tuyệt vọng trong căn phòng nơi trang viên cổ ngày xưa.

Bước chậm chậm cạnh nhau trên một lối nhỏ, giữa những cụm hoa cúc trắng và những cọng rơm có ánh mặt trời buổi chiều chiều rọi, anh sững sờ đến độ chưa ý thức được hết sự thể mà Valentine đang đưa anh tới một cảnh huống thất bại như thế nào. Anh đọc thư vì cô gái cứ đòi anh phải đọc. Những lời lẽ trẻ con, lâm ly, lãng mạn... chẳng hạn như câu này trong bức thư cuối:

“...Chao ơi! Em đã đánh mất trái tim nhỏ rồi, em Valentine không thể tha thứ được kia ơi! Bây giờ chúng ta sẽ ra sao? Thật tình anh không đến nỗi mê tín quá...”

Vừa đọc, vừa gần như quáng cả mắt vì tiếc hận và giận dữ, khuôn mặt Meaulnes phẳng lặng nhưng xanh mét, đôi mi chớp chớp. Valentine đâm lo ngại vì thái độ anh, tự hỏi tại sao anh lại nổi giận như vậy.

Cô lên tiếng giải thích:

“Đó là một món nữ trang anh ta cho em và bắt em phải giữ kín mãi. Cũng là một trong những sáng kiến điên rồ của anh ta.”

Những lời này càng làm cho Meaulnes thêm cău tiết.

Anh bỏ mấy bức thư vào túi và nói:

“Điên rồ! Tại sao cô cứ nhắc mãi chữ đó? Tại sao cô không biết tin lời nói anh ta? Tôi có biết anh ta. Thật là một chàng trai lạ lùng nhất đời tôi từng gặp.”

Vô cùng sửng sốt, Valentine hỏi:

“Anh biết anh ấy ư, anh quen Frantz de Galais sao?”

“Đó là người bạn thân nhất, người anh em trong mọi cuộc chơi, thế mà tôi lại cướp đi của hẳn người vợ chưa cưới”

Giọng thịnh nộ, anh tiếp:

“Ồi chà! Cô đã làm hại chúng tôi biết bao nhiêu! Cô chẳng tin tưởng gì hết. Cô là đầu mối cho mọi chuyện, chính cô đã làm mọi sự mất hết, tan biến hết.”

Valentine muốn nói, muốn cầm lấy tay anh, nhưng anh tàn nhẫn đẩy cô ra.

“Cô cút đi! Để mặc tôi!”

Mặt đỏ bừng, vẻ như sắp khóc, cô ấp úng đáp:

“Nếu sự tình như vậy thì em cần phải đi. Em sẽ trở về nhà ở Bourges với chị em. Anh ạ, nếu anh không trở lại đón em, cha em nghèo quá không nuôi nổi em, em sẽ đi Paris, sẽ lang thang ngoài phố như hồi nào, và sẽ trở thành một cô gái điếm vì em không có nghề gì khác nữa.”

Rồi cô về nhà trọ lấy hành lý ra ga. Meaulnes chẳng thềm ngó lại, cứ tiếp tục những bước lang thang.

Tập nhật ký ngưng lần nữa.

Tiếp theo lại có các mẫu nháp những bức thư được viết bởi một người đang trong tâm trạng lạc lõng, không định kiến.

Trở về la Ferté-d’Angillon, anh Meaulnes viết thư cho Valentine, lời lẽ tuy phô bày sự quyết chí không muốn gặp lại bằng những lý do được nêu ra rõ rệt, nhưng sự thật là có ý muốn để cho cô hồi âm.

Trong một thư, anh còn hỏi cả cái điều mà trong lúc lúng túng, anh chưa hề nghĩ đến để hỏi: *Cô có biết trang viên anh nhọc công tìm kiếm là ở vùng nào chăng?*

Ở thư khác, anh van nài cô nên nối kết lại với Frantz de Galais và chính anh tự nguyện sẽ nhận lãnh việc đi tìm chàng...

Hầu hết những thư mà tôi tìm thấy bản nháp dường như đều không được gửi. Nhưng chắc hẳn anh đã có viết cho cô hai ba lần, nhưng không được hồi âm.

Đó là thời kỳ tranh đấu thảm hại ghê gớm, trong khi anh chỉ một mình trơ trọi. Hy vọng gặp lại Yvonne de Galais đã hoàn toàn tan biến, anh tất phải nhận ra sự quyết tâm của mình ngày một sút kém đi.

Và theo như những trang kế tiếp - những trang cuối cùng trong tập nhật ký - tôi đoán rằng anh phải có một buổi sáng đầu mùa hè mượn xe đạp đi thăm nhà thờ ở Bourges. Ra đi từ sớm bằng con lộ thẳng giữa rừng, dọc đường anh lo bày ra cả ngàn lý do biện minh cho hành động tìm tới trước mặt cô gái mà trước kia anh đã đuổi đi khỏi, cho dù không phải để hòa thuận lại.

Bốn trang sau rốt được tôi thu thập, kể về chuyến đi và lỗi lầm cuối cùng này của anh...

CHƯƠNG 16

BÍ MẬT (Hết)

15 tháng Tám.

Đầu bên kia thành phố Bourges, nơi tận cùng khu ngoại ô, sau khi mất công rất lâu, anh mới tìm ra nhà Valentine Blondeau, Một người đàn bà - mẹ của Valentine - đứng ở bậc cửa như đang chờ đợi. Bà ta có khuôn mặt đầy đặn của một người nội trợ, nặng nề, nhăn nhúm, nhưng vẫn còn đẹp. Tò mò đứng nhìn anh đi tới và khi anh hỏi “Cô Blondeau có nhà không?” Bà nhẹ nhàng vẻ thân thiện cho anh hay rằng từ bữa 15 tháng Tám, hai chị em cô đã trở lại Paris.

Bà nói thêm: “Chúng nó dặn tôi không cho bất cứ ai biết hai chị em nó ở đâu, nhưng hãy cứ viết thư tới địa chỉ cũ, ở đó người ta sẽ gửi tiếp thư giúp cho chúng.”

Khi quay ra, tay dắt xe, chân bước trên mảnh vườn nhỏ trước nhà, anh nghĩ:

“Cô ấy đi rồi... Mọi sự thế là hết đúng như ý mình muốn... Chính ta đã buộc cô như vậy. Cô có nói: ‘Em chắc sẽ thành một gái điếm.’ Thì ra chính ta đẩy cô đi tới chỗ đó. Chính ta đã làm hỏng của Frantz người vợ chưa cưới.”

Anh như điên lên, nói một mình: “Càng tốt! Càng tốt!” Tuy tự tin chắc là chỉ muốn nói lời trái nghịch: “Thật tiếc!”.

Và khi ra khỏi vườn, ngay trước mặt người đàn bà, anh gần như sắp ngã quỵ xuống đất. Chẳng buồn nghĩ tới bữa ăn trưa, anh ghé vào một quán café để viết một thư rất dài cho Valentine, viết như để la lớn, như để giải thoát những nỗi ê chề thất vọng đang làm cho anh tức nghẹn. Trong thư anh nhắc đi nhắc lại: “Liệu cô có thể... Liệu cô có thể... Liệu cô có thể cam chịu vậy sao? Liệu cô có thể tự làm hỏng cuộc đời mình như thế sao?”

Ngồi gần anh có một đám lính đang uống rượu. Một người trong bọn đang to tiếng kể lại một chuyện về đàn bà mà Meaulnes chỉ nghe được từng đoạn: “...Tôi đã bảo nó... cô chắc chắn phải biết rõ tôi... Tối nào tôi chẳng đánh bài với chồng cô!” Những người khác cả cười, quay mặt đi, nhổ nước bọt ra phía sau ghế.

Bộ dáng tiều tụy, bụi bám đầy người, vẻ như một gã ăn mày, Meaulnes ngồi nhìn họ, tưởng tượng bọn họ đang bồng Valentine trên tay.

Một hồi lâu, cỡi xe, anh chạy mãi quanh Nhà thờ, thầm nghĩ: “Tóm lại ta tới đây chỉ vì ngôi Nhà thờ này!”

Từ khắp các phố, trên công viên vắng người, đều có thể thấy nóc giáo đường vươn cao, thân nhiên, đồ sộ. Những con phố hẹp và bẩn như những ngõ nhỏ bao quanh các Nhà thờ ở thôn quê. Đó đây lại thấy nơi một ngôi nhà có treo ngọn đèn màu đỏ, biểu tượng cho một ổ điếm...

Meaulnes cảm thấy nỗi đau của mình thêm nặng trong khu phố bẩn thỉu, tội lỗi, hẻo lánh, như thuở xa xưa người ta cảm thấy điều ấy bên dưới những cây cột ngoài cửa các giáo đường. Anh nhận ra niềm lo sợ pha lẫn ghê tởm mang tính chất đặc biệt nông dân trong anh đối với ngôi Nhà thờ được xây cất giữa một khu vực loại này, nơi mà bao nhiêu điều mờ ám xấu xa đều có lén ghi dấu tích; và những đau khổ thuần khiết nhất của tình yêu đã không thể được cứu chữa.

Có hai cô gái điếm ôm lưng nhau đi qua mặt anh, đưa cặp mắt lơ lảo ngó anh. Vì ghê tởm hay muốn thử thách, hoặc để trả thù mối tình của mình, hay để cho nó càng đắm chìm thêm nữa, Meaulnes chậm chạp đạp xe theo. Một cô có mấy sợi tóc vang lơ thơ kéo ra phía sau búi lại thành một cục tóc giả trông thật tội nghiệp, hẹn anh sáu giờ chiều tới vườn tòi Tổng Giám Mục, địa điểm mà Frantz, trong một bức thư, đã hẹn với cô nàng Valentine đáng thương

Anh chẳng đáp “không” vì biết chắc rằng giờ đó anh đã rời khỏi thành phố này từ trước. Đứng trong khung cửa sổ thấp, tại con đường dốc, cô gái còn lơ đãng ra dấu cho anh.

Anh vội vàng ra về.

Trước khi rời khỏi nơi đó, không thể cưỡng được với ý muốn đi ngang qua trước nhà Valentine lần nữa, anh mở to mắt để nhìn và thu nhận bao nhiêu buồn thảm vào trong tim. Đó là một trong những ngôi nhà cuối cùng ở ngoại ô, từ sau khu này đường phố trở thành con đường lộ... Phía trước là một bãi hoang biến thành một công viên nhỏ. Không có ai đứng ở các cửa sổ, trong sân, hay bất kỳ chỗ nào khác. Dọc theo một mảnh tường, có độc nhất một người đàn bà mặt trát đầy phấn đang lôi hai đứa trẻ rách rưới theo sau.

Thời thơ ấu của Valentine kéo dài nơi đây. Chính ở đó cô bắt đầu nhìn đời bằng đôi mắt tin cậy và ngoan ngoãn. Cô đã phải làm việc, may vá đằng sau những cánh cửa sổ. Và Frantz đã tới khu phố vùng ngoại ô này để gặp cô, mỉm cười với cô.

Nhưng bây giờ không còn chi nữa....

Buổi chiều buồn kéo dài, trong đầu Meaulnes chỉ có mỗi ý nghĩ rằng ở xa đâu đó, cũng buổi chiều ấy, Valentine đang trầm ngâm nhìn thấy kỷ niệm của nơi công viên buồn nản mà không bao giờ cô còn trở lại, sẽ trôi qua đi trong ký ức riêng.

Phương thuốc độc nhất chống đỡ nỗi đau chính là đoạn đường anh phải bước đi trong lượt quay lại, là một quên lãng tạm thời trước khi hoàn toàn ngập chìm trong nỗi đau ấy.

Anh ra về. Trong thung lũng sát đường, giữa lùm cây bên cạnh bờ sông có những ngôi nhà nông trại rất dễ thương, phô ra những đầu hồi nhọn với giàn dây nho màu lục. Nơi xa, trên bãi cỏ xanh, vài cô gái đang ngồi nói chuyện yêu đương. Có lẽ họ là những kẻ có tâm hồn, những tâm hồn tươi đẹp...

Nhưng với Meaulnes lúc bấy giờ chỉ hiện hữu một tình yêu duy nhất trong tim; một tình yêu không toại ý vừa mới bị anh xúc phạm một cách độc ác. Và cô gái trên hết trong số những cô gái cần đến sự che chở bảo vệ của anh thì lại bị anh đuổi đi xa mất rồi.



Mấy hàng vội vã trong tập nhật ký cho biết rằng anh vẫn nuôi ý định thế nào cũng sẽ đi kiểm Valentine trước khi quá muộn. Một ngày đề nơi góc trang, có lẽ là ngày mà mẹ anh Meaulnes đang sửa soạn hành trang cho anh đi một chuyến xa thì tôi tìm tới La Ferté-d'Angillon làm xáo trộn hết mọi chuyện.

Trong căn phòng trước kia được dùng làm Tòa Thị Trưởng, một sáng đẹp trời cuối tháng Tám, Meaulnes đang ngồi nơi bàn viết... thì tôi bỗng đẩy cửa bước vào đem cho anh cái tin mừng mà anh không còn chờ đợi nữa.

Anh đang bị bó tay vì cuộc phiêu lưu trước kia đang xâm chiếm con người anh trở lại, nhưng không dám làm gì hay thú nhận sự bó tay của mình. Từ đó trong anh bắt đầu nổi lên những mối hận, những luyến tiếc đốn đau, lúc lại bùng lên, lúc bị nén xuống... cho mãi tới buổi sau hôm cưới, tiếng gọi của anh chàng Bohemian từ rừng thông đã long trọng nhắc cho anh nhớ lại lời thề đầu tiên của thời niên thiếu xa xưa.

Cũng trên cuốn tập “*Bài làm hàng tháng*”, anh còn ghi vội vài ba câu nữa, vào buổi sáng trước khi từ biệt Yvonne de Galais, người vợ mới cưới ngày hôm trước, dù được phép của nàng nhưng cuộc ra đi không hẹn ngày trở lại:

“Tôi ra đi. Tôi cần phải tìm lại hành tung hai người Bohemian bữa trước đã tìm tôi rừng thông và đã bỏ đi về hướng đông bằng xe đạp. Tôi sẽ chỉ quay về với Yvonne khi nào tôi tìm và đưa được Frantz với Valentine tới ở tại nhà của Frantz sau khi họ đã làm lễ cưới.

Tập thủ bút này, tôi bắt đầu như một tập nhật ký riêng, nay đã trở thành những lời thú tội của tôi. Nếu tôi không trở về, nó sẽ thành vật sở hữu của bạn tôi, François Seurel.”

Chắc chắn là anh đã vội vàng giấu nó xuống dưới những sách vở khác, khóa kỹ chiếc rương nhỏ thời học trò và biến mất.

ĐOẠN KẾT

Thời gian càng trôi, tôi càng mất hết hy vọng gặp lại bạn tôi. Những ngày buồn nản trải dài trong ngôi trường ở thôn quê. Những ngày trống rỗng trôi qua trong căn nhà quanh vắng. Frantz không tới nơi hẹn như tôi đã định trước và bà mợ Moinel của tôi cũng chẳng biết từ lâu nay Valentine đang trôi giạt phương nào.

Nguồn vui độc nhất ở Les Sablonnières là bé gái đã được cứu sống. Tới cuối tháng Chín, sắp đầy một tuổi, con bé coi bộ mạnh khỏe và xinh đẹp hẳn lên. Tay vịn vào thành ghế, cháu một mình vừa đẩy, vừa cố gắng bước đi mà không sợ ngã. Cháu làm cho căn nhà hoang phế nổi lên những tiếng âm ỉ, có những dư âm vọng lên rất lâu. Mỗi khi được tôi bồng trên tay, không bao giờ con bé chịu cho tôi hôn. Cái lối giãy giụa của nó vừa dữ tợn vừa dễ thương, đồng lúc xòe bàn tay đẩy mặt tôi ra và cười to tiếng. Sự vui vẻ và cái lối hung hăng trẻ con của cháu đã giúp đuổi xua được sự buồn phiền đè nặng lên cả nhà từ ngày nó ra đời. Thình thoảng tôi lại tự nhủ: *“Mặc dầu với cá tính có chút dữ dằn, nó vẫn có thể là con của tôi”*

Nhưng một lần nữa Trời lại định đoạt mọi sự khác hẳn.

Một buổi sáng Chủ nhật vào cuối tháng Chín, tôi dậy rất sớm, trước cả bà nông dân trông nom đứa nhỏ, tôi định ra bờ sông Cher câu cá với hai người ở Saint-Benoist và Jasmin Delouche. Thường, vẫn có vài người quanh vùng cùng tôi tổ chức những vụ săn bắn lén như vậy: đi bắt cá ban đêm, hay đi đơm cá, là những lối bị cấm chỉ... Suốt mùa hè, gặp ngày nghỉ, chúng tôi ra đi từ sáng tinh sương và mãi tới trưa mới trở về. Đó là nghề kiếm ăn của hầu hết những người ấy. Về phần tôi, đó là món giải trí độc nhất, một kiểu phiêu lưu đặc biệt nhắc nhở cho tôi những vụ đi cắm trại ngày xưa. Lâu dần tôi thấy thú những lần như vậy, đi dọc hàng giờ theo bờ sông hay lội xuống đám lau sậy ở đầm lầy.

Sáng hôm đó, từ năm giờ rưỡi tôi đã ra đứng dưới mái hiên một nhà kho nhỏ sát bức tường ngăn cách ngôi vườn kiểu Anh của trang viên Les Sablonnières với vườn rau của nông trại, đưa tay gỡ những tấm lưới mà thứ Năm tuần trước đi câu về, tôi đã gom bừa thành một đống.

Trời chưa sáng hẳn, buổi rạng đông của một ngày tháng Chín đẹp đang bắt đầu; chỗ mái hiên tôi ngồi gỡ lưới còn chìm trong bóng tối.

Đang lặng lẽ mãi miết với công việc hiên tại, chợt nghe thấy tiếng cánh cổng sắt mở ra và tiếng bước chân lạo xạo trên sỏi, tôi tự nhủ: “Ồ, mọi người tới sớm hơn mình tưởng. Còn mình vẫn chưa sửa soạn xong ”

Nhưng người đi vào trong sân là một kẻ lạ tôi không quen mặt. Cổ nhìn thì thấy đó là một anh chàng cao lớn có râu, ăn bận như một tay thợ săn. Lẽ ra đến kiểm tôi ở chỗ mà những người kia đã biết rằng bao giờ tôi cũng đợi ở đó vào giờ hẹn, người kia lại đi thẳng tới chỗ cửa ra vào. Tôi nghĩ: “*Chắc hẳn một người hạn nào mà họ mời nhưng không cho mình biết, người này được cử đi trước để dò đường*”

Kẻ lạ nhẹ nhàng mở then cửa, nhưng cửa đã bị tôi khóa lại sau khi bước ra. Anh ta cũng mở cả cửa vào nhà bếp, rồi ngập ngừng một lát, quay mặt lại phía tôi, nét lo lắng lộ rõ dưới ánh bình minh vừa ló dạng.

Lúc đó tôi mới nhận ra là Meaulnes.

Tôi đứng im hồi lâu, tâm trạng hoảng hốt, thất vọng, và đột nhiên thấy như bị xâm chiếm trọn vẹn bởi nỗi đau khổ mà sự trở về của anh bỗng khơi dậy. Anh biến mất về phía nhà sau, đi một vòng, rồi quay lại, điệu rất bần khoản do dự.

Lúc đó tôi tiến ra trước mặt anh, và chẳng nói chi hết, tôi vừa khóc vừa ôm hôn anh. Lập tức anh hiểu.

Giọng anh cộc lốc:

“*Cô ấy chết rồi phải không?*”

Và đứng sững tại đó, lặng lẽ, dửng dưng, không nghe gì nữa. Tôi nhẹ nhàng nắm tay anh, dìu vào trong nhà. Bấy giờ trời đã sáng hẳn. Lập tức, để cho mỗi xúc động mạnh nhất bùng ra cho hết, tôi kéo anh lên cầu thang đưa tới phòng người đã chết. Ngay khi bước vào, anh quỳ xuống bên giường và gục đầu trong hai cánh tay một lúc lâu.

Sau cùng anh đứng lên, mắt ngơ ngác, bước đi lảo đảo như chẳng còn biết mình đang ở đâu nữa. Vẫn dắt tay anh, tôi mở cánh cửa thông sang phòng con bé. Cháu đã tự mình thức giấc - trong khi chị vú còn ở nhà dưới - và nhanh nhẹn ngồi dậy trong nôi. Tôi chỉ trông thấy cái đầu con bé đang ngơ ngác quay nhìn về phía chúng tôi.

Tôi nói:

“Con gái của anh đó.”

Anh giật mình, ngó tôi. Rồi cúi xuống bế con bé trong tay mà không nhìn rõ mặt nó vì anh đang khóc.

Xong, để làm nhẹ bớt cảm xúc mạnh và những dòng nước mắt, vẫn ôm chặt con bé, cho nó ngồi trên cánh tay, anh quay cái đầu ủ rũ lại phía tôi và nói:

“Tôi đã đem hai người kia về... Cậu có thể gặp họ ở nhà Frantz.”

Buổi sáng, vừa dăm chiêu lại vừa sung sướng, tôi đi về phía nhà của Frantz mà trước kia Yvonne de Galais đã từng đưa tôi tới. Trong cảnh hoang vắng, từ xa, tôi trông thấy có một người ra dáng một cô nội trợ bận áo có cổ phồng, đang đưa chổi quét trước thềm nhà. Mấy chú bé chăn bò mặc quần áo đẹp đi lễ Nhà thờ ngang qua cứ ngược nhìn cô bằng ánh mắt tò mò và thích thú.

Trong khi đó, con bé bắt đầu thấy không thích bị ôm chặt như vậy, và khi Augustin quay về hướng khác để che giấu và kìm nén những giọt lệ cứ tiếp tục tuôn mà không ngó mặt nó, con bé lấy bàn tay xinh xinh đập mạnh vào cái miệng râu xồm xoàm và ướt lệ của anh.

Lần này, người cha giơ cao đứa con lên, nhìn nó mà cười mếu máo. Thích thú con bé vỗ tay...

Tôi lùi một chút để nhường chỗ cho kỹ hai con người trước mặt. Tuy thất vọng mơ hồ nhưng tôi cũng cảm thấy rất kỳ thú. Và hiểu ra rằng con bé đã tìm được người thân mà nó vẫn âm thầm mong đợi... Niềm vui duy nhất mà Meaulnes còn lưu lại nơi tôi, tôi cảm biết rõ rệt rằng nay anh trở về lấy lại.

Và tôi tưởng tượng thấy anh, đêm đêm quấn con bé trong chiếc áo choàng dài, cùng với nó ra đi tìm những cuộc phiêu lưu mới.



[1] Theo đạo luật giáo dục năm 1882 của Pháp, do Bộ trưởng Giáo dục lúc đó là Jules Ferry lập ra, thì tất cả các trẻ em của Pháp ở độ tuổi từ 06-11, bắt buộc phải tham gia phổ cập giáo dục. Trong đó, 3 năm đầu gọi là bậc Sơ học, 3 năm tiếp theo gọi là Sơ đẳng Tiểu học. Học xong 6 năm học sinh sẽ thi lấy bằng Tiểu học Yếu lược. Khi có bằng này, học sinh mới được dự tuyển lên lớp trên, ở bậc Cao đẳng Tiểu học.

^[2] Tiếng Anh trong nguyên tác, nghĩa là “Cố lên, các chàng trai!”

[3] Trong Pháp ngữ, vache có nghĩa là “con bò cái”, cũng còn là một tiếng chửi, có nghĩa “đồ đểu”. Và “boeuf” nghĩa là “con bò đực”. Đám học trò đọc trại tên Moucheboeuf thành ra Mouchevache để chửi anh chàng phản phúc.

Table of Contents

Đôi nét về tác giả - tác phẩm

TẬP 1

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

CHƯƠNG 11

CHƯƠNG 12

CHƯƠNG 13

CHƯƠNG 14

CHƯƠNG 15

CHƯƠNG 16

CHƯƠNG 17

TẬP II

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

CHƯƠNG 11

CHƯƠNG 12

TẬP III

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

CHƯƠNG 11

CHƯƠNG 12

CHƯƠNG 13

CHƯƠNG 14

CHƯƠNG 15

CHƯƠNG 16

ĐOẠN KẾT